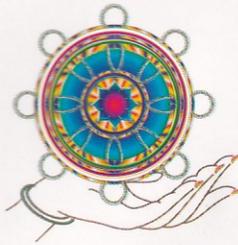


THERAVĀDA
TRƯỞNG LÃO BỘ



THĀRĀṆA ĐĀTĒR PĀLI

THẮNG PHÁP LÝ
NHIẾP LUẬN
ABHIDHAMMATTHASAṄGAHA



Người Dịch:

THƯỢNG TỌA PHÁP CHẤT
LUẬN SƯ A TỶ ĐÀM

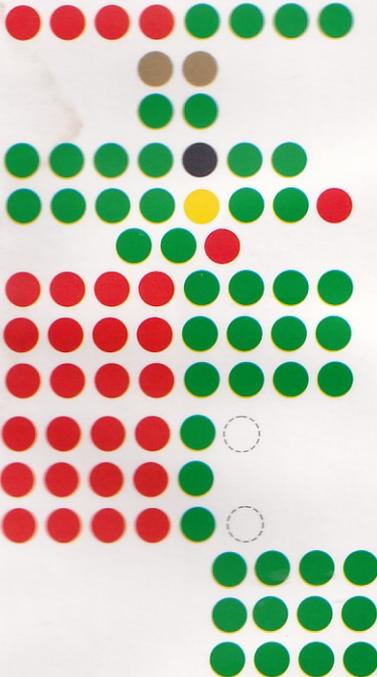


Nhà Xuất Bản Tôn Giáo

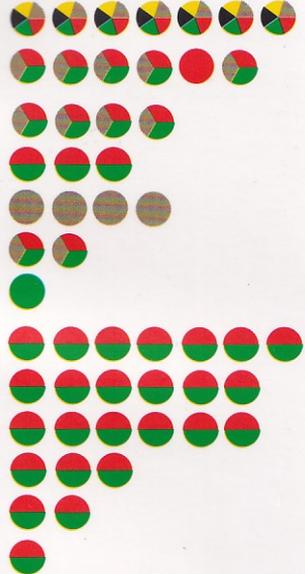
PL. 2555 - DL. 2011

BẢNG NÊU CHI PHÁP

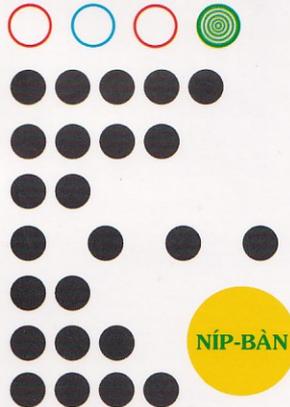
TÂM



TÂM SỞ



SẮC PHÁP



DANH CHẾ ĐỊNH



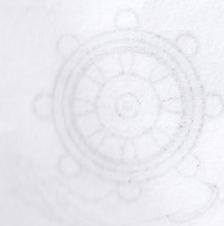
NGHĨA CHẾ ĐỊNH



TRƯỜNG LAO BỘ
THERAVADA

THÀNH ĐIỆN PĀLI

ABHIDHAMMATTHASĀNGĀNA



TRƯỜNG TỌA PHÁP CHÁY
LUẬN SỰ A TỶ BẮM

DL: 2011

PL: 2525

Lời nói đầu.

Đức Phật xuất thế độ đời suốt 45 năm hoằng pháp đã để lại cho chúng ta kho tàng Phật Ngôn vô giá, có tất cả 84.000 pháp môn, phân ra 3 Tạng như sau:

Tạng Luật có 21.000 pháp môn.

Tạng Kinh có 21.000 pháp môn.

Tạng Thắng Pháp có 42.000 pháp môn.

Đặc biệt là Tạng Thắng Pháp (**Abhidhammapitaka**) có lý nghĩa thâm sâu hơn Kinh Tạng, đã được Ngài thuyết làm quà báo hiếu cho Sinh mẫu **Māyā** trên cõi Trời **Tāvātimsa** (Đạo Lợi) vào Hạ thứ 7, suốt 3 tháng Hạ, từ ngày 16 tháng 6 đến ngày 15 tháng 9 âm lịch năm Kỷ mão, trước dương lịch 581 năm, cùng với chúng chư thiên mười phương thế giới vân tập về nghe diệu pháp. Dứt thời pháp, có 800.000.000 vị thiên chứng đắc Thánh quả, riêng Sinh mẫu Ngài cũng được Thánh quả Dự lưu. Đức Phật thuyết tròn 42.000 pháp môn, phân ra 7 bộ thứ lớp như sau:

1. Bộ Pháp Tụ (**Dhammasaṅgāṇī**) “gom pháp thành tụ”, thuyết 12 ngày, được 1.300 pháp môn, có 70.000.000 vị Thiên chứng quả.

2. Bộ Biệt Phân (**Vibhaṅga**) “chia pháp thành loại”, thuyết 12 ngày, được 6.500 pháp môn, có 70.000.000 vị Thiên chứng quả.

3. Bộ Giới Luận (**Dhātukathā**) “luận về Pháp giới”, thuyết 6 ngày, được 7.000 pháp môn, có 60.000.000 vị Thiên chứng quả.

4. Bộ Nhân Chế (**Puggalapaññatti**) “chế định về người”, thuyết 6 ngày, được 5.600 pháp môn, có 60.000.000 vị Thiên chứng quả.

5. Bộ Luận Sự (**Kathāvatthu**) “Sự việc luận biện”, thuyết 13 ngày, được 7.100 pháp môn, có 70.000.000 vị Thiên chứng quả.

6. Bộ Song Đối (**Yamaka**) “từng cặp đối nhau”, thuyết 18 ngày, được 5.100 pháp môn, có 70.000.000 vị Thiên chứng quả.

7. Bộ Biến Xứ (**Paṭṭhāna**) “các chỗ pháp duyên”, thuyết 23 ngày, được 9.400 pháp môn, có 400.000.000 vị Thiên chứng quả.

Tạng Thắng Pháp có lý nghĩa thâm sâu đã được Đức Phật thuyết lên bằng Phật Trí cao siêu, có học qua ta mới thấy được Nhất thiết chủng Trí

của Đức Phật, Ngài thấu triệt và phân tích sâu sắc về vạn pháp, duyên sinh và duyên hệ, con đường tu chứng giải thoát trong Tạng này.

Ngày nay khó có ai hiểu được trọn vẹn môn Thắng Pháp này vì giáo nghĩa quá sâu thẳm, muốn thâm nhập được Tạng Thắng Pháp, nhất định phải học qua quyển Thắng Pháp Lý Nhiếp Luận (*Abhidhammatthasaṅgaha*) do Luận sư *Anuruddha* nhiếp gọn, lấy những yếu lý then chốt, làm chìa khóa mở kho tàng Thắng Pháp Tạng, để khai thị ngộ nhập Phật tri kiến cho hành giả học hỏi và tu tập thiền minh quán hầu mau đắc chứng quả vị giải thoát, trở thành Phật Thánh ngay trong đời hiện tại.

Quyển *Abhidhammatthasaṅgaha* này trước đây đã có bản dịch giải của H.T. Narada (Tích Lan) do Ông Phạm Kim Khánh dịch (Vi Diệu Pháp Tối Ưu), bản dịch giải của HT. Thích Minh Châu (Thắng Pháp Tập Yếu Luận), và bản dịch giải của HT. Tịnh Sự (Diệu Pháp Lý Học).

Riêng quyển Thắng Pháp Lý Nhiếp Luận này tôi đã dịch từ năm 1990 từ bản dịch tiếng Thái, và đối chiếu với bản gốc Pāli để dịch từ ngữ và lý pháp cho thật sát với nguyên tác Pāli. Một số thuật ngữ Phật học dùng trong các bản dịch cổ, nhất là bản dịch của Hòa thượng TỊNH SỰ (Siêu Lý Học Mau...), Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU (Thắng Pháp Tập Yếu Luận...),... được tôi sử dụng trong bản dịch này và một số thuật ngữ được dịch mới lại, cho học viên Siêu lý, thiền sinh, nhà nghiên cứu, học giả dễ dàng hiểu được sâu sát Pāli và lý pháp cao siêu mà Đức Phật thuyết trong Tạng Thắng Pháp, đã được Luận sư *Anuruddha* nhiếp thâu vào tác phẩm bất hủ Thắng Pháp Lý Nhiếp Luận này.

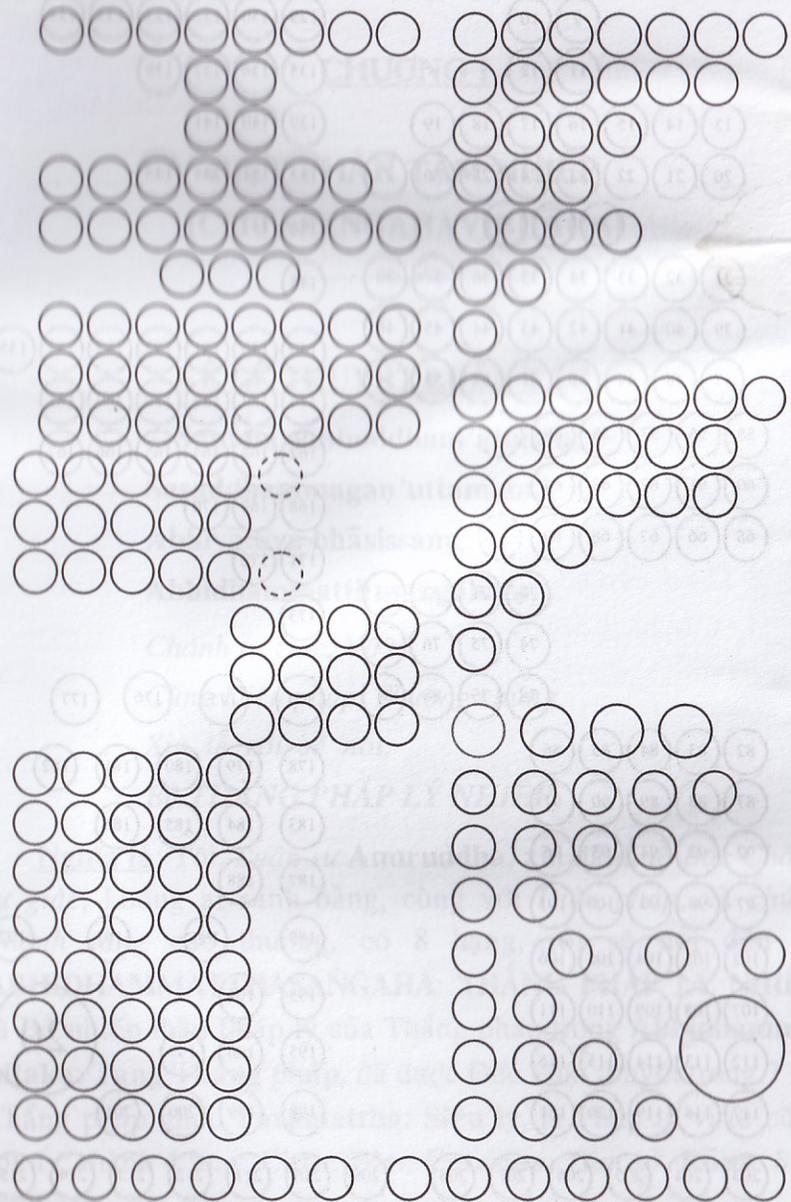
Nay có đủ cơ duyên do nhờ gia đình Anh **Henry Bùi & Jacqueline Nguyễn** cùng với các Phật tử ở Hoa Kỳ ấn tống nên quyển Thắng Pháp Lý Nhiếp Luận này mới có mặt trong các tác phẩm về Luận Tạng.

Xin kính dâng phần phước này đến Ân sư HT. Tịnh Sự đã dạy môn Thắng Pháp và tiếng Thái cho tôi, và xin chia phước này đến Acharn Ngô Văn Kỹ đã giúp tôi cân nhắc từ ngữ Thái Việt để dịch cho chính xác; xin chia phước này đến tất cả thí chủ hùn phước ấn tống Pháp thí, và tất cả chúng sanh, cầu mong cho tất cả phát sanh trí tuệ giải thoát.

Hayward, CA, USA, 15/05/2011

Dịch giả: **Thượng Tọa PHÁP CHẤT**

ABHIDHAMMA



1	2	3	4	5	6	7	8	122	123	124	125	126	127	128	
			9	10	129	130	131	132	133	134					
			11	12	135	136	137	138							
13	14	15	16	17	18	19	139	140	141						
20	21	22	23	24	25	26	27	142	143	144	145				
		28	29	30	146	147									
31	32	33	34	35	36	37	38	148							
39	40	41	42	43	44	45	46	149	150	151	152	153	154	155	
47	48	49	50	51	52	53	54	156	157	158	159	160	161		
55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	162	163	164	165	166	167
65	66	67	68	69	70	71	72	73	168	169	170				
					74	75	76	77	171	172					
					78	79	80	81	173						
82	83	84	85	86	174	175	176	177							
87	88	89	90	91	178	179	180	181	182						
92	93	94	95	96	183	184	185	186							
97	98	99	100	101	187	188									
102	103	104	105	106	189	190	191	192							
107	108	109	110	111	193	194									
112	113	114	115	116	195	196	197								
117	118	119	120	121	198	199	200	201							
203	204	205	206	207	208	209	210	211	212	213	214	215			

CHƯƠNG I

**BIỆT PHÂN TÂM NHIẾP
(CITTASAṄGAHAVIBHĀGA)**

KÊ LỄ THUYẾT LUẬN TÁC

– *Sammāsambuddham'atulam,*
Sasaddhammagam'uttamam,
Abhivādiya bhāsissam,
Abhidhammatthasaṅgaham.
Chánh tự giác, Vô tỷ,
Cùng Diệu pháp, Thượng chúng,
Xin lễ rồi sẽ nói,
BỘ THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP.

Nghĩa là: Tôi, *Luận sư Anuruddha*, xin đảnh lễ *Bậc Chánh tự giác*, không ai sánh bằng, cùng với *Diệu pháp*, và *chúng Thánh tăng* cao thượng, có 8 hạng, rồi sẽ nói đến bộ **ABHIDHAMMATTHASAṄGAHA: THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP**, là Bộ nhiếp đầu Pháp lý của Thắng pháp trong **Abhidhamma-piṭaka: Tạng Thắng pháp**, đã được Đức Phật thuyết trong 7 Bộ Thắng pháp, theo **Paramattha: Siêu lý**, là Pháp lý vi tế cùng tột ấy, thành 4 loại: **Citta: Tâm, Cetasika: Tâm sở, Rūpa: Sắc, Nibbāna: Níp Bàn.**

Trước hết sẽ nói về **TÂM**.

Tâm có 4 loại:

- 1 - *Tâm Dục giới.*
- 2 - *Tâm Sắc giới.*
- 3 - *Tâm Vô Sắc giới.*
- 4 - *Tâm Siêu thế.*

Trong những Tâm ấy sẽ được giải thích tuần tự.

- Thế nào là **Tâm Dục giới**?

- Tâm Dục giới có 54 thứ là: 12 Tâm Bất thiện, 8 Tâm Thiện và 34 Tâm Vô ký (**Abyākatacitta**).

Tâm Bất thiện có 12 thứ, kể thành **Căn (Mūla)** có 3:

Tham căn (Lobhamūla) có 8, *Sân căn (Dosamūla)* có 2, *Si căn (Mohamūla)* có 2.

8 Tham căn là:

- 1 - Câu hành Hỷ, tương ứng Kiến, Vô tác.
- 2 - Câu hành Hỷ, tương ứng Kiến, Hữu tác.
- 3 - Câu hành Hỷ, bất tương ứng Kiến, Vô tác.
- 4 - Câu hành Hỷ, bất tương ứng Kiến, Hữu tác.
- 5 - Câu hành Xả, tương ứng Kiến, Vô tác.
- 6 - Câu hành Xả, tương ứng Kiến, Hữu tác.
- 7 - Câu hành Xả, bất tương ứng Kiến, Vô tác.
- 8 - Câu hành Xả, bất tương ứng Kiến, Hữu tác.

Nghĩa là:

Tâm tham thứ 1: Đi chung với cảm giác vui mừng, kết hợp với sự thấy sai (là kết hợp với **62 Tà kiến**, phân thành 2 loại:

Thường kiến (Sassatadit̄thi) và *Đoạn kiến (Ucchedadit̄thi)* - [**Thường Kiến** là sự thấy rằng: Tự ngã và Thế gian là thường

hàng, chúng sanh chết rồi sanh nữa, trước từng là thế nào thì sau sanh lại thế ấy nữa. **Đoạn kiến** là sự thấy rằng: Tự ngã và Thế gian chết rồi thì tiêu mất, không sanh nữa]_ không có sự tác động (**Saṅkhāra**) (tức là **Người (Puggala)** hay **Tâm sở (Cetasika)** tác động), chỉ tự sanh khởi.

Tâm Tham thứ 2: Đi chung với cảm giác vui mừng, kết hợp với sự thấy sai, có sự tác động (*do Người hay Tâm sở*) mới sanh khởi.

Tâm tham thứ 3: Đi chung với cảm giác vui mừng, không kết hợp với sự thấy sai, không có sự tác động, chỉ tự sanh khởi.

Tâm Tham thứ 4: Đi chung với cảm giác vui mừng, không kết hợp với sự thấy sai, có sự tác động mới sanh khởi.

Tâm Tham thứ 5: Đi chung với cảm giác thản nhiên, kết hợp với sự thấy sai, không có sự tác động, chỉ tự sanh khởi.

Tâm Tham thứ 6: Đi chung với cảm giác thản nhiên, kết hợp với sự thấy sai, có sự tác động mới sanh khởi.

Tâm Tham thứ 7: Đi chung với cảm giác thản nhiên, không kết hợp với sự thấy sai, không có sự tác động, chỉ tự sanh khởi.

Tâm Tham thứ 8: Đi chung với cảm giác thản nhiên, không kết hợp với sự thấy sai, có sự tác động mới sanh khởi.

DỨT 8 TÂM THAM CĂN

2 Sân căn là:

- 1 - Câu hành Ưu, tương ứng Khuể (**Paṭigha**), Vô tác.
- 2 - Câu hành Ưu, tương ứng Khuể, Hữu tác.

Tâm Sân thứ 1: Đi chung với cảm giác ưu buồn, kết hợp với sự bực dọc, không có sự tác động, chỉ tự sanh khởi.

Tâm Sân thứ 2: Đi chung với cảm giác ưu buồn, kết hợp với sự bực dọc, có sự tác động mới sanh khởi.

DỨT 2 TÂM SÂN CĂN

2 Si căn là:

1 - Câu hành Xả, tương ứng Hoài nghi.

2 - Câu hành Xả, tương ứng Trạo cử (**Uddhacca**).

Tâm Si thứ 1: Đi chung với cảm giác thản nhiên, kết hợp với sự nghi ngờ.

Tâm Si thứ 2: Đi chung với cảm giác thản nhiên, kết hợp với sự phóng dật.

DỨT 2 TÂM SI CĂN

34 Tâm Vô ký là: 18 Tâm Vô nhân, 8 Tâm Đại Dị thực (**Mahāvīpākacitta**) và 8 Tâm Đại Tố (**Mahākriyācitta**).

18 Tâm Vô nhân là: 7 Dị thực Bất thiện, 8 Dị thực Thiện Vô nhân và 3 Tố Vô nhân.

7 Dị thực Bất thiện là:

1 - Nhãn thức câu hành Xả.

2 - Nhĩ thức câu hành Xả.

3 - Tỷ thức câu hành Xả.

4 - Thiệt thức câu hành Xả.

5 - Thân thức câu hành *Khổ*.

6 - Tâm Tiếp thân câu hành Xả.

7 - Tâm Thẩm tấn câu hành Xả.

1 - Là Tâm biết rõ cảnh xấu không đáng mong cầu (**Aniṭṭhārammaṇa**) trong Nhãn môn, đi chung với cảm giác thản nhiên.

2 - Là Tâm biết rõ cảnh xấu không đáng mong cầu trong Nhĩ môn, đi chung với cảm giác thản nhiên.

3 - Là Tâm biết rõ cảnh xấu không đáng mong cầu trong Tỷ môn, đi chung với cảm giác thản nhiên.

4 - Là Tâm biết rõ cảnh xấu không đáng mong cầu trong Thiệt môn, đi chung với cảm giác thản nhiên.

5 - Là Tâm biết rõ cảnh xấu không đáng mong cầu trong Thân môn, đi chung với cảm giác khó chịu.

6 - Là Tâm tiếp nhận cảnh xấu không đáng mong cầu trong cả 5 môn, đi chung với cảm giác thản nhiên.

7 - Là Tâm xét đến cảnh xấu không đáng mong cầu trong cả 5 môn, đi chung với cảm giác thản nhiên.

Dị thực Bất thiện thứ 6, là Tâm Tiếp thân Xả thọ phần Bất thiện, sanh từ *Tâm vật* (**Hadayavatthu**), dùng để tiếp nhận cảnh xấu trong cả 5 môn.

Dị thực Bất thiện thứ 7, là Tâm Thẩm tấn Xả thọ phần Bất thiện, sanh từ *Tâm vật*, dùng để xét đến cảnh xấu trong cả 5 môn (biết đủ 6 cảnh).

DỨT 7 TÂM DỊ THỰC BẤT THIÊN VÔ NHÂN

8 Dị thực Thiện Vô nhân là:

1 - Nhãn thức câu hành Xả.

2 - Nhĩ thức câu hành Xả.

3 - Tỷ thức câu hành Xả.

4 - Thiệt thức câu hành Xả.

5 - Thân thức câu hành *Lạc*.

6 - Tâm Tiếp thân câu hành Xả.

7 - Tâm Thẩm tấn câu hành *Hỷ*.

8 - Tâm Thẩm tấn câu hành Xả.

1 - Là Tâm biết rõ cảnh tốt đáng mong cầu (**Iṭṭhārammaṇa**) trong Nhãn môn, đi chung với cảm giác thản nhiên.

2 - Là Tâm biết rõ cảnh tốt đáng mong cầu trong Nhĩ môn,

đi chung với cảm giác thần nhiên.

3 - Là Tâm biết rõ cảnh tốt đáng mong cầu trong Tỷ môn, đi chung với cảm giác thần nhiên.

4 - Là Tâm biết rõ cảnh tốt đáng mong cầu trong Thiệt môn, đi chung với cảm giác thần nhiên.

5 - Là Tâm biết rõ cảnh tốt đáng mong cầu trong Thân môn, đi chung với cảm giác dễ chịu.

6 - Là Tâm tiếp nhận cảnh tốt đáng mong cầu trong cả 5 môn, đi chung với cảm giác thần nhiên.

7 - Là Tâm xét đến cảnh tốt đáng mong cầu trong cả 5 môn, đi chung với cảm giác vui mừng.

8 - Là Tâm xét đến cảnh tốt đáng mong cầu trong cả 5 môn, đi chung với cảm giác thần nhiên.

Tâm Tiếp thu Xả thọ phần Thiện thứ 6, sanh từ Tâm vật, dùng để tiếp nhận cảnh tốt trong cả 5 môn.

Tâm Thẩm tẩn Hỷ thọ phần Thiện thứ 7, sanh từ Tâm vật, dùng để xét đến cảnh tốt và cảnh cực tốt (**Ati-īṭhārammaṇa**) trong cả 5 môn.

Tâm Thẩm tẩn Xả thọ phần Thiện thứ 8, sanh từ Tâm vật, dùng để xét đến cảnh tốt trong cả 5 môn, nhưng không thể xét đến cảnh cực tốt được.

(2 Tâm Thẩm tẩn này biết đủ 6 cảnh).

DỨT 8 TÂM DI THỰC THIÊN VÔ NHÂN

3 Tố Vô nhân là:

1 - Tâm Hưởng Ngũ môn câu hành Xả

2 - Tâm Hưởng Ý môn câu hành Xả.

3 - Tâm Tiểu sinh câu hành Hỷ.

Tố Vô nhân thứ 1: là Tâm Hưởng Ngũ môn, đi chung với cảm giác thần nhiên, dùng để tìm tòi cảnh trong cả 5 môn.

Tố Vô nhân thứ 2: Là Tâm Hưởng Ý môn, đi chung với cảm giác thần nhiên, dùng để tìm tòi cảnh Pháp trong Ý môn (hoặc xác định cảnh Ngũ trong cả 5 môn).

Tố Vô nhân thứ 3: Là Tâm Tiểu sinh, đi chung với cảm giác vui mừng, tức là Tâm tạo sự cười tươi của Bạc Ứng cúng, không có đối với hạng khác. Tâm này biết được cả 6 cảnh.

DỨT 3 TÂM TỔ VÔ NHÂN

7 Tâm Bất thiện thực (**Akusalapāka**), 8 Tâm Phước thực (**Puññapāka**), 3 Tâm Tố Vô nhân, gom thành 18 Tâm Vô nhân.

Tâm ngoài ra 12 Tâm Bất thiện, 18 Tâm Vô nhân, gọi là **Tâm Tịnh hảo (Sobhanacitta)**.

Tâm Tịnh hảo có 59 thứ là:

- 24 Tâm Tịnh hảo Dục giới.

- 15 Tâm Tịnh hảo Sắc giới.

- 12 Tâm Tịnh hảo Vô Sắc giới.

- 8 Tâm Tịnh hảo Siêu thế.

Tâm Tịnh hảo Siêu thế ấy phân theo hệ Ngũ thiền (**Jhānapañcakanaya**) thành 40 Tâm.

Tổng cộng hết thảy là 91 Tâm Tịnh hảo theo lối giải rộng.

24 Tâm Tịnh hảo Dục giới là:

- 8 Thiện Dục giới Hữu nhân.

- 8 Dị thực Dục giới Hữu nhân.

- 8 Tố Dục giới Hữu nhân.

Tâm Tịnh hảo Dục giới này còn được gọi là: *Đại Thiện, Đại Dị thực, Đại Tố*.

Đại Thiện có 8 Tâm là:

- 1 - Câu hành Hỷ, tương ứng Trí, Vô tác.
- 2 - Câu hành Hỷ, tương ứng Trí, Hữu tác.
- 3 - Câu hành Hỷ, bất tương ứng Trí, Vô tác.
- 4 - Câu hành Hỷ, bất tương ứng Trí, Hữu tác.
- 5 - Câu hành Xả, tương ứng Trí, Vô tác.
- 6 - Câu hành Xả, tương ứng Trí, Hữu tác.
- 7 - Câu hành Xả, bất tương ứng Trí, Vô tác.
- 8 - Câu hành Xả, bất tương ứng Trí, Hữu tác.

Nghĩa là:

Đại Thiện thứ 1: Đi chung với cảm giác vui mừng, kết hợp với Trí tuệ (sự hiểu biết đúng nhân quả), không có sự tác động (tức là *Người* hay *Tâm sở* sanh lên lần sau tác động cho làm điều Thiện), chỉ tự sanh khởi.

Đại Thiện thứ 2: Đi chung với cảm giác vui mừng, kết hợp với Trí tuệ, có sự tác động mới sanh khởi.

Đại Thiện thứ 3: Đi chung với cảm giác vui mừng, không kết hợp với Trí tuệ, không có sự tác động, chỉ tự sanh khởi.

Đại Thiện thứ 4: Đi chung với cảm giác vui mừng, không kết hợp với Trí tuệ, có sự tác động mới sanh khởi.

Đại Thiện thứ 5: Đi chung với cảm giác thản nhiên, kết hợp với Trí tuệ, không có sự tác động, chỉ tự sanh khởi.

Đại Thiện thứ 6: Đi chung với cảm giác thản nhiên, kết hợp với Trí tuệ, có sự tác động mới sanh khởi.

Đại Thiện thứ 7: Đi chung với cảm giác thản nhiên, không kết hợp với Trí tuệ, không có sự tác động, chỉ tự sanh khởi.

Đại Thiện thứ 8: Đi chung với cảm giác thản nhiên, không kết hợp với Trí tuệ, có sự tác động mới sanh khởi.

8 Đại Dị thực và **8 Đại Tố** cũng có lời giải như **8 Đại Thiện**, chỉ khác chỗ **Thiện** là *nhân*, **Dị thực** là *quả*, **Tố** thì chỉ là *hành động*, không phải nhân không phải quả.

Nếu nói theo *Địa giới (Bhūmi)* thì cả 3 đều thuộc về *Dục giới địa (Kāmāvacarabhūmi)* hết thảy.

Nếu nói theo *Chủng (Jāti)* thì Đại Thiện thuộc *Chủng Thiện*, Đại Dị thực và Đại Tố thuộc *Chủng Vô ký (Abyākatajāti)*.

Đại Dị thực cho thành tựu 4 *Phận sự (Kicca)* là: Phận sự Tái tục, phận sự Hữu phần, phận sự Tử và phận sự Bĩ Sở duyên (*Tadālambanakicca*).

Đại Thiện là kẻ tạo Sinh - Hữu, tạo tài sản (*Sampatti*), là kẻ tác động dẫn đi. Đại Dị thực là kẻ Tái tục, là kẻ thọ hưởng tài sản.

Đại Thiện và Đại Tố thì giống nhau như con dấu và dấu mộc được đóng xuống, hoặc như bóng trong gương và người soi gương, chỉ khác nhau về chỗ sanh khởi là: Đại Thiện sanh trong *dòng tương tục (Santāna - Cơ tánh)* của Phàm nhân và Bậc Thánh Hữu học. Đại Tố thì sanh trong dòng tương tục của Bậc Thánh Lộ tận.

DỨT 8 ĐẠI DI THỰC VÀ 8 ĐẠI TỐ

- | | |
|-----------------------|---------------------------------|
| - Vedanāññāsaṅkhāra- | - Hăm bốn (24) được phân loại, |
| Bhedena catuvīsati, | Theo Thọ, Trí, Tác động. |
| Sahetukāmāvacara- | Thuộc Dục giới Hữu nhân, |
| Puññapākakriyā matā. | Phước, Thực, Tố được biết. |
| - Kāme tevīsa pākāni, | - Hăm ba (23) Thực Dục giới, |
| Puññapuññāni vīsati, | Phước, Phi phước hai mươi (20), |
| Ekādasa kriyā ceti, | Và mười một (11) Tố vậy, |
| Catupaññāsa sabbathā. | Tất cả năm bốn (54) thứ. |

Nghĩa là:

24 Tâm Tịnh hảo là: 8 Thiện, 8 Dị thực, 8 Tố đã được Đức Phật thuyết:

- *phân loại theo Thọ*, có 2 là: Thọ Hỷ và Thọ Xả;
- *phân loại theo Trí* là: Tương ứng và Bất tương ứng;
- *phân loại theo Tác động* là: Vô tác và Hữu tác.

Tâm Dục giới ấy kể thành

- *Dị thực* thì có 23 Tâm là: 7 Dị thực Bất thiện, 8 Dị thực Thiện, 8 Đại Dị thực.

- *Thiện và Bất thiện* gom thành 20 Tâm là: 12 Bất thiện, 8 Thiện.

- *Tâm Tố* có 11 là: 3 Tố Vô nhân, 8 Đại Tố.

Tổng cộng tất cả thành **54 Tâm Dục giới** như vậy.

12 Tâm Bất thiện là **Ác (Pāpa)**. 8 Đại Thiện là **Phước (Puñña)**. 23 Dị thực và 11 Tố là 34 Tâm Vô ký thuộc Dục giới.

DỨT 54 TÂM DỤC GIỚI

15 Tâm Sắc giới là: 5 Thiện Sắc giới, 5 Dị thực Sắc giới, 5 Tố Sắc giới.

5 Thiện Sắc giới là:

- 1 - Sơ Thiên có 5 chi: Tâm, Tứ, Hỷ, Lạc và **Nhất thống (Ekaggatā)**.
- 2 - Nhị Thiên có 4 chi: Tứ, Hỷ, Lạc và **Nhất thống**.
- 3 - Tam Thiên có 3 chi: Hỷ, Lạc và **Nhất thống**.
- 4 - Tứ Thiên có 2 chi: Lạc và **Nhất thống**.
- 5 - Ngũ Thiên có 2 chi: **Nhất thống** và **Xả**.

Dị thực Sắc giới và **Tố Sắc giới** cũng kể theo *hệ Ngũ thiên* thành mỗi thứ có 5 Tâm như nhau.

Thiện Sắc giới là kẻ tạo tài sản, là kẻ tác động, là kẻ cho Tái tục. Dị thực Sắc giới là kẻ Tái tục, là kẻ thọ hưởng tài sản.

Thiện Sắc giới thuộc **Chủng Thiện**. Dị thực Sắc giới và Tố Sắc giới thuộc **Chủng Vô ký**.

Thiện Sắc giới và Tố Sắc giới thì giống nhau, chỉ khác nhau về chỗ sanh khởi là: Thiện Sắc giới sanh trong dòng tương tục của Phạm nhân và Bạc Thánh Hữu học. Tố Sắc giới thì sanh trong dòng tương tục của Bạc Thánh Lậu tận.

- **Pañcadhā jhānabhedena,** - Theo phân loại Ngũ thiên,

Rūpāvacaramānasam Nói Ý sở Sắc giới,

Puññapākakriyābhedā Phân loại Phước, Thực, Tố,

Tam pañcadasadhā bhave. Chúng có mười lăm (15) loại.

Nghĩa là:

Tâm Sắc giới phân loại theo Ngũ thiên là: 5 Thiện, 5 Dị Thực, 5 Tố, gom thành 15 Tâm.

DỨT 15 TÂM SẮC GIỚI

12 Tâm Vô Sắc giới là: 4 Thiện Vô Sắc giới, 4 Dị thực Vô Sắc giới, 4 Tố Vô Sắc giới.

4 Thiện Vô Sắc giới là:

- 1 - *Không vô biên xứ*.
- 2 - *Thức vô biên xứ*.
- 3 - *Vô sở hữu xứ*.
- 4 - *Phi tưởng Phi phi tưởng xứ*.

Thiện Vô Sắc giới thứ 1 là Không vô biên xứ ấy, Hành giả tu tiến Thiên Vô sắc có Hư không làm cảnh, đã gạn bỏ đề **Biến xứ (Kasiṇa)** rồi, tức là **Đối phần tướng (Paṭibhāganimitta)** sanh từ 9 Đề biến xứ, trừ Biến xứ Hư không ra, Hành giả nắm

lấy *Hư không* làm cảnh, khởi niệm (**Parikamma**) rằng: “*Hư không vô biên* (không có giới hạn)”. Khởi niệm luôn luôn cho đến khi *Tâm Kiên cố* (**Appanācitta**) sanh khởi. Tâm Kiên cố này được gọi là: **Tâm Sơ thiền Vô sắc**.

Thiền Vô Sắc giới thứ 2 là Thức vô biên xứ ấy, Hành giả nắm lấy Tâm Sơ thiền Vô sắc làm cảnh, khởi niệm rằng: “*Thức vô biên*”. Khởi niệm luôn luôn cho đến khi Tâm Kiên cố sanh khởi. Tâm Kiên cố này được gọi là: **Tâm Nhị thiền Vô sắc**.

Thiền Vô Sắc giới thứ 3 là Vô sở hữu xứ ấy, Hành giả không nắm lấy Tâm Nhị thiền Vô sắc làm cảnh, mà nắm lấy Tâm Sơ thiền Vô sắc đang biến mãn ấy, xác định rằng: “*Tâm Sơ thiền Vô sắc đang biến mãn ở nơi đây không có*”. Rồi nắm lấy sự không có ấy lại làm cảnh, khởi niệm rằng: “*Không có cái chi cả!*”. Khởi niệm luôn luôn cho đến khi Tâm Kiên cố sanh khởi. Tâm Kiên cố này được gọi là: **Tâm Tam thiền Vô sắc**.

Thiền Vô Sắc giới thứ 4 là Phi tưởng Phi phi tưởng xứ ấy, Hành giả tu tiến không nắm lấy trạng thái không có (**Natthi bhāva**) ấy lại làm cảnh, mà lại nắm lấy sự vi tế của Tâm Tam thiền Vô sắc ấy lại làm cảnh, xác định, khởi niệm rằng: “*Tâm Tam thiền Vô sắc này đang có thật vi tế. Tâm Tam thiền Vô sắc này thật là tinh vi, thù thắng!*”. Khởi niệm luôn luôn cho đến khi Tâm Kiên cố sanh khởi. Tâm Kiên cố này được gọi là: **Tâm Tứ thiền Vô sắc**.

Ý nghĩa được trình bày trên là sự tu tiến 4 Thiền Thiền Vô sắc. Về 4 **Dị thực Vô sắc** và 4 **Tổ Vô sắc** cũng giống như vậy.

Nếu kể theo Địa giới thì thuộc Vô sắc giới địa hết thấy.

Nếu kể theo Chủng thì Thiền Vô Sắc giới thuộc Chủng Thiền, Dị thực Vô Sắc giới và Tổ Vô Sắc giới thì thuộc Chủng Vô ký.

Thiền Vô Sắc giới là kẻ tác động, tạo tài sản, cho Tái tục. Dị thực Vô Sắc giới là kẻ Tái tục, thọ hưởng tài sản, thọ hưởng an lạc.

Thiền Vô Sắc giới và Tổ Vô Sắc giới thì giống như nhau, không khác nhau, có ví dụ như con dấu và dấu mộc đóng xuống, hoặc như bóng trong gương và người soi gương như đã nói trên, chỉ khác nhau về chỗ sanh khởi là: Thiền Vô Sắc giới sanh trong dòng tương tục của Phạm nhân và bậc Thánh Hữu học. Tổ Vô Sắc giới thì sanh trong dòng tương tục của Bậc Thánh Lộ tận.

- | | |
|--------------------------------|----------------------------|
| - Ālambanappabhedena, | - Theo phân loại Sở duyên, |
| Catudhāruppamānasam, | Ý Vô sắc bốn (4) loại. |
| Puññapākakriyābheda, | Phân loại Phước, Thực, Tổ, |
| Puna dvādasadhā ʘhitam. | Lập mười hai (12) thứ nữa. |

Nghĩa là:

Tâm Vô sắc có 4 loại theo phân loại của Cảnh, nếu kể thêm nữa thì thành 12 loại, vì khác nhau ở chỗ Thiền Vô Sắc giới có 4, Dị thực Vô Sắc giới có 4 và Tổ Vô Sắc giới có 4 với sự việc như vậy.

DỨT 12 TÂM VÔ SẮC GIỚI

8 Tâm Siêu thế là: 4 **Tâm Đạo** và 4 **Tâm Quả**.

4 Tâm Đạo là:

- 1 - Tâm Đạo Dự lưu.
- 2 - Tâm Đạo Nhất lai.
- 3 - Tâm Đạo Bất lai.
- 4 - Tâm Đạo Ứng cúng.

4 Tâm Đạo này được gọi là: **Tâm Thiền Siêu thế**.

4 Tâm Quả Siêu thế là:

1 - Tâm Quả Dự lưu.

2 - Tâm Quả Nhất lai.

3 - Tâm Quả Bất lai.

5 - Tâm Quả Ứng cúng.

4 Tâm Quả này còn được gọi là: **Tâm Dị thực Siêu thế**.

Như vậy, tất cả 8 Tâm trên được gọi là: **Tâm Thiện** và **Tâm Dị thực Siêu thế**.

Lại nữa, Tâm Siêu thế ấy được phân rộng theo **hệ Ngũ thiên** thì có tất cả là 40 Tâm như sau:

1 - Tâm Đạo Dự lưu có 5.

2 - Tâm Quả Dự lưu có 5.

3 - Tâm Đạo Nhất lai có 5.

4 - Tâm Quả Nhất lai có 5.

5 - Tâm Đạo Bất lai có 5.

6 - Tâm Quả Bất lai có 5.

7 - Tâm Đạo Ứng cúng có 5.

8 - Tâm Quả Ứng cúng có 5.

Tổng cộng là 40 Tâm.

Tâm Siêu thế ấy chỉ có Thiện và Dị thực, không có Tâm Tố.

Đạo là **Thiện**, **Quả** là **Dị thực**.

DỨT 8 TÂM SIÊU THẾ

Cả 4 Thiên Vô sắc ấy được kể vào trong **Ngũ thiên Sắc giới**, vì có 2 chi Thiên giống nhau là Nhất thống và Xả.

Tâm Sơ thiên, Tâm Nhị thiên, Tâm Tam thiên, Tâm Tứ thiên, 4 Thiên này kể mỗi loại có 11 Tâm, thành 44 Tâm. Còn Tâm Ngũ thiên kể ra được 23 Tâm.

Tâm Thiên mà kể mỗi thứ có 11 Tâm ấy là: 3 Sắc giới (1 Thiện, 1 Dị thực, 1 Tố) và 8 Siêu thế (4 Đạo, 4 Quả).

23 Tâm Ngũ thiên là: 3 Ngũ thiên Sắc giới, 12 Ngũ thiên Vô Sắc giới, 8 Ngũ thiên Siêu thế.

Tổng cộng **Tâm nhiếp thân cả 4 Địa giới** là:

- 12 Tâm Bất thiện: 8 Tham căn, 2 Sân căn, 2 Si căn.

- 21 (hoặc 37) Tâm Thiện: 8 Đại Thiện, 5 Thiện Sắc giới, 4 Thiện Vô Sắc giới, 4 (hoặc 20) Thiện Siêu thế.

- 36 (hoặc 52) Tâm Dị thực: 15 Dị thực Vô nhân, 8 Đại Dị thực, 9 Dị thực **Đáo đại (Mahaggata)**, 4 (hoặc 20) Dị thực Siêu thế.

- 20 Tâm Tố: 3 Tố Vô nhân, 8 Đại Tố, 9 Tố Đáo đại.

Tâm phân theo **4 Địa giới** là: **Dục giới địa** có 54, **Sắc giới địa** có 15, **Vô Sắc giới địa** có 12, **Siêu thế địa** có 8. Tổng cộng thành **89 Tâm phân theo lối tóm tắt**.

Tâm phân theo lối rộng có **121** cái là:

- 37 Tâm Thiện: 8 Đại Thiện, 9 Thiện Đáo đại, 20 Thiện Siêu thế.

- 52 Tâm Dị thực: 23 Dị thực Dục giới, 9 Dị thực Đáo đại, 20 Dị thực Siêu thế.

- 12 Tâm Bất thiện.

- 20 Tâm Tố.

Tổng cộng là **121 Tâm**.

89 Tâm phân theo lối tóm tắt ấy kể gọn lại thành 1.

Lấy 52 Tâm sở cộng lại thành 53.

Lấy 18 **Sắc Thành thực (Nippannarūpa)** cộng thành 71.

Lấy 4 Khổ: Sanh, Lão, Bệnh, Tử cộng thành 75 pháp, kể là **Pháp nội phân**.

Cộng với **75 Pháp ngoại phân** thành 150.

Lấy 10 Phiền não nhân với 150 thành **1.500 Phiền não** vậy.

DỨT BIỆT PHÂN TÂM NHIẾP

Trong THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP CHƯƠNG I.

CHƯƠNG II

BIỆT PHÂN TÂM SỞ NHIẾP (CETASIKASAṄGAHAVIBHĀGA)

- | | |
|-----------------------|---------------------------|
| - Ekuppādanirodho ca, | - Đồng Sanh và Đồng Diệt, |
| Ekālambaṇavatthukā, | Đồng Sở duyên, Đồng Căn. |
| Cetoyuttā dvipaññāsa, | Hợp Tâm, có năm hai (52) |
| Dhammā cetasikā matā. | Pháp Tâm sở được biết. |

Nghĩa là:

52 Pháp có sự sanh, sự diệt, cảnh và vật đồng nhất với Tâm, Đức Thế tôn gọi là: **TÂM SỞ**, vì sanh trong Tâm (*kết hợp với Tâm*) với 4 duyên cơ là:

- 1 - Tâm sanh trong Sát na nào, Tâm sở cũng sanh trong Sát na ấy (*Đồng Sanh*).
- 2 - Tâm diệt trong Sát na nào, Tâm sở cũng diệt trong Sát na ấy (*Đồng Diệt*).
- 3 - Tâm sanh trong cảnh nào, Tâm sở cũng sanh trong cảnh ấy (*Đồng Sở duyên*).
- 4 - Tâm nương trú trong Vật nào, Tâm sở cũng nương trú trong Vật ấy (*Đồng Căn*).

Như vậy, 4 duyên cơ của Tâm sở được gọi là: *4 Đặc tướng kết hợp với tâm (Cetoyutta Lakkhaṇa)*.

Tâm sở có 52 loại là: 13 Tâm sở Tợ tha, 14 Tâm sở Bất thiện, 25 Tâm sở Tịnh hảo.

13 Tâm sở Tợ tha là: 7 Tâm sở Biến hành Nhất thiết tâm (*Sabbacittasādhāraṇacetāsika*), 6 Tâm sở Biệt cảnh.

7 Tâm sở Biến hành Nhất thiết tâm, gọi tắt là: **Tâm sở Biến hành**, đó là:

- 1 - Xúc : Loại Pháp làm cho 6 cảnh tiếp xúc với 6 môn.
- 2 - Thọ : Loại Pháp cảm giác cảnh, hưởng thọ cảnh.
- 3 - Tưởng : Loại Pháp nhận biết cảnh, nhớ lại cảnh.
- 4 - Tư : Loại Pháp tư duy dẫn dắt Tâm.
- 5 - Nhất thống: Loại Pháp nhiếp hợp Tâm cho có một cảnh.
- 6 - Mạng quyền: Loại Pháp nuôi dưỡng pháp câu sanh cho tồn tại.
- (Gọi là: *Mạng*, vì nuôi dưỡng pháp câu sanh);
- (Gọi là: *Quyền*, vì cho pháp câu sanh hiện hành).
- 7 - Tác ý : Loại Pháp làm trong ý, là hướng đến cảnh.

6 Tâm sở Biệt cảnh là:

- 1 - Tầm : Loại Pháp làm Tâm cho suy tầm cảnh.
- 2 - Tư : Loại Pháp đạo xét cảnh.
- 3 - Thắng giải: Loại Pháp làm Tâm cho quyết chắc trong cảnh.
- 4 - Cần : Loại Pháp trợ nâng Tâm không cho lui sụt.
- 5 - Hỷ (*Pīti*): Loại Pháp làm Thân Tâm cho no vui.
- 6 - Dục : Loại Pháp làm Tâm cho mong muốn trong cảnh.

DỨT 13 TÂM SỞ TỢ THA

14 Tâm Sở Bất thiện là:

- 1 - Si : Loại Pháp làm Tâm cho mê mờ trong cảnh.
- 2 - Vô tàn : Loại Pháp không ghê tởm (hỗ thẹn) Ác hạnh.
- 3 - Vô quý : Loại Pháp không sợ hãi Ác hạnh.

- 4 - Trạo cử : Loại Pháp làm Tâm cho phóng dật.
- 5 - Tham : Loại Pháp làm cho Tâm dính mắc trong cảnh.
- 6 - (Tà) Kiến : Loại Pháp làm Tâm cho thấy sai.
- 7 - (Ngã) Mạn : Loại Pháp nâng mình cho cao.
- 8 - Sân : Loại Pháp nhiều hại đối tượng (cảnh)
- 9 - Tật (đố): Loại Pháp ganh tỵ kẻ khác.
- 10 - Lận (sắt): Loại Pháp bỗn xén, tiếc giữ tài sản.
- 11 - Hối : Loại Pháp làm Tâm hối hận vì hành sai.
- 12 - Hôn (trầm) : Loại Pháp làm Tâm cho co rút, thụ động.
- 13 - Thụy (miên): Loại Pháp làm Tâm cho buồn ngủ, muội lược
- 14 - (Hoài) Nghi : Loại Pháp làm Tâm cho ngờ vực, phân vân.

DỨT 14 TÂM SỞ BẤT THIÊN

25 Tâm sở Tịnh hảo là: 19 Biến hành Tịnh hảo, 3 Giới ly (*Virati*), 2 Vô lượng, 1 Tuệ quyền.

19 Tâm sở Biến hành Tịnh hảo là:

- 1 - Tín : Loại Pháp tin nghiệp tin quả.
- 2 - Niệm : Loại Pháp làm Tâm cho ghi nhớ.
- 3 - Tàm : Loại Pháp ghê tởm Ác hạnh.
- 4 - Quý : Loại Pháp sợ hãi Ác hạnh.
- 5 - Vô Tham : Loại Pháp không cho Tâm dính mắc trong cảnh.
- 6 - Vô Sân : Loại Pháp không nhiều hại đối tượng.
- 7 - Bĩ Trung tánh (*Tatramajjattatā*): Trạng thái trung lập trong đối tượng ấy, tức là loại pháp thần nhiên đối với chúng sanh và Pháp Hành (*Saṅkhāra*).
- 8 - Tịnh thân : Loại Pháp làm an tịnh Danh thân tức Tâm sở (Thọ - Tưởng - Hành).
- 9 - Tịnh tâm : Loại Pháp làm an tịnh Tâm (Thức).

10 - *Khinh thân* : Loại Pháp làm nhẹ Danh thân.

11 - *Khinh tâm* : Loại Pháp làm nhẹ Tâm.

12 - *Nhu thân* : Loại Pháp làm mềm Danh thân.

13 - *Nhu tâm* : Loại Pháp làm mềm Tâm.

14 - *Thích thân* : Loại Pháp làm Danh thân thích ứng với việc làm.

15 - *Thích tâm* : Loại Pháp làm Tâm thích ứng với việc làm.

16 - *Thuần thân* : Loại Pháp làm Danh thân thuần thực.

17 - *Thuần tâm* : Loại Pháp làm Tâm thuần thực.

18 - *Chánh thân* : Loại Pháp làm Danh thân ngay thẳng.

19 - *Chánh tâm* : Loại Pháp làm Tâm ngay thẳng.

3 Giới ly là:

1 - *Chánh ngữ* : Loại Pháp khiến cho nói tốt, loại trừ Ngũ Ác hạnh.

2 - *Chánh nghiệp* : Loại Pháp khiến cho làm tốt, loại trừ Thân Ác hạnh.

3 - *Chánh mạng* : Loại Pháp khiến cho nuôi mạng tốt, loại trừ Tà mạng.

2 Vô lượng là:

1 - *Bi* : Loại Pháp thương xót, muốn cứu chúng sanh thoát khổ.

2 - *Tùy hỷ (Muditā)* : Loại Pháp hoan hỷ, vui theo tài sản người khác được.

Tuệ quyền (Paññindriya): Tuệ chủ quyền, lớn trội hơn tất cả pháp trong sự biết khắp.

DỨT 25 TÂM SỞ TỊNH HẢO

13 Tợ tha, 14 Tâm Sở Bất Thiện, 25 Tâm sở Tịnh hảo, gom thành 52 Tâm sở.

DỨT LƯỢC THUYẾT 52 TÂM SỞ

- *Tesam cittā viyuttānam*, - Chúng nó không là Tâm.

Yathāyogam'ito param, Đây về sau tùy kết,

Cittuppādesu paccekam, Trong mỗi một Tâm sanh,

Sampayogo pavuccati. Nói đến **Sự Phối hợp**.

Nghĩa là:

Sự Phối hợp của nhóm 52 Tâm sở ấy là: Tâm sở phối hợp với mỗi cái Tâm. Tôi, *Luận sư Anuruddha*, sẽ nói tiếp ở phía sau từ điều thuyết về Tâm sở này, cho thích ứng với điều kết hợp.

- *Satta sabbattha yujjanti*, - Bảy (7) hợp tất cả chỗ.

Yathāyogam pakiṇṇakā, Biệt cảnh kết hợp tùy,

Cuddasākusale sveva, Mười bốn (14) trong Bất thiện,

Sobhane sveva sobhanā. Tịnh hảo trong Tịnh hảo.

Nghĩa là:

7 Tâm sở Biến hành ấy cho phối hợp vào trong tất cả Tâm.

6 Tâm sở Biệt cảnh cho phối hợp vào trong Tâm nên kết hợp.

14 Tâm sở Bất thiện ấy cho phối hợp vào trong 12 Tâm Bất thiện.

25 Tâm sở Tịnh hảo cho phối hợp vào trong 59 hoặc 91 Tâm Tịnh hảo.

Hỏi: Muốn phối hợp Tâm sở vào trong Tâm ấy thời phối hợp như thế nào?

Đáp: Muốn phối hợp Tâm sở vào trong Tâm ấy, có ý nghĩa trình bày như sau:

Sự Phối hợp (Sampayoga) ấy có 4 nhóm là:

1 - 7 Tâm sở Biến hành phối hợp chỉ một nhóm.

2 - 6 Tâm sở Biệt cảnh phối hợp với 6 nhóm.

3 - 4 Tâm sở Bất thiện phối hợp với 7 nhóm (hoặc 5 cách).

4 - 25 Tâm sở Tịnh hảo phối hợp với 4 nhóm.

Trước hết, sẽ nói về *Sự Phối hợp Tâm sở Biến hành*.

7 Tâm sở Biến hành phối hợp chỉ có 1 nhóm như sau: Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất thống, Mạng quyền, Tác ý, 7 Tâm sở Biến hành này sanh trong 89 hoặc 121 Tâm.

6 Tâm sở Biệt cảnh phối hợp với 6 nhóm như sau:

1 - **Tâm**: Sanh trong 55 Tâm là: 44 Tâm Dục giới (trừ Ngũ song thức), và 11 Tâm Sơ thiên là: 3 Sơ thiên Sắc giới, 8 Sơ thiên Siêu thế. Tổng cộng có 55 Tâm, là nơi sanh của Tâm sở Tâm.

2 - **Tứ**: Sanh trong 66 Tâm là: 55 Tâm có Tâm ấy và lấy thêm 11 Tâm Nhị thiên là: 3 Nhị thiên Sắc giới, 8 Nhị thiên Siêu thế. Tổng cộng có 66 Tâm, là nơi sanh của Tâm sở Tứ.

3 - **Thắng giải**: Sanh trong 78 Tâm (hoặc 110) Tâm là: Trừ 11 Tâm ra là: 10 Ngũ song thức và 1 Si Hoài nghi. Tổng cộng có 78 (hoặc 110) Tâm, là nơi sanh của Tâm sở Thắng giải.

4 - **Cần**: Sanh trong 73 (hoặc 105) Tâm là: Trừ 16 Tâm ra là: 10 Ngũ song thức, 1 Hướng Ngũ môn, 2 Tiếp đầu, 3 Thẩm tấn. Tổng cộng có 73 (hoặc 105) Tâm, là nơi sanh của Tâm sở Cần.

5 - **Hỷ**: Sanh trong 51 Tâm là: Lấy 121 Tâm trừ đi 70 Tâm: 2 Ưu thọ, 55 Xả thọ, 2 Thân thức (Khổ, Lạc thọ), 11 Tứ thiên (Lạc Thọ), còn lại 51 Tâm, là nơi sanh của Tâm sở Hỷ.

6 - **Dục**: Sanh trong 69 (hoặc 101) Tâm là: Lấy 89 (hoặc 121) Tâm trừ đi 20 Tâm: 18 Tâm Vô nhân, 2 Si căn, còn lại 69 (hoặc 101) Tâm, là nơi sanh của Tâm sở Dục.

- **Chasatthī pañcapaññāsa**, - Sáu sáu (66) và năm năm (55),
Ekādasa ca soḷasa, Mười một (11) và mười sáu (16),
Sattati vīsati ceva, Và bảy mươi (70), hai mươi (20),
Pakiṇṇakavivajjitā. Biệt cảnh ngoài nhóm ấy.

- **Pañcapaññāsa chasatthā** - Năm năm (55) và sáu sáu (66),
Ṭhasattati tisattati, Bảy tám (78) và bảy ba (73),
Ekapaññāsa cekūna, Và năm một (51), sáu chín (69),
Sattatimsa pakiṇṇakā. Biệt cảnh thuộc nhóm này.

Nghĩa là:

Tâm sở Biệt cảnh trừ ra từ những Tâm sanh ấy theo thứ tự là: 66, 55, 11, 16, 70 và 20 như vậy.

Và phối hợp Tâm sở Biệt cảnh theo thứ tự Tâm sanh ấy là: 55, 66, 78, 73, 51 và 69.

Giải rằng:

- **Tâm** : Trừ ra 66 Tâm, sanh trong 55 Tâm.

- **Tứ** : Trừ ra 55 Tâm, sanh trong 66 Tâm.

- **Thắng giải** : Trừ ra 11 Tâm, sanh trong 78 (hoặc 110) Tâm.

- **Cần** : Trừ ra 16 Tâm, sanh trong 73 (hoặc 105) Tâm.

- **Hỷ** : Trừ ra 70 Tâm, sanh trong 51 Tâm.

- **Dục** : Trừ ra 20 Tâm, sanh trong 69 (hoặc 101) Tâm.

DỨT 6 TÂM SỞ BIỆT CẢNH PHỐI HỢP

14 Tâm sở Bất thiện phối hợp với 7 nhóm như sau:

1 - **Si, Vô tà, Vô quý, Trạo cử**, 4 Tâm sở này được gọi là: *Tâm sở Biến hành Bất thiện Nhất thiết tâm (Sabbacittākusalasūdhāraṇacetāsika)*, sanh đi khắp cả 12 Tâm Bất thiện. Gọi tắt là *Tâm sở Biến hành Bất thiện*.

2 - **Tham** : Sanh trong 8 Tâm Tham căn.

3 - **Kiến** : Sanh trong 4 Tâm Tham tương ứng Kiến.

4 - **Mạn** : Sanh trong 4 Tâm Tham bất tương ứng Kiến.

5 - **Sân, Tật, Lận, Hối**: 4 Tâm sở này sanh trong 2 Tâm Sân tương ứng Khuể.

6 - **Hôn, Thụy:** Cả 2 Tâm sở này sanh trong 5 Tâm Bất thiện Hữu tác.

7 - **Nghi** : Sanh trong Tâm tương ứng Hoài nghi.

- **Sabbapuññesu cattāro,** – *Bốn (4) trong các Phi phước,*

Lobhamūle tayo katā, *Ba (3) tạo trong Tham căn,*

Dosamūlesu cattāro, *Bốn (4) ở tại Sân căn,*

Sasaṅkhāre dvayantathā. *Hai (2) tùy những Hữu tác.*

- **Vicikicchā vicikicchā-** – *Nghi trong Tâm Hoài nghi,*

Citte ceti catuddasa, *Như vậy, gọi mười bốn (14),*

Dvādasākusale sveva, *Trong mười hai (12) Bất thiện,*

Sampayujjanti pañcadhā. *Phối hợp theo năm cách.*

Nghĩa là:

14 Tâm sở Bất thiện phối hợp trong 12 Tâm Bất thiện ấy kể thành 5 cách như sau:

1 - Có 4 Tâm sở Bất thiện sanh trong 12 Tâm Bất thiện.

2 - Có 3 Tâm sở Bất thiện sanh trong 8 Tâm Tham căn.

3 - Có 4 Tâm sở Bất thiện sanh trong 2 Tâm Sân căn.

4 - Có 2 Tâm sở Bất thiện sanh trong 5 Tâm Bất thiện Hữu tác.

5 - Tâm sở Hoài nghi sanh trong Tâm tương ứng Hoài nghi.

Giải rằng:

4 Tâm sở Biến hành Bất thiện là: Si, Vô tà, Vô quý, Trạo cử, sanh trong tất cả *Tâm Phi phước (Apuñña)*, là 12 Tâm Bất thiện.

3 Tâm sở: Tham, Kiến, Mạn, tạo trong 8 Tâm Tham căn.

4 Tâm sở: Sân, Tật, Lận, Hối, sanh trong 2 Tâm Sân căn.

2 Tâm sở: Hôn, Thụy, tùy sanh trong 5 Tâm Bất thiện Hữu tác.

Tâm sở Hoài nghi sanh trong Tâm tương ứng Hoài nghi.

Như vậy, gọi 14 Tâm sở Bất thiện phối hợp trong 12 Tâm Bất thiện theo 5 cách.

DỨT 14 TÂM SỞ BẤT THIÊN PHỐI HỢP

25 Tâm sở Tịnh hảo phối hợp với 4 nhóm như sau:

1 - **19 Biến hành Tịnh hảo:** Sanh trong 59 (hoặc 91) Tâm Tịnh hảo.

2 - **3 Giới ly:** Sanh trong 16 Tâm là: 8 Thiện Dục giới, 8 Siêu thế (hoặc trong 48 Tâm là: 8 Thiện Dục giới và 40 Tâm Siêu thế).

3 - **2 Vô lượng:** Sanh trong 28 Tâm là: 8 Đại Thiện, 8 Đại Tố, 12 Đáo đại Sắc giới (trừ Ngũ thiền ra).

4 - **Tuệ quyền:** Sanh trong 47 Tâm là: 12 Tâm tương ứng Trí Dục giới, 27 Tâm Đáo đại, 8 Tâm Siêu thế (hoặc sanh trong 79 Tâm là cộng thêm 32 Tâm Thiền Siêu thế tính theo lối rộng).

DỨT 25 TÂM SỞ TINH HẢO PHỐI HỢP

DỨT NỘI DUNG TRÌNH BÀY 4 NHÓM PHỐI HỢP

Tiếp theo đây sẽ nói về *Tâm sở kết hợp (Yogī cetasika)*.

Tâm sở kết hợp có 2 loại là:

1 - *Tâm sở kết hợp Bất định (Aniyatayogī cetasika)*.

2 - *Tâm sở kết hợp Nhất định (Niyatayogī cetasika)*.

Tâm sở kết hợp Bất định ấy, là có lúc kết hợp với Tâm, có lúc không kết hợp với Tâm (*nên mới gọi là: Kết hợp Bất định*).

Tâm sở kết hợp Nhất định thì kết hợp luôn với Tâm (*nên mới gọi là: Kết hợp Nhất định*).

Tâm sở kết hợp Bất định có 11 là: Tật, Lận, Hối, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Bi, Tùy hỷ, Mạn, Hôn, Thụy.

Giải rằng:

Tật, Lận, Hối có khi sanh trong Tâm Sân, có khi không sanh, và nếu có sanh thì chỉ có 1 trong 3 mà thôi, vì đối cảnh khác nhau tức là:

- Thấy lợi đặc của người khác thì ganh tỵ, *Tật sanh*.
- Thấy người cần xin lợi đặc, bõn xẻn không muốn chia sớt hoặc giấu lợi đặc đi, *Lận sanh*.
- Nghĩ đến điều ác đã làm thì sanh hối hận, nghĩ đến điều thiện không được làm, thì sanh nóng nảy hối tiếc, *Hối sanh*.

Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, chỉ sanh trong 8 Tâm Đại thiện và 40 Tâm Siêu thế.

3 Tâm sở này có khi sanh trong 8 Tâm Đại Thiện, có khi không sanh. Và nếu sanh thì chỉ có 1 trong 3 mà thôi, vì đối cảnh khác nhau, là:

- Chánh ngữ sanh lên để ngăn ngừa Tà ngữ.
- Chánh nghiệp sanh lên để ngăn ngừa Tà nghiệp.
- Chánh mạng sanh lên để ngăn ngừa Tà mạng.

Do đó, 3 Tâm sở này được gọi là: “*Kết hợp Bất định, sanh riêng*”.

3 Tâm sở này nếu sanh trong Tâm Siêu thế thì đồng sanh chung. Do đó, 3 Tâm sở này được gọi là: “*Kết hợp Nhất định, sanh chung*”.

Bi và *Tùy hỷ* cũng vậy, chỉ sanh riêng lẻ trong trường hợp đối cảnh:

- Khi thấy chúng sanh đau khổ, động tâm muốn cứu giúp, *Bi sanh*.
- Khi thấy người được lợi đặc, lòng hoan hỷ vui theo, *Tùy hỷ sanh*.

Đây là sanh trong 8 Đại Thiện và 8 Đại Tố. *Bi* và *Tùy hỷ* chỉ sanh trong Sắc giới Hỷ thọ, khi đắc nhập thiền *Bi* hoặc *Tùy hỷ*.

Mạn chỉ sanh trong trường hợp đối cảnh: Đem mình so với người. Do đó mới gọi là: *Kết hợp Bất định* trong 4 Tâm Tham Bất tương ưng Kiến.

Hôn và *Thuy* luôn sanh chung chỉ sanh trong 5 Tâm Bất thiện Hữu tác là: 4 Tâm Tham Hữu tác và Tâm Sân Hữu tác, trong trường hợp lười biếng, đã dưng, buồn ngủ, ngoài ra thì không.

41 Tâm sở còn lại ngoài ra 11 Tâm sở trên, gọi là: *Tâm sở kết hợp Nhất định*, nghĩa là kết hợp luôn với Tâm, đồng sanh với Tâm mỗi Sát na.

DỨT TÂM SỞ PHỐI HỢP

- *Saṅgahaṇca pavakkhāmi*, – *Và nay nói đến Nhiếp*,
Tesandāni yathārahaṃ. *Tùy thích ứng với chúng*.

Nghĩa là:

Từ đây sẽ nói đến *Nhiếp*, là sự nhiếp thu Tâm sở tùy sự thích ứng.

Nhiếp có 5 loại là:

- 1 - *Vô thượng nhiếp (Anuttarasāṅgaha)*.
- 2 - *Đáo đại nhiếp*.
- 3 - *Tịnh hảo nhiếp*.
- 4 - *Bất thiện nhiếp*.
- 5 - *Vô nhân nhiếp*.

Hỏi: 5 loại **Nhiếp** này sẽ nhiếp bằng cách nào?

Đáp: Sẽ nhiếp vào trong Vô thượng nhiếp, là Tâm Siêu thế, trước tất cả loại Nhiếp.

Vô thượng nhiếp phân ra thành 5 là:

- 1 - Sơ thiền Siêu thế, chia thành 8 là : 4 Đạo và 4 Quả.
 - 2 - Nhị thiền Siêu thế, chia thành 8 là: 4 Đạo và 4 Quả.
 - 3 - Tam thiền Siêu thế, chia thành 8 là: 4 Đạo và 4 Quả.
 - 4 - Tứ thiền Siêu thế, chia thành 8 là: 4 Đạo và 4 Quả.
 - 5 - Ngũ thiền Siêu thế, chia thành 8 là: 4 Đạo và 4 Quả.
- 8 Sơ thiền Siêu thế có 36 Tâm sở hợp là: 13 Tợ tha, 23 Tâm sở Tịnh hảo (trừ 2 Vô lượng).
- 8 Nhị thiền Siêu thế có 35 Tâm sở hợp là: 12 Tợ tha, (trừ Tâm), 23 Tịnh hảo (trừ Vô lượng).
- 8 Tam thiền Siêu thế có 34 Tâm sở hợp là: 11 Tợ tha (trừ Tâm và Tứ, 23 Tịnh hảo (trừ Vô lượng).
- 8 Tứ thiền Siêu thế có 33 Tâm sở hợp là: 10 Tợ tha (trừ Tâm, Tứ và Hỷ), 23 Tịnh hảo (trừ Vô lượng).
- 8 Ngũ thiền Siêu thế có 33 Tâm sở hợp là: 10 Tợ tha (trừ Tâm, Tứ, Hỷ, lấy Thọ Xả thay Thọ Lạc), 23 Tịnh hảo (trừ Vô lượng).

DỨT VÔ THƯỢNG NHIẾP

Đáo đại nhiếp có 5 là:

- 1 - Sơ Thiền, chia có 3 là: Thiện, Dị thực, Tố.
 - 2 - 3 - 4 - Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, cũng chia có 3 như Sơ Thiền.
 - 5 - Ngũ thiền Sắc giới có 3, Vô Sắc giới có 12 gom thành 15 Tâm Ngũ thiền Hiệp thế, cũng chia có 3 là: Thiện 5, Dị thực 5, Tố 5.
- 3 Sơ thiền có 35 Tâm sở hợp là: 13 Tợ tha, 22 Tâm sở Tịnh hảo (trừ 3 Giới ly).
- 3 Nhị thiền có 34 Tâm sở hợp là: 12 Tợ tha, (trừ Tâm), 22 Tịnh hảo (trừ Giới ly).
- 3 Tam thiền có 33 Tâm sở hợp là: 11 Tợ tha (trừ Tâm và Tứ), 22 Tịnh hảo (trừ Giới ly).

- 3 Tứ thiền có 32 Tâm sở hợp là: 10 Tợ tha (trừ Tâm, Tứ, Hỷ), 22 Tịnh hảo (trừ Giới ly).
- 3 Ngũ thiền Sắc giới, 12 Vô Sắc giới, là 15 Tâm Ngũ thiền Hiệp thế, có 30 Tâm sở hợp là: 10 Tợ tha (trừ Tâm, Tứ và Hỷ), 20 Tịnh hảo (trừ Giới ly và 2 Vô lượng).

DỨT ĐÁO ĐẠI NHIẾP

Tịnh hảo nhiếp có 12 nhóm là: 4 Đôi Thiện Dục giới, 4 Đôi Tố Dục giới và 4 Đôi Dị thực Dục giới.

4 Đôi Thiện Dục giới là: Đôi thứ 1, Đôi thứ 2, Đôi thứ 3, Đôi thứ 4.

Tố Dục giới là Dị thực Dục giới thuộc Tịnh hảo nhiếp này cũng có mỗi thứ 4 Đôi như nhau.

Chỗ gọi là: “*Đôi*”, **Pāli** gọi là: “**Duka**” dịch là: *Nhóm hai*. **Đôi**, tức là kể thành từng đôi với nhau.

4 Đôi trong 3 loại: Thiện, Tố, Dị thực được phân ra như sau:

Đôi thứ 1: Câu hành Hỷ, tương ứng Trí, Vô tác và Hữu tác.

Đôi thứ 2: Câu hành Hỷ, bất tương ứng Trí, Vô tác và Hữu tác.

Đôi thứ 3: Câu hành Xả, tương ứng Trí, Vô tác và Hữu tác.

Đôi thứ 4: Câu hành Xả, bất tương ứng Trí, Vô tác và Hữu tác.

4 Đôi Tố và Đôi Dị thực cũng có tên gọi như 4 Đôi Thiện, chỉ khác về chủng hoặc Tâm sở hợp nhiều hay ít. Bậc Trí nên biết như sau:

4 Đôi thiện:

Thiện Đôi thứ 1: Có 38 Tâm sở hợp là: 13 Tợ tha, 25 Tâm sở Tịnh hảo.

Thiện Đôi thứ 2: Có 37 Tâm sở hợp là: 13 Tợ tha, 24 Tịnh hảo (trừ Tuệ quyền).

Thiện Đôi thứ 3: Có 37 Tâm sở hợp là: 12 Tợ tha (trừ Hỷ), 25 Tịnh hảo.

Thiện Đôi thứ 4: Có 36 Tâm sở hợp là: 12 Tợ tha (trừ Hỷ), 24 Tịnh hảo (trừ Tuệ quyền).

4 ĐÔI TỔ:

Tổ Đôi thứ 1: Có 35 Tâm sở hợp là: 13 Tợ tha, 22 Tịnh hảo (trừ 3 Giới Ly).

Tổ Đôi thứ 2: Có 34 Tâm sở hợp là: 13 Tợ tha, 21 Tịnh hảo (trừ Giới ly và Tuệ quyền).

Tổ Đôi thứ 3: Có 34 Tâm sở hợp là: 12 Tợ tha (trừ Hỷ), 22 Tịnh hảo (trừ 3 Giới Ly).

Tổ Đôi thứ 4: Có 33 Tâm sở hợp là: 12 Tợ tha (trừ Hỷ), 21 Tịnh hảo (trừ Giới ly và Tuệ quyền).

4 ĐÔI DỊ THỰC:

Dị thực Đôi thứ 1: Có 33 Tâm sở hợp là: 13 Tợ tha, 20 Tịnh hảo (trừ Giới ly và Vô lượng).

Dị thực Đôi thứ 2: Có 32 Tâm sở hợp là: 13 Tợ tha, 19 Tịnh hảo (trừ Giới ly, Vô lượng và Tuệ quyền).

Dị thực Đôi thứ 3: Có 32 Tâm sở hợp là: 12 Tợ tha (trừ Hỷ), 20 Tịnh hảo (trừ Giới ly và Vô lượng).

Dị thực Đôi thứ 4: Có 31 Tâm sở hợp là: 12 Tợ tha (trừ Hỷ), 19 Tịnh hảo (trừ Giới ly, Vô lượng và Tuệ quyền).

DỨT TINH HẢO NHIẾP

Bất thiện nhiếp có 7 nhóm là:

- Nhóm 1: Có 19 Tâm sở hợp.
- Nhóm 2: Có 18 Tâm sở hợp.
- Nhóm 3: Có 20 Tâm sở hợp.

- Nhóm 4: Có 21 Tâm sở hợp.

- Nhóm 5: Có 20 Tâm sở hợp.

- Nhóm 6: Có 22 Tâm sở hợp.

- Nhóm 7: Có 15 Tâm sở hợp.

4 Tham:

- Câu hành Hỷ, tương ứng Kiến, Vô tác và bất tương Kiến Vô tác, Nhiếp nhóm 1.

- Câu hành Xả, tương ứng Kiến, Vô tác và bất tương ứng Kiến Vô tác, Nhiếp nhóm 2.

1 Sân: Câu hành Ưu, tương ứng Khuể, Vô tác. Nhiếp nhóm 3.

4 Tham:

- Câu hành Hỷ, tương ứng Kiến, Hữu tác và bất tương ứng Kiến Hữu tác. Nhiếp nhóm 4.

- Câu hành Xả, tương ứng Kiến, Hữu tác và bất tương ứng Kiến Hữu tác, Nhiếp nhóm 5.

1 Sân: Câu hành Ưu, tương ứng Khuể, Hữu tác, Nhiếp nhóm 6.

2 Si: Câu hành Xả, tương ứng Hoài nghi và tương ứng Trạo cử, Nhiếp nhóm 7.

Giải rằng:

Vô tác thứ 1: Có 19 Tâm sở hợp là: 13 Tợ tha, 4 Biến hành Bất thiện (Si, Vô tầm, Vô quý, Trạo cử), Tham và Kiến.

Vô tác thứ 2: Có 19 Tâm sở hợp như trên, chỉ khác chỗ trừ Kiến lấy Mạn.

Vô tác thứ 3: Có 18 Tâm sở hợp là: 12 Tợ tha (trừ Hỷ), 4 Biến hành Bất thiện, Tham và Kiến.

Vô tác thứ 4: Có 18 Tâm sở hợp như trên chỉ khác chỗ trừ Kiến lấy Mạn.

Vô tác thứ 5: Có 20 Tâm sở hợp là: 12 Tợ tha (trừ Hỷ), 4 Biến hành Bất thiện, Sân, Tật, Lận, Hối.

Hữu tác thứ 1: Có 21 Tâm sở hợp là: 13 Tợ tha, 4 Biến hành Bất thiện Tham, Kiến, Hôn, Thụy.

Hữu tác thứ 2: Có 21 Tâm sở hợp như trên chỉ khác chỗ trừ Kiến lấy Mạn.

Hữu tác thứ 3: Có 20 Tâm sở hợp là: 12 Tợ tha (trừ Hỷ), 4 Biến hành Bất thiện, Tham, Kiến, Hôn, Thụy.

Hữu tác thứ 4: có 20 Tâm sở hợp như trên, chỉ khác chỗ trừ Kiến lấy Mạn.

Hữu tác thứ 5: Có 22 Tâm sở hợp là: 12 Tợ tha (trừ Hỷ), 4 Biến hành Bất thiện, Sân, Tật, Lận, Hối, Hôn, Thụy.

Si tương ứng Hoài nghi có 15 Tâm sở hợp là: 10 Tợ tha (trừ Thắng giải, Hỷ, Dục), 4 Biến hành Bất thiện và Nghi.

Si tương ứng Trạo cử có 15 Tâm sở hợp là: 11 Tợ tha (trừ Hỷ, Dục), 4 Biến hành Bất thiện.

DỨT BẤT THIÊN NHIẾP

Vô nhân nhiếp, là nhiếp Tâm sở vào trong Tâm Vô nhân, có 4 nhóm là:

- Nhóm 1: Có 12 Tâm sở hợp.
- Nhóm 2: Có 11 Tâm sở hợp.
- Nhóm 3: Có 10 Tâm sở hợp.
- Nhóm 4: Có 7 Tâm sở hợp.
- Tâm Tiểu sinh có 12 Tâm sở Tợ tha hợp (trừ Dục) Nhiếp nhóm 1.
- **Tâm Xác định (Votṭhabbana)** có 11 Tâm sở Tợ tha hợp (trừ Hỷ, Dục); **Thẩm tấn Lạc (Sukhasantīraṇa)** có 11 Tâm sở hợp (trừ Cần, Dục), Nhiếp nhóm 2.

- Hương Ngũ môn, Tiếp thân Bất thiện, Tiếp thân Thiện, 3 Tâm này gọi là: 3 Ý giới (**Manodhātutika**); Thẩm tấn Bất thiện, Thẩm tấn Thiện Xả, 2 Tâm này gọi là: *Cấp Tái tục Vô nhân (Ahetukapaṭisandhiyugata)*. Tổng cộng có 5 Tâm tất cả, có 10 Tâm sở Tợ tha hợp (trừ Cần, Hỷ, Dục), Nhiếp nhóm 3.

- Ngũ song thức có 7 Tâm sở Biến hành Nhất thiết tâm hợp (không có Tâm sở Biệt cảnh hợp), Nhiếp nhóm 4.

DỨT VÔ NHÂN NHIẾP

Vô thượng nhiếp có 5, Đáo đại nhiếp có 5, Tịnh hảo nhiếp có 12, Bất thiện nhiếp có 7, Vô nhân nhiếp có 4, gom thành 33 nhóm Nhiếp.

- | | |
|----------------------------------|--------------------------|
| - Ittham cittāviyuttānaṃ, | - Như vậy, Tâm, Tâm sở, |
| Sampayogañca saṅghaṃ, | Hợp phối hợp và Nhiếp, |
| Ñātvā bhedaṃ yathāyogaṃ, | Biết rồi, tùy thích hợp, |
| Cittena samanuddise. | Nên thuyết bằng với Tâm. |

Nghĩa là:

Bậc Trí sau khi biết về 16 cách phối hợp và 4 cách Nhiếp của Tâm sở với sự việc như vậy rồi, nên thuyết về phân loại Tâm sở cho bằng với Tâm tùy sự thích hợp.

Luận sư Anuruddha nói rằng: 7 Tâm sở Biến hành Nhất thiết tâm sanh trong 89 hoặc 121 Tâm. 6 Tâm sở Biệt cảnh ấy, Tâm sanh trong 55 Tâm, Tứ sanh trong 66 Tâm, Thắng giải sanh trong 78 Tâm, Cần sanh trong 73 Tâm, Hỷ sanh trong 51 Tâm, Dục sanh trong 69 Tâm...

Tâm sở sanh trong Tâm bao nhiêu, cho tính bằng với Tâm bấy nhiêu.

DỨT BIỆT PHÂN TÂM SỞ NHIẾP Trong THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP CHƯƠNG II

CHƯƠNG III**BIỆT PHÂN LINH TINH NHIẾP
(PAKIṆṆAKASAṄGAHAVIBHĀGA)**

- | | |
|--------------------------|----------------------------|
| - Sampayuttā yathāyogaṃ, | - Tương ứng, tùy kết hợp, |
| Tepaññāsa sabhāvato, | Năm ba (53) theo bản thể, |
| Cittacetāsikā dhammā, | Chư Pháp: Tâm, Tâm sở. |
| Tesandāni yathārahaṃ. | Nay, chúng tùy kết hợp. |
| - Vedanāhetuto kicca - | - Theo Thọ, Nhân, Phận sự, |
| Dvārālamāṇavattuto, | Theo Môn, Sở duyên, Căn, |
| Cittuppādaseneva, | Với tính năng Tâm sanh, |
| Saṅgaho nāma nīyate. | Gọi: Nhiếp, được dẫn giải. |

Nghĩa là:

Chư Pháp là Tâm và Tâm sở, thuộc *Tương ứng duyên*, tùy cái kết hợp, kể được **53 Pháp** theo tên là: Tâm có 1, Tâm sở có 52.

Chỗ kể rằng: Tâm có đến 89 hoặc 121 ấy là tính theo phân loại của Thiện, Bất thiện và Vô ký, và tính phân loại ra theo từng thứ mới có nhiều.

Nay sẽ nhiếp Tâm và Tâm sở hợp với nhau theo **6 Loại Nhiếp** là: Thọ nhiếp, Nhân nhiếp, Sự nhiếp, Môn nhiếp, Cảnh nhiếp và Vật nhiếp, rồi thuyết ra cho rõ ràng với tính năng Tâm sanh tùy thích ứng trong chương thứ 3 này.

- 1 - Thọ nhiếp (**Vedanāsaṅgaha**), phân thành 5.
- 2 - Nhân nhiếp (**Hetusaṅgaha**), phân thành 6.
- 3 - Sự nhiếp (**Kiccaṅgaha**), phân thành 14.
- 4 - Môn nhiếp (**Dvārasaṅgaha**), phân thành 6.
- 5 - Cảnh nhiếp (**Ārammaṇasaṅgaha**), phân thành 6.
- 6 - Vật nhiếp (**Vatthusaṅgaha**), phân thành 6.

Trước hết sẽ nói về **T thọ nhiếp**.

T thọ có 3 là: Thọ Lạc, Thọ Khổ, Thọ Xả. Hoặc kể **T thọ có 5** là thêm Thọ Hỷ và Thọ Ưu.

Tâm sanh diệt cùng với **Lạc** có 1 là: Thân thức Thiện.

Tâm sanh diệt cùng với **Khổ** có 1 là: Thân thức Bất thiện.

Tâm sanh diệt cùng với **Hỷ** có 62 là: 18 Dục giới Hỷ (là 4 Tham căn Hỷ + 12 Tịnh hảo Dục giới Hỷ là: 4 Thiện Hỷ, 4 Dị thực Hỷ, 4 Tố Hỷ, Thắm tấn Hỷ và Tiểu sinh) và kể lấy 44 Tâm thiên Hỷ (là 11 Sơ thiên, 11 Nhị thiên, 11 Tam thiên, 11 Tứ thiên), 18 + 44 thành 62 Tâm sanh diệt cùng với Hỷ.

Tâm sanh diệt cùng với **Ưu** có 2 là: 2 Sân căn tương ứng Khuể.

Tâm sanh diệt cùng với **Xả** có 55 là: 4 Tham căn Xả, 2 Si căn Xả, 14 Vô nhân Xả, 12 Tịnh hảo Dục giới Xả và 23 Ngũ thiên.

DỨT THO NHIẾP

Tiếp theo đây sẽ thuyết về **Nhân nhiếp**.

Nhân có 6 là:

- **Tham, Sân, Si**, 3 Nhân này thuộc *phần Bất thiện*.
- **Vô tham, Vô sân, Vô si** (*Tuệ quyền*), 3 Nhân này gồm cả *phần Thiện* và *Vô ký*.

89 Tâm phân thành 2 nhóm là: *Vô nhân* và *Hữu nhân*.

Tâm Vô nhân có 18. Tâm Hữu nhân có 71.

18 Tâm Vô nhân là: Hướng Ngũ môn, Ngũ song thức, 2 Tiếp thân, 3 Thắm tấn, Xác định và Tiểu sinh.

71 Tâm Hữu nhân là: 12 Tâm Bất thiện, 24 Tịnh hảo Dục giới, 27 Tâm Đáo đại, 8 Tâm Siêu thế.

71 Tâm Hữu nhân này kể thành Nhân có 3 loại là: Nhất nhân, Nhị nhân, Tam nhân.

Nhất nhân có 2 Tâm là: 2 Tâm Si căn.

Nhị nhân có 22 Tâm là: 8 Tham căn, 2 Sân căn và 12 Tịnh hảo Dục giới bất tương ứng Trí.

Tam nhân có 47 Tâm là: 12 Tịnh hảo Dục giới tương ứng Trí, 15 Tâm Sắc giới, 12 Tâm Vô Sắc giới và 8 Tâm Siêu thế.

– **Lobho Doso ca Moho ca,** – Tham và Sân với Si,

Hetū akusalā tayo, Là ba Nhân Bất thiện.

Alobhādosāmoho ca, Và Vô Tham - Sân - Si,

Kusalābyākatā tathā. Thuộc Thiện, Vô ký vậy.

Nghĩa là:

3 Nhân Bất thiện là: Tham, Sân, Si. 3 Nhân Thiện hoặc Vô ký là: Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

– **Ahetukaṭṭharaseka-** – Vô nhân có mười tám (18),

Hetukā dve dvivīsati, Nhất nhân thời có hai, (2),

Dvihetukā matā satta- Nhị nhân kể hăm hai (22),

Cattaḷisa tihetukā. Tam nhân có bốn bảy (47).

DỨT NHÂN NHIẾP

Sự nhiếp có 14 là:

1 - Sự Tái tục.

2 - Sự Hữu phần.

3 - Sự Hướng môn (**Āvajjanakicca**).

4 - Sự Thấy.

5 - Sự Nghe.

6 - Sự Ngửi.

7 - Sự Nếm.

8 - Sự Xúc.

9 - Sự Tiếp thân.

10 - Sự Thắm tấn.

11 - Sự Xác định.

12 - Sự Đồng tốc.

13 - Sự Bỏ sở duyên.

14 - Sự Tử.

Sự Tái tục ấy là Tâm Tái tục trong 4 Sanh loại (**Yoni**), trong 3 Hữu (**Bhava**).

“Hành tướng của Tâm đặt xuống thuộc Sát na đầu tiên (**Paṭhamakhaṇa**), gọi là: *Sự Tái tục*”, tức là Tâm nối Hữu và Sinh lại, không có gián đoạn.

Sự Tái tục ấy sanh lại đời mới chỉ có 1 Sát na mà thôi, sanh khởi mở đầu Hữu, mở đầu Sinh rồi thì diệt đi.

Sự Hữu phần ấy là Tâm sanh khởi kế tiếp Sát na Tái tục, kể từ Sát na thứ hai trở đi, Tâm Hữu phần sẽ sanh khởi luôn luôn cho đến hết Hữu hết Sinh. *Dòng Hữu phần* (**Bhavaṅgasota**) có sự tiếp nối liên tục, không gián đoạn, giống như ngọn đèn và dòng nước chảy vậy. Dòng Hữu phần có gián đoạn thì gián đoạn khi Tâm bước lên Lộ, hết *Tâm Lộ* (**Vīthiccitta**) rồi, Tâm lại rơi xuống dòng Hữu phần như cũ.

Gọi là: “**Hữu phần**” ấy với ý nghĩa rằng: “*Chính là Hữu và*

là chủ nhân của Hữu". Ví như chủ của ngôi nhà và chủ của làng. **Tâm Lộ** ví như người khách đến gặp và như người đến tạm nương nhà, nương làng vậy.

Lại nữa, Tâm Hữu phần ví như con sông có dòng bình lặng chảy, không có sóng gió. Khi Tâm Lộ sanh lên ví như gió từ 8 hướng thổi đến, làm cho dòng nước bình lặng ấy nổi dợn, nổi sóng từng đợt kéo đi.

Tâm Hữu phần ấy thuộc Chung Dị thực (**Vipākajāti**), Vô ký Dị thực, giống như Tâm Tái tục, không khác Địa giới (**Bhūmi**), không khác Chung, không khác Nhân.

Nếu Tâm Tái tục thuộc Vô nhân, Tâm Hữu phần cũng là Vô nhân. Nếu Tâm Tái tục thuộc Nhị nhân, Tam nhân thì Tâm Hữu phần cũng thuộc Nhị nhân, Tam nhân y như nhau.

Tâm Hữu phần không có chỗ xác định Sát na Tâm, y như là Tâm trong **Lộ Đại định (Mahāsamāpattivīthi)**. Tâm trong Lộ Đại định ấy không có chỗ xác định được Sát na Tâm, tùy Bạc nhập định. Vị ấy muốn nhập định bao nhiêu lần thì Tâm Kiên cố cũng diễn tiến lâu suốt chừng ấy.

Sự Hướng môn ấy là Tâm cho thành tựu phạm sự cắt đứt dòng Hữu phần và sanh khởi trong chặng đầu của **Lộ Hướng Ngũ môn và Lộ Hướng Ý môn**, mới gọi là: **Sự Hướng môn**.

Sự Thấy ấy là Tâm Nhãn thức cho thành tựu phạm sự xem thấy các cảnh Sắc sai biệt, mới gọi là: **Sự Thấy**.

Sự Nghe ấy là Tâm Nhĩ thức cho thành tựu phạm sự nghe các cảnh Thinh sai biệt, mới gọi là: **Sự Nghe**.

Sự Ngửi ấy là Tâm Tỷ thức cho thành tựu phạm sự ngửi các cảnh Khí sai biệt, mới gọi là: **Sự Ngửi**.

Sự Ném ấy là Tâm Thiệt thức cho thành tựu phạm sự ném các cảnh Vị sai biệt, mới gọi là **Sự Ném**.

Sự Xúc ấy là Tâm Thân thức cho thành tựu phạm sự xúc chạm các cảnh Xúc sai biệt, mới gọi là: **Sự Xúc**.

Sự Tiếp thu ấy là Tâm cho thành tựu phạm sự tiếp nhận cảnh trong cả 5 Môn, mới gọi là: **Sự Tiếp thu**.

Sự Thẩm tẩn ấy là Tâm cho thành tựu phạm sự xem xét cảnh trong cả 5 Môn, mới gọi là: **Sự Thẩm tẩn**.

Sự Xác định ấy là Tâm cho thành tựu phạm sự xác định 6 cảnh như cảnh Sắc.v.v... mới gọi là: **Sự Xác định**.

Sự Đồng tốc ấy là Tâm cho thành tựu phạm sự hưởng dụng cảnh, thuộc Thiện, Bất thiện và Vô ký, mới gọi là: **Sự Đồng tốc**.

Sự Bỏ sở duyên ấy là Tâm cho thành tựu phạm sự níu bắt lấy cảnh theo Đồng tốc hưởng dụng ấy, mới gọi là: **Sự Bỏ sở duyên**.

Sự Tử ấy là Tâm cho thành tựu phạm sự chết lia khỏi Hữu hiện tại, mới gọi là: **Sự Tử**.

DỨT PHÂN LOẠI 14 SỰ

Sở (Tḥāna) là khoảng vị trí của Tâm (làm việc).

Có 10 sở là:

1 - Sở Tái tục.

2 - Sở Hữu phần.

3 - Sở Hướng môn.

4 - Sở Ngũ thức (**Pañcaviññāṇaṭṭhāna**).

5 - Sở Tiếp thu.

6 - Sở Thẩm tẩn.

7 - Sở Xác định.

8 - Sở Đồng tốc.

9 - Sở Bỏ sở duyên.

10 - Sở Tử.

Gọi là: “ **Sở** ” ấy là muốn lấy khoảng giữa của Tâm sanh, chẳng hạn như Tâm Tái tục sanh lên trong khoảng giữa của cái Tâm nào, khoảng giữa của cái Tâm ấy gọi là: **Sở Tái tục**.

Tâm Hữu phần và **Tâm Hưởng môn** cũng có lời giải như vậy.

Sở Hữu phần có 6 là:

1 - Có trong khoảng giữa của Tái tục và Hưởng Ý môn.

2 - Có trong khoảng giữa của Đồng tốc và Hưởng Ý môn.

3 - Có trong khoảng giữa của Bỉ sở duyên và Hưởng Ý môn.

4 - Có trong khoảng giữa của Xác định và Hưởng Ý môn.

5 - Có trong khoảng giữa của Đồng tốc và Tử.

6 - Có trong khoảng giữa của Bỉ sở duyên và Tử.

Sở Hữu phần thứ 1: Có trong khoảng giữa của Tâm Tái tục và Hưởng Ý môn ấy, đó là Tâm Hữu phần sanh kế tiếp Tâm Tái tục.

Sở Hữu phần thứ 2: Có trong khoảng giữa của Tâm Đồng tốc và Hưởng Ý môn ấy, đó là Tâm Hữu phần sanh trong *phiên Đồng tốc (Javanavāra)*, có Cảnh lớn.

Sở Hữu phần thứ 3: Có trong khoảng giữa của Tâm Bỉ sở duyên và Hưởng ý môn ấy, đó là Tâm Hữu phần sanh trong *phiên Bỉ sở duyên*, có Cảnh rất lớn.

Sở Hữu phần thứ 4: Có trong khoảng giữa của Tâm Xác định và Hưởng Ý môn ấy, đó là Tâm Hữu phần sanh trong *phiên Xác định* có Cảnh Nhỏ.

Sở Hữu phần thứ 5: Có trong khoảng giữa của Tâm Đồng tốc và Tâm Tử (chúng sanh chết ngay điểm này), đó là Tâm Tử có sanh Tâm Hữu phần, có Cảnh Lớn.

Sở Hữu phần thứ 6: Có trong khoảng giữa của Tâm Bỉ sở duyên và Tâm Tử (chúng sanh chết ngay điểm này), đó là Tâm Tử có sau Tâm Hữu phần như trên, nhưng có Cảnh Rất lớn, chỉ khác nhau như vậy.

Sở Hưởng môn có 2 là: Sở Hưởng Ngũ môn và Sở Hưởng Ý môn.

1 - *Sở Hưởng Ngũ môn* ấy có trong khoảng giữa của Tâm Hữu phần và Ngũ thức.

2 - *Sở Hưởng Ý môn* ấy có trong khoảng giữa của Tâm Hữu phần và Tâm Đồng tốc.

- **Sở Ngũ thức** có trong khoảng giữa của Hưởng Ngũ môn và Tiếp thân.

- **Sở Tiếp thân** có trong khoảng giữa của Ngũ thức và Thẩm tấn.

- **Sở Thẩm tấn** có trong khoảng giữa của Tiếp thân và Xác định.

- **Sở Xác định** có trong khoảng giữa của Thẩm tấn và Đồng tốc.

- **Sở Đồng tốc** có 4 là:

1 - Có trong khoảng giữa của Xác định và Bỉ sở duyên.

2 - Có trong khoảng giữa của Xác định và Hữu phần.

3 - Có trong khoảng giữa của Hưởng Ý môn và Bỉ sở duyên.

4 - Có trong khoảng giữa của Hưởng Ý môn và Hữu phần.

Sở Đồng tốc thứ 1: Có trong khoảng giữa của Xác định và Bỉ sở duyên ấy, là Tâm Đồng tốc sanh trong *Lộ Ngũ môn*, có Cảnh Rất lớn.

Sở Đồng tốc thứ 2: Có trong khoảng giữa của Xác định và Hữu phần ấy, là Tâm Đồng tốc sanh trong *Lộ Ngũ môn*, có Cảnh Lớn.

Sở Đồng tốc thứ 3: Có trong khoảng giữa của Hưởng Ý môn và Bỉ sở duyên ấy, là Tâm Đồng tốc sanh trong *Lộ Ý môn*, có Cảnh Rõ.

Sở Đồng tốc thứ 4: Có trong khoảng giữa của Hưởng Ý môn và Hữu phần ấy, là Tâm Đồng tốc sanh trong *Lộ Ý môn*, có Cảnh Không rõ.

Lại nữa, trong *Lộ Kiên cố* (*Appanāvīthi*), *Lộ Đạo* (*Maggavīthi*) và *Lộ Quả* (*Phalavīthi*) ấy, Tâm Đồng tốc cũng sanh trong khoảng giữa của Hưởng Ý môn và Hữu phần y như nhau.

Sở Bỉ Sở duyên có 2 là:

1 - Có trong khoảng giữa của Đồng tốc và Hữu phần.

2 - Có trong khoảng giữa của Đồng tốc và Tử.

Sở Bỉ sở duyên thứ 1: Có trong khoảng giữa của Đồng tốc và Hữu phần ấy, là Tâm Bỉ sở duyên có trong Lộ Ngũ môn, có Cảnh Rất lớn.

Sở Bỉ sở duyên thứ 2: Có trong khoảng giữa của Đồng tốc và Tử ấy, là Tâm Bỉ sở duyên sanh trong Lộ Ý môn, có Cảnh rõ. Sở Bỉ ở duyên này là khi chúng sanh tới thời điểm chết có Bỉ sở duyên ở trước.

Sở Tử có 4 là:

1 - Có trong khoảng giữa của Bỉ sở duyên và Tái tục.

2 - Có trong khoảng giữa của Đồng tốc và Tái tục.

3 - Có trong khoảng giữa của Hữu phần và Tái tục.

4 - Cũng có trong khoảng giữa của Hữu phần và Tái tục.

Sở Tử thứ 1: Có trong khoảng giữa của Bỉ sở duyên và Tái tục ấy, có lời giải rằng:

Một số chúng sanh khi tới thời Cận tử (*Maraṇāsannakāla*), Tâm Đồng tốc sanh khởi 5 Sát na rồi diệt đi. Kế đến Tâm Bỉ sở duyên sanh khởi 2 Sát na rồi diệt đi. Tâm Tử sanh khởi 1 Sát na, chúng sanh ấy chết đi, rồi Tái tục nối tiếp theo. Chúng sanh Tử như vậy cũng có.

Sở Tử thứ 2: Có trong khoảng giữa của Đồng tốc và Tái tục:

Một số chúng sanh khi tới thời Cận tử, Tâm Đồng tốc sanh khởi 5 Sát na rồi diệt đi. Tâm rơi xuống lại Hữu phần. Tâm Bỉ

sở duyên không có sanh. Tâm Tử sanh khởi 1 Sát na, chúng sanh ấy chết đi, rồi thì Tái tục nối tiếp theo. Chúng sanh Tử như vậy cũng có.

Sở Tử thứ 3: Có trong khoảng giữa của Hữu phần và Tái tục:

Một số chúng sanh khi tới thời Cận tử, Tâm Đồng tốc sanh khởi 5 Sát na rồi diệt đi. Tâm Bỉ sở duyên sanh khởi 2 Sát na rồi diệt đi, Tâm rơi xuống lại Hữu phần. Tâm Tử mới sanh khởi 1 Sát na, chúng sanh ấy chết đi, rồi thì Tái tục nối tiếp theo. Chúng sanh Tử như vậy cũng có.

Sở Tử thứ 4: Cũng có trong khoảng giữa của Hữu phần và Tái tục:

Một số chúng sanh khi tới thời Cận tử, Tâm Đồng tốc sanh khởi 5 Sát na rồi diệt đi. Tâm rơi xuống lại Hữu phần. Tâm Tử mới sanh khởi 1 Sát na, chúng sanh ấy chết đi, rồi thì Tái tục nối tiếp theo. Chúng sanh Tử như vậy cũng có.

Đó là 4 Sở Tử.

Sở Tái tục ấy có trong khoảng giữa của Tử và Hữu phần. Tâm Tử và Tâm Tái tục sanh nối liền với nhau, không có Tâm nào khác sanh xen kẻ vào đó.

DỨT PHÂN LOẠI 10 SỞ

19 Tâm là: 2 Thảm tấn Xả, 8 Đại Dị thực, 5 Dị thực Sắc giới, 4 Dị thực Vô sắc giới. 19 Tâm này có tên gọi là: *Sự Tái tục*, *Sự Hữu phần*, *Sự Tử*.

2 Tâm: Hưởng Ngũ môn và Hưởng Ý môn, có 1 tên là: *Sự Hưởng môn*.

10 Ngũ thức là: 5 Bất thiện, 5 Thiện, gọi chung là *Ngũ song thức*, phân theo 5 sự là:

Nhãn thức có tên là: *Sự Thấy*. Nhĩ thức có tên là: *Sự Nghe*.

Tỷ thức có tên là: *Sự Ngửi*. Thiệt thức có tên là: *Sự Nếm*. Thân thức có tên là: *Sự Xúc*.

2 Tâm Tiếp thu có tên là: *Sự Tiếp thu*, cho thành tựu phạm sự tiếp nhận cảnh trong cả 5 Môn.

3 Tâm Thẩm tẩn có tên là: *Sự Thẩm tẩn*, cho thành tựu phạm sự xem xét đến cảnh trong cả 5 Môn.

Hướng Ý môn có tên là: *Sự Xác định*, cho thành tựu phạm sự xác định cảnh trong cả 5 Môn. Khi sanh trong Lộ Ngũ môn có tên là *Xác định*. Khi sanh trong Lộ Ý môn có tên là: *Hướng Ý môn*. Hướng Ý môn và Xác định này chỉ là một Tâm.

Tâm thuộc Thiện, Bất thiện, Tố cho thành tựu phạm sự Đồng tốc, có 55 là: 12 Bất thiện, 8 Thiện Dục giới, 8 Tố Dục giới, 1 Tiểu sinh, cộng thành 29 Tâm thuộc Đồng tốc Dục giới; 18 Đồng tốc Đáo đại; 8 Đồng tốc Siêu thế. Tổng cộng thành 55 Tâm, có tên là: *Sự Đồng tốc*.

8 Đại Dị thực, 3 Thẩm tẩn, là 11 Tâm, có tên là: *Sự Bỏ sở duyên*, làm phạm sự tùy theo Đồng tốc. Đồng tốc hưởng dụng cảnh nào, Bỏ sở duyên cũng nứ bắt cái ấy làm cảnh.

2 *Thẩm tẩn Xả* cho thành tựu 5 Sự là: Sự Tái tục, Sự Hữu phần, Sự Tử, Sự Bỏ sở duyên, Sự Thẩm tẩn.

8 *Đại Dị thực* có 4 Sự là: Sự Tái tục, Sự Hữu phần, Sự Tử, Sự Bỏ sở duyên.

9 *Dị thực Đáo đại* có 3 Sự là: Sự Tái tục, Sự Hữu phần, Sự Tử.

Thẩm tẩn Hỷ, thuộc Dị thực Thiện Vô nhân, có 2 Sự là: Sự Thẩm tẩn, Sự Bỏ sở duyên.

Tâm Hướng Ý môn cho thành tựu phạm sự trong cả 5 Môn, có 2 Sự là: Sự Xác định và Sự Hướng môn.

68 Tâm còn lại, mỗi một Tâm có mỗi một phạm sự là:

- 55 Tâm Đồng tốc cho thành tựu phạm sự chạy đến hưởng dụng cảnh.

- 3 Ý giới là: 1 Hướng Ngũ môn, 2 Tiếp thu. Hướng Ngũ môn cho thành tựu phạm sự cắt đứt dòng Hữu phần, sanh trong chặng đầu Lộ Môn, 2 Tiếp thu cho thành tựu phạm sự tiếp nhận cảnh trong cả 5 Môn.

- 10 Ngũ song thức có tùy phạm sự là: Thấy, Nghe, Ngửi, Nếm, Xúc chạm.

- Paṭisandhādayo nāma, – Phân theo Sự, mười bốn (14),
- Kiccabhedena cuddasa, Có tên trong Tái tục...
- Dasadhā ṭhānabhedena, Mười loại (10), phân theo Sở,
- Cittuppādā pakāsītā. Tâm sanh được tuyên thuyết,
- Aṭṭhasaṭṭhī tathā dve ca, – Cũng thế, sáu tám (68), hai (2),
- Navatṭha dve yathākkamaṃ, Chín (9), tám (8), hai (2) tuần tự,
- Eka-dvi-ti-catu-pañca, Một (1), hai (2), ba (3), bốn (4), năm (5).
- Kiccaṭṭhānāni niddise. Minh thuyết các Sự, Sở.

Nghĩa là:

Phận sự của Tâm có 14, như Sự Tái tục... Sở của Tâm có 10, đã được Đức Phật thuyết. Bậc Trí nên thuyết lên Phận sự và Sở theo tuần tự với nhau như vậy.

Tâm có 1 Phận sự, có 1 Sở thời có 68 Tâm.

Tâm có 2 Phận sự, có 2 Sở thời có 2 Tâm.

Tâm có 3 Phận sự, có 3 Sở thời có 9 Tâm.

Tâm có 4 Phận sự, có 4 Sở thời có 8 Tâm.

Tâm có 5 Phận sự, có 5 Sở thời có 2 Tâm.

Giải rằng:

55 Tâm Đồng tốc, 10 Ngũ thức, 3 Ý giới, là 68 Tâm có 1 Sự, 1 Sở.

Thẩm tẩn Hỷ, Hướng Ý môn, là 2 Tâm có 2 Sự, 2 Sở.

9 Đại thực Đáo đại có 3 Sự, 3 Sở.

8 Đại Dị thực có 4 Sự, 4 Sở.

2 Thấm tấn Xả có 5 Sự, 5 Sở.

DỨT 14 SỰ NHIẾP

Tiếp theo sẽ thuyết về Môn nhiếp.

Môn có 6 loại, hàm chỉ *Sắc Tinh (Pasādarūpa)* thấm thấu ở trong *Sắc Hiện (Bhūtarūpa)*, đó là:

1 - **Nhãn Môn**, có hình dáng bằng đầu con chó, an vị giữa tròng đen.

2 - **Nhĩ môn**, có hình dáng như chiếc nhẫn, an vị trong 2 lỗ tai.

3 - **Tỷ môn**, có hình dáng như chân con dê, an vị trong sống mũi.

4 - **Thiệt môn**, có hình dáng như cánh sen, an vị giữa lưỡi.

5 - **Thân môn**, thấm ở khắp thân, chỉ trừ tóc, lông, móng bên ngoài thân.

6 - **Ý môn**, hàm chỉ *Hữu phần Đoạn (Hữu phần Dứt dòng)* biến thành những Tâm lộ khác nhau, hoặc là *Sắc Tâm vật* cũng được.

46 Tâm sanh trong cả 5 Môn, mỗi Môn có 46 Tâm là: Nhãn Môn có 46 Tâm, Nhĩ môn có 46 Tâm, Tỷ môn có 46 Tâm, Thiệt môn có 46 Tâm, Thân môn có 46 Tâm.

46 Tâm mà sanh trong cả 5 Môn ấy là: 1 Hương Ngũ môn, 2 Nhãn thức, 2 Tiếp thấu, 3 Thấm tấn, 1 Xác định, 29 Đồng tốc Dục giới, 8 Đại Dị thực, cộng thành 46 Tâm.

Đó là chỉ nói theo Nhãn môn. Trong Nhĩ môn, Tỷ môn, Thiệt môn, Thân môn cũng giống như vậy, chỉ đổi Nhãn thức đi, lấy Nhĩ thức, Tỷ thức, Thân thức thế vào cho đủ mỗi Môn 46 Tâm theo từng Môn.

Nếu nói chung cả 5 Môn, *Luận sự Anuruddha* nói rằng: 54

Tâm Dục giới ấy sanh trong 5 Môn là: 10 Ngũ song thức, 1 Hương Ngũ môn, 1 Xác định, 11 Bỉ sở duyên, 2 Tiếp thấu, 29 Đồng tốc Dục giới.

10 Ngũ song thức ấy sanh riêng trong vị trí Môn của mình, mỗi Môn mỗi 2 Tâm là 1 Thiện, 1 Bất thiện. 5 Môn thành 10 Tâm, gọi chung tên là: Ngũ song thức. Ngũ song thức này được ví như người gác cửa thường trực gác ở cổng của mình.

44 Tâm kia ví như tổng số chung dùng để phân phối trong cả 5 Môn.

44 Tâm này, Bạc Trí nên biết rằng thuộc Dục giới trong Lộ Ngũ môn.

Tâm sanh trong **Lộ Ý môn** ấy, có 67 Tâm là: 1 Hương Ý môn, 55 Đồng tốc, 11 Bỉ Sở duyên.

55 Tâm Đồng tốc là: 29 Đồng tốc Dục giới, 10 Đồng tốc Sắc giới, 8 Đồng tốc Vô Sắc giới, 8 Đồng tốc Siêu thế.

11 Bỉ sở duyên là: 8 Đại Dị thực, 3 Thấm tấn.

19 Tâm là: 2 Thấm tấn Xả, 8 Đại Dị thực, 9 Đại thực Đáo đại cho thành tựu 3 Phận sự là: Tái tục, Hữu phần, Tử.

19 Tâm này gọi là: *Ngoại môn (Dvāravimutti)*, nhưng không hẳn vậy, một số Thời thì thuộc Ngoại môn, một số Thời thì không phải. 9 Đại thực Đáo đại là Ngoại môn. 2 Thấm tấn, 8 Đại dị thực, nếu thành tựu phận sự Tái tục, Hữu phần, Tử thì thuộc Ngoại môn; nếu là Bỉ sở duyên thì gọi là: *Tâm Lục môn (Chadvāracitta)*.

89 Tâm phân thành 5 nhóm là:

- Sanh trong một Môn có 36 Tâm.

- Sanh trong cả 5 Môn có 3 Tâm.

- Sanh trong cả 6 Môn có 31 Tâm.

- Thoát ngoài cả 5 Môn có 9 Tâm.

- Gọi 2 Tên là: *Lục môn* và *Ngoại môn* có 10 Tâm.

10 Ngũ song thức, 18 Đồng tốc Đáo đại, 8 Đồng tốc Siêu thế, là 36 Tâm, có tên là *Nhất môn*.

Hương Ngũ môn, 2 Tiếp thân, là 3 Tâm, có tên là: *Ngũ môn*.

Thẩm tấn Hỷ, Xác định, 29 Đồng tốc Dục giới, là 31 tâm, có tên là: *Lục môn*.

9 Dị thực Đáo đại có tên là: *Ngoại môn*.

2 Thẩm tấn Xả, 8 Đại Dị thực là 10 Tâm, có tên là: *Lục môn* và *Ngoại môn*.

DỨT MÔN NHIẾP

Tiếp theo sẽ thuyết về **Cảnh nhiếp**.

Cảnh có 6 loại là:

- 1 - **Cảnh Sắc**, là tất cả màu sắc đến hiện rõ với Tinh Nhãn.
- 2 - **Cảnh Thinh**, là tất cả tiếng đến hiện rõ với Tinh Nhĩ.
- 3 - **Cảnh Khí**, là tất cả hơi mùi đến hiện rõ với Tinh Tỷ.
- 4 - **Cảnh Vị**, là tất cả vị đến hiện rõ với Tinh Thiệt.
- 5 - **Cảnh Xúc**, là tất cả xúc đến hiện rõ với Tinh Thân.
- 6 - **Cảnh Pháp**, là tất cả 6 thứ cảnh đến hiện rõ với Ý môn.

6 thứ Cảnh đó là 6 Pháp: Sắc Tinh, Sắc Tế, Tâm, Tâm sở, Níp Bàn, Chế định.

Tâm mà sanh trong cả 5 Môn ấy bắt lấy cả 5 cảnh trong *Hiện tại* làm cảnh được, không có thể bắt lấy 5 cảnh trong *Quá khứ* hay *Vị lai* làm cảnh được.

Tâm mà sanh trong Ý môn ấy bắt lấy cảnh trong *Quá khứ*, *Hiện tại*, *Vị lai* làm cảnh được hết.

Tâm có tên là *Ngoại môn*, sanh ngoài 6 Môn ấy, cho thành tựu phạm sự Tái tục, Hữu phần, Tử, thời bắt lấy cả 6 cảnh được.

Đồng tốc Dục giới sanh trong *Lộ cận tử* (*Āsannavīthi*) từ đời sống trước ấy bắt lấy cái nào làm cảnh, thời Tâm làm phạm sự Tái tục. Hữu phần trong đời sống hiện tại này cũng bắt lấy cái ấy làm cảnh.

Cảnh của Đồng tốc Cận tử trong đời sống trước ấy là *Hiện tại* cũng có, là *Quá khứ* cũng có, là *Chế định* cũng có. Đức Phật gọi là: *Nghiệp*, *Nghiệp tướng*, *Thú tướng* (*Gatinimitta*).

10 Ngũ song thức ấy có được 5 cảnh, tùy mỗi đời thức có mỗi cảnh khác nhau.

Về phần 3 Ý giới ấy níu lấy 5 cảnh sanh trong *Lộ Ngũ môn*, mỗi cảnh duyên theo mỗi *Lộ môn*.

11 Dị thực Dục giới còn lại là: 3 Thẩm tấn, 8 Đại Dị thực, cộng 1 Tiểu sinh, 10 Ngũ song thức, 3 Ý giới, là 25 Tâm, đang níu bắt được chỉ *cảnh Dục giới*, không có níu bắt *cảnh Sắc giới*, *Vô Sắc giới*, *Siêu thế* được.

12 Bất thiện, 4 Thiện bất tương ưng Trí, 4 Tố bất tương ưng Trí, là 20 Tâm, 20 Tâm này đôi khi có cảnh Dục giới, đôi khi có *cảnh Sắc giới* và *Vô Sắc giới*, không thể bắt lấy *cảnh Siêu thế* được.

4 Thiện Dục giới tương ưng Trí, 1 Thắng trí Thiện (*là Tâm Thiện Ngũ thiên*). 5 Tâm này đôi khi có cảnh Sắc giới, Vô Sắc giới, Siêu thế, nhưng không bắt lấy *Tâm Đạo Ứng cúng*, *Tâm Quả Ứng cúng* làm cảnh được.

4 Tố Dục giới tương ưng Trí, 1 Tố Ngũ thiên (*Thắng trí Tố*), 1 Tâm Xác định, là 6 Tâm, 6 Tâm này bắt lấy mọi cảnh được, không có sót cảnh nào cả.

3 Thức Vô biên, 3 Phi tướng Phi phi tướng, là 6 Tâm, 6 Tâm này bắt lấy *cảnh Đáo đại* được.

15 Tâm Sắc giới, 3 Tâm Sơ thiên Vô sắc, 3 Tâm Tam thiên Vô sắc là 21 Tâm, 21 Tâm này bắt lấy *cảnh Chế định*.

- 8 Tâm Siêu thế bắt lấy cảnh Níp Bàn.
- Pañcavīsa parittamhi, – Hăm lăm (25) với cảnh Tiểu,
 Cha cittāni mahaggate, Sáu (6) Tâm cảnh Đáo đại,
 Ekavīsati vohāre, Hăm một (21) về Thế ngữ.
 Aṭṭha Nibbānagocare. Tám (8) Hành cảnh Níp Bàn.
- Viṣamuttaramuttamhi, – Hai mươi (20), ngoài Vô thượng,
 Aggamaggaphalujjite, Năm (5), trừ đỉnh Đạo Quả,
 Pañca sabbattha cha ceti, Và sáu (6), mọi chỗ vậy.
 Sattadhā tattha saṅgaho. Nhiếp tại đấy bảy (7) cách.

Nghĩa là:

Cảnh nhiếp này nhiếp 7 nhóm Tâm là:

- 25 Tâm có Dục giới làm cảnh.
- 6 Tâm có Đáo đại làm cảnh.
- 21 Tâm có Chế định làm cảnh.
- 8 Tâm có Níp Bàn làm cảnh.
- 20 Tâm lấy mọi Pháp làm cảnh được, trừ Siêu thế.
- 5 Tâm lấy mọi Pháp làm cảnh được, trừ Đạo Quả Ứng cúng.
- 6 Tâm lấy mọi Pháp làm cảnh được, không có trừ.

DỨT 6 CẢNH NHIẾP

Vật nhiếp, thuyết về 6 Vật là:

- 1 - Nhân Vật.
- 2 - Nhĩ Vật.
- 3 - Tỷ Vật.
- 4 - Thiệt Vật.
- 5 - Thân Vật.
- 6 - Tâm Vật.

5 Vật đầu từ Nhân vật cho đến Thân vật nhằm lấy Sắc Tinh, là nơi nương sanh của Ngũ song thức; mỗi đôi Thức nương mỗi Vật, tròn 5 Vật là 10 Tâm.

Tâm vật ấy hàm lấy nước nuôi tim, là nơi nương sanh của 75 Tâm nương Tâm vật còn lại.

75 Tâm ấy là: 12 Tâm Bất thiện, 2 Tiếp thân, 3 Thắm tấn, 3 Tố Vô nhân, 24 Dục giới Tịnh hảo, 15 Tâm Sắc giới, 8 Tâm Vô Sắc giới (trừ 4 Dị thực Vô sắc giới), 8 Tâm Siêu thế.

75 Tâm này sanh nương Tâm vật, là nơi thích hợp ở trong nước nuôi tim.

6 Vật có đủ chỉ trong 11 Dục giới địa là: 4 Bất lạc địa, 1 Nhân loại, 6 Dục giới Thiên.

Trong Phạm thiên Sắc giới chỉ có 3 Vật là: Nhân vật, Nhĩ vật và Tâm vật.

Trong Phạm thiên Vô sắc không có 6 Vật, không có sắc, màu, hình dáng, ví như gió sanh từ cây quạt lông thú và quạt thốt nốt chẳng có màu sắc và hình dáng chi cả.

5 Ngũ Thức giới (Pañcaviññāṇadhātu) nương 5 Tinh Vật hiện hành theo tuần tự.

3 Ý giới là: 1 Hưởng Ngũ môn, 2 Tiếp thân, 3 Tâm này nương Tâm vật mới sanh được, không có nương 5 Sắc Tinh để sanh.

30 Tâm Ý Thức giới là: 3 Thắm tấn, 1 Dự lưu Đạo, 8 Đại Dị thực, 1 Tiểu sinh, 2 Tâm Sân, 15 Tâm Sắc giới, 30 Tâm này nương Tâm Vật rồi mới hiện hành.

Tâm nương 5 Sắc Tinh và Tâm vật, có 43 Tâm là: 10 Ngũ Song thức, 3 ý giới, 30 Ý Thức giới.

42 Tâm là: 8 Tham căn, 2 Si căn, 1 Hưởng Ý môn, 8 Đại thiện, 8 Đại Tố, 4 Thiện Vô sắc, 4 Tố Vô sắc, 7 Siêu thế (trừ

Dự lưu Đạo), 42 Tâm nảy nương Sắc Tinh cũng có, nương Tâm vật cũng có, không nương cũng có, cũng hiện hành được.

4 Dị thực Vô sắc không cần nương Tâm vật cũng hiện hành được.

Trong Dục hữu có 7 Thức giới là: Nhân Thức giới, Nhĩ Thức giới, Tỷ Thức giới, Thiệt Thức giới, Thân Thức giới, Ý giới, Ý Thức giới, 7 Giới nảy nương lấy 6 Vật.

Trong Sắc hữu có 4 Thức giới là: Nhân Thức giới. Nhĩ Thức giới, Ý giới, Ý Thức giới, 4 Thức giới nảy nương 3 Vật là: Tinh Nhân, Tinh Nhĩ, Tâm vật.

Trong Vô Sắc hữu chỉ có duy nhất Ý Thức giới, vì không có Sắc uẩn để nương.

- **Tecattālīsa nissāya,** - Bốn mươi ba (43) nương Vật,

Dvecattālīsa jāyare, Bốn mươi hai (42) khi sanh,

Nissāya ca anissāya, Không nương có, nương có,

Pākāruppā anissitā. Thực Vô sắc không nương.

Nghĩa là:

Tâm nương Sắc Tinh, Tâm vật có 43 Tâm. Tâm nương Sắc Tinh, Tâm vật cũng có, không nương cũng có, có 42 Tâm. 4 Dị thực Vô sắc không nương Sắc Tinh hay Tâm vật chi cả cũng sanh được.

DỨT BIỆT PHÂN LINH TINH NHIẾP

Trong THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP CHƯƠNG III

CHƯƠNG IV

BIỆT PHÂN LỘ NHIẾP (VĪTHISAṄGAHAVIBHĀGA)

- **Cittuppādānam'iccevaṃ,** - Chính vậy, đối Tâm sanh,

Katvā saṅgaham'uttamam, Đã làm Tối thượng nhiếp,

Bhūmipuggalabhedena, Theo phân loại Địa, Nhân,

Pubbāparaniyāmitaṃ. Nhất định phân Tiên, Hậu.

- **Pavattisaṅgaham nāma,** - Gọi là: **Biển chuyển nhiếp,**

Paṭisandhippavattiyam, Trong Tái tục, Biển chuyển,

Pavakkhāmi samāsenā, Sẽ nói theo tóm lược,

Yathāsambhavato kathaṃ. Thuyết tùy theo hiện hữu.

Nghĩa là:

Tôi, Luận sư Anuruddha, đã thuyết về Nhiếp, tức là sự nhiếp thu tối thượng lý của Tâm và Tâm sở như vậy, rồi sẽ nói về **Biển chuyển nhiếp (Pavattisaṅgaha)**, đã được ấn định chặng đầu và chặng cuối của Tâm, theo phân loại **Địa giới (Bhūmi - Cõi)** và **Cá nhân (Puggala - Người)**, trong **Thời Tái tục** và **Thời Biển chuyển (Pavattikāla)** bằng lối tóm tắt, tùy theo sự hiện khởi của Tâm.

Hỏi: Muốn phân tích Tâm theo phân loại **Địa giới, Cá nhân** và muốn xác định **chặng đầu - chặng cuối** của Tâm trong thời **Biển chuyển**, thời **Tái tục** ấy, phải phân tích, xác định theo lý nào?

Đáp: Muốn phân tích Tâm theo phân loại Địa giới - Cá nhân, và muốn xác định chặng đầu - chặng cuối của Tâm trong thời Biến chuyển - thời Tái tục ấy, sẽ được thuyết theo ý lý như sau:

LỘ NHIẾP (Vīthisaṅgaha), là sự nhiếp thâu về Lý Lộ Tâm, nói về Lục pháp (Chakka), mỗi Pháp có 6 thứ:

1/ 6 Vật : 1) Nhãn vật, Nhĩ... Tỷ... Thiệt... Thân... Tâm vật.

2/ 6 Môn : 1) Nhãn môn, Nhĩ... Tỷ... Thiệt... Thân... Ý môn.

3/ 6 Cảnh : 1) Cảnh sắc, ...Thinh, ...Khí, ...Vị, ...Xúc, Cảnh pháp.

4/ 6 Thức : 1) Nhãn thức, Nhĩ... Tỷ... Thiệt... Thân... Ý thức.

5/ 6 Lộ : 1) Lộ Nhãn môn, ..Nhĩ ..Tỷ... ..Thiệt... ..Thân..., Lộ Ý môn.

6/ 6 Cảnh giới hiện hành: 1) Cảnh Rất lớn, ..., Cảnh Không rõ.

Cảnh giới hiện hành (Visayappavatti), là sự hiện hành nơi cảnh của Tâm, khi thoát ngoài Lộ trình (Vīthimutta) có 3 loại là: Nghiệp, Nghiệp tướng, Thú tướng.

6 Vật, 6 Môn, 6 Cảnh, cả 3 pháp này đã nói đến rồi.

Nay sẽ nói về **Cảnh giới hiện hành**, là sự hiện hành nơi cảnh của Tâm, Bậc Trí nên kết hợp **Lộ môn (Dvāravīthi)** và **Lộ thức (Viññānavīthi)**.

Nên biết rằng: **Cảnh giới hiện hành** (là sự hiện hành nơi cảnh của Tâm) có 6 là:

1 - Cảnh Rất lớn (Ati-Mahantārammaṇa).

2 - Cảnh Lớn (Mahantārammaṇa).

3 - Cảnh Nhỏ (Parittārammaṇa).

4 - Cảnh Rất nhỏ (Ati-Parittārammaṇa).

5 - Cảnh Rõ (Vibhūtārammaṇa).

6 - Cảnh Không rõ (Avibhūtārammaṇa).

Cảnh Rất lớn, Cảnh Lớn, Cảnh Nhỏ, Cảnh Rất nhỏ, cả 4 Cảnh này có trong **Lộ Ngũ thức (Pañcaviññānavīthi)**.

Cảnh Rõ, Cảnh Không rõ, cả 2 Cảnh này có trong **Lộ Ý thức (Manoviññānavīthi)**.

Hỏi: Làm thế nào mới biết được rằng: là Cảnh nào?

Đáp: Nếu muốn biết cảnh trong Lộ Ngũ thức và Lộ Ý thức ấy thuộc cảnh nào, cần phải biết về Sát na Tâm trước đã, rồi mới sẽ biết 6 Cảnh thật dễ dàng.

Sát na Tâm ấy có 3 Sát na Tiểu là: 1) Sát na Sinh. 2) Sát na Trụ. 3) Sát na Diệt. 3 Sát na Tiểu này là một Sát na Đại. 17 Sát na Đại là một Thọ mạng (āyu) của Sắc.

Nghĩa là: Tâm diệt 17 lần, Sắc mới diệt một lần. Sắc sanh lên, tồn tại, hoại diệt, 3 giai đoạn này kể là một Thọ mạng (của Sắc).

6 Cảnh: Cảnh Sắc... đến chạm Sắc Tinh rồi, muốn thành tựu phận sự là cảnh của Tâm Lộ ấy, có khi trải qua 1 Sát na, 2 Sát na, 3 Sát na; có khi trải qua 4 Sát na, 5 Sát na, 6 Sát na; có khi trải qua 7 Sát na, 8 Sát na, 9 Sát na, không có giống nhau.

Trước hết sẽ nói về **Lộ Nhãn thức** (trong Lộ Nhãn môn):

Đó là: Khi cảnh Sắc đến xúc chạm Tinh nhãn rồi, vẫn chưa được thành cảnh của Tâm Lộ, Hữu phần Khứ (Hữu phần Vừa qua) trải qua Sát na Diệt một Sát na, rồi mới thành Hữu phần Động (Hữu phần Rúng động). Hữu phần Động rồi mới thành Hữu phần Doạn (là dòng Hữu phần bị gián đoạn - cg. Hữu phần dứt dòng).

Kế đến, Tâm Lộ đầu tiên, là Tâm Hướng Ngũ môn, sanh khởi một Sát na, nghĩ đến cảnh Sắc trong Nhãn môn, rồi cũng Diệt đi.

Sau đó Nhãn thức mới sanh khởi 1 Sát na, thấy sắc, biết rõ cảnh Sắc, rồi cũng diệt đi.

Kế đến, *Tâm Tiếp thu* mới sanh lên một Sát na, tiếp nhận lấy cảnh Sắc ấy rồi diệt đi.

Kế đến, *Tâm Thấm tấn* sanh lên một Sát na, suy xét, trắc lượng cảnh Sắc, rồi cũng diệt đi.

Kế tiếp nữa, *Tâm Xác định* sanh lên một Sát na, xác định, phán quyết về cảnh Sắc ấy, rồi diệt đi.

Kế tiếp theo, một *Tâm Đồng tốc* nào trong **29 Đồng tốc Dục giới**, có được duyên rồi thì sanh lên, cho hưởng dụng, biết rõ ràng về cảnh Sắc ấy rằng: lớn, nhỏ, thô, tế, tốt, xấu.v.v... sanh lên, rồi diệt, sanh lên rồi diệt, liên tiếp đến 7 Sát na mới diệt hết.

Kế tiếp nữa *Tâm Bỏ duyên* sanh lên 2 Sát na, níu bắt lấy cảnh Sắc theo Đồng tốc ấy, rồi cũng diệt đi.

Khi Tâm Lộ sanh đến Bỏ duyên rồi, Tâm cũng rơi xuống dòng Hữu phần. Dòng Hữu phần cũng bình lặng như thường lệ.

Nghĩa là: Khi cảnh Sắc đến hiện rõ với Lộ Nhân môn, có 1 Sát na Hữu phần Khứ, 1 Sát na Hữu phần Động, 1 Sát na Hữu phần Đoạn, là 3 Sát na sanh lên rồi diệt đi. Tâm Lộ mới sanh khởi theo trình tự.

Tâm Lộ có 7 tên là: Hưởng Ngũ môn, có 1 Sát na. Nhãn thức có 1 Sát na. Tiếp thu, có 1 Sát na. Thấm tấn có 1 Sát na, Xác định, có 1 Sát na. Đồng tốc có 7 Sát na. Bỏ duyên, có 2 Sát na.

Tính tên **Tâm Lộ** có được 7 tên. Tính **Sát na Tâm** có được 14 Sát na Tâm. Rồi lấy 3 Sát na Hữu phần là: Hữu phần Khứ, Hữu phần Động, Hữu phần Đoạn cộng thêm vào thành 17 Sát na Tâm.

Sắc ấy thuộc cảnh Hiện tại, nếu tồn tại 17 Sát na Tâm như vậy, gọi là: **Cảnh Rất lớn.**

Nếu cảnh Sắc đến hiện rõ với Tinh nhãn rồi, vẫn chưa được thành cảnh của Tâm Lộ, Hữu phần Khứ trải qua Sát na Diệt đến 2 Sát na, 3 Sát na, mới sanh Hữu phần Động 1 Sát na, rồi mới thành Hữu phần Đoạn 1 Sát na. Tâm Lộ mới sanh theo trình tự là: 1 Hưởng ngũ môn, 1 Nhãn thức, 1 Tiếp thu, 1 Thấm tấn, 1 Xác định, 7 Sát na Đồng tốc, rồi Tâm lại rơi xuống Hữu phần. Bỏ duyên không đến sanh được. Cảnh Sắc như vậy, gọi là: **Cảnh Lớn.**

Nếu cảnh Sắc đến hiện rõ với Tinh nhãn rồi, vẫn chưa thành cảnh của Tâm Lộ, Hữu phần Khứ trải qua 4 Sát na, 5 Sát na, 6 Sát na, 7 Sát na, 8 Sát na, 9 Sát na cũng có, mới sanh Hữu phần Động 1 Sát na, rồi thành Hữu phần Đoạn 1 Sát na. Xong mới sanh Tâm Lộ lên theo trình tự là: 1 Hưởng Ngũ môn, 1 Nhãn thức, 1 Tiếp thu, 1 Thấm tấn, mỗi thứ sanh 1 Sát na. Phần Xác định thì sanh 2 Sát na, 3 Sát na cũng có. Nếu chỉ có Sát na Sinh mà Sát na Trụ không có thì không tồn tại được. Rồi mới rơi xuống Hữu phần. Đồng tốc không đến sanh được. Cảnh Sắc như vậy, gọi là: **Cảnh Nhỏ.**

Nếu cảnh Sắc đến hiện rõ với Tinh nhãn rồi, vẫn chưa thành cảnh của Tâm Lộ, Hữu phần Khứ trải qua 10 Sát na trở lên cho đến 15 Sát na cũng có, rồi chỉ có Hữu phần Động sanh 1 Sát na, 2 Sát na cũng có, xong mới rơi xuống Hữu phần. Cảnh Sắc có sức yếu khiến cho sanh được chỉ có Hữu phần Động 1 Sát na hoặc 2 Sát na, như vậy, gọi là: **Cảnh Rất nhỏ.**

Lộ của Cảnh Rất lớn, *Luận sư* gọi là: *Phiên Bỏ duyên (Tadālabhāvanāra)* (cũng gọi là *chót Na cảnh*).

Lộ của Cảnh Lớn, gọi là: *Phiên Đồng tốc (Javanavāra)* (cg. *chót Đồng tốc*).

Lộ của Cảnh Nhỏ, gọi là: *Phiên Xác định (Votṭhabbanavāra)* (cg. *chót Đoán định*).

Lộ của Cảnh Rất nhỏ, gọi là: *Phiền Không* (**Moghavāra**) (cg. *chót Không*).

Lộ Nhân thức, Lộ Nhĩ thức, Lộ Tỷ thức, Lộ Thiệt thức, Lộ Thân thức đều có 4 Cảnh, 4 *Phiền* giống như nhau hết.

54 Tâm Dục giới đang sanh trong Lộ Ngũ thức như vậy.

DỨT TÂM LỘ TRONG 5 MÔN

Tiếp theo sẽ thuyết ý lý trong **Lộ Ý môn**.

35 Tâm chỉ sanh duy nhất trong Ý môn là: 15 Tâm Sắc giới, 12 Tâm Vô Sắc giới và 8 Tâm Siêu thế.

Cảnh trong Lộ Ý thức thuộc về Dục giới ấy, hiện có 2 loại là:

1 - *Cảnh Rõ*.

2 - *Cảnh Không rõ*.

Đó là: Khi cảnh Pháp đến hiện rõ nơi Ý môn rồi, thời Hữu phần Động 1 Sát na, Hưởng Ý môn sanh lên 1 Sát na, cho nghĩ đến các cảnh trong Ý môn, rồi diệt đi.

Kế tiếp Đồng tốc Dục giới sanh lên 7 Sát na, rồi diệt đi.

Kế đến Bĩ sở duyên sanh lên 2 Sát na nín bắt lấy cảnh theo Đồng tốc, rồi cũng diệt đi. Tâm mới rơi xuống Hữu phần.

Cảnh Pháp có được Tâm Lộ như vậy, gọi là: **Cảnh Rõ**.

Nếu Hữu phần Động, Hữu phần Đoạn sanh rồi, Hưởng Ý môn sanh lên 1 Sát na, Đồng tốc Dục giới sanh lên 7 Sát na, rồi Tâm rơi xuống Hữu phần, Bĩ sở duyên không đến sanh được. Cảnh Pháp có được Tâm Lộ như vậy, gọi là: **Cảnh Không rõ**.

Trong Lộ Ý thức thuộc Dục giới này, **Tâm Lộ** có 3 tên, còn **Sát na Tâm** thì có 10 Tâm là: *Hưởng Ý môn*, có 1 Sát na. *Đồng tốc*, có 7 Sát na. *Bĩ sở duyên*, có 2 Sát na.

Đó là 3 tên Tâm Lộ, là 10 Sát na Tâm.

– **Vīthiccittāna tīṇeva,**

Cittuppādā das'eritā,

Vitthārena panetteka'

Cattālīsa vibhāvaye.

– *Tâm Lộ có ba (3) vậy,*

Tâm sanh được diễn mười (10),

Cũng tại đây theo rộng,

Bốn mốt (41) nên làm rõ.

Nghĩa là:

Tâm Lộ có 3, Sát na tâm có 10, Đức Phật đã diễn thuyết.

Bậc Trí nên làm 41 Tâm cho rõ ràng theo lối giải rộng với sự việc như vậy.

DỨT PHẦN ĐỒNG TỐC DỤC GIỚI

Trong phần **Đồng tốc Kiên cố** ấy, phân loại của 2 cảnh: Rõ và Không rõ này không có. Bĩ sở duyên thì không sanh trong Lộ Kiên cố.

Trong chặng đầu nơi Lộ Kiên cố ấy, Hưởng Ý môn sanh lên 1 Sát na rồi diệt đi. Kế tiếp đó, một Tâm Đồng tốc nào trong 8 Tâm Đồng tốc Dục giới được *cơ hội* (**Okāsa**) rồi thì sanh lên cho thành tựu phạm sự Đồng tốc, có khi sanh 4 Sát na, có khi sanh 3 Sát na, tùy *sở nguyện* (**Abhinīhāra**) của người *Độn thắng trí* (**Dandhābhiññā**) hoặc *Lợi thắng trí* (**Khippābhiññā**).

Nếu hành giả thuộc hạng **Độn thắng trí** (*Thắng trí chậm*), Đồng tốc Dục giới tương ứng Trí sanh khởi 4 Sát na là: 1 Sát na Đồng tốc Chuẩn bị (**Parikkammajavana**), 1 Sát na Đồng tốc Cận hành, 1 Sát na Đồng tốc Thuận thứ, 1 Sát na Đồng tốc Chuyển tánh.

Nếu vị ấy thuộc hạng **Lợi thắng trí** (*Thắng trí nhanh*), thì sanh khởi 3 Sát na là: 1 Sát na Đồng tốc cận hành, 1 Sát na Đồng tốc Thuận thứ, 1 Sát na Đồng tốc Chuyển tánh.

Đồng tốc Dục giới tương ứng Trí sanh khởi 3 Sát na hoặc 4 Sát

na như vậy rồi mới diệt đi. Liên đó, một Đồng tốc nào trong 26 Đồng tốc của Đồng tốc Đáo đại và Đồng tốc Siêu thế ấy thể nhập vào Lộ Kiên cố 1 Sát na Tâm. Rồi sau từ đó, Tâm rơi xuống lại Hữu phần, trong chỗ sau cuối của Đồng tốc Kiên cố ấy.

Nếu Lộ Kiên cố ấy là **Lộ Đạo**, Đồng tốc chuẩn bị thứ nhất loại trừ *phiền não thô*, Đồng tốc Cận hành thứ hai loại trừ *phiền não trung*, Đồng tốc Thuận thứ ba loại trừ *phiền não tế*, Đồng tốc Chuyển tánh thứ tư thì chỉ lối cho *thấy Níp Bàn*. Ví như người đàn ông có mắt tốt (sáng), thấy quang sáng của mặt trăng thanh tịnh (sáng tỏ) vậy.

Đồng tốc Chuyển tánh ấy báo hiệu với Đạo. Đạo đang có Níp Bàn là cảnh, không nắm bắt lấy phiền não mà mình sẽ phải đoạn trừ làm cảnh, nhờ Đồng tốc Chuyển tánh đã báo hiệu rồi. Ví như người thiện xạ lấy vải bịt mắt lại cho kín, lên đứng trên mặt bàn xoay bắn trúng ván chồng nhau cả trăm lớp tét bể liền, nhờ người đệ tử gõ cây báo hiệu vậy.

Đạo sanh lên 1 Sát na rồi diệt đi. Tâm chưa rơi vào Hữu phần, Tâm Quả liền sanh khởi 2 Sát na hoặc 3 Sát na, tùy thích ứng với sở nguyện của hành giả. Nếu là **Độn thắng trí**, Tâm Quả sanh 2 Sát na. Nếu là **Lợi thắng trí**, Tâm Quả sanh 3 Sát na. Rồi Tâm lại rơi vào đồng Hữu phần.

DỨT LỘ ĐẠO

Trong **Lộ Kiên cố**, trước khi đắc Thiên Hiệp thế ấy khác với Lộ Đạo ở chỗ đắc Thiên.

Người sẽ đắc Đạo Quả thượng tầng ấy, Đồng tốc Chuẩn bị, Đồng tốc Cận hành, Đồng tốc Thuận thứ sát trừ phiền não thượng phần theo tuần tự. Đồng tốc Chuyển tánh thì chỉ lối cho thấy Níp Bàn. Tâm Đạo sanh lên 1 Sát na rồi diệt đi. Tâm chưa rơi vào Hữu phần. Tâm Quả liền sanh khởi 2 Sát na hoặc 3 Sát na, rồi Tâm mới rơi vào Hữu phần.

Về phần người sẽ đắc Thiên Hiệp thế ấy, Đồng tốc Chuẩn bị, Cận hành, Thuận thứ không sát trừ phiền não được, chỉ vừa đắc Thiên 1 Sát na Tâm rồi thì Tâm lại rơi vào Hữu phần, không tiến lên nữa được.

Nếu Đồng tốc Chuẩn bị, Đồng tốc Cận hành, Đồng tốc Thuận thứ câu hữu với Hỷ rồi, vị ấy cũng đắc *hệ Tứ thiên (Jhānacatukkanaya)* câu hữu với Hỷ sanh lên. Nếu Đồng tốc Chuẩn bị, Đồng tốc Cận hành, Đồng tốc Thuận thứ câu hữu với Xả rồi, vị ấy cũng đắc *hệ Ngũ thiên (Jhānapañcakanaya)*.

Hệ Tứ thiên và **Hệ Ngũ thiên** ấy, bậc Hiền trí nên biết như sau:

Phàm nhân và bậc Hữu học sẽ đắc hệ Tứ thiên ấy, có Tâm thuộc về Dục giới câu hành Hỷ tương ứng Trí sanh lên làm Đồng tốc Chuẩn bị, Đồng tốc Cận hành, Đồng tốc Thuận thứ, Đồng tốc Chuyển tánh.

Nếu sẽ đắc hệ Ngũ thiên ấy, có Tâm thuộc về Dục giới câu hành Xả tương ứng Trí sanh lên làm Đồng tốc Chuẩn bị, Đồng tốc Cận hành, Đồng tốc Thuận thứ, Đồng tốc Chuyển tánh.

Về phần Bậc Lộ tận ấy, nếu Tố Dục giới câu hành Hỷ tương ứng Trí sanh lên làm Đồng tốc Chuẩn bị, Đồng tốc Cận hành, Thuận thứ, Chuyển tánh rồi, Ngài cũng nhập vào hệ Tứ thiên. Nếu Tố Dục giới câu hành Xả tương ứng Trí sanh lên làm Đồng tốc chuẩn bị, Cận hành, Thuận thứ, Chuyển tánh rồi Ngài cũng nhập vào hệ Ngũ thiên.

Bậc Hiền trí nên biết rằng: Thiên Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả ấy đang còn có Thiện Dục giới tương ứng Trí là nơi tiếp nhận cho thành tựu phạm sự Đồng tốc Chuẩn bị, Cận hành, Thuận thứ, Chuyển tánh theo pháp tánh tự nhiên như vậy.

Riêng phần Thiên Ứng cúng quả ấy có Tố Dục giới tương ứng Trí là nơi tiếp nhận cho thành tựu phạm sự Đồng tốc Chuẩn bị, Cận hành, Thuận thứ, Chuyển tánh như đã nói trên vậy.

DỨT PHÂN LOẠI 58 TÂM KIÊN CỐ

- **Dvattiṃsa sukhapuññambhā**, – *Băm hai (32) từ Lạc phước,*
Dvādasopekkhakā param, *Mười hai (12) sau từ Xả,*
Sukhitakriyāto aṭṭha, *Tám (8) Tâm từ Lạc tố,*
Cha sambhonti upekkhakā. *Sáu (6) hiện có từ Xả.*

Nghĩa là:

Tâm Kiên cố câu hữu với Hỷ có 32, sanh trong chặng sau từ Hỷ tương ứng Trí trong dòng tương tục của Phàm nhân và Bạc Hữu học, đó là: Sơ thiên thiện, Nhị thiên thiện, Tam thiên thiện, Tứ thiên thiện trong Sắc giới, là 4 Tâm. Dự lưu đạo thiên có 4, Dự lưu quả thiên có 4, Nhất lai đạo thiên có 4, Nhất lai quả thiên có 4. Bất lai đạo thiên có 4, Bất lai quả thiên có 4. Ứng cúng đạo thiên có 4, là 32 Tâm.

Tâm Kiên cố câu hữu với Xả có 12, sanh chặng sau từ Xả tương ứng Trí trong dòng tương tục của Phàm nhân và Bạc Hữu học, đó là: 5 Ngũ Thiên Thiện, 7 Đạo quả Hữu học Ngũ thiên, là 12 Tâm. [Hoặc nói cách khác là: 1 Thiên Sắc giới, 4 Thiên Vô Sắc giới, 7 Đạo quả Ngũ thiên (*trừ Ứng cúng quả*)].

8 Tâm Kiên cố có trong Tâm Đạo, Tâm Quả Ứng cúng chỉ có riêng trong dòng tương tục của Bạc Lộ tận, sanh chặng sau từ Tố Dục giới câu hành Hỷ tương ứng Trí, đó là: Sơ thiên tố, Nhị thiên tố, Tam thiên tố, Tứ thiên tố thuộc Sắc giới trong 4 Đạo và 4 Quả Ứng cúng là 8 Tâm.

Tâm Kiên cố định câu hữu Xả trong dòng tương tục của Bạc Lộ tận có 6, sanh chặng sau từ Tố Dục giới câu hành Xả tương ứng Trí, đó là: 1 Tâm Ứng cúng quả Ngũ thiên tố, 1 Tâm Sắc giới Ngũ thiên tố, 4 Tâm Vô Sắc giới Ngũ thiên tố, là 6 Tâm.

- **Puthujjanānaṃ sekkhānaṃ**, – *Đối Phàm nhân, Hữu học,*
Kāmapuñña-tihetuto, *Từ Tam nhân Dục phước,*
Tihetukāmakriyāto, *Từ Dục tố Tam nhân,*
Vītarāgānaṃ'appanā. *Chư Ly tham kiên cố.*

Nghĩa là:

Tâm Kiên cố định sanh với Phàm nhân và Bạc Hữu học ấy, sanh theo Thiện Dục giới Tam nhân.

Tâm Kiên cố sanh với Bạc Ly tham ấy, sanh theo Tố Dục giới tương ứng Trí Tam nhân.

Kiên cố Hỷ sanh trong dòng tương tục của Phàm nhân và Hữu học thì có 32 Tâm.

Kiên cố Xả sanh trong dòng tương tục của Phàm nhân và Bạc Hữu học thì có 12 Tâm.

Kiên cố Hỷ sanh trong dòng tương tục của Bạc Vô học thì có 8 Tâm, Kiên cố Xả trong dòng tương tục của Bạc Vô học thì có 6 Tâm.

Tổng cộng có 58 Tâm Kiên cố.

DỨT SỰ THUYẾT VỀ LÝ TÂM LỘ BIẾN CHUYỂN

Tiếp theo đây sẽ thuyết về **Tâm Dị thực Dục** giới hiện hành theo 3 loại cảnh là:

- 1 - *Cảnh Xấu*, không đáng mong cầu (**Aniṭṭhārammaṇa**)
- 2 - *Cảnh Tốt*, đáng mong cầu (**Iṭṭhārammaṇa**).
- 3 - *Cảnh Cực tốt*, rất đáng mong cầu (**Ati-iṭṭhārammaṇa**).

Nghĩa là:

Khi *Cảnh Xấu*, là: Sắc, Tiếng, Mùi, Vị, Xúc, thuộc Dị thực Bất thiện sanh từ *Tội báo*, đến hiện rõ với 5 Sắc Tinh rồi, 7 Tâm Lộ là: Hưởng Ngũ môn, Tiếp thân, Thẩm tẩn, Xác định, Đồng

tốc, Bỉ sở duyên, là 7 Tâm Lộ thuộc Dị thực Bất thiện cũng sanh lên tiếp nhận 5 cảnh tuần tự với nhau theo pháp tánh tự nhiên.

Khi Sắc, Tiếng, Mùi, Vị, Xúc là *Cảnh Tốt*, thuộc Dị thực thiện sanh từ *Phước báo* đến hiện rõ với 5 Sắc Tinh rồi, 7 Tâm Lộ thuộc Dị thực Thiện cũng sanh lên tiếp nhận 5 cảnh tuần tự với nhau theo pháp tánh tự nhiên.

Khi *Cảnh Cực Tốt* đến hiện rõ với 5 Sắc Tinh, là cảnh của Bạc Lậu tận, trong thời nào, cũng là *Phiên (Vāra)* của Thấm tấn và Bỉ sở duyên thuộc Hỷ thọ, sanh lên trong thời ấy.

Đồng tốc Tố Dục giới trong dòng tương tục của Bạc Lậu tận ấy, nếu câu hữu với Hỷ, Bỉ sở duyên sanh trong chỗ sau cuối Đồng tốc ấy cũng thuộc Hỷ. Nếu Đồng tốc Tố dục giới câu hữu với Xả, Bỉ sở duyên sanh chỗ sau cuối Đồng tốc ấy cũng vẫn là Xả, không hề thay đổi, vì dòng tương tục của Bạc Lậu tận đã viễn ly *Tường diên đảo*.

Đồng tốc Ưu khi sanh trong dòng tương tục của Phạm nhân đang có cảnh thuộc về *Cảnh Rất lớn* ấy, Bỉ sở duyên khi sanh nối tiếp Đồng tốc ấy thì phải là Xả mới sẽ sanh được. Tâm mới rơi vào Hữu phần mà Tâm Hữu phần cũng phải là Xả, vì **Tạng Pāli** ấn định vậy.

Bởi lẽ rằng: Chúng sanh nào có Tái tục bằng Tâm Hỷ thọ ấy, nếu có Tâm Đồng tốc Ưu sanh lên trong thời nào, Bỉ sở duyên Hỷ cũng không thể sanh trong chỗ sau cuối của Đồng tốc Ưu trong thời ấy.

Chúng sanh nào có Đại Dị thực Hỷ thọ làm Tái tục ấy, thời có Tâm Hữu phần thuộc Hỷ thọ ở trong dòng tương tục luôn, có dài dài suốt Hữu, suốt Sinh cho đến Tử. Tử ấy cũng là Hỷ thọ.

Tâm đầu tiên Tái tục là thứ nào, Tâm Hữu phần và Tâm Tử cũng là thứ ấy.

Chúng sanh nào Tái tục bằng Hỷ thọ ấy, nếu sanh trong dòng Ngoại giáo Tà kiến, được thấy Phật Thân của Đức Thế tôn hội đủ với 32 *Đại Nhân tướng* và 80 *Phụ tướng* diệu mỹ, đáng cho dẫn đến sự tịnh tín, là *Cảnh Cực tốt, rất quý*, Tâm kẻ ngoại giáo ấy lại khởi lên sự đố kỵ, sanh Tâm Thọ ưu sau khi thấy Phật Thân.

Lộ Tâm (của kẻ ngoại giáo ấy) khởi lên kể từ khi Phật Thân hiện đến với Tinh nhân như sau: 1 Sát na Hữu phần Khứ, 1 Sát na Hữu phần Động, 1 Sát na Hữu phần Đoạn, là 3 Sát na, sanh lên rồi diệt đi. Sau đó Tâm Lộ Hương Ngũ môn, Nhân thức, Tiếp thân, Thấm tấn là 4 Sát na sanh lên tuần tự, đều thuộc Dị thực Thiện hết thảy, vì sắc thân Phật là cảnh Cực tốt. Khi Tâm Thấm tấn đã diệt rồi, Tâm Xác định thuộc Tố Vô nhân câu hữu với Xả, cũng khởi lên. Khi Tâm Xác định đã diệt rồi, Đồng tốc Ưu thọ mới sanh lên trọn 7 Sát na rồi mới diệt đi. Tới phiên Bỉ sở duyên Xả thọ sẽ sanh lên, nhưng không sanh được, vì Sắc thân Phật thuộc Cảnh Cực tốt, chỉ sanh được Bỉ sở duyên thuộc Hỷ thọ mà thôi. Nhưng Bỉ sở duyên thuộc Hỷ thọ cũng sanh không được, vì Bỉ sở duyên Hỷ thọ không thể sanh nối tiếp với Đồng tốc Ưu thọ được. Khi Bỉ sở duyên Hỷ thọ sanh không được thời Tâm cũng không thể rơi vào Hữu phần, vì Tái tục của kẻ ngoại giáo thuộc Hữu phần Hỷ thọ ấy cũng là Hỷ thọ, không thể gạt bỏ Tái tục cũ đi mà rơi vào Hữu phần Xả được.

Khi Tâm không có Hữu phần Xả thọ để rơi vào, thời Tâm Thấm tấn Xả thọ *hướng đến một cảnh nào thuộc Dục giới mà kẻ ngoại giáo ấy tích tập từ đời trước* cũng sanh lên chỗ sau Đồng tốc Ưu thọ. Khi Thấm tấn Xả xen vào trong thứ tự của Đồng tốc Ưu thọ rồi, Tâm mới rơi xuống Hữu phần Hỷ thọ được, vì dòng tương tục của kẻ ngoại giáo đang có Tái tục thuộc Hỷ thọ, khi được thấy cảnh cực tốt là Sắc Thân Phật, và có sự đố kỵ thuộc Ưu thọ ấy.

Lại nữa, **Tạng Atthakathā** giải nhất định cho tâm Bỉ sở duyên có ở chặng sau cuối của Đồng tốc Dục giới trong tất cả pháp Dục giới, phát sanh làm cảnh của chúng sanh Dục giới.

Bỉ sở duyên ấy chỉ níu lấy cảnh thuộc Dục giới. Nếu cảnh thuộc Sắc giới, Vô Sắc giới hay Siêu thế thì không níu bắt lấy được.

– **Kāmejāvanasattālam-** – *Đồng tốc, Hữu tình, Cảnh,*

Bañānam niyame sati, *Dục giới có nhất định,*

Vibhūtetimahante ca, *Cảnh Rõ và Cực lớn,*

Tadālabhaṇam'iritam. *Bỉ sở duyên được diễn.*

Nghĩa là:

Trong khi xác định Đồng tốc Dục giới, Chúng sanh Dục giới, Cảnh Dục giới, 3 loại này là chỗ sanh của Bỉ sở duyên. *Luận sư Anuruddha* nói rằng: Bỉ sở duyên đang sanh trong 2 loại cảnh là: Cảnh Rõ và Cảnh Rất lớn. Đồng tốc Dục giới bắt cái nào làm cảnh, Bỉ sở duyên cũng bắt lấy cái ấy làm cảnh, ví như nước cuốn xoáy theo ghe khi người chèo. Lại nữa, ví như đứa bé muốn đi ra ngoài nhà thì theo cha mẹ đi vậy.

DỨT SƯ XÁC ĐỊNH 11 BỈ SỞ DUYÊN

Tiếp theo từ đây sẽ thuyết về **Sự xác định Đồng tốc.**

Trong tất cả Đồng tốc, Đồng tốc Dục giới đang *chạy đi* trong Lộ Dục giới 7 Sát na, 6 Sát na, 5 Sát na cũng có.

7 Sát na ấy sanh theo *pháp tánh thường lệ.*

6 Sát na ấy sanh khi *chúng sanh bất tỉnh.*

5 Sát na ấy sanh khi *chúng sanh cận tử.*

Các vị Luận sư nói rằng: Đồng tốc Tổ dục giới, là Tâm Phản khán của Đức Thế tôn thường có trong mọi thời, như thời hiện Song thông... vì diễn tiến quá mau lẹ, nên sanh chỉ 4 Sát na, 5 Sát na cũng biến hóa luồng nước luồng lửa được.

Đồng tốc Đáo đại của người học Nghiệp xứ sẽ thành tựu Sơ thiền, hoặc Đồng tốc Thắng trí, tức Tâm Ngũ thiền, cho thành tựu Thần thông sai biệt cũng vậy, sanh chỉ có 1 Sát na mà thôi, rồi Tâm lại rơi vào Hữu phần.

Trong Lộ Kiên cố, Tâm Thiền sanh chỉ 1 Sát na, giống như nhau hết thủy.

Sự sanh khởi của 4 Đạo như Dự lưu đạo... cũng diễn tiến 1 Sát na Tâm duy nhất y như nhau.

Sau chỗ Tâm Đạo ấy, Tâm Quả sanh trong Lộ Đạo ấy sanh được 2 Sát na, 3 Sát na cũng có.

Sau chỗ Tâm Quả ấy, Tâm rơi vào Hữu phần.

Khi Bạc Bất lai và Bạc Ứng cúng nhập vào Diệt tận định ấy, Đồng tốc Tứ thiền Vô sắc sanh 2 Sát na rồi mới đến Diệt định.

Diệt định sau chỗ Đồng tốc Tứ thiền Vô sắc ấy, nếu là Bạc Bất lai khi ra khỏi Diệt định, Đồng tốc Bất lai quả sanh 1 Sát na Tâm, Tâm mới rơi vào Hữu phần. Nếu là Bạc Ứng cúng khi ra khỏi Diệt định. Đồng tốc Ứng cúng quả sanh 1 Sát na Tâm, Tâm mới rơi vào Hữu phần.

Muốn xác định Tâm Lộ trong *Định nhập (Samāpatti)* ấy thời không thể xác định được, như dòng Hữu phần không thể xác định vậy, vì rằng vô số kể, Các Định nhập khác ngoài ra Diệt định thời không có xác định Đồng tốc, vì Đồng tốc cũng có quá nhiều.

– **Sattakkhattum parittāni,** – *Biết Tiểu pháp bảy (7) lần,*

Maggābhiññā sakim matā, *Đạo, Thắng trí một (1) lần,*

Avasesāni labbhanti, *Những Đồng tốc còn lại,*

Javanāni bahūnipi. *Có được dù rất nhiều.*

Nghĩa là:

Đồng tốc Dục giới ấy chạy đi 7 Sát na mới rơi vào Hữu phần.

Đồng tốc Đạo, Đồng tốc Thắng trí, Đồng tốc Đáo đại, 3 Đồng tốc này chạy đi 1 Sát na Tâm rồi mới rơi vào Hữu phần.

Đồng tốc Quả khi khởi được trong Lộ Đạo, sanh 2 Sát na, 3 Sát na cũng có. Khi ra khỏi Diệt định ấy, sanh 1 Sát na.

Đồng tốc ngoài ra chỗ đã nói trên thời chạy đi nhiều lắm vô số kể.

DỨT SỰ XÁC ĐỊNH ĐỒNG TỐC TRONG LỘ TÂM

Tiếp theo đây sẽ thuyết về **Phân loại Cá nhân** (Người).

Chúng sanh thuộc hạng Vô nhân và Nhị nhân ấy là chúng sanh Phước ít, không thành đạt được Đồng tốc Kiên cố và Đồng tốc Tố. Dù sanh trong **Dục Thiện thú** (7 Cõi vui Dục giới), Tâm Dị thực Dục giới tương ứng Trí cũng không có trong dòng tương tục.

Hạng thuộc Tam nhân, có Tam nhân đồng sanh với Tâm Tái tục ấy, nếu hành trì Nghiệp xứ cũng sẽ đắc thành bậc Lưu tận, đoạn hẳn Đồng tốc Thiện và Đồng tốc Bất thiện, chỉ còn có Đồng tốc Tố và Đồng tốc Ứng cúng.

Phàm phu thuộc hạng Tam nhân đang còn là phàm nhân thì không có Đồng tốc Tố trong dòng tương tục.

2 Đồng tốc: Tham tương ứng Kiến và Si tương ứng Hoài nghi, và Đồng tốc Tố không có trong dòng tương tục của hạng Hữu học là bậc Dự lưu, bậc Nhất lai và Bậc Bất lai.

Bậc Bất lai ấy, trong dòng tương tục không có Đồng tốc Khuể (**Paṭighajavana**), Đồng tốc Tố, Đồng tốc Tham tương ứng Kiến, Đồng tốc Si tương ứng Hoài nghi.

Đồng tốc Siêu thế ấy có xác định sanh từng phần với nhau: Đồng tốc Dự lưu ấy chỉ có trong dòng tương tục của bậc Dự lưu. Khi đạt đến Bậc Nhất lai rồi, Đồng tốc Dự lưu cũng mất đi, chỉ có Đồng tốc Nhất lai trong dòng tương tục. Khi đắc đến bậc Bất

lai rồi, Đồng tốc Nhất lai cũng mất đi, chỉ có Đồng tốc Bất lai. Khi đắc đến bậc Ứng cúng rồi, Đồng tốc Bất lai cũng mất đi, chỉ có Đồng tốc Ứng cúng ở trong dòng tương tục.

Bậc Vô học sau khi đắc Ứng cúng rồi, còn sống trong Dục hữu, có Tâm hiện hành trong dòng tương tục được 44 cái là: 23 Tâm Dị thực Dục giới, 20 Tâm Tố, 1 Ứng cúng quả.

– **Asekkhānam catucattā-** – Bốn bốn (44) với Vô học,

Līsa sekkhānam'uddise, Mỗi Hữu học, năm sáu (56),

Chappaññāsāvasesānam, Xiển với hạng còn lại,

Catupaññāsa sambhavā. Năm bốn (54) được phát sinh.

Nghĩa là:

Đối với Bậc Ứng cúng Vô học ấy có Tâm hiện hành trong dòng tương tục được 44 cái là: 23 Dị thực Dục giới, 2 Tâm Hương môn, 1 Tâm Tiểu sinh, 8 Đại Tố, 9 Tố Đáo đại, Tâm Quả Ứng cúng.

7 hạng Thánh Hữu học có Tâm hiện hành trong dòng tương tục được tất cả 56 cái là: 23 Dị thực Dục giới, 2 Tâm Hương môn, 21 Tâm Thiện, 7 Tâm Bất thiện (trừ 4 Tham tương ứng Kiến và Si Hoài nghi) và 3 Tâm Quả thấp, là 56 Tâm. Đây là tính gộp chung, nên phân riêng ra theo 3 bậc Thánh thấp.

Hạng người còn sót lại ấy có Tâm hiện hành trong dòng tương tục được 54 cái là: 23 Dị thực Dục giới, 2 Hương môn, 17 Thiện Hiệp thế và 12 Tâm Bất thiện.

DỨT SỰ THUYẾT PHÂN HẠNG CÁ NHÂN

Tiếp theo đây sẽ phân tích về **Địa giới** (Cõi).

Trong Dục giới địa ấy, Tâm Lộ hiện hành trong dòng tương tục của chúng sinh sanh trong Thiện thú và Ác thú, cũng sanh tùy thích ứng với **Cá nhân**, tức là Phàm nhân, bậc Hữu học và bậc Vô học.

Trong Sắc giới địa ấy không có Đồng tốc Khuể và Bỉ sở duyên.

Trong Vô Sắc giới địa ấy không có Tâm Dự lưu đạo, không có 15 Tâm Sắc giới, không có Tâm Tiểu sinh vì không có Sắc để mỉm cười. Chúng sanh trong Vô sắc địa tầng trên thì không có Tâm Vô sắc tầng dưới.

Lại nữa, chúng sanh trong tất cả Địa giới nếu không có những Tinh Môn ấy rồi thì cũng không có Tâm Lộ phát sanh đối với những môn ấy.

Chúng sanh trong Phạm thiên Vô tướng địa không có tâm hiện hành, tâm vắng lặng suốt 500 Đại kiếp, chết lia Vô tướng địa rồi Tâm mới hiện hành trở lại trong 3 Cõi.

- *Asīti vīthicittāni,* – Tám mươi (80), Tâm Lộ Dục.
Kāme rūpe yathārahamaṃ, Sắc tùy xứng, sáu tư (64).
Catusaṭṭhī tathārūpe, Cũng thế, trong Vô sắc,
Dvecattaḷisa labbhare. Bốn hai (42) mới có được.

Nghĩa là:

Tâm hiện hành trong Dục giới địa có 80 cái, là lấy 89 Tâm trừ 9 Đáo đại ra, còn lại 80 Tâm.

Tâm hiện hành trong Sắc giới địa trừ 8 Tâm Bỉ sở duyên, là 8 Tâm Đại Dị thực; trừ 2 Tâm Khuể ra; trừ Tỷ thức, Thiết thức, Thân thức, phần Thiện có 3, phần Bất thiện có 3, là 6 Tâm ra; trừ 9 Dị thực Đáo đại ra, cộng lại có 25 Tâm được trừ ra, còn lại 64 Tâm sanh trong Sắc giới địa.

Tâm hiện hành trong Vô sắc giới địa trừ ra 47 Tâm là: trừ 2 Tâm Khuể, 10 Ngũ song thức, 3 Ý giới, 1 Tiểu sinh, 11 Bỉ sở duyên, 1 Tâm Dự lưu đạo, 15 Tâm Sắc giới, là 47 Tâm được trừ ra, còn lại 42 Tâm sanh trong Vô Sắc giới địa.

DỨT SỰ PHÂN TÍCH ĐỊA GIỚI VÀ TÂM HIỆN HÀNH TRONG 3 CÕI

Sự hiện hành của Tâm trong 6 Môn, sanh tương xứng với những Môn những Cõi ấy. Xác định Tâm rơi vào dòng Hữu phần, rơi vào trong chỗ nào thì tính thành Tâm Lộ được trong chỗ ấy.

Tâm Lộ và dòng Hữu phần này hiện hành, biến chuyển không gián đoạn, cho đến hết tuổi thọ với sự việc như vậy.

DỨT BIỆT PHÂN LỘ NHIẾP

Trong THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP CHƯƠNG IV

CHƯƠNG V

BIẾT PHÂN SIÊU LỘ NHIẾP (VĪTHIMUTTASAṄGAHAVIBHĀGA)

- | | |
|------------------------|----------------------------|
| - Vīthicittāvasen'eva, | - Với tính năng Tâm Lộ, |
| Pavattiyam'udīrito, | Giải về Biến chuyển vậy. |
| Pavattisaṅgaho nāma, | Gọi là: Biến chuyển nhiếp, |
| Sandhiyandāni vuccati. | Nay nói về Tái tục. |

Nghĩa là:

Gọi là: *Biến chuyển Nhiếp*, là sự nhiếp thâm lý nói về sự biến chuyển của Tâm, với tính năng Tâm Lộ đã được Đức Thế tôn thuyết giải trong thời Biến chuyển. Nay, tôi, *Luận sư Anuruddha*, sẽ nói về Lý Tái tục.

Bậc Hiền trí nên biết 4 loại Tứ pháp trong *Siêu lộ Nhiếp*, là sự nhiếp thâm lý nói về Tâm hiện hành thoát ly lộ trình Tâm, đó là:

- 1 - Tứ pháp Địa (Bhūmicatukka).
- 2 - Tứ pháp Tái tục (Paṭisandhicatukka).
- 3 - Tứ pháp Nhiếp (Kammacatukka).
- 4 - Tứ pháp Tử (Marāṇacatukka).

Tứ pháp Địa (4 loại Cõi) là: Bất lạc địa, Dục giới Thiên thú địa, Sắc giới địa, Vô sắc giới địa.

Bất lạc địa (Cõi khổ) có 4 là: Địa ngục, Ngạ quỷ giới, Bàn sanh loại, Atula chúng.

Dục giới Thiên thú địa (Cõi vui Dục giới) có 7 là: Nhân loại và *Lục dục thiên* (6 Cõi trời Dục giới là: Tứ Đại vương thiên, Tam thập tam thiên, Thời phân thiên (*Da ma thiên*), Hộ thế thiên (*Đâu suất thiên*), Hóa lạc thiên, Tha hóa Tự tại thiên).

4 Khổ địa và 7 Dục giới Thiên thú địa gọi là: Dục giới địa, có 11 Địa giới (cõi) tất cả.

Sắc giới địa (Cõi trời Sắc giới) có 16 là:

Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên, Đại phạm thiên, 3 Thiên này gọi là: Sơ thiên địa.

Thiếu quang thiên, Vô lượng quang thiên, Biến quang thiên, 3 Thiên này gọi là: Nhị thiên địa.

Thiếu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên, 3 Thiên này gọi là: Tứ thiên địa.

Tịnh cư thiên có 5 là: Vô vấn thiên (*Vô phiến thiên*), Vô nhiệt thiên, Thiện hiện thiên, Thiện kiến thiên, Vô thiếu thiên (*Akanitṭha*) (Thường gọi là: *Sắc cứu cánh thiên*).

Vô sắc giới địa (Cõi Vô sắc) có 4 là:

Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

- | | |
|----------------------------|----------------------------|
| - Puthujjanā na labbhanti, | - Phạm nhân không có được, |
| Suddhāvāsesu sabbathā, | Trong Tịnh cư mọi cách. |
| Sotāpannā ca Sakadā- | Và dù những hạng người, |
| Gāmino cāpi puggalā. | Dự lưu hay Nhất lai. |
| - Ariyā nopalabbhanti, | - Các Bậc Thánh không có, |
| Asaññāpāyabhūmisu, | Trong Vô tưởng, Khổ địa. |
| Sesaṭṭhānesu labbhanti, | Được trong những chỗ còn, |
| Ariyānariyāpi ca. | Dù Thánh hay Phi Thánh. |

Nghĩa là:

Phàm nhân, Bạc Dự lưu và Bạc Nhất lai không có sanh trong Ngũ Tịnh cư Thiên với mọi trường hợp.

Thánh nhân bậc Dự lưu, bậc Nhất lai, bậc Bất lai không có sanh trong Vô tướng địa và 4 Khổ địa.

Chỗ còn lại đó là: 1 Nhân loại, 6 Lục dục thiên, 3 Sơ thiên địa, 3 Nhị thiên địa, 3 Tam thiên địa, 1 Quảng quả, 4 Vô sắc địa, là 21 cõi, Thánh nhân và Phàm nhân đều có được hết.

DỨT SỰ THUYẾT TỬ PHÁP ĐỊA

Tiếp theo đây sẽ thuyết về **Tử pháp Tái tục**.

Tử pháp Tái tục (4 loại Tái tục) là: Tái tục Bất lạc địa, Tái tục Dục giới Thiên thú địa, Tái tục Sắc giới địa, Tái tục Vô sắc giới địa.

Thẩm tấn câu hành Xả, thuộc Thức Dị thực Bất thiện, là Tâm Tái tục, Hữu phần và Tử trong 4 Bất lạc địa. Tâm Tái tục trong 4 Bất lạc địa chỉ có 1 loại này.

Thẩm tấn câu hành Xả, thuộc Thức Dị thực Thiện, là Tâm Tái tục, Hữu phần và Tử của loài người bị mù từ khi sanh, điếc từ khi sanh, lại cái... và loài *Đọa xứ Atula* được kể vào Địa thiên thuộc Dục giới Thiên thú.

8 Đại Dị thực là Tâm Tái tục, Hữu phần và Tử của loài người hữu phước và của Chư thiên 6 Cõi Dục trong Dục giới Thiên thú.

Như vậy Tái tục Dục giới có 9 là: Thẩm tấn Dị thực Thiện là Tái tục, Hữu phần và Tử của loài người Vô phước và loài *Đọa xứ Atula* thiên. 8 Đại Dị thực là Tái tục, Hữu phần và Tử của loài người Hữu phước và Chư thiên 6 Cõi Dục. Tất cả là 9 Tái tục. Lấy Tái tục Bất lạc địa, là Thẩm tấn Dị thực Bất thiện, kể vào

nữa thành 10 Tái tục. Tổng cộng nói *Tái tục Dục giới có 10 loại*.

Bất lạc nhân (người Khổ), loài Người, loài *Đọa xứ Atula*, chúng sinh sanh trong 3 Địa này không có hạn định tuổi thọ.

Tuổi thọ Tứ đại vương thiên được 500 năm chư thiên, bằng 9 triệu năm nhân loại. Tuổi thọ Tam thập tam thiên được 1.000 năm chư thiên, bằng 36 triệu năm nhân loại. Tuổi thọ Thời phân thiên được 2.000 năm chư thiên, bằng 144 triệu năm nhân loại. Thọ Hỷ túc thiên được 4.000 năm chư thiên, bằng 576 triệu năm nhân loại. Tuổi thọ Hóa lạc thiên được 8.000 năm chư thiên, bằng 2 tỷ 304 triệu năm nhân loại. Tuổi thọ Tha hóa tự tại thiên được 16.000 năm chư thiên, bằng 9 Tỷ 216 triệu năm nhân loại.

Riêng **Pāli** ở chỗ này nói rằng: Cho lấy 4 nhân với 9 triệu năm trong nhân loại thành tuổi thọ Tam thập tam thiên. Lấy 4 nhân lên với nhau theo tuổi thọ mỗi tầng cho đến tròn đủ cả 6 Cõi.

DỨT TÁI TỤC DỤC GIỚI

Trong Sắc giới, Tái tục với 5 Tâm, cộng với 1 Sắc, thành 6, đó là:

Dị thực Sơ thiên cho thành tựu phạm sự Tái tục, Hữu phần và Tử trong cõi Sơ thiên.

Dị thực Nhị thiên, Tam thiên cho thành tựu Tái tục, Hữu phần và Tử trong cõi Nhị thiên.

Dị thực Tứ thiên cho thành tựu Tái tục, Hữu phần và Tử trong cõi Tam thiên.

Dị thực Ngũ thiên cho thành tựu Tái tục, Hữu phần và Tử trong cõi Tứ thiên.

Hạng Hữu tình Vô tướng không có Tâm, chỉ có Sắc, *chính Sắc ấy là Tái tục*. Khi Tái tục thì tồn tại như vậy cho đến hết tuổi thọ 500 Đại kiếp.

Nghĩa là: Hạng này khi làm người đã hành trì tinh tấn đắc chứng Vô tướng định. Khi chết là kiếp nhân loại ấy bằng oai nghi nào, khi đi Tái tục bằng Sắc thì có oai nghi như thế ấy. Khi Tái tục bằng Sắc rồi, trong thời Biến chuyển sanh *Sắc Khởi xứ (Samuṭṭhānarūpa)* còn lại. Khỏi Thịnh cửu sắc cũng không có. *Khi Tử thì Tử bằng Sắc*. Sắc ấy biến mất đi trong lúc Tử.

DỨT TÁI TỤC SẮC GIỚI CÓ 6

Tuổi thọ 16 Cõi Phạm thiên như sau:

Phạm chúng Thiên có tuổi thọ 1 phần ba Kiếp chuyển trụ (*Vivattaṭṭhāyikappa*), tức là lấy thời gian một Kiếp chuyển trụ chia làm 3.

Phạm phụ thiên tuổi thọ nửa Kiếp chuyển trụ.

Đại Phạm thiên tuổi thọ 1 *Kiếp (Kappa)*.

Thiếu quang thiên tuổi thọ 2 Kiếp. Vô lượng quang thiên tuổi thọ 4 Kiếp, Biến quang thiên tuổi thọ 8 Kiếp.

Thiếu tịnh thiên tuổi thọ 16 Kiếp. Vô lượng tịnh thiên tuổi thọ 32 Kiếp. Biến quang thiên tuổi thọ 64 Kiếp.

Quảng quả thiên và Vô tướng Hữu tình thiên, 2 cõi này tuổi thọ 500 Kiếp.

Vô vẫn thiên tuổi thọ 1.000 Kiếp. Vô nhiệt thiên tuổi thọ 2.000 kiếp. Thiện hiện thiên tuổi thọ 4.000 Kiếp. Thiện kiến thiên tuổi thọ 8.000 Kiếp. Vô thiếu thiên tuổi thọ 16.000 Kiếp.

Cõi Vô sắc thứ 1: Dị thực Vô sắc thứ nhất cho thành tựu phận sự Tái tục, Hữu phần và Tử.

Cõi Vô Sắc thứ 2: Dị thực Vô sắc thứ 2 cho thành tựu phận sự Tái tục, Hữu phần và Tử.

Cõi Vô sắc thứ 3: Dị thực Vô sắc thứ 3 cho thành tựu phận sự Tái tục. Hữu phần và Tử.

Cõi Vô sắc thứ 4: Dị thực Vô sắc thứ 4 cho thành tựu phận sự Tái tục, Hữu phần và Tử.

Cõi Vô sắc thứ 1 tuổi thọ 20.000 Đại kiếp.

Cõi Vô sắc thứ 2 tuổi thọ 40.000 Đại kiếp.

Cõi Vô sắc thứ 3 tuổi thọ 60.000 Đại kiếp.

Cõi Vô sắc thứ 4 tuổi thọ 84.000 Đại kiếp.

DỨT TÁI TỤC VÔ SẮC

- *Paṭisandhi-bhavaṅgaṅca*, - *Tái tục và Hữu phần,*

Tathā cavanamānasam, *Tử, Ý sở như nhau.*

Ekameva tatthekeva, *Cũng như một giống nhau,*

Visayañcekaḷātiyam *Mỗi cảnh giới, mỗi đời.*

Nghĩa là:

3 Tâm là: Tái tục, Hữu phần và Tử trong mỗi một cảnh giới, trong mỗi một đời sống đều giống như nhau, là: Giống nhau theo Cõi, đời sống và Pháp tương ứng...

DỨT TỬ PHÁP TÁI TỤC

Tiếp theo sẽ thuyết về **Tứ pháp Nghiệp**.

Tứ pháp nghiệp (4 phân loại Nghiệp) là:

1 - *Nghiệp theo phận sự.*

2 - *Nghiệp theo thứ tự cho quả.*

3 - *Nghiệp theo thời gian hạn định cho quả.*

4 - *Nghiệp theo nhân cho quả.*

Nghiệp theo phận sự có 4 là:

1 - *Năng sanh nghiệp*, thuộc Thiện và Bất thiện, cho thành tựu Tái tục, làm chúng sanh cho sanh ra.

2 - *Phò trì nghiệp*, thuộc Thiện và Bất thiện trợ giúp cho nghiệp đang cho quả ở trước.

3 - *Phò chế nghiệp*, thuộc Thiện và Bất thiện áp chế quả của nghiệp đang cho quả ở trước.

4 - *Phò sát nghiệp*, thuộc Thiện và Bất thiện đi và sát hại nghiệp đang cho quả ở trước rồi tự mình cho quả.

Nghiệp theo thứ tự cho quả có 4 là:

1 - *Trọng nghiệp*, phần Phước là phần Thiện nhập, phần Tội là 5 Vô gián nghiệp.

2 - *Cận tử nghiệp*, là Phước là Tội cũng có, làm khi gần chết mới nhớ được.

3 - *Tích tập nghiệp*, là Phước là Tội cũng có, tạo trử luôn luôn.

4 - *Dĩ tác nghiệp*, là Phước là Tội cũng có, là nghiệp yếu sức.

Nghiệp theo thời gian hạn định cho quả có 4 là:

1 - *Hiện pháp thọ nghiệp*, cho quả trong hiện tại, có nội trong 7 ngày hoặc hơn.

2 - *Sanh thọ nghiệp*, cho quả trong đời sau, Phước là Thiện nhập, Tội là 5 Vô gián nghiệp.

3 - *Hậu thọ nghiệp*, dính theo mình như bóng và cho sản đui đời.

4 - *Dĩ thành Nghiệp*, là nghiệp đã sanh hoặc nghiệp đã mất hiệu năng cho quả, chẳng hạn như nghiệp của bậc Lậu tặc.

Nghiệp theo nhân cho quả có 4 loại là:

1 - *Bất thiện*, thời cho quả trong Bất lạc địa.

2 - *Thiện Dục giới*, thời cho quả trong Dục giới Thiện thú địa.

3 - *Thiện Sắc giới*, thời cho quả trong Sắc hữu.

4 - *Thiện Vô sắc giới*, thời cho quả trong Vô sắc hữu.

Bất thiện ấy phân ra thành nghiệp, có 3 là: Thân nghiệp, Ngữ nghiệp, Ý nghiệp. Phân ra thành Môn có 3 là: Thân môn, Ngữ môn, Ý môn.

Hỏi: Bất thiện phân ra thành Nghiệp, thành Môn ấy có lời giải ra sao?

Đáp: Bất thiện phân ra thành Nghiệp, thành Môn ấy được giải rằng: *Nghiệp đạo (Kammapatha)* có 10 là:

Thân nghiệp, diễn tiến trong Thân môn có 3 là: Sát sanh, Lấy của không cho, Tà hạnh trong các Dục (*Tà dâm*).

Ngữ nghiệp, diễn tiến trong Ngữ môn có 4 là: Nói dối, Nói đâm thọt, Nói thô ác, Nói phù phiếm.

Ý nghiệp, diễn tiến trong Ý môn có 3 là: Tham ác, Sân ác, Tà kiến.

Sát sanh, Nói thô ác, Sân ác sanh từ *Sân căn*.

Tà hạnh trong các dục, Tham ác, Tà kiến sanh từ *Tham căn*.

Lấy của không cho, Nói dối, Nói đâm thọt, Nói phù phiếm sanh từ *cả 3 Căn: Tham căn, Sân căn và Si căn*.

Tính theo tính năng Tâm sanh, Bất thiện nghiệp có 12 là: Tham căn có 8, Sân căn có 2, Si căn có 2.

Thiện Dục giới diễn tiến trong Môn, có 3 là: Thí sở thành (*Dānamaya: thành tựu từ sự bố thí*), Giới sở thành, Tu tiến sở thành. Kể theo *Tâm sanh*, có 8 là: 4 Hỷ thọ, 4 Xả thọ, cho làm thiện về Thí sở thành, Giới sở thành, Tu tiến sở thành.

Thiện Dục giới cho thành tựu việc làm thuộc *Phúc tác sự (Puññakiriyāvatthu: Sự việc tạo phước)* có 10 điều là:

1 - *Thí (Dāna)*: Bố thí.

2 - *Giới (Sīla)*: Hộ trì 5 Giới, 8 Giới, Tứ Viên tịnh giới.

3 - *Tu tiến (Bhāvanā)*: Tu thiền Chỉ, Tu thiền Minh quán.

4 - *Cung kính (Apacāyana)*: Tôn kính bậc lớn, tôn trọng kẻ nhỏ.

5 - *Tâm trợ (Veyyāvacca)*: Tâm cầu thiện sự trợ giúp người.

- 6 - *Hồi hướng (Pattidāna)*: Cho phần Phước đến chúng sanh.
 7 - *Tùy hỷ phước (Pattānumodanā)*: Vui theo Phước người có thọ lãnh Phước người cho.
 8 - *Thính pháp (Dhammassavana)*: Nghe Pháp người khác thuyết.
 9 - *Thuyết pháp (Dhammadesanā)*: Thuyết pháp cho người khác nghe.
 10 - *Tác trực kiến (Ditṭhujukamma)*: Làm tri kiến thẳng, là sửa tri kiến đúng, phát Chánh kiến biết nhân quả tội phước...
 10 *Phúc tác sự* sanh do Tâm Thiện Dục giới, mới kể lấy 8 Tâm Thiện Dục giới. Cộng với 12 Tâm Bất thiện, thành 20 Tâm, nhiếp vào thành 20 Nghiệp Dục giới như vậy.

Phần **Thiện Sắc giới** ấy, chỉ là Ý nghiệp duy nhất thành tựu từ sự tu tiến đạt đến Kiên cố định, có 5 loại theo phân loại của chi Thiện.

Thiện Vô sắc giới cũng là sự tu tiến Ý nghiệp, chỉ sanh trong Ý môn, có 4 loại theo phân loại của Cảnh, như Cảnh Không vô biên xứ...

Trong 12 Tâm Bất thiện trừ Si căn tương ứng Trạo cử, còn lại 11 Tâm tạo tác Tái tục cho sanh trong 4 Bất lạc địa. Trong thời Biến chuyển ấy, 12 Tâm Bất thiện ấy khiến cho sanh 7 Dị thực Bất thiện trong Dục giới, Sắc giới tùy thích ứng. Trong Sắc giới cho sanh chỉ có Nhân thức, Nhĩ thức, Tiếp thân, Thẩm tấn, là 4 Tâm như vậy.

8 Tâm Thiện Dục giới ấy tạo Tái tục trong Dục giới Thiện thú. Sau khi Tái tục, cho sanh 8 Đại Dị thực, 8 Dị thực Thiện Vô nhân ở Cõi người, Lục dục thiên và Sắc giới trong thời Biến chuyển.

Thiện Dục giới nếu là *Tương ứng trí* gọi là: **Tam nhân** (*Vô tham, Vô sân và Tuệ quyền*): Nếu là *Bất tương ứng trí*, gọi là **Nhị nhân** (chỉ có *Vô tham* và *Vô sân, Tuệ quyền* không có).

Thiện Dục giới *Tam nhân bậc Thượng (Ukkaṭṭha)* cho Tái tục Tam nhân rồi, trong thời Biến chuyển cho sanh 16 Tâm Dị thực là: 8 Đại Dị thực, 8 Dị thực Thiện Vô nhân.

Thiện Dục giới *Tam nhân bậc Hạ (Omaka)* và Thiện Dục giới *Nhị nhân bậc Thượng*, 2 loại này chỉ tạo tác được Tái tục Nhị nhân. Trong thời Biến chuyển chỉ cho sanh được 4 Đại Dị thực Bất tương ứng Trí, 8 Dị thực Thiện Vô nhân, là 12 Tâm.

Thiện Dục giới *Nhị nhân bậc Hạ* chỉ tạo tác được Tái tục Vô nhân. Trong thời Biến chuyển chỉ sanh được có 8 Dị thực Thiện Vô nhân.

- **Asaṅkhāraṃ asaṅkhāraṃ,** - *Vô tác không cho quả,*
Vipākāni na paccati, *Những Dị thực Hữu tác,*
Sasaṅkhāraṃ'asaṅkhāra- *Vài vị nói Hữu tác,*
Vipākānīti keci na. *Không Dị thực Vô tác.*

Nghĩa là:

Một vài *Luận sư* nói rằng: Tâm Thiện Dục giới Vô tác thời không cho quả Dị thực thuộc Hữu tác được. Nếu thuộc Hữu tác thời cũng không cho quả Dị thực thuộc Vô tác được, chúng chỉ cho quả theo chủng loại của mình, thuộc bản thể thứ nào thì cho quả thứ ấy.

Luận sư Anuruddha mới nói kệ rằng:

- **Tesaṃ dvādasa pākāni,** - *Chúng nó mười hai (12) Thực,*
Dasattha ca yathākkamaṃ, *Mười (10), tám (8) theo tuần tự.*
Yathāvuttānusārena, *Thuận theo như đã nói,*
Yathāsambhavam'uddise. *Tùy hiện hữu nên xiển.*

Nghĩa là:

Bậc Trí thức nên thuyết lên về tính chất của Thiện Dục giới thuộc Vô tác và Hữu tác có như thế nào, theo ý nghĩa mà vài vị *Luận sư* đã nói, đó là:

Thiện Dục giới tương ứng Trí, Vô tác Tam nhân bậc Thượng cho Tái tục Tam nhân rồi, cho sanh Đại Dị thực Vô tác, 8 Dị thực Thiện Vô nhân, là 12 Tâm, trong thời Biến chuyển.

Vô tác Tam nhân bậc Hạ và Vô tác Nhị nhân bậc Thượng cho Tái tục Nhị nhân rồi, cho sanh 2 Dị thực Vô tác bất tương ứng Trí, 8 Dị thực Thiện Vô nhân, là 10 Tâm, trong thời Biến chuyển.

Vô tác Nhị nhân bậc Hạ cho Tái tục Nhị nhân rồi và cho 8 Dị thực Vô nhân trong thời Biến chuyển.

DỨT VÔ TÁC CHO QUẢ

Thiện Dục giới Hữu tác Tam nhân bậc Thượng cho Tái tục Tam nhân bậc Thượng rồi, trong thời Biến chuyển cho sanh 12 Tâm là: 4 Đại Dị thực Hữu tác, 8 Dị thực Thiện Vô nhân.

Hữu tác Tam nhân bậc Hạ và Hữu tác Nhị nhân bậc Thượng cho Tái tục Nhị nhân rồi, trong thời Biến chuyển cho sanh 10 Tâm là: 2 Dị thực Hữu tác bất tương ứng Trí, 8 Dị thực Thiện Vô nhân.

Hữu tác Nhị nhân bậc Hạ cho Tái tục Nhị nhân rồi, trong thời Biến chuyển cho sanh 8 Dị thực Thiện Vô nhân.

DỨT HỮU TÁC CHO QUẢ

Bậc tu tiến Thiện Sắc giới, như Sơ thiên... theo thứ tự như sau:

Sơ thiên *bậc hạ* (**Paritta**) được sanh vào Phạm chúng thiên. Sơ thiên *bậc trung* (**Majjhima**) được sanh vào Phạm phụ thiên. Sơ thiên *bậc thượng* (**Paṇīta**) được sanh vào Đại phạm thiên.

Nhị thiên, Tam thiên bậc hạ được sanh vào Thiếu quang thiên. Nhị thiên, Tam thiên bậc trung được sanh vào Vô lượng quang thiên. Nhị thiên, Tam thiên bậc trung được sanh vào Vô lượng quang thiên, Nhị thiên, Tam thiên bậc thượng được sanh vào Biến quang thiên.

Tứ thiên bậc hạ được sanh vào Thiếu tịnh thiên. Tứ thiên bậc trung được sanh vào Vô lượng tịnh thiên. Tứ thiên bậc thượng được sanh vào Biến tịnh thiên.

Ngũ thiên không chán bỏ Tâm thời sanh vào Quảng quả thiên. Nếu chán bỏ Tâm thời sanh vào Vô tướng hữu tình thiên.

Chư vị Bất lai thời sanh trong Ngũ Tịnh cư thiên.

DỨT THIÊN NGHIỆP SẮC GIỚI

Thiên nghiệp Vô sắc, bậc Bất lai và Phạm nhân đắc được Thiên Vô sắc, là 4 Thiên Vô sắc, thì sanh vào 4 cõi Vô sắc theo thứ tự của Thiên Vô sắc mà mình đắc được.

- **Ittham mahaggatam puñnam,** – Như vậy, Phước Đáo đại,
Yāthābhūmivavatthitam, Tùy Địa giới định đoạt,
Janeti sadisaṃ pākam, Cho sanh Thực tương đương,
Paṭisandhippavattiyam. Khi Tái tục, Biến chuyển.

Nghĩa là:

Phước Đáo đại tức Thiên Đáo đại, là Thiên khi tu đắc Thiên sắc giới và Thiên Vô sắc giới, thời cho sanh Dị thực nhất định theo tầng cõi giống như nhau trong thời Tái tục và thời Biến chuyển.

DỨT THIÊN NGHIỆP VÔ SẮC GIỚI

Tiếp theo từ đây sẽ thuyết về **Tứ pháp Tử** (4 cách Tử).

Sự khởi lên của Tử có 4 là:

- 1 - Tử vì hết tuổi thọ.
- 2 - Tử vì hết nghiệp báo.
- 3 - Tử vì hết tuổi thọ và nghiệp báo.
- 4 - Tử vì nghiệp báo đi vào cắt đứt.

Trong thời của chúng sanh cận tử, đôi khi có **Nghiệp**, là

Thiện hay Bất thiện mà sẽ cho Tái tục vào Hữu sau đến hiện rõ thành cảnh cũng có.

Đôi khi có **Nghiệp tướng**, là sự vật, phương tiện làm Thiện hay Bất thiện, như Sắc... mà mình có được vào thời tạo nghiệp Thiện hay Bất thiện. Phương tiện làm ấy cũng đến hiện rõ thành cảnh cũng có.

Đôi khi có **Thú tướng**, là đối tượng thọ hưởng mà mình sẽ phải được trong Hữu mà sẽ đi sanh tiếp tục, đến hiện rõ thành cảnh cũng có.

Chúng sanh khi sắp chết ấy chắc chắn có một loại nào trong 3 loại: Nghiệp, Nghiệp tướng, Thú tướng, đến hiện rõ trong một Môn nào do nghiệp lực của Thiện hoặc Bất thiện thật sự.

Nghiệp Thiện ấy, đó là: mình từng bố thí, giữ giới, nghe pháp và tu thiền, từng làm thế nào thì hiện rõ giống như đang làm thế ấy, Đồng tốc Cận tử cũng bắt lấy làm cảnh.

Nghiệp Bất thiện ấy, đó là: mình từng sát sanh, trộm cướp, sang đoạt, tra tấn, giam cầm chúng sanh thế nào, thì hiện rõ giống như đang làm thế ấy. Đồng tốc Cận tử cũng bắt lấy làm cảnh.

Nghiệp tướng về phần Thiện ấy, đó là: sẽ thấy phương tiện làm Thiện trong đời sống hiện tại này, như y phục hoặc lễ vật... Đồng tốc Cận tử cũng bắt lấy làm cảnh.

Nghiệp tướng về phần Bất thiện ấy, đó là: sẽ thấy cây giáo, gươm, lao, thương, xích, xiềng, cột, đũa, vật hãm hại chúng sanh... mà mình đã từng lấy đi làm Ác trong đời sống này. Đồng tốc Cận tử cũng bắt lấy làm cảnh.

Thú tướng có 2 loại là: *Thiện thú (Sugati)* và *Ác thú (Duggati)*.

Thiện thú là nơi tốt sẽ đi hưởng vui ấy, thì thấy Thiên cung, đền đài Chư thiên, thiên sản và đoàn tiên nữ... đều là thú tốt đẹp.

Ác thú là nơi xấu sẽ đi chịu khổ ấy, thì thấy ngọn lửa và người coi giữ địa ngục (*Quỷ sứ*), chó, kên kên, quạ... sẽ đến bức hại mình.

Một loại pháp nào trong 3 pháp ấy sẽ đến hiện rõ thành cảnh của Đồng tốc Cận tử, rồi cũng là cảnh của Tái tục, Hữu phần và Tử trong Hữu tiếp sau.

Nghiệp hiện rõ ấy hiện rõ trong Ý môn, không hiện rõ với 5 môn. Nghiệp ấy ám chỉ nghiệp quá khứ mà mình đã làm như thế nào thì thấy giống như đang làm như thế ấy.

Nghiệp tướng ấy có 2 loại là: Thuộc quá khứ và thuộc hiện tại. Nghiệp tướng thuộc quá khứ hiện rõ trong Ý môn. Nghiệp tướng thuộc hiện tại ấy hiện rõ trong 5 môn.

Thú tướng thuộc Thiện và Bất thiện ấy hiện rõ trong Ý môn, y như nhau với Nghiệp hiện rõ.

Khi Nghiệp, Nghiệp tướng, Thú tướng đến hiện rõ rồi, sau chỗ ấy, Đồng tốc Cận tử cũng nắm bắt lấy một cái nào làm cảnh.

Chúng sanh ấy cũng hướng tâm đi đến Hữu phải sanh, tương xứng với nghiệp Phước và Tội mà sẽ cho quả *thanh tịnh* (tốt_vui) và *uế nhiễm* (xấu_khổ).

Dòng tương tục của Tâm, tức là Đồng tốc Cận tử cũng hiện hành luôn luôn rất nhiều.

Bậc Trí nên biết rằng: Thiện và Bất thiện mà đến hiện rõ trong Ý môn ấy, có tên gọi là: *Năng sanh nghiệp*, thuộc Lộ cận tử là chủ nhân ông tạo tác ra Sinh - Hữu mới, tùy thích ứng với khả năng, trong chỗ cuối cùng của Lộ Cận tử, đối với chúng sanh có sự Tử đang đến như vậy.

Có khi Tâm Tử sanh trong chỗ sau cuối của Đồng tốc, có khi Tâm Tử sanh trong chỗ sau cuối của Bỉ sở duyên, có khi Tâm tử sanh trong chỗ sau cuối của Hữu phần.

Tâm Tử sanh trong chỗ sau cuối của Hữu hiện tại, sanh khởi một Sát na rồi diệt đi, đời sống hiện tại này cũng chấm dứt hẳn vào Sát na của Tâm Tử sanh khởi mà thôi.

Và Sát na Tâm Tử chỉ sanh khởi một Sát na rồi diệt đi ấy, Tâm Tái tục cũng sanh lên ngay Hữu tiếp sau, níu bắt lấy cảnh của Đồng tốc Cận tử, Đồng tốc Cận tử bắt lấy cái nào làm cảnh, Tái tục cũng bắt lấy cái ấy làm cảnh.

Tái tục trong Hữu mới, có khi kết hợp với *Sắc nghiệp sinh*, có khi không kết hợp với *Sắc nghiệp sinh*.

Chỗ kết hợp với *Sắc nghiệp sinh* ấy, đó là: Tái tục trong **Ngũ uẩn hữu** (*Cõi có 5 Uẩn*). Chỗ không kết hợp với *Sắc nghiệp sinh* ấy, đó là: **Vô sắc hữu** (*Cõi không có Sắc*).

Tái tục trong Hữu ấy mới có Thiện, Bất thiện bị Vô minh tùy miên bao phủ chi phối, có Ái dục tùy miên là căn nhân cho sanh khởi, có những Tâm sở là cái tựa nâng.

Tâm Tái tục sanh khởi trước bằng sự có pháp *Câu sinh làm trưởng*. Tâm Dị thực gọi là: Tái tục, với tính năng nối tiếp không cho gián đoạn trong Hữu sau, cho sanh lên tồn tại trong Hữu kế tiếp.

Trong Lộ Cận tử ấy, Tâm Đồng tốc có sức yếu chỉ xuất hiện 5 Sát na. Do nhân ấy, Nghiệp, Nghiệp tướng, Thú tướng đến hiện rõ tồn tại không quá 17 Sát na Tâm trước rồi, Tử tâm mới sanh khởi, chúng sanh ấy liền chết. Tâm cũng bước đi tạo Tái tục trong Hữu sau, nương Nghiệp, Nghiệp tướng, Thú tướng đến hiện rõ tồn tại chưa đủ 17 Sát na Tâm, cảnh vẫn còn thuộc hiện tại.

Tái tục trong Hữu mới và Tâm Hữu phần sau khi Tái tục cũng có cảnh hiện tại trong Hữu này làm cảnh, chạy đi suốt đến tận Hữu sau, ví như tiếng trống mà người đánh ở tại đây rồi chạy đi suốt đến tận chỗ kia.

Tái tục Dục giới có Nghiệp tướng, Thú tướng là cảnh hiện tại và là cảnh của quá khứ nữa, hiện hành trong cả 6 Môn. Còn Nghiệp thì thuộc về quá khứ chỉ nắm bắt bằng Ý môn. Tất cả tái tục Dục giới đều có Nghiệp, Nghiệp tướng, Thú tướng làm cảnh với nhau hết thảy.

Tái tục Sắc giới chỉ có Nghiệp tướng duy nhất, đó là *Biên xứ Chế định* (**Kasiṇapaññatti**)... làm cảnh.

Tái tục Vô sắc giới chỉ có Nghiệp tướng duy nhất, đó là *Không vô biên xứ chế định* (**Ākāśanañcāyatanapaññatti**)... làm cảnh.

Tái tục Vô tướng Hữu tình thiên bằng *Mạng cầu sắc*. Do nhân ấy, chúng sanh Vô tướng mới gọi là: *Sắc Tái tục* (**Rūpapatisandhi**).

Phạm thiên Vô sắc gọi là: Vô sắc Tái tục.

Chúng sanh khác ngoài ra Vô tướng và Vô sắc ấy, được gọi là: *Sắc Vô sắc Tái tục* (**Rūpārūpapatisandhi**), vì rằng có cả Sắc lẫn Danh.

Đặc tướng Tử và Tái tục sanh khởi tuần tự với nhau và không tuần tự với nhau ấy, Bạc Trí nên biết theo bài kệ này:

- | | |
|-------------------------------|---------------------------|
| - Āruppacutiyaṃ honti, | - Khi Tử từ Vô sắc, |
| Heṭṭhimāruppavajjitā, | Trừ Vô sắc tầng dưới, |
| Paramāruppasandhī ca, | Tái tục Vô sắc trên, |
| Tathā kāme tihetukā. | Hoặc Tam nhân Dục giới. |
| - Rūpāvacaracutiyaṃ, | - Khi tử từ Sắc giới, |
| Aheturahiṭā siyumaṃ, | Chẳng thành hạng Vô nhân, |
| Sabbā kāmātihetumhā, | Khắp, từ Tam nhân Dục, |
| Kāmes'eva panetarā. | Khác nữa, trong Dục vậy. |

Nghĩa là:

Chúng sanh khi tử lia Phạm thiên Vô sắc rồi, nếu sanh trong Phạm thiên Vô sắc nữa, thời sanh vào Phạm thiên Vô sắc trên. Lẽ thường, Tái tục Vô sắc sẽ sanh sau khi tử ấy thời loại trừ tầng Vô sắc thấp, vì người tu tiến Thiên Vô sắc ấy đang nhằm chán tầng Thiên thấp là pháp tánh tự nhiên. Nếu chết lia Vô sắc, kế tiếp sau Đồng tốc Cận hành và Đồng tốc Thuận thứ, nếu sanh trong Dục hữu thì sanh thành hạng Tam nhân.

Tất cả chúng sanh nếu chết lia Sắc hữu đến sanh trong Dục hữu thì sanh thành hạng Tam nhân cũng có, Nhị nhân cũng có, không sanh thành chúng sanh Vô nhân, và không sanh trong Bất lạc địa, vì Thiên lực mạnh hơn Thiên Dục giới.

Chúng sanh trước là hạng Vô nhân, Nhị nhân, Tam nhân, khi tử rồi đi sanh trong 3 Cõi thì trở thành hạng Tam nhân cũng có, Nhị nhân cũng có, Vô nhân cũng có.

Phần chúng sanh trong tất cả Dục giới trước là hạng Nhị nhân hoặc Tam nhân, khi tử rồi mà đi sanh trong Dục giới nữa thì Tái tục thành hạng Tam nhân cũng có, Nhị nhân cũng có, Vô nhân cũng có. Bằng cách giải rằng: Sau khi tử từ hạng Tam nhân ấy sẽ sanh thành hạng Tam nhân cũng có, Nhị nhân cũng có, Vô nhân cũng có. Nếu tử Dục giới từ hạng Nhị nhân, Vô nhân thì tái tục thành Tam nhân cũng có, Nhị nhân cũng có, Vô nhân cũng có.

Người tử từ Sắc hữu ấy thì tái tục trong Nhân loại, Lục dục thiên, Sắc hữu và Vô sắc hữu.

Nếu tử từ Nhân loại và Lục dục thiên thì tái tục Bất định, đôi khi sanh trong Bất lạc địa cũng có, trong Nhân loại cũng có, trong Lục dục thiên cũng có, trong Sắc hữu cũng có, trong Vô sắc hữu cũng có, tùy thích ứng với Phước (*Thiện*) và Tội (*Bất thiện*) trong Lộ Cận tử.

Nếu tử từ Bất lạc địa sanh trong Bất lạc địa cũng có, trong Nhân loại cũng có, trong Lục dục thiên cũng có, nhưng không thể sanh vào Phạm thiên giới được, vì chúng sanh ở Bất lạc địa không có thể tu tiến Thiên nhập được.

DỨT SỰ THUYẾT VỀ THỨ TƯ TỬ - TÁI TỤC TRONG**SIÊU LỘ**

Khi tất cả chúng sanh có Tái tục được chấp thủ như vậy rồi, Tái tục sanh một Sát na rồi diệt đi. Khi Tâm lộ khác không có, chính Tâm mà tái tục ấy níu bắt lấy cảnh ấy, dứt lạng xong mới trở thành *Hữu phần* tương tục, với tính cách là *chi phần của Hữu*, rồi hiện hành.

Tâm Hữu phần ấy biến chuyển suốt đời sống cho đến lúc Tâm Tử phát sanh lên nữa. Tâm Hữu phần sanh không gián đoạn, biến chuyển luôn, giống như dòng nước chảy.

Tại chỗ cuối của đời sống trước ấy, Tâm Tử sanh lên một sát na rồi diệt đi. Tất cả loại Tâm như Tâm Tái tục... cũng phát sanh tiếp nối với nhau tuần tự sau chỗ Tâm Tử đã diệt xong rồi ấy. Luân hồi khởi Sinh lập Hữu, chuyển tiếp không hề ngưng nghỉ, ví như bánh xe ngựa và bánh xe bò lăn theo dấu chân ngựa, chân bò vậy.

– Paṭisandhibhavaṅgavīthiyo,

Citu ceha tathā bhavantare,

Puna sandhibhavaṅgam'iccayam,

Parivattati cittasantati.

– Tái tục, Hữu phần, Lộ,

Và Tử ở đời này,

Cũng vậy trong Hữu sau,

Lại Tái tục, Hữu phần.

Sự tương tục tâm này,

Đang luân chuyển như vậy.

– Paṭisaṅkhāya panetamaddhuvam,

Adhigantvā padam’accutam’budhā,

Susamucchinnasinehabandhanā,

Samamessanti cirāya subbatā.

– Quán tưởng “Đây không hằng”, Chư Giác đã chứng đạt,

Con đường pháp Bất tử. Triền, Ái khéo đoạn tuyệt.

Từ lâu đã hành tốt, Sẽ đạt đến an tịnh.

Nghĩa là:

Tâm Tái tục và Hữu phần, Tâm Lộ và Tâm Tử trong đời sống này tiếp nối nhau như thế nào, trong Hữu sau cũng giống như thế ấy nữa.

Các bậc Giác ngộ đã quán thấy *Pháp Hành (Saṅkhāra)* này rằng: “Không bền vững”, các vị hành tinh tấn trong pháp Chư và Minh quán, đã đạt đến Níp Bàn, là pháp Bất tử. Triền phược và Ái luyến, các vị đã khéo đoạn tuyệt hết. Các vị có hạnh hành từ tốt từ lâu rồi, sẽ chứng đạt pháp tịnh chỉ Phiền não, gọi là: *Uẩn Níp Bàn*, diệt Sắc nghiệp sinh và Uẩn Dị thực, không tiếp tục Hữu mới nữa, thọ hưởng *Giải thoát lạc (Vimuttisukha)*, tối thắng hơn tất cả lạc.

DỨT BIỆT PHÂN SIÊU LỘ NHIẾP

Trong THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP CHƯƠNG V

CHƯƠNG VI

BIỆT PHÂN SẮC NHIẾP (RŪPASANĀHA VIBHĀGA)

- | | |
|--------------------------|------------------------------|
| – Ettāvātā vibhattā hi, | – Với Biệt phân chừng ấy, |
| Sappabhedappavattikā, | Phân loại và Biến chuyển, |
| Cittacetāsikā dhammā, | Chư pháp: Tâm, Tâm sở, |
| Rūpandāni pavuccati. | Nay, Sắc được nói đến. |
| – Samuddesā vibhāgā ca, | – Theo Tổng lược, Biệt phân, |
| Sammutṭhānā kalāpato, | Khởi xứ và Khởi tụ, |
| Pavattikkamato ceti, | Theo Biến chuyển như vậy, |
| Pañcadhā tattha sangaho. | Năm cách Nhiếp tại đây. |

Nghĩa là:

Tất cả pháp là Tâm và Tâm sở, diễn tiến với sự Phân loại và thời Biến chuyển đã được phân tích theo cả 5 Chương có độ chừng ấy.

Nay, sẽ **nhiếp thâm Sắc** nói theo sự phân loại của 5 phần Lý

- 1 - Lý Tổng lược thuyết (Samuddesanaya).
- 2 - Lý Biệt phân (Vibhāganaya).
- 3 - Lý Khởi xứ (Samutṭhānanaya).
- 4 - Lý Khởi tụ (Kalāpanaya).
- 5 - Lý Biến chuyển (Pavattikkamanaya).

Trong **CHƯƠNG I, CHƯƠNG II** thời thuyết về phân loại của Tâm và Tâm sở theo 3 phần Lý là:

- 1 - *Lý Lược thuyết (Uddesanaya).*
- 2 - *Lý Quảng thuyết (Niddesanaya).*
- 3 - *Lý Đối thuyết (Paṭidesanaya).*

Lý Lược thuyết: Là thuyết bằng *lối tóm lược* rằng: Tâm và Tâm sở diễn tiến trong 4 Địa giới.

Lý Quảng thuyết: Là thuyết bằng *lối diễn giải rộng* rằng: Tâm và Tâm sở thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và Siêu thế có chừng ấy... chừng ấy...

Lý Đối thuyết: Là *đối giải theo Phối hợp (Sampayogā)* và Nhiếp (*Saṅgaha*) rằng: Chừng ấy Tâm sở sanh trong chừng ấy Tâm.

CHƯƠNG III thì thuyết về Thọ nhiếp, Nhân nhiếp, Sự nhiếp, Môn nhiếp, Cảnh nhiếp, Vật nhiếp.

CHƯƠNG IV, CHƯƠNG V thì thuyết về Biến chuyển nhiếp, tức là hành tướng Tâm và Tâm sở sanh trong Sát na Tái tục và thời Biến chuyển cho đến lúc Tâm Tử phát sanh.

Trong **CHƯƠNG VI** này thì thuyết theo 5 phần Lý là:

- 1 - **Lý Tổng lược thuyết:** Là thuyết theo *lý lược kê Sắc.*
- 2 - **Lý Biệt phân:** Là thuyết theo *lý phân loại Sắc.*
- 3 - **Lý Khởi xứ:** Là thuyết theo *lý Nhân Duyên sanh khởi Sắc.*
- 4 - **Lý Khôi tụ:** Là thuyết theo *lý Sắc thành tụ thành khối (Sắc đồng sanh từng khối).*
- 5 - **Lý Biến chuyển:** Là thuyết theo *Lý Sắc Biến chuyển tuần tự* (theo Hữu, Thời và Chúng sanh).

Nay trước hết sẽ thuyết về **Lý Tổng lược thuyết**, là thuyết theo *Lý lược kê Sắc.*

Sắc có 2 loại là:

- 1 - **Sắc Đại hiển (Mahābhūtarūpa):** Sắc hiển hiện to lớn.
- 2 - **Sắc Y sinh (Upādāyarūpa):** Sắc nương Sắc Đại hiển sanh. Và Sắc được nhiếp thâu thành 11 thứ.

Hỏi: **Sắc nhiếp** thành 11 thứ ấy nhiếp như thế nào?

Đáp: Nhiếp như sau: 11 thứ ấy là:

- 1 - **Sắc Hiển (Bhūtarūpa):** Sắc hiển lộ rõ.
- 2 - **Sắc Tinh (Pasādarūpa):** Tinh chất Sắc.
- 3 - **Sắc Hành cảnh (Gocararūpa):** Sắc là chỗ đạo (*Cảnh*) của Tâm (còn gọi là **Visayarūpa**: Sắc Cảnh giới).
- 4 - **Sắc Tính (Bhāvarūpa):** Sắc hiện hành giới tính nữ nam.
- 5 - **Sắc Tâm tạng (Hadayarūpa):** Sắc là nơi nương trú của Tâm.
- 6 - **Sắc Mạng (Jīvitarūpa):** Sắc Nuôi dưỡng pháp câu sanh cho tồn tại.
- 7 - **Sắc Vật thực (Āhārarūpa):** Sắc dinh dưỡng từ thức ăn, tức là dưỡng tố (**Ojā**).
- 8 - **Sắc Phân giới (Paricchedarūpa):** Sắc phân ranh giữa các Khối sắc (còn gọi là **Ākāśadhātu**: (Sắc) Hư không giới).
- 9 - **Sắc Biểu tri (Viññattirūpa):** Sắc biểu hiện hành tướng cho biết.
- 10 - **Sắc Dị tác (Vikārarūpa):** Sắc tạo ra hành tướng đặc dị.
- 11 - **Sắc Tương (Lakkhaṇarūpa):** Sắc hiện tướng Sinh-Trụ-Diệt.

Sắc Hiển có 4 là:

- 1 - **Địa giới (Paṭhavīdhātu):** Chất đất, có đặc tướng thô cứng (*hoặc mềm*).
- 2 - **Thủy giới (Āpodhātu):** Chất nước, có đặc tính thấm, quén chảy.

- 3 - *Hỏa giới (Tejodhātu)*: Chất lửa, có đặc tính nóng (hoặc lạnh).
 4 - *Phong giới (Vāyodhātu)*: Chất gió, có đặc tính lay động (hoặc căng ra).

Sắc Tinh có 5 là:

- 1 - *Tinh Nhãn (Cakkhupasāda)*: Tinh chất Mắt.
- 2 - *Tinh Nhĩ (Sotapasāda)*: Tinh chất Tai.
- 3 - *Tinh Tỷ (Ghānapasāda)*: Tinh chất Mũi.
- 4 - *Tinh Thiệt (Jīvhaspasāda)*: Tinh chất Lưỡi.
- 5 - *Tinh Thân (Kāyapasāda)*: Tinh chất Thân.

4 Giới bảo dưỡng Sắc Tinh: Địa giới trì giữ không cho rớt đi. Thủy giới nhiếp lại không cho phân tán. Hỏa giới giữ ấm áp không cho sinh thúì. Phong giới di động qua lại ở bên phải bên trái. Ví như bốn người vú nuôi bảo dưỡng hoàng tử, một nàng bồng giữ, một nàng tắm rửa cho sạch chất dơ, một nàng lấy phấn thơm thoa rắc, một nàng lấy quạt lông thú quạt hầu.

Sắc Hành cảnh có 7 là:

- 1 - *Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)*: Màu sắc mà mắt thấy
- 2 - *Cảnh Thinh (Saddārammaṇa)*: Tiếng mà tai nghe.
- 3 - *Cảnh Khí (Gandhārammaṇa)*: Hơi mùi mà mũi cảm nhận.
- 4 - *Cảnh Vị (Rasārammaṇa)*: Vị mà lưỡi cảm giác.
- 5 - *Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa)*: Cái mà thân cảm xúc, như cứng mềm (Đất), nóng lạnh (Lửa), căng động (Gió).

Cảnh Xúc được phân thành 3 là: *Địa giới, Hỏa giới, Phong giới.*

Thủy giới không kể là Sắc Hành cảnh vì quá vi tế, giống như nước được ăn uống, tắm rửa hằng ngày đây, có *Địa giới* bảo trì lại, người mới xúc chạm được, nếu chỉ có *Thủy giới* thì thấm mất vào đồ đựng hết, muốn xúc chạm cũng không được.

Do đó, mới trừ *Thủy giới* ra, không kể vào trong cảnh Xúc.

Sắc Tính có 2 là:

- 1 - *Sắc Nữ tính (Itthībhāva)*: Sắc hiện bày giới tính nữ (nữ tướng).
- 2 - *Sắc Nam tính (Purisabhāva)*: Sắc hiện bày giới tính nam (nam tướng).

Sắc Tâm tạng có 1 là:

Sắc Tâm vật (Hadayavatthu) tức là *Nước nuôi tim*, có khoảng một bùm tay đong ở trong bọng bên trong trái tim, vừa chứa được hạt lật (cũng gọi là *Sắc Ý Vật*).

Sắc Mạng có 1 là:

Sắc Mạng quyền (Jīvitindriyarūpa) có phận sự bảo dưỡng Sắc Nghiệp đồng sanh với mình.

Sắc Vật thực có 1 là:

Đoàn thực (Kabalīkārārūpa) tức là *Món ăn làm thành vật*, hoặc đồ ăn thức uống.

18 Sắc được nói đây, 7 Sắc Hành cảnh ấy chỉ kể lấy có 4: Sắc, Thinh, Khí, Vị. Còn *Địa giới, Hỏa giới, Phong giới* (=Xúc), cả 3 Giới này được kể vào Sắc Đại hiển, mới kể là: 4 Sắc Đại hiển. 5 Sắc Tinh, 4 Sắc Hành cảnh, 2 Sắc Tính, 1 Sắc Tâm tạng, 1 Sắc Mạng quyền, 1 Sắc Vật thực, tổng cộng thành 18 Sắc. Đức Phật đã thuyết rằng là: **Sắc**. Và Sắc ấy có tên gọi theo 5 lý là:

- 1 - *Sắc Tự tính (Sabhāvarūpa)*.
- 2 - *Sắc Tự tướng (Salakkhanarūpa)*.
- 3 - *Sắc Thành thực (Nipphanarūpa)*.
- 4 - *Sắc Biến hoại (Rūparūpa)*.
- 5 - *Sắc Khảo sát (Sammāsanarūpa)*.

Gọi là “**Sắc Tự tính**” ấy với ý nghĩa là: Tánh thô cứng, tánh tương thấm, tánh ấm áp, tánh lay động tự nhiên của mình.

Gọi là “**Sắc Tự tướng**” ấy với ý nghĩa là: Kết hợp với *tướng Sinh* (**Uppādādilakkhaṇa**).v.v... sanh rồi thì diệt đi, không bền vững trường tồn.

Gọi là: “**Sắc Thành thực**” ấy với ý nghĩa là: Thành thực do duyên, tức là: Do Thiện, Bất thiện và Vô minh, Ái dục hội tạo.

Gọi là: “**Sắc Biến hoại**” ấy với ý nghĩa là: Phát sanh nhiều loại sai khác và tiêu hoại do nóng lạnh.v.v...

Gọi là: “**Sắc Khảo sát**” ấy với ý nghĩa là: Đáng cho Hành giả nín bảm xét lấy làm cảnh của Nghiệp xứ Chỉ và Minh quán.

10 Sắc còn lại là: Sắc Phân giới có 1, Sắc Biểu tri có 2, Sắc Dị tác có 3, Sắc Tướng có 4.

Sắc Phân giới ấy là: *Hư không giới* (**Ākāśadhātu**), là chất hư không phân ranh giữa các Khôi sắc, hay là chỗ khoảng trống ở bên trong như lỗ mũi, lỗ tai .v.v...

2 Sắc Biểu tri ấy là: *Thân Biểu tri* (**Kāyaviññatti**) và *Ngũ Biểu tri* (**Vācāviññatti**).

Thân Biểu tri ấy là Sắc làm duyên cho thành tựu 4 oai nghi, nhờ Phong giới phát sinh từ Tâm.

Ngũ Biểu tri ấy là Sắc làm duyên cho Địa giới phát sanh từ Tâm va chạm với *Sắc Thủ* (**Upādinna rūpa**), là chỗ phát sanh ra **chữ cái** (*mẫu tự*), cho nói thành các ngôn ngữ.

3 Sắc Dị tác ấy là:

1 - *Sắc Khinh tánh* (**Lahutārūpa**): Tánh chất nhẹ nhanh của Sắc.

2 - *Sắc Nhu tánh* (**Mudutārūpa**): Tánh chất mềm dịu của Sắc.

3 - *Sắc Thích nghiệp tánh* (**Kammaññatārūpa**): Tánh thích ứng với mọi việc làm của Sắc.

4 Sắc Tướng ấy là:

1 - *Sắc Khởi tụ* (**Upacayarūpa**).

2 - *Sắc Tương tục* (**Santatirūpa**).

3 - *Sắc Lão tánh* (**Jaratārūpa**).

4 - *Sắc Vô thường tánh* (**Aniccatārūpa**).

Sắc Khởi tụ ấy là *sự tích tụ* của Sắc đầu tiên kể từ Sát na Tái tục trở đi cho đến lúc sanh Khôi Nhân thập và Khôi Nhi thập.

Sắc Tương tục ấy là *Sắc nối tiếp* phát sanh từ đó trở đi cho đến mức già cõi, gọi là: Sự tương tục của Sắc.

Sắc Lão tánh là tánh chất *già cõi* của 2 Sắc trên.

Sắc Vô thường tánh ấy là tánh chất *vô thường*, không bền vững của cả 3 Sắc ấy.

Sắc Khởi tụ và *Sắc Tương tục*, cả 2 Sắc này, Đức Phật gọi là **Sắc Sinh** (**Jātirūpa**).

DỨT TỔNG LƯỢC THUYẾT

Từ đây sẽ thuyết về **Lý Biệt phân**, là thuyết theo *Lý phân loại Sắc*.

Tất cả Sắc ấy có đến 28 thứ, dù muốn nói thành *một* cũng được, với ý nghĩa là: Sắc không kết hợp với 6 Nhân, như Nhân Tham... (*Vô nhân*). Sắc Khôi ấy kết hợp với Duyên, có nương duyên mới phát sanh (*Hữu duyên*). Kết hợp với lậu hoặc (*Hữu lậu*), ở trong quyền lực của già bệnh, sanh diệt như nhau hết. Tất cả Sắc ấy bị Vô minh, Ái dục hội nhau tạo tác (*Hữu vô*). Hợp trợ với thế gian (*Hiệp thế*). Chỉ thuộc Dục giới duy nhất (*Dục giới*). Sắc sanh từ Duyên, là Vô minh, Ái dục, Nghiệp và Vật thực. Không nín bắt cái gì làm cảnh được (*Vô tri cảnh*). Bất ấy, bậc Thánh không thể đoạn trừ (*Phi biến trừ*).

28 thứ Sắc ấy, khi thuyết ra theo *phương vị* (**Okāsa**), như bên trong, bên ngoài.v.v... thì có rất nhiều phân loại, đó là kể ra như sau:

5 Sắc Tinh gọi là: **Sắc Nội phần**, 23 Sắc còn lại gọi là: **Sắc Ngoại**.

5 Sắc Tinh, 1 Sắc Tâm tạng là 6 Sắc, gọi là: **Sắc Vật**, 22 Sắc còn lại, gọi là: **Sắc Vô vật**.

5 Sắc Tinh, 2 Sắc Biểu tri là 7 Sắc, gọi là: **Sắc Môn**, 21 Sắc còn lại, gọi là **Sắc Phi môn**.

5 Sắc Tinh, 2 Sắc Tính, 1 Sắc Mạng là 8 Sắc, gọi là: **Sắc Quyền**, 20 Sắc còn lại, gọi là: **Sắc Phi quyền**.

5 Sắc Tinh, 7 Sắc Cảnh giới (**Visayarūpa**) là 12 Sắc, gọi là: **Sắc Thô**, **Sắc Cận**, **Sắc Hữu đối xúc**. 16 Sắc còn lại, gọi là: **Sắc Tế**, **Sắc Viễn**, **Sắc Vô đối xúc**.

4 Sắc Đại hiển, 5 Sắc Tinh, **Sắc màu** (**Vaṇṇa**), Khí, Vị, 2 Sắc Tính, Sắc Tâm tạng, Sắc Mạng, **Sắc Thực tố** (**Oja**), Sắc Hư không giới là 18 Sắc, có 2 tên gọi là: **Sắc Thủ**, **Sắc Nghiệp sinh**. 10 Sắc còn lại có 2 tên gọi là: **Sắc Phi thủ**, và **Sắc Phi nghiệp sinh** (**Nevakammajarūpa**).

Sắc Xứ (**Āyatanarūpa**), gọi là: **Sắc Hữu kiến**, 27 Sắc còn lại gọi là: **Sắc Vô kiến** (**Anidassanarūpa**).

5 Sắc Tinh, gọi là: **Sắc Thu cảnh** (**Gocaraggāhikarūpa**). 23 Sắc còn lại, gọi là: **Sắc Bất thu cảnh**.

Tinh Nhãn, Tinh Nhĩ, cả 2 Sắc này nắm bắt cảnh Sắc, cảnh Thính ở nơi xa được. Tinh Tỷ, Tinh Thiệt, Tinh Thân, cả 3 Sắc này, khi cảnh Khí, cảnh Vị, cảnh Xúc đến chạm Sắc Hiển là chỗ nương trước, mới nắm bắt cảnh được, 5 Sắc Tinh nắm bắt cảnh được luôn luôn, mới gọi là: **Sắc Thu cảnh**.

Sắc màu, Khí, Vị, Thực tố, 4 Sắc Hiển, gọi là: **Sắc Bất ly** (**Avinibbhogarūpa**). 20 Sắc còn lại, gọi là: **Sắc Hữu ly**.

– **Icevamaṭṭhavīsati**, – *Chính vậy, Chư Minh kiến,*
Vidhimpī ca vicakkhaṇā, *Với hăm tám (28) loại Sắc,*
Ajjhattikā dibhedena, *Phân loại Nội chẳng hạn,*
Vibhajanti yathārahaṃ. *Biệt phân tùy thích ứng.*

Nghĩa là:

Chư vị Minh kiến phân tích 28 Sắc ra theo phân loại, như Sắc Nội phần... tùy thích ứng với sự việc như vậy.

DỨT LÝ BIẾT PHÂN

Khởi thuyết tiếp về Lý Khởi xứ, là thuyết theo lý Nhân duyên sanh khởi Sắc như sau:

Sắc Khởi xứ có 4 là:

- 1 - **Sắc Nghiệp Khởi xứ** (**Kammasamuṭṭhānarūpa**).
- 2 - **Sắc Tâm Khởi xứ** (**Cittasamuṭṭhānarūpa**).
- 3 - **Sắc Quý tiết Khởi xứ** (**Utusamuṭṭhānarūpa**).
- 4 - **Sắc Vật thực Khởi xứ** (**Āhārasamuṭṭhānarūpa**).

Nghiệp, tức là Thiện và Bất thiện, là nhân cho Sắc khởi sanh, có 25 tâm là: 8 Thiện Dục giới, 5 Thiện Sắc giới và 12 Bất thiện, Sắc Nghiệp sinh (**Kammajarūpa**) sanh từ những Thiện và Bất thiện ấy, đồng sanh trong 3 Sát na là: Sát na Sinh, Sát na Trụ, Sát na Diệt, kể từ Sát na Tái tục trở đi, mỗi một Sát na tâm sanh trong dòng tương tục Nội phần.

Tâm làm cho Sắc khởi xứ sanh ấy, cho sanh kể từ Tâm Hữu phần đầu tiên, sau Sát na Tái tục trở đi, có 75 Tâm là: Lấy 89 Tâm ấy trừ 10 Ngũ song thức, 4 Dị thực Vô sắc, là 14 Tâm ra, còn 75 Tâm là nhân cho Sắc khởi sanh.

Trong 75 Tâm ấy, Tâm Kiên cố là nhân duy trì bảo dưỡng (kềm giữ) oai nghi. Khi hành giả Nhập thiền, Tâm Kiên cố giúp duy trì cho yên vị trong oai nghi được như thường. Khi sanh các tai nạn như là: Lửa cháy, hoặc voi, cọp beo, rắn độc, trộm cướp.v.v... sẽ đến làm hại, Tâm Kiên cố sẽ ngăn được tai hại ấy không cho có đến Hành giả, duy trì oai nghi như thường, không cho lay động.

32 Tâm là: 1 Xác định, 29 Đồng tốc Dục giới, 2 Đồng tốc Thắng trí cho thành tựu Thân Biểu tri, Ngũ Biểu tri. Đồng tốc Thắng trí cho thành tựu *Thần thông (Iddhipāṭihārika)* được.

13 Đồng tốc Dục giới Hỷ thọ là: 4 Tham căn Hỷ, 4 Đại Thiện Hỷ, 4 Đại Tố Hỷ, 1 Tố Vô nhân Hỷ, làm *Tiểu tâm (Hasanacitta)* cho sanh sự cười.

- Phàm nhân vui cười bằng 4 Đại thiện và 4 Tham căn.

- Bạc Hữu học mỉm cười bằng 4 Đại thiện và 2 Tham căn bất tương ưng Kiến.

- Bạc Vô học mỉm cười bằng 4 Đại Tố và Tâm Tiểu sinh.

- Đức Phật mỉm cười bằng 4 Đại Tố.

75 Tâm làm cho Sắc khởi xứ sanh ấy là: 44 Tâm Dục giới (trừ Ngũ song thức), 15 Tâm Sắc giới, 8 Tâm Vô sắc giới (trừ 4 Dị thực Vô sắc), 8 Tâm Siêu thế, là 75 Tâm làm cho *Sắc Tâm sinh (Cittajarūpa)* cho khởi sanh.

Hỏa giới (Chất lửa) có 2 loại là:

1 - *Quý tiết lạnh (Sīta-utu)*: Chất lửa làm cho lạnh (**âm**).

2 - *Quý tiết nóng (Uṇha-utu)*: Chất lửa làm cho nóng (**dương**).

Cả 2 chất Lửa (lạnh-nóng) này làm *Sắc Quý tiết sinh (Utujarūpa)* cho khởi sanh, kể từ Sát na Trụ của Tâm Tái tục mỗi mỗi Sát na Tâm.

Chất lửa ở bên trong dòng tương tục của chúng sanh làm Sắc Quý tiết sinh bên trong cho khởi sanh. *Chất lửa bên ngoài* là: Chất lửa trong cây cối, rau cỏ, lúa gạo, núi non, khí hậu (**Ākāsa**).v.v... làm Sắc Quý tiết sinh bên ngoài cho khởi sanh.

Vật thực cho *Sắc khởi sanh* ấy, nếu chúng sanh sanh trong thai bào của người mẹ, dưỡng tố của vật thực mà người mẹ ăn uống vào trong bụng ấy, thời thấm nhập vào cho sanh *Sắc* của đứa bé ngay *Sát na Trụ*.

Nếu chúng sanh sanh thành *loài Thấp sinh* hoặc *Hóa sinh*, khi sanh ra ấy thời có sắc thân đầy đủ liền, nhưng chưa có thọ dụng một món nào cả, chỉ có nuốt đàm và nước miếng của mình, chùng trôi qua khỏi cổ rồi, dưỡng tố đàm và nước miếng liền thấm vào thành *Sắc Vật thực sinh (Āhārajarūpa)*.

1 Sắc Tâm tạng, 8 Sắc Quyền (5 Sắc Tinh + 2 Sắc Tính + Sắc Mạng), thành 9 Sắc, gọi là *Sắc Nghiệp sinh*.

Cả 2 Sắc Biểu tri, gọi là: *Sắc Tâm sinh*.

Thinh (Tiếng) có 2 *Khởi xứ (Samuṭṭhāna)* là: Tâm và Quý tiết.

Thinh có Thức là *Sắc Tâm sinh*. Thinh không có Thức như tiếng trời gầm, tiếng sóng gió, tiếng nhạc cụ.v.v... là *Sắc Quý tiết sinh*.

3 Sắc Dị tác (**Lahutādittyarūpa**: *Khinh tánh đẳng tam sắc*) có 3 *Khởi xứ* là: Quý tiết, Tâm, Vật thực.

8 Sắc Bất ly, 1 Hư không giới (**Ākāsadhātu** - tức *Sắc phân giới*), gom thành 9 Sắc, có 4 *Khởi xứ* là: Nghiệp, Tâm, Quý tiết, Vật thực.

4 Sắc Tướng không có *Khởi xứ* nào cả, vì pháp tánh tự nhiên là như vậy.

28 Sắc có 1 *Khởi xứ*, hoặc 2, hoặc 3, hoặc 4 khác nhau như sau:

- **Aṭṭhārasa paṇṇarasa,** - *Và mười tám (18), mười lăm (15),*
Terasa dvādasāti ca, *Mười ba (13) và mười hai (12),*
Kammacittotukāhāra- *Nghiệp, Tâm, Quý tiết, Thực,*
Jāni honti yathākkamaṃ. *Được sanh theo thứ tự.*

Nghĩa là:

28 Sắc khởi sanh từ Nghiệp, Tâm, Quý tiết và Vật thực theo thứ tự như sau:

Sắc Nghiệp sinh (*Sắc sanh từ Nghiệp*) có 18.

Sắc Tâm sinh (*Sắc sanh từ Tâm*) có 15.

Sắc Quý tiết sinh (*Sắc sanh từ Quý tiết*) có 13.

Sắc Vật thực sinh (*Sắc sanh từ Vật thực*) có 12.

Tính tổng cộng Khởi xứ thành 58 Sắc *theo lối rộng*.

18 Sắc nghiệp sinh là: 1 Sắc Tâm tạng, 8 Sắc quyền, 8 Sắc Bất ly, 1 Hư không giới.

15 Sắc Tâm sinh là: 3 Sắc Dị tác, 2 Sắc Biểu tri, 1 Sắc Thịnh, 8 Sắc Bất ly, 1 Hư không giới.

13 Sắc Quý tiết sinh là: 1 Sắc Thịnh, 3 Sắc Dị tác, 8 Sắc Bất ly, 1 Hư không giới.

12 Sắc Vật thực sinh là: 3 Sắc Dị tác, 8 Bất ly, 1 Hư không giới.

- **Jāyamānādirūpanaṃ,** – *Các Sắc Sinh, Trụ, Diệt,*
Sabhāvattā hi kevalaṃ, *Toàn do tự nhiên tính,*
Lakkhaṇāni na jāyanti, *Các Tướng không khởi xứ,*
Khecīti pakāsitaṃ. *Vài vị tuyên thuyết như vậy.*

Nghĩa là:

Một vài Luận sư nói rằng: 4 Sắc Tướng không có Khởi xứ

nào cả, vì rằng Sắc khi sanh thì tự sanh, sanh lên rồi thì tiếp nối tương tục, vô thường hoại diệt đi là bản tánh tự nhiên.

DỨT LÝ KHỞI XỨ

Tiếp theo đây sẽ thuyết về **Lý Khởi tự**, là thuyết theo *lý tự thành Khởi* (của Sắc), như sau:

Tất cả Sắc pháp có chỗ sanh, chỗ diệt đồng nhất với nhau, có chỗ nương (**Nissaya**) tức *Khởi xứ* đồng nhất với nhau, đồng hiện hành với nhau (**Sahavutta**), gọi là: **Khởi Sắc (Rūpakalāpa)**.

Có **21 Khởi Sắc** là:

- 9 Khởi Nghiệp sinh.
- 6 Khởi Tâm sinh.
- 4 Khởi Quý tiết sinh.
- 2 Khởi Vật thực sinh.

9 Khởi Nghiệp sinh sanh bên trong (*Nội phần*) là:

- 1 - *Nhãn thập sắc (Cakkhudasaka):* Khởi Nhãn có 10 sắc.
- 2 - *Nhĩ thập sắc (Sotadasaka):* Khởi Nhĩ có 10 sắc.
- 3 - *Tỷ thập sắc (Ghānadasaka):* Khởi Tỷ có 10 sắc.
- 4 - *Thiệt thập sắc (Jivhādasaka):* Khởi Thiệt có 10 sắc.
- 5 - *Thân thập sắc (Kāyadasaka):* Khởi Thân có 10 sắc.
- 6 - *Nữ tính thập sắc (Itthibhāvadasaka):* Khởi Nữ tính có 10 sắc.
- 7 - *Nam tính thập sắc (Pumbhāvadasaka):* Khởi Nam tính có 10 sắc.

- 8 - *Vật thập sắc (Vatthudasaka):* Khởi Tâm vật có 10 sắc.
- 9 - *Mạng cứu sắc (Jīvitānavaka):* Khởi Mạng quyền có 9 sắc.

6 Khởi Tâm sinh sanh bên trong là:

- 1 - *Thuần Bát sắc (Suddhaṭṭhaka):* Khởi đơn thuần có 8 sắc.

2 - *Thân Biểu cửu sắc (Kāyaviññattinavaka)*: Khô Thân biểu tri có 9 sắc.

3 - *Ngũ Biểu Thinh thập sắc (Vacīviññattisaddadasaka)*: Khô Ngũ biểu Thinh (Ngũ biểu tri + Thinh) có 10 sắc.

4 - *Khinh tánh đẳng thập nhất sắc (Lahutādekādasaka)*: Khô có 11 sắc như Khinh tánh .v.v... hoặc *Dị tác thập nhất sắc*: Khô Dị tác có 11 sắc.

5 - *Thân Biểu Khinh tánh đẳng thập nhị sắc (Kāyaviññattilahutādidvādasaka)*: Khô có 12 sắc như Thân biểu, Khinh tánh .v.v... hoặc *Thân biểu Dị tác thập nhị sắc*: Khô Thân biểu Dị tác có 12 sắc.

6 - *Ngũ biểu Thinh Khinh tánh đẳng thập tam sắc (Vacīviññattisaddalahutāditerasaka)*: Khô có 13 sắc như Ngũ biểu, Thinh, Khinh tánh .v.v... hoặc *Ngũ biểu Thinh Dị tác thập tam sắc*: Khô Ngũ biểu Thinh Dị tác có 13 sắc.

4 Khô Quý tiết sinh sanh bên trong là:

1 - *Thuần bát sắc*.

2 - *Thinh cửu sắc (Saddanavaka)*: Khô Thinh có 9 sắc.

3 - *Khinh tánh đẳng thập nhất sắc*, hoặc *Dị tác thập nhất sắc*.

4 - *Thinh Khinh tánh đẳng thập nhị sắc (Saddalahutādidvādasaka)*: Khô có 12 sắc như Thinh, Khinh tánh.v.v... hoặc *Thinh Dị tác thập nhị sắc*: Khô Thinh Dị tác có 12 sắc.

2 Khô Vật thực sinh sanh bên trong là:

1 - *Thuần bát sắc*.

2 - *Khinh tánh đẳng thập nhất sắc*, hoặc *Dị tác thập nhất sắc*.

1 Hư không giới và 4 Sắc Tướng, là 5 Sắc, không thuộc thành phần của Khô.

Khô Quý tiết Khởi xứ (Utusamuttānakalāpa) thuộc bên ngoài (Ngoại phần) có 2 là:

1 - *Thuần bát sắc*.

2 - *Thinh cửu sắc*.

Tất cả Khô còn lại ấy diễn tiến ở nội phần hết thấy.

- **Kammacittotukāhāra** - *Nghiệp, Tâm, Quý tiết, Thực,*
- Samuṭṭhāna yathākkamaṃ**, *Theo thứ tự Khởi xứ,*
- Navachacaturō dveti**, *Là chín (9), sáu (6), bốn (4), hai (2),*
- Kalāpā ekavīsati**. *Thành hăm một (21) Khô sắc.*
- **Kalāpānaṃ pariccheda** - *Hư không: Chỗ phân giới,*
- Lakkhaṇattā vicakkaṇā**, *Tướng: Tánh hiện của Khô,*
- Na kalāpangam'iccāhu**, *Chư Minh kiến nói rằng:*
- Akāsaṃ lakkhaṇāni ca**. *Không thuộc phân tử Khô.*

Nghĩa là:

21 Khô Sắc là: 9 Khô Nghiệp sinh, 6 Khô Tâm sinh, 4 Khô Quý tiết sinh, 2 Khô Vật thực sinh theo thứ tự, nhưng Hư không giới và 4 Sắc Tướng, *Chư vị Minh kiến* nói rằng: không thuộc thành phần của Khô, vì Hư không là chỗ phân giới, Tướng là hiện tượng của Khô, tự mình không thể ấn định chính tướng của mình được.

DỨT LÝ KHỔ TU

Từ đây trở đi sẽ thuyết về **Lý Biến chuyển**, là thuyết theo **lý Sắc Biến chuyển** tuần tự như sau:

Tất cả chúng sinh trong Dục giới mà có các **Quyền (Indriya)** không khiếm khuyết thì có được đủ 28 Sắc này trong **thời Biến chuyển** sau khi **Tái tục**.

Loài Thấp sinh (Samsedaja) và **Hóa sinh (Opapātika)**, 2 hạng này thì có được đủ Khô sắc ngay trong **thời Tải tục**.

Nói theo tối thiểu, nếu mù mắt, tai điếc, phi nam nữ .v.v... từ khi sanh thì Nhân thập sắc, Nhĩ thập sắc, Tính thập sắc (**Bhāvadasaka**) không có. Do nhân ấy, bậc Hiền trí nên biết bớt dần theo tính năng của tất cả Khôi thập sắc ấy.

Phần chúng sinh hạng *Phúc sanh* (**Gabbhayakasatta**) nằm trong thai mẹ, khi Tái tục có được 3 Khôi sắc là: Thân thập sắc, Tính thập sắc, Vật thập sắc. Đôi khi trong thời Tái tục ấy, Tính thập sắc không có, chúng sanh ấy là hạng *phi nam nữ*, chỉ có 2 Khôi sắc là: Thân thập sắc và Vật thập sắc.

Sắc đầu tiên khi vừa Tái tục ấy, được gọi là: Sắc *Kalala*, là cục tròn, có màu sắc giống như giọt dầu mè *trong vắt* dính ở đầu ngọn lông con **Cāmarī** (*bò Tây tạng*) mà người ta đã giữ đi 7 lần. Chỗ còn dính lại ấy bằng với sắc của chúng sanh đầu tiên khi mới vừa tái tục ở trong thai mẹ.

Khi trải qua bảy ngày, sắc *Kalala* biến trở thành Sắc *Ambuda* đặc lại một chút, lớn lên một chút, màu sắc như nước rửa thịt.

Khi trải qua bảy ngày nữa, Sắc ấy biến đổi từ Sắc *Ambuda* sanh thành Sắc *Pesi*, là miếng thịt có màu sắc như chì nấu chảy tan.

Khi trải qua bảy ngày tiếp nữa, Sắc *Pesi* lại biến thành Sắc *Ghana*, đặc lại thành khối như quả trứng gà.

Rồi lại trải qua bảy ngày nữa, sắc *Ghana* ấy già đặc hơn, phân ra thành 5 nhánh: Là mọc thành 2 tay, 2 chân, 1 đầu, gọi là: Sắc *Pañcasikha*.

Khi trải qua 7 ngày kế tiếp nữa, Sắc *Pañcasikha* ấy lại biến đổi lớn lên, sanh thành thân thể trọn vẹn. Tất cả thân phần như tóc.v.v... cũng phát sanh, hiện rõ mỗi thứ thật rất vi tế.

Chúng sanh Tái tục khi tròn đủ bảy ngày rồi, sắc ấy lại biến đổi đi tuần tự đến 7 ngày một lần, thành ra 5 lần, tính thành ngày được 35 ngày.

Chúng sinh Tái tục được 35 ngày ấy, gọi là: *Thời Tái tục* (của Sắc). Chúng sinh ngoài 35 ngày ấy, thuộc về phần *Thời Biến chuyển* (của Sắc), diễn tiến liên tục cho đến hết tuổi thọ.

Khi quá 35 ngày rồi ấy thì sanh tất cả Khôi thập sắc, như Nhân thập sắc... theo tuần tự.

Nghĩa là: Khi chúng sanh tái tục bước vào 36 ngày, 37 ngày, 38 ngày trở đi, gọi là: *Thời Biến chuyển* (của Sắc), thì sanh Nhân thập sắc luôn 7 ngày, cộng thành 63 ngày. Đây là nói theo chúng sanh có Quyền đầy đủ.

Nếu chúng sanh có Nghiệp mù từ khi sanh hoặc điếc từ khi sanh, khi đến ngày 36 cho đến 43, là thời điểm sanh Nhân và Nhĩ, Nhân thập sắc và Nhĩ thập sắc sẽ không sanh theo lẽ thường.

18 Sắc Nghiệp Khởi xứ sanh kể từ Sát na Sinh của Tâm Tái tục trở đi.

15 Sắc Tâm khởi xứ sanh kể từ Tâm thứ hai là Hữu phần, kế tiếp Tâm Tái tục trở đi.

13 Sắc Quý tiết Khởi xứ sanh kể từ Sát na Tru của Tâm Tái tục ấy trở đi.

12 Sắc Vật thực Khởi xứ sanh từ dưỡng tố mà người mẹ thọ dụng, cho sanh Sắc Khởi xứ ngay Sát na Tru.

Sự tương tục của 4 Khôi sắc sanh trong dòng tương tục của chúng sanh trong Dục giới, sanh liên tiếp trở đi không gián đoạn ví như ngọn đèn dầu và dòng nước chảy không gián đoạn, cho đến khi hết tuổi thọ.

Khi chúng sanh sắp chết, còn 17 Sát na nữa thì tới Tâm Tử, Sắc Nghiệp sinh sẽ không phát sanh, tính từ Tâm Tử ấy trở lại 17 Sát na. Sát na Tru nơi Tâm thứ 17 ấy, Sắc Nghiệp sinh không phát sanh từ đó trở đi cho tới Tâm Tử, Sắc Nghiệp sinh mà sanh trước trước đó, có tuổi thọ không tới 17 Sát na Tâm tử

lại, rồi diệt hẳn theo tuần tự thứ lớp với nhau. Sắc Nghiệp sinh mà sanh sau cùng, sanh ngay Sát na Sinh thứ 17, tính trở lui lại ấy, đi đến diệt hẳn đồng nhau với Sát na Tâm Tử phát sanh. Sát na Tâm Tử phát sanh ấy, gió hơi thở vô hơi thở ra chấm dứt hẳn chỉ chừng ấy, vì gió hơi thở vô hơi thở ra được phát sanh từ Tâm, Tâm hết rồi thì cũng hết đi với nhau.

Nhưng những Sắc tâm sinh khác ngoài hơi thở vô hơi thở ra mà có tuổi thọ không quá 17 Sát na Tâm trở lại, không diệt đồng nhau với Tâm Tử, phát sanh tồn tại tiếp cho đến tròn đủ 17 Sát na Tâm mới diệt. Sắc Tâm sinh khi diệt rồi, Sắc vật thực mới diệt theo sau.

Chỉ còn Sắc Quý tiết Khởi xứ phát sanh từ *Hỏa giới (Chất lửa)*, chúng sinh khi vừa mới chết hẳn ấy mới còn có thân ấm nóng, vì Sắc Quý tiết Khởi xứ vẫn còn sanh tiếp tục ở bên trong thi thể ấy.

- *Icevaṃ matasattānaṃ, – Chúng sanh chết như vậy,*
- Punadeva bhavantaṃ, Lại chính trong Hữu khác,*
- Paṭisandhim’upādāya, Chấp thủ sự Tái tục,*
- Tathārūpaṃ pavattati. Biến chuyển như dạng ấy.*

Nghĩa là:

Chúng sanh khi chết rồi như vậy, lúc đi chấp thủ sự Tái tục trong Hữu khác nữa, thì lại sanh 4 Sắc Khởi xứ như đã nói vậy.

15 Phạm thiên Sắc giới, trừ Vô tướng ra, chỉ có 2 Sắc Tinh là: Tinh Nhãn và Tinh Nhĩ. Không có Tỷ, Thiệt, Thân. Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức cũng không có. Còn Nhãn thức và Nhĩ thức, cả 2 thức này thời có. Gió hơi thở vô hơi thở ra và Khôi vật thực sinh cũng không có. Họ sống bằng Hỷ và Lạc (*Thiền duyệt thực*).

Khi Tái tục thành hạng Hóa sinh rồi, có 4 Sắc Nghiệp sinh là: Nhãn thập sắc, Nhĩ thập sắc, Vật thập sắc, Mạng cửu sắc.

Trong thời Biến chuyển thì có 14 Khôi sắc là: 4 Khôi Nghiệp sinh, 6 Khôi Tâm sinh, 4 Khôi Quý tiết sinh.

Phạm thiên Vô tướng khi Tái tục có *Mạng cửu sắc* là Khôi Khởi xứ. Trong thời Biến chuyển có 3 Khôi sắc là: 1 Khôi nghiệp sinh, 2 Khôi Quý tiết sinh (là Khôi Thuần bát sắc và Khôi Khinh tánh đẳng thập nhất sắc), là 3 Khôi sanh tồn trong dòng tương tục của Phạm thiên Vô tướng.

Sắc Pháp sanh khởi có với 3 hạng chúng sanh là: Dục hữu, Sắc hữu và Vô tướng hữu, hiện hành trong cả 2 Thời là: Thời Tái tục và Thời Biến chuyển.

Trong Dục hữu có đủ 28 Sắc.

Trong Sắc hữu có 23 Sắc, là trừ ra 5 Sắc: Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc Tính, Sắc Vật thực sinh.

Trong Vô tướng hữu có 17 Sắc là: 9 Mạng cửu sắc, 1 Sắc Khinh tánh, 1 Sắc Nhu tánh, 1 Sắc Thích nghiệp tánh, 1 Sắc Khởi tụ, 1 Sắc Tương tục, 1 Sắc Lão tánh, 1 Sắc Vô thường tánh, 1 Sắc Hư không giới.

Trong Phạm thiên Vô Sắc, ở Sát na Tái tục và thời Biến chuyển không có Sắc Thinh, Sắc Dị tác, Sắc Lão tánh, vì không có thứ Sắc nào cả.

DỨT LÝ BIẾN CHUYỂN CỦA SẮC

NÍP BÀN

(NIBBĀNA)

Tiếp theo đây sẽ thuyết về NÍP BÀN.

Níp Bàn là Pháp Siêu thế, là Cảnh của Đạo và Quả, người có sở nguyện (*Abhinhāra*) mới tác chứng Níp Bàn bằng 4 Đạo Trí.

“Níp Bàn”, được Đức Phật gọi như vậy, vì ra khỏi vật đan dệt, tức là Ái.

Níp Bàn nói theo bản thể chỉ có 1, nói theo pháp môn thời trở thành 2 hoặc 3 loại:

Níp Bàn có 2 loại là:

1 - Hữu dư y Níp Bàn (Sa-upādisesanibbāna).

2 - Vô dư y Níp Bàn (Anupādisesanibbāna).

Hữu dư y Níp Bàn là Níp Bàn chỉ diệt hết phiền não nhưng còn lại Ngũ uẩn chưa diệt.

Vô dư y Níp Bàn là Níp Bàn diệt hết phiền não và Ngũ uẩn cũng diệt hết không còn dư sót.

Níp Bàn có 3 loại là:

1 - Không tánh Níp Bàn (Suññatanibbāna).

2 - Vô tướng Níp Bàn (Animittanibbāna).

3 - Vô nguyện Níp Bàn (Appaṇihitanibbāna).

Không tánh Níp Bàn là Cảnh của Thánh đạo, được phát sanh trong thứ tự của Xuất khởi đáo Minh quán (Vuttāhanagāminīvipassanā), có Vô ngã là cảnh.

Vô tướng Níp Bàn là Cảnh của Thánh đạo, được phát sanh trong thứ tự của Xuất khởi đáo Minh quán, có Vô thường là cảnh.

Vô nguyện Níp Bàn là cảnh của Thánh Đạo, được phát sanh trong thứ tự của Xuất khởi đáo Minh quán, có Khổ não là cảnh.

- Padam'accutam'accantam, - Đạo, Bất tử, Siêu nhiên,

Asankhatam'anuttaram, Vô vi và Vô thượng

Nibbānamiti bhāsanti, Bậc Đại cầu, thoát Ái,

Vāmauttā Mahesayo. Nói rằng là: “Níp Bàn”.

Nghĩa là:

Đức Phật là bậc Đại cầu (bậc tâm cầu đức độ lớn là Pháp độ), bậc đã thoát khỏi vật đan dệt là Ái, đang nói về Pháp vô thượng mà nhân duyên tạo tác không được (Vô vi), không có chết (Bất tử), tuyệt đối (Siêu nhiên), là nơi đi (Đạo) của bậc Thánh theo Hiện hữu Chế định (Danh siêu Chế định) là: Níp Bàn.

- Iti cittaṃ cetasikaṃ, - Như vậy, dù là Tâm,
- Rūpaṃ nibbānam'iccapi, Tâm sở, Sắc, Níp Bàn.
- Paramattham pakāsentī, Chính 4 Pháp Siêu lý.
- Catudhāva Tathāgatā. Chư Như lai tuyên thuyết.

Nghĩa là:

Tất cả đấng Như lai tuyên thuyết Pháp Siêu lý bằng công tổng lược thành 4 Pháp là: TÂM - TÂM SỞ - SẮC - NÍP BÀN, chừng ấy theo lý đã nói trên.

DỨT BIỆT PHÂN SẮC NGHIỆP

Trong THẮNG PHÁP LÝ NGHIỆP CHƯƠNG VI

CHƯƠNG VII**BIỆT PHÂN TƯƠNG TẬP NHIẾP
(SAMUCCAYASAṄGAHAVIBHĀGA)**

- *Dvāsattatividhā vuttā*, - Bảy hai (72) loại đã nói,
Vatthudhammā salakkhaṇā, *Pháp Cơ sở hữu tướng*,
Tesandāmi yathāyogaṃ, *Nay chúng tùy kết hợp*,
Pavakkhāmi Samuccayaṃ. *Sẽ nói đến Tương Tập*.

Nghĩa là:

Pháp Cơ sở (Vatthudhamma) có 72 loại là: Tâm có 1, Tâm sở có 52, Sắc Thành thực có 18, Níp Bàn có 1.

Giải rằng: 89 Tâm nhiếp lại kể có 1, vì có đặc tướng chung là biết cảnh. Tâm sở có đặc tướng sai biệt nhau nên kể đủ 52. Trong 28 Sắc pháp, trừ 10 Sắc Phi thành thực, còn 18 Sắc Thành thực được kể riêng, vì thành tựu do các duyên hội tạo. Níp Bàn kể chỉ 1, theo đặc tính an tịnh của nó, không kể thành 2 hoặc 3 loại theo pháp môn.

Đức Phật đã nói rằng: *Chúng câu hữu với đặc tướng*. Nay, tôi, *Luận sư Anuruddha*, sẽ nói đến **Tương Tập Nhiếp**, tức là sự tích tập trọn vẹn của những Pháp Cơ sở ấy tương xứng với điều kết hợp.

Tương tập nhiếp có 4:

- 1 - *Bất thiện nhiếp (Akusakasaṅgaha)*.
- 2 - *Hỗn tạp nhiếp (Missakasaṅgaha)*
- 3 - *Giác phần nhiếp (Bodhipakkhiyasaṅgaha)*.
- 4 - *Nhất thiết nhiếp (Sabbasaṅgaha)*.

Hỏi: *Tương tập nhiếp* có 4 loại ấy giải như thế nào?

Đáp: Sẽ phải nói lời giải trong *Bất thiện nhiếp* có 9 nhóm trước đã, rồi sẽ biết rõ **Tương tập nhiếp** được.

Lậu (Āsava), là pháp rỉ chảy hoặc ngấm ủ, có 4 pháp là:

- 1 - *Dục lậu:* Sự ưa muốn Vật dục và Phiền não dục.
- 2 - *Hữu lậu:* Sự ưa muốn trong Sắc hữu và Vô sắc hữu.
- 3 - *Kiến lậu:* Là 62 Tà kiến.
- 4 - *Vô minh lậu:* Là 8 sự Vô minh.

Bộc lưu (Ogha), là pháp sanh nhiều như dòng nước lũ, có 4 pháp là:

- 1 - *Dục bộc:* Dòng nước lũ Dục.
- 2 - *Hữu bộc:* Dòng nước lũ Hữu.
- 3 - *Kiến bộc:* Dòng nước lũ Kiến.
- 4 - *Vô minh bộc:* Dòng nước lũ Vô minh.

Kết (Yoga), là pháp kết (*ách*) chúng sanh lại, có 4 pháp là:

- 1 - *Dục kết:* Cột chúng sanh trong Dục.
- 2 - *Hữu kết:* Cột chúng sanh trong Hữu.
- 3 - *Kiến kết:* Cột chúng sanh trong Kiến.
- 4 - *Vô minh kết:* Cột chúng sanh trong Vô Minh.

Phược (Gantha), là pháp buộc Sắc thân lại với Danh thân, hay là buộc *Thân vị lai (Anāgatakāya)* lại với *Thân hiện tại (Paccuppannakāya)*, có 4 pháp là:

1 - *Tham ác Thân phược*: Lòng tham mạnh tính lấy tài sản người khác.

2 - *Sân độc Thân phược*: Lòng sân mạnh hay buộc oán thù.

3 - *Giới hạnh chấp Thân phược*: Chấp Kiến về Giới - Hạnh ngoài Phật giáo.

4 - *Thủ Thật thiên chấp Thân phược*: Thiên chấp rằng “*Đây là chân lý!*”.

Thủ (Upādāna), là pháp chấp thủ, có 4 pháp là:

1 - *Dục thủ*: Sự chấp thủ về Dục.

2 - *Kiến thủ*: Sự chấp thủ về Tri kiến.

3 - *Giới hạnh thủ*: Sự chấp thủ về Giới và Hạnh.

4 - *Ngã luận thủ*: Sự chấp thủ về thuyết Ngã.

Cái (Nīvaraṇa), là pháp ngăn che Tâm, có 6 pháp là:

1 - *Dục dục cái (Kāmachandanīvaraṇa)*:

2 - *Sân độc cái*:

3 - *Hôn thuy cái*:

4 - *Trạo hối cái*:

5 - *Hoài nghi cái*:

6 - *Vô minh cái*:

Tùy miên (Anusaya), là pháp ngũ ngầm trong dòng tương tục, nếu không có nhân không có duyên thì nằm yên, khi có nhân có duyên thì phát khởi lên, tùy nhân và duyên mới có được ấy, có 7 pháp là:

1 - *Dục ái Tùy miên (Kāmarāgānusaya)*:

2 - *Hữu ái Tùy miên*:

3 - *Khuể Tùy miên (Paṭighānusaya)*:

4 - *Mạn Tùy miên (Mānānusaya)*:

5 - *Kiến Tùy miên*:

6 - *Nghi Tùy miên*:

7 - *Vô minh Tùy miên*:

Triền (Saññojana) cũng gọi là *Kiết sử*, là pháp ràng buộc chúng sanh lại, trong **Tạng Kinh** có 10 là:

1 - *Dục ái triền*:

2 - *Sắc ái triền*:

3 - *Vô sắc ái triền*:

4 - *Khuể triền*:

5 - *Mạn triền*:

6 - *Kiến triền*:

7 - *Giới hạnh chấp triền*:

8 - *Hoài nghi triền*:

9 - *Trạo cử triền*:

10 - *Vô minh triền*:

Triền trong Tạng Thắng pháp cũng có 10 là:

1 - *Dục ái triền*:

2 - *Hữu ái triền*:

3 - *Khuể triền*:

4 - *Mạn triền*:

5 - *Kiến triền*:

6 - *Giới hạnh chấp triền*:

7 - *Hoài nghi triền*:

8 - *Tật đố triền*:

9 - *Lận sắt triền*:

10 - *Vô minh triền*:

Phiền não (Kilesa), là pháp làm nhơ bẩn và hành hạ Tâm, có 10 pháp là:

- 1 - Tham;
- 2 - Sân;
- 3 - Si;
- 4 - Mạn;
- 5 - Kiến;
- 6 - Nghi;
- 7 - Hôn trầm;
- 8 - Trạo cử;
- 9 - Vô tâm;
- 10 - Vô quý;

Nếu nói theo *Sở y (Vatthu: nơi nương sanh)* của tánh Ái (*Taṅhācarita*), có 8 là: Dục lậu, Hữu lậu, Dục bộc, Hữu bộc, Dục kết, Hữu kết, Dục ái Tùy miên, Hữu ái Tùy miên.

Nếu nói theo *Sở y* của tánh Kiến (*Diṭṭhacarita*) có 3 là:

- 1 - *Giới hạnh chấp*: Bám chấp Giới và Hạnh ngoại giáo;
- 2 - *Thử Thật thiên chấp*: Thiên chấp rằng: Đây là chân lý.
- 3 - *Ngã luận*: Nói rằng: Có Tự ngã trong Tự thể.

Chúng sinh sanh trong 3 Cõi hằng có 2 loại Tánh là tánh Ái và tánh Kiến.

Tánh Ái thường dẫn đi Thiện thú.

Tánh Kiến thường dẫn đi Ác thú.

- *Āsavoghā ca yoyā ca*, - *Lậu và Bộc với Kết*,
- Tayo ganthā ca vatthuto*, *Phược, có ba (3) theo căn*,
- Upādānā duve dhammā*, *Thủ thời có hai (2) pháp*,
- Ajṭha nīvaraṇā situṃ*. *Cái trở thành có tám (8).*

- *Chalevānusayā honti*, - *Tùy miên có sáu (6) vậy*,
- Nava saññojanā matā*, *Triền có chín (9) nên biết*,
- Kilesā daseti vuttoyaṃ*, *Phiền não vẫn nói mười (10)*,
- Navadhā Pāpasāṅgaho*. *Đây, chín (9) loại Ác Nhiếp.*

Nghĩa là:

Luận sư Anuruddha nhiếp 2 pháp Dục lậu và Hữu lậu vào thành 1, rồi kể Lậu có 3.

2 Bộc là: Dục bộc và Hữu bộc, nhiếp thành 1, kể Bộc có 3, Kết cũng kể 3 như Bộc.

2 Phược là: Giới hạnh chấp và Thử Thật thiên chấp, nhiếp thành 1, kể Phược có 3.

3 Thủ là: Kiến thủ, Giới hạnh thủ và Ngã luận thủ, nhiếp thành 1, kể Thủ chỉ có 2.

Trước Cái có 6, chia Hôn và Thụy ra, chia Trạo và Hối ra, mới thành 8 pháp.

Trước Tùy miên có 7, nhiếp 2 pháp: Dục ái Tùy miên và Hữu ái Tùy miên thành 1, mới kể Tùy miên chỉ có 6 pháp.

10 Triền trong Thắng pháp, nhiếp Dục ái triền và Hữu ái triền thành 1, mới kể Triền có 9.

10 Phiền não ấy vẫn kể là 10 như cũ.

DỨT BẤT THIỆN NHIẾP CÓ 9 NHÓM

Hỗn tạp nhiếp ấy là thuyết về Thiện, Bất thiện và Vô ký lẫn lộn nhau, hiện có 7 nhóm là:

- *Nhân*, có 6 là: Tham, Sân, Si, Vô tham, Vô sân, Vô si.
- *Chi Thiên*, có 7 là: Tầm, Tứ, Pháp-Hỷ, Nhất thống, Thọ-Hỷ, Ưu, Xả.

Sớ giải sư (Tīkācariya) giải rằng: Ưu là pháp thiêu đốt

thuộc phần Bất thiện được nêu lên ở đây, muốn cho thấy rằng: Thiên ấy trong sáng rực rỡ như mặt trời chiếu tan bóng tối, cho sáng khắp thế gian, thiêu đốt phiền não cho khô cạn được. Ưu này nếu hiện hữu trong Tâm hồn rồi thì thiêu đốt Tâm vật cho khô héo được y như nhau. Danh từ *Thiên (Jhāna)* ấy dịch là: *Thiêu đốt*, rồi cho thấy rằng: Ưu đi đôi với *Hỷ (Somanassa)*. Lại mới ám chỉ Ưu ấy khi phát sanh đến Hành giả bị hoại Thiên thời có sự ưu tư buồn khổ.

- **Chi Đạo**, có 12 là: Chánh kiến, Chánh Tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh Tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định, Tà kiến, Tà Tư duy, Tà Tinh tấn, Tà Định.

- **Quyền**, có 22 là: Nhân quyền, Nhĩ quyền, Tỷ quyền, Thiệt quyền, Thân quyền, Nữ quyền, Nam quyền, Mạng quyền, Ý quyền (*Manindriya*), Lạc quyền, Khổ quyền, Hỷ quyền, Ưu quyền, Xả quyền, Tín quyền, Tấn quyền, Niệm quyền, Định quyền, Tuệ quyền, Vị tri dương tri quyền, Dĩ tri quyền, Cụ tri quyền.

3 Quyền thuộc Siêu thế là:

1 - *Vị tri dương tri quyền*, tức là Dự lưu đạo Trí, có chủ quyền trong việc khiến khuynh hướng của Hành giả cho quyết chắc rằng sẽ đắc Níp Bàn, là Tuệ hiện rõ trong Thánh đế rằng: Pháp mà ta chưa từng biết, chưa từng thấy, Ta cũng được biết được thấy phi thường như vậy.

2 - *Dĩ tri quyền*, tức là 6 pháp Siêu thế kể từ Dự lưu quả cho đến Ứng cúng đạo, có chủ quyền khiến cho khuynh hướng Hành giả liên hệ vững chắc giống như Dự lưu đạo, không vượt quá mức mà Dự lưu đạo đang nhận thấy, rằng: Ta chắc chắn được Níp Bàn thật sự! Pháp mà chưa từng biết, chưa từng thấy cũng được biết được thấy.

3 - *Cụ tri quyền*, tức là Ứng cúng quả Trí, có chủ quyền trong đồng tương tục, đã giác ngộ 4 Thánh đế rồi và đang Lạc trú.

- **Lực**, có 9 là: Tín lực, Tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực, Tàm lực, Quý lực, Vô tàm lực, Vô quý lực.

- **Trưởng**, có 4 là: Dục trưởng (*Chandāhipati*), Tấn trưởng, Tâm trưởng, Thấm trưởng.

Cả 2 pháp Lực và Trưởng này sẽ có lời giải rộng trong **CHƯƠNG 8**.

- **Thực**, có 4 là: Đoàn thực, Xúc thực, Ý Tư thực, Thức thực.

Cả 22 Quyền đã nói đến ấy, Dự lưu đạo Trí gọi là: Vị tri dương tri quyền. Ứng cúng quả Trí gọi là: Cụ tri quyền, 6 Trí ở giữa gọi là: Dĩ tri quyền.

Mạng quyền có 2 loại là: Sắc Mạng quyền và Danh Mạng quyền.

Tâm sở Nhất thống đồng sanh với Ngũ thức, như Nhân thức... không có mạnh mẽ thành chi Thiên được. Tâm Nhất thống (*Ekaggatācitta*) không có Tấn (*Viriya*) đồng sanh hiện có 16 Tâm là: 1 Hưởng Ngũ môn, 10 Ngũ song thức, 2 Tâm Tiếp thân, 3 Tâm Thấm tấn. Đó là 16 Tâm Nhất thống không có Tấn đồng sanh, 16 Tâm này không có thể mạnh sẽ thành Định được.

Chi Đạo thì không có trong tất cả Tâm Vô nhân.

Tâm Sở Nhất thống trong Tâm Hoài nghi và trong Tham căn không có thể trở thành Chánh định, Định quyền hay Định lực được.

4 Trưởng không trở thành Trưởng đồng nhau, chỉ có riêng mỗi lần một pháp và chỉ có riêng trong Đồng tốc Nhị nhân với Đồng tốc Tam nhân.

- **Cha hetu pañca jhānaṅgā**, - Nhân sáu (6), Thiên chi năm (5),
Maggāṅgā nava vatthuto, Đạo chi tám (8) theo căn,
Soḷasindriyadhammā ca, Và pháp Quyền mười sáu (16),
Baladhammā naveritā. Pháp Lực chín (9) được diễn.

- **Cattārodhipati vuttā**, – *Trường có bốn (4) đã nói,*
Tathāhārāti sattadhā, *Thực cũng vậy. Bảy (7) nhóm,*
Kusalādisamākiṇṇo, *Thiện đẳng được liệt phân,*
Vutto Missakasaṅgaho. *Đã nói Hổn Tap Nhiếp.*

Nghĩa là:

Sự tính pháp Siêu lý đã được diễn giải theo 7 nhóm ấy, Luận sư cho tính như sau:

6 Nhân vẫn là 6.

7 chi Thiên tính lấy chỉ có 5, là: Hỷ, Ưu, Xả, 3 pháp này thuộc chủng Thọ (**Vedanājāti**) với nhau, gom lại thành 1.

12 chi Đạo, tính lấy chỉ có 9 là: Tà Tư duy, Chánh Tư duy nhiếp thành 1, vì thuộc chủng Tâm với nhau. Tà Tinh tấn, Chánh Tinh tấn nhiếp thành 1, vì thuộc chủng Tấn (**Viriyajāti**) với nhau. Tà định, Chánh định nhiếp thành 1, vì thuộc chủng Nhất thống với nhau.

22 Quyền tính lấy chỉ có 16 là: Gom Lạc, Khổ, Ưu, Hỷ, Xả, 5 pháp này nhiếp thành 1, vì thuộc chủng Thọ với nhau. Tuệ quyền, Vị tri đương tri quyền, Dĩ tri quyền, Cụ tri quyền, 4 pháp này nhiếp thành 1, vì thuộc chủng Tuệ với nhau. Trước thì Quyền có 22 trừ đi 9 còn 13 Quyền. 9 Quyền được trừ ấy là chủng Thọ và chủng Tuệ, còn lại 15. 1 Mạng quyền ấy, Luận sư phân thành 2 là: Sắc Mạng quyền và Danh Mạng quyền, nên mới thành 16.

9 Lực vẫn là 9.

4 Trường vẫn là 4.

4 Thực vẫn là 4.

Hổn tap nhiếp nói về Thiện, Bất thiện và Vô ký hòa lẫn nhau có 7 nhóm như vậy.

DỨT HỔN TAP NHIẾP CÓ 7 NHÓM

Trong **Giác phần nhiếp** ấy kể 37 pháp Giác phần nhiếp thành 7 nhóm là:

Niệm xứ có 4 là:

- 1 - Thân tùy quán Niệm xứ.
- 2 - Thọ tùy quán Niệm xứ.
- 3 - Tâm tùy quán Niệm xứ.
- 4 - Pháp tùy quán Niệm xứ.

Chánh cần có 4 là:

- 1 - Sự tinh tấn để đoạn trừ Ác pháp đã sanh khởi.
- 2 - Sự tinh cần không nắm giữ Ác pháp chưa sanh khởi.
- 3 - Sự tinh cần nắm giữ Thiện pháp chưa sanh khởi cho sanh khởi.
- 4 - Sự tinh cần làm Thiện pháp đã sanh cho tăng trưởng nhiều.

Thần túc có 4 là:

- 1 - *Dục Thần túc (Chandiddhi)*: Dục là cơ sở của Thần thông.
- 2 - *Tâm Thần túc*: Tâm là cơ sở của Thần thông.
- 3 - *Tấn Thần túc*: Tấn là cơ sở của Thần thông.
- 4 - *Thẩm Thần túc*: Thẩm là cơ sở của Thần thông.

Trong phương pháp làm cho thành tựu 6 Thắng trí ấy không ngoài 4 Thần túc này vậy, nhưng không sanh mạnh đồng nhau, đôi khi có Dục, Tấn mạnh, đôi khi có Tâm, Thẩm mạnh, Nếu pháp nào mạnh thì pháp ấy trở thành cơ sở của Thần thông, cho thành tựu phận sự 6 Thắng trí.

Quyền có 5 là:

- 1 - *Tín quyền*:
- 2 - *Tấn quyền*:
- 3 - *Niệm quyền*:
- 4 - *Định quyền*:

5 - Tuệ quyết:

Lực có 5 là:

1 - Tín lực:

2 - Tấn lực:

3 - Niệm lực:

4 - Định lực:

5 - Tuệ lực:

Giác chi có 7 là:

1 - Niệm Giác chi:

2 - Trạch pháp Giác chi:

3 - Tinh tấn Giác chi:

4 - Hỷ Giác chi:

5 - An Giác chi:

6 - Định Giác chi:

7 - Xả Giác chi:

Chi đạo có 8 là:

1 - Chánh Kiến:

2 - Chánh Tư duy:

3 - Chánh Ngữ:

4 - Chánh Nghiệp:

5 - Chánh Mạng:

6 - Chánh Tinh tấn:

7 - Chánh Niệm:

8 - Chánh Định:

1 Chánh niệm, được phân ra thành 4 Niệm xứ.

1 Chánh Tinh tấn, được phân ra thành 4 Chánh cần.

- **Chando cittam'upekkhā ca,**

Saddhāpassaddhipītiyo,

Sammādiṭṭhi ca sankappo,

Vāyāmo viratittayaṃ.

- **Sammāsati sammādhīti,**

Cuddasete sabhāvato,

Sattatimsappabhedena,

Sattadhā tattha saṅgaho

Nghĩa là:

14 pháp là: Dục, Tâm, Bỏ trung tánh (Xả), Tín, An, Hỷ, Chánh kiến, Chánh Tư duy, Chánh Tinh tấn, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh niệm, Chánh định, 14 pháp này, Đức Phật thuyết thành 7 nhóm là: Niệm xứ, Chánh cần, Thân tức, Quyền, Lực, Giác chi, Đạo chi, là 7 nhóm pháp. Phân loại 7 nhóm ra thành 37 loại, gọi là: *Giác phân pháp*: là pháp thuộc phần sẽ cho Giác ngộ.

- **Saṅkappapassaddhi ca pītyuppekkhā,**

Chando ca cittaṃ viratittayaṅca,

Navekaṭṭhānā viriyaṃ navaṭṭha,

Satī samādhī catu pañca paññā,

Saddhā duṭṭhāmuttamasattatimsa-

Dhammānameso pavaro vibhāgo.

- *Tư duy, An, Hỷ, Xả,*

Dục, Tâm, ba (3) Giới ly,

Chín pháp (9) có một Xứ,

Tinh tấn chín (9), Niệm tám (8),

Định có bốn (4), Tuệ năm (5),

Tín thời có hai (2) Xứ.

Đối bả bảy (37) Thượng pháp, Tối thắng này, Biệt phân.

- Sabbe lokuttare honti, - Toàn có trong Siêu thế,
 Na vā saṅkappapītiyo, Lại không Tư duy, Hỷ.
 Lokiyepi yathāyogaṃ, Dù Hiệp thế, tùy kết,
 Chabbisuddhippavattiyam. Trong Lục tịnh hiện hành.

Nghĩa là:

37 pháp nếu nói theo vị trí (Thāna) độc nhất, có 9 là Chánh Tư duy, An Giác chi, Hỷ Giác chi, Xả Giác chi, Dục Thân túc, Tâm Thân túc, và 3 Giới ly nữa là: Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng.

Tấn có 9 vị trí là: 4 Chánh cần, Tấn Thân túc, Tấn quyền, Tấn lực, Tấn Giác chi, Chánh Tinh tấn.

Niệm có 8 vị trí là: 4 Niệm xứ, Niệm quyền, Niệm lực, Niệm Giác chi, Chánh niệm.

Định có 4 vị trí là: Định quyền, Định lực, Định Giác chi, Chánh định.

Tuệ có 5 vị trí là: Thẩm Thân túc, Tuệ quyền, Tuệ lực, Trạch pháp Giác chi, Chánh kiến.

Tín có 2 Vị trí là: Tín quyền, Tín lực.

Đức Thế tôn phân tích 37 pháp cao thượng, tối thắng này hiện hữu trong Siêu thế. Lại nữa, những Chánh Tư duy và Hỷ không có trong Thiền thứ 2 trở đi.

Giải rằng: Khi Tâm Siêu thế sanh trong Sơ thiền rồi thì 37 pháp đang đồng nhau sanh khởi. Khi đến Nhị thiền thì trừ Chánh Tư duy. Khi đến Tam thiền, Tứ thiền, Ngũ thiền thì trừ Chánh Tư duy và Hỷ theo tuần tự.

Hành giả dù đang còn là hạng Hiệp thế (Phàm nhân), khi tu tiến 6 Biệt tịnh (Visuddhi) trong giai đoạn đầu, tùy sự nỗ lực tinh cần thích hợp, nhập vào Sơ thiền rồi thì trừ Chánh nghiệp, Chánh mạng.

Nhập vào Nhị thiền thì trừ Chánh Tư duy, Chánh nghiệp, Chánh mạng.

Nhập vào Tam thiền, Tứ thiền, Ngũ thiền thì trừ Chánh Tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng và Hỷ Giác chi.

DỨT GIÁC PHẦN NHIẾP

Tiếp theo sẽ phân giải về Nhất thiết nhiếp.

Tất cả pháp nhiếp hợp lại phân thành 5 nhóm là:

1 - Ngũ uẩn: 5 Uẩn

2 - Ngũ thủ uẩn: 5 Thủ uẩn.

3 - Thập nhị xứ: 12 Xứ

4 - Thập bát giới: 18 Giới

5 - Tứ Thánh đế: 4 Thánh đế.

5 Uẩn là: Sắc uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn.

Sắc uẩn có 28 Sắc. Thọ uẩn sanh trong 121 Tâm. Tưởng uẩn sanh phổ biến trong Tâm. Hành uẩn có 50 Tâm sở (trừ Thọ và Tưởng). Thức uẩn có 89 hoặc 121 Tâm.

Luận sư nói rằng: **Đức Phật** đã thuyết rằng:

Sắc ví như đồ vật đựng thức ăn.

Thọ ví như cháo, cơm, món ăn.

Tưởng ví như món canh, món phụ...

Hành ví như người đầu bếp.

Thức ví như đức vua ngự thiện (ăn uống).

5 Thủ uẩn là: Sắc Thủ uẩn, Thọ Thủ uẩn, Tưởng Thủ uẩn, Hành Thủ uẩn, Thức Thủ uẩn.

Khi Thủ chưa nắm bắt làm cảnh, gọi là: Ngủ uẩn.

Khi Thủ đã bám chấp rồi, gọi là: Ngủ Thủ uẩn. Thủ tức là Ái mạnh.

12 Xứ là: Nhân xứ, Nhĩ xứ, Tỷ xứ, Thiệt xứ, Thân xứ, Ý xứ, Sắc xứ, Thinh xứ, Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ, Pháp xứ.

Pháp xứ là 52 Tâm sở, 16 Sắc Tế và Níp Bàn.

18 Giới (Dhātu) là: Nhân giới, Nhĩ giới, Tỷ giới, Thiệt giới, Thân giới, Sắc giới, Thinh giới, Khí giới, Vị giới, Xúc giới, Nhân thức giới có 2, Nhĩ thức giới, Tỷ thức giới, Thiệt thức giới, Thân thức giới cũng có 2, Ý thức giới có 3, Pháp giới có 3 như Pháp xứ, Ý thức giới có 76 Tâm (trừ 13 Tâm: Ngũ song thức và 3 Ý giới).

4 Thánh đế là: Khổ Thánh đế, Khổ Tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo hành Thánh đế.

Khổ đế tức là Khổ sanh, Khổ già, Khổ bệnh, Khổ chết. Ngũ uẩn lãnh thọ 4 Khổ này.

Tập đế tức là 3 loại Ái: Dục ái, Hữu ái, Phi hữu ái.

Diệt đế tức là Níp Bàn: là nơi diệt tất Khổ.

Đạo đế tức là 8 chi Đạo, là con đường hành trì đưa đến Níp Bàn.

Gọi là "Thánh đế" vì là chân lý của bậc Thánh.

Dù tất cả pháp ấy là 69, với tính năng 52 Tâm sở, 16 Sắc tế, 1 Níp Bàn, đi đến chỗ kể rằng: Là Pháp xứ và là Pháp giới nữa.

Riêng Ý xứ được phân ra với tính năng 7 Thức giới là: Nhân thức giới, Nhĩ thức giới, Tỷ thức giới, Thiệt thức giới, Thân thức giới, Ý giới, Ý thức giới.

- Rūpañca vedanā saññā, - Sắc và Cảm thọ, Tưởng,

Sesū cetasikā tathā, Tâm sở dư cũng vậy,

Vinnāṇamiti pañcete, Thức, rằng năm (5) pháp này,

Pañcakkhandhāti bhāsītā. Gọi: Ngũ Uẩn, đã thuyết.

- Pañcupādānakkhandhāti, - Cũng thế, thuộc ba cõi,

Tathā tebhūmakā matā, Ngũ Thủ uẩn được biết.

Nghĩa là:

Sắc 1, Thọ 1, Tưởng 1, Tâm sở còn lại ngoài Thọ và Tưởng là Hành 1, Thức 1, Đức Phật thuyết rằng là Ngũ Uẩn. Lại nữa, Ngũ uẩn ấy diễn tiến trong 3 cõi, Ngài gọi là Ngũ Thủ uẩn.

Giải rằng: 5 Uẩn, như Sắc uẩn... gọi là Ngũ uẩn. Khi Ái - Thủ bắt lấy làm cảnh, diễn tiến trong 3 cõi thì gọi là Ngũ Thủ uẩn.

Bhedābhāvena Nibbānaṃ, Níp Bàn vô thể phân,

Khandhasaṅghanissaṃsaṃ. Không nương tựa Uẩn Nhiếp.

- Dvārārammaṇabhedena, - Theo phân loại Môn, Cảnh,

Bhavantāyatanāni ca, Các Xứ mới có vậy.

Dvārārammaṇataduppannā- Các Giới theo thứ tự,

Pariyāyena dhātuyo. Nương Môn, Cảnh, chúng khởi.

Nghĩa là:

Níp Bàn không phân bằng nhân, Đức Phật không nhiếp vào trong Uẩn (Ngoại Uẩn).

12 Xứ phân ra theo Môn, Cảnh.

18 Giới, Đức Phật thuyết theo thứ tự của Môn và Cảnh, nương Môn và Cảnh rồi thì phát sanh lên.

Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân là Môn, nơi sanh ra của Tâm Lộ.

Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc là Cảnh, nơi bám nứ của Tâm.

Nhãn thức giới, Nhĩ thức giới, Tỷ thức giới, Thiệt thức giới, Thân thức giới, Ý giới, Ý thức giới nương Môn và Cảnh rồi thì mới sanh khởi.

- Dukkhaṃ tebhūmakam vaṭṭam, - Khổ luân chuyển ba cõi,

Taṇhā samudayo bhava, Ái là sự Tập khởi,

Nirodho nāma Nibbānaṃ, Diệt gọi là Níp Bàn,

Maggo lokuttaro mato. Đạo, hiểu là Siêu thế.

- *Maggayuttā phalā ceva,* - *Hợp Đạo và Quả vậy,*
- Catusaccavinissatā,* *Tứ Đế lại trừ ra,*
- Iti pañcappabhedena,* *Như vậy, với năm (5) loại,*
- Pavutto Sabbasangaho.* *Nói đến Nhất thiết nhiếp.*

Nghĩa là:

Khổ diễn tiến trong 3 cõi.

Ái là Tập, là nhân cho sanh Khổ.

Diệt, là nơi diệt Khổ, gọi là: Níp Bàn.

8 Đạo ấy, Đức Phật chỉ nói về Siêu thế rằng: Là Thánh đế.

8 Đạo mà sanh trong Hiệp thế ấy, không thuyết rằng: Là Đạo đế.

Vì bậc Thánh nhân giác ngộ 4 Thánh đế ấy, giác ngộ đồng nhau trong Sát na mà Thánh đạo phát sanh.

Lại nữa, Tất cả Tâm sở, như Xúc, Thọ,... đồng sanh với Tâm Đạo và Tâm Quả ấy không kể vào trong một Thánh đế nào theo lý chánh (Mukhanaya) thật sự. Nếu muốn kể vào trong Khổ đế thì cũng kể được, nhưng là lý phụ (Amukhanaya), lấy làm chánh thật sự không được.

DỨT NHẤT THIẾT NHIẾP

DỨT BIỆT PHÂN TƯƠNG TẬP NHIẾP

Trong THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP CHƯƠNG VII

CHƯƠNG VIII

**BIỆT PHÂN DUYÊN NHIẾP
(PACCAYASAṄGAHA VIBHĀGA)**

- *Yesaṃ saṅkhatadhammānaṃ,* - *Đối pháp Hữu vi nào,*
- Ye dhammāpaccayā yathā* *Tùy pháp nào là Duyên,*
- Taṃ vibhāgam'ihedāni* *Nay, đây Biệt phân chúng,*
- Pavakkhāmi yathārahaṃ.* *Nói đến tùy thích ứng.*

Nghĩa là:

Tất cả những pháp nào là *Duyên (Paccaya)*⁽¹⁾ (tức là sự trợ giúp và cho trụ vững), tất cả những pháp nào là *Duyên sanh (Paccayuppanna)*⁽²⁾ đã sanh từ những pháp Hữu vi (**Saṅkhatadhamma**: *Pháp do các duyên hội tạo*) với trường hợp nào. Nay, Tôi, Luận sư **Anuruddha**, sẽ phân tích về Chư pháp ấy rằng: Là *Duyên* cho những pháp ấy, và là *Duyên sanh* từ những pháp Hữu vi ấy với trường hợp ấy. Sẽ nói cho xứng hợp với **Phật ngôn** đã thuyết giải trong *Hành tướng duyên (Paccayākāra)*, đó là: Sẽ nói về *Duyên Nhiếp (Paccayasāṅgha)*, là sự nhiếp thâu lý nói về Duyên.

Duyên Nhiếp có 2 lý là:

- 1 - *Lý Y Tương sinh (Paṭṭicasamuppādanaya)*⁽³⁾.
- 2 - *Lý Biến xứ (Paṭṭhānanaya)*⁽⁴⁾.

(1) - **Paccaya** thường gọi là: *Năng duyên.*
 (2) - **Paccayuppanna** thường gọi là: *Sở duyên.*
 (3) - Thường gọi là: *Duyên sinh, Duyên khởi, Thập nhị nhân duyên.*
 (4) - Thường gọi là: *Duyên hệ, Vị trí, Đại xứ hay Phát trí.*

Cả 2 Lý ấy, Lý Y Tương sinh, Đức Phật xác định về cái chỉ là *Hành tướng*, tức là *Thế (Bhāva)* của Duyên và Duyên sanh, và *Hiện thể (Bhāvi)* của Duyên và Duyên sanh ấy (*Tabbhāvabhāvibhāvākāramattopalakkhito*).

Về phần Lý Biến xứ ấy, Đức Thế tôn đề cập đến (đi sâu vào) sự tồn tại của Duyên, rồi mới thuyết về tên gọi của 2 Duyên khác nhau ra thành 24 tên gọi, có *Nhân duyên* là đầu tiên... đến *Ly khứ duyên* là cuối cùng.

Chư vị Luận sư tổng hợp cả 2 Lý lại với nhau rồi giải theo lối rộng.

Sẽ phân giải trong Lý Y Tương sinh ấy.

Lý Y Tương sinh tức là lý của pháp làm chỗ nương sanh lên trọn của quả, hoặc pháp làm duyên, chỗ quả nương sanh lên trọn.

Bậc Hiền trí nên biết như vậy.

Hành (pháp tạo tác), tức Tư Thiện và Tư Bất thiện, đang có, đang hiện hữu, đang sanh từ duyên là **Vô minh**. Hoặc muốn nói: Do Vô minh là duyên, Hành đang có, đang hiện hữu, đang sanh như vậy cũng được... cho suốt đến: Do Sinh là duyên, Lão và Tử, Sầu, Bi, Khổ, Ưu, Não đang có, đang hiện hữu, đang sanh.

Sự sanh lên trọn của toàn bộ Khổ uẩn này, tức là không lẫn lộn với sự an lạc nào cả, đang có, đang hiện hữu, đang thành như vậy.

Hoặc muốn thọ trì ý nghĩa cho được rõ ràng rằng: **Vô minh** (sự không biết), tức là **Si** (sự mê mờ), không biết trong 4 Thánh đế, là duyên của **Hành**, tức là Tư Thiện và Tư Bất thiện.

Hành là duyên của **Thức** (có 19 hoặc 32 Thức).

Thức là duyên của **Danh - Sắc** (Danh 3, Sắc 28).

Danh - Sắc là duyên của **6 Xứ**.

6 Xứ là duyên của **6 Xúc**.

Xúc là duyên của **6 Thọ**.

Thọ là duyên của **108 Ái**.

Ái là duyên của **4 Thủ**.

Thủ là duyên của **2 Hữu** (Nghịệp hữu và Sanh hữu).

Hữu là duyên của **Sinh** (sự sanh ra của 4 sanh loại).

Sinh là duyên của **Lão và Tử, Sầu, Bi, Khổ, Ưu, Não**.

Sự sanh lên trọn của toàn bộ Khổ uẩn này đang có, đang hiện hữu, đang thành như vậy.

Chỗ đã nói trên là *phần Tập khởi*, chỉ nói về sự sanh.

Trong Y Tương sinh ấy, có 3 Thời (**Addhā**), có 12 Chi (**Āṅga**), có 20 Hành tướng (**Ākāra**), có 3 Mỗi nối (**Sandhi**), có 4 Yếu lược (**Saṅkhepa**), có 3 Luân (**Vatṭa**), có 2 Căn (**Mūla**).

Hỏi: Tất cả phần, như 3 Thời, 12 Chi, 20 Hành tướng, 3 Mỗi nối, 4 Yếu lược, 3 Luân, 2 Căn ấy có lời giải như thế nào?

Đáp: Có lời giải như sau:

3 Thời là: Thời quá khứ, Thời vị lai, Thời hiện tại.

Vô minh và Hành, cả 2 pháp này thuộc *Thời quá khứ*. Sinh và Lão - Tử, cả 2 pháp này thuộc *Thời vị lai*. Thức, Danh - Sắc, 6 Xứ, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, cả 8 pháp này thuộc *Thời hiện tại*.

12 Chi Y Tương sinh là: Vô minh, Hành, Thức, Danh - Sắc, 6 Xứ, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão - Tử. Còn Sầu, Bi, Khổ, Ưu, Não là quả của Sinh nên không kể là Chi của Y Tương sinh.

20 Hành tướng được kể như sau: Vô minh và Hành, là 2 pháp ở chặng đầu, nhiếp lấy 3 pháp nữa là: Ái, Thủ, Hữu, thêm vào thành 5 pháp, gọi là: *Nhân quá khứ* (là Nhân đã trải qua), cho sanh quả trong đời sống hiện tại này.

Thức, Danh - Sắc, 6 Xứ, Xúc, Thọ, là 5 pháp hiện đang có đây, kể là: *Quả hiện tại*, vì sanh lại từ Nhân quá khứ trong đời sống trước.

Ái, Thủ, Hữu, Vô minh, Hành, là 5 pháp đang có trong đời sống hiện tại này, kể là: *Nhân hiện tại*, vì sẽ cho sanh quả trong vị lai.

Thức, Danh - Sắc, 6 Xứ, Xúc, Thọ, là 5 pháp sẽ có trong đời sống vị lai, kể là *Quả vị lai*, vì sẽ sanh từ Nhân hiện tại trong đời sống hiện tại này.

5 Nhân quá khứ, 5 Quả hiện tại, 5 Nhân hiện tại, 5 Quả vị lai, là 20 Hành tướng.

Giải rằng: Sinh, Lão, Tử, 3 Pháp này không ngoài Quả hiện tại. 5 Quả hiện tại ấy khi sanh lên rồi thì thường chỉ gọi là *Sinh*, vì không thấy Lão và Tử hiện rõ. Khi già rồi mới gọi là *Lão*. Khi 5 Quả tàn hoại rồi thì gọi là *Tử*. Thật ra 3 pháp này đều hàm chứa ở trong 5 Quả ấy. Do đó, Đức Thế tôn mới nắm lấy 5 Quả (Thức, Danh - Sắc, 6 Xứ, Xúc, Thọ) này để thuyết rằng: 5 pháp này sanh lên, gọi là *Sinh*. 5 Pháp này già cõi, gọi là *Lão*, 5 pháp này tàn hoại, gọi là *Tử*.

3 Mỗi nối là:

- Khoảng giữa Hành, thuộc Nhân quá khứ, và Thức thuộc Quả hiện tại, nối liền với nhau, gọi là: *Quả Nhân liên kết*, thành một mỗi nối.

- Khoảng giữa Hữu, thuộc Nhân hiện tại, và Sinh thuộc Quả vị lai, nối liền với nhau, gọi là: *Nhân Quả liên kết*, thành một mỗi nối.

4 Yếu lược là:

- 2 Nhân Quá khứ là: Vô minh và Hành, là *Yếu lược thứ nhất*.

- 5 Quả hiện tại là: Thức, Danh - Sắc, 6 Xứ, Xúc, Thọ, là *Yếu lược thứ hai*.

- 3 Nhân hiện tại là: Ái, Thủ, Hữu, là *Yếu lược thứ ba*.

- 2 Quả vị lai là: Sinh và Lão - Tử, là *Yếu lược thứ tư*.

Đó là 4 *Yếu lược*.

3 Luân là:

- 3 pháp: Vô minh, Ái, Thủ, gọi là: *Phiền não luân*.

- 2 Pháp: Nghiệp hữu và Hành, gọi là: *Nghiệp luân*.

- 8 Pháp: Sanh hữu, Thức, Danh - Sắc, 6 Xứ, Xúc, Thọ, Sinh, Lão - Tử, gọi là *Dị thực luân* (*Vipākavatta* - còn gọi là *Quả luân*).

2 Căn của *bánh xe Hữu* (**Bhavacakka: Hữu luân**) là Vô minh và Ái.

- **Tesameva ca mūlānaṃ,** - Và khi những Căn ấy,

Nirodhena nirujjhati, Đang diệt tận bằng Diệt,

Jarāmaṇaṇaṃ'ucchāya, Bị Già Chết đánh quy,

Pīṭitānaṃ'abhiṇhaso, Đã bức bách luôn luôn.

Āsavānaṃ samuppādā, Do các lậu tập khởi,

Avijjā ca pavattati. Vô minh đang tiếp diễn.

- **Vatṭamābandham'iccevaṃ,** - Chính vậy, Luân buộc ràng,

Tebhūmakam'sanādikam, 3 cõi vô khởi thủy,

Paṭicasamuppādoti, Gọi là: **Y Tương sinh,**

Paṭṭhapesi Mahāmuni. Đại Mâu ni thiết lập.

Nghĩa là:

Trong khi cả 2 Căn là: Vô minh và Ái chưa có diệt thì bánh xe Hữu, có 3 Luân là: Phiền não luân, Nghiệp luân và Dị thực luân đang trì giữ, mới xoay chuyển không ngừng. Khi Phiền não luân, là pháp chủ yếu, đã được Thánh đạo đoạn tuyệt,

Nghiệp luân và Di thực luân đã chấm dứt hết, thì bánh xe Hữu cũng diệt hẳn, không thể xoay chuyển được, do nhân đã diệt toàn bộ các Căn ấy.

Khi tất cả chúng sanh bị Vô minh che án, bị Ái trói buộc, vật đánh quay là Lão và Tử hằng bức bách luân luôn, thì sẽ phát sanh Sáu, Bi, Khổ, Ưu, Não lên. Và tạo sanh lên cả 4 Lộ hoặc. Vô minh cũng phát khởi lên là duyên của Hành nữa. Hành cũng là duyên của pháp Quả, như Thức.v.v... tiếp tục nữa.

3 Luân (*Vật xoay chuyển*) là Phiền não, Nghiệp và Di thực xoay vẫn trong 3 cõi không có khởi điểm (*vô thủy*) liên hệ dai dẳng không dứt hẳn (*vô chung*) như vậy.

Bậc Đại Mâu ni thuyết bày *Y Tương sinh*, là pháp làm chỗ nương sanh lên trọn của Quả, hoặc pháp làm duyên, chỗ quả nương sanh lên trọn vẹn với sự việc như vậy.

DỨT LÝ Y TƯƠNG SINH

Khởi Lý Biến xứ, Đức Thế tôn thuyết giảng với **24 Duyên** là:

- 1 - Nhân duyên (**Hetupaccaya**).
- 2 - Cảnh duyên (**Ārammaṇapaccaya**).
- 3 - Trường duyên (**Adhipatipaccaya**).
- 4 - Vô gián duyên (**Anantarapaccaya**).
- 5 - Đẳng vô gián duyên (**Samanantarapaccaya**).
- 6 - Cầu sinh duyên (**Sahajātapaccaya**).
- 7 - Hỗ tương duyên (**Aññamaññapaccaya**).
- 8 - Y chỉ duyên (**Nissayapaccaya**).
- 9 - Cận y duyên (**Upanissayapaccaya**).
- 10 - Tiền sinh duyên (**Purejātapaccaya**).

11 - Hậu sinh duyên (**Pacchājātapaccaya**).

12 - Tập hành duyên (**Āsevanapaccaya**).

13 - Nghiệp duyên (**Kammaṇapaccaya**).

14 - Di thực duyên (**Vipākapaccaya**).

15 - Vật thực duyên (**Āhārapaccaya**).

16 - Quyền duyên (**Indriyapaccaya**).

17 - Thiên duyên (**Jhānapaccaya**).

18 - Đạo duyên (**Maggapaccaya**).

19 - Tương ứng duyên (**Sampayuttapaccaya**).

20 - Bất tương ứng duyên (**Vippayuttapaccaya**).

21 - Hiện hữu duyên (**Atthipaccaya**).

22 - Vô hữu duyên (**Natthipaccaya**).

23 - Ly khứ duyên (**Vigatapaccaya**).

24 - Bất ly duyên (**Avigatapaccaya**).

Đó là 24 Duyên trong Lý Biến xứ.

NHÂN DUYÊN: Là pháp trợ giúp với tính cách là Nhân, nghĩa là buộc lại cho trụ vững đối với pháp Thiện và Bất thiện, gọi là Nhân duyên, tức là 6 loại Nhân, ví như gốc rễ và cây chống là cái trợ giúp, đứng vững của cây.

CẢNH DUYÊN: Là pháp trợ giúp bằng cảnh, tức là 6 cảnh, là nơi bám nứ của Tâm và Tâm sở, sanh trong 6 Môn, ví như dây và cây sào là nơi bám nứ.

TRƯỜNG DUYÊN: Là pháp trợ giúp với tính cách là trường trong pháp hiện hành nương với mình.

VÔ GIÁN DUYÊN: Là pháp trợ giúp bằng cách không gián đoạn, nghĩa là: Pháp sanh ở trước đã diệt rồi là cái trợ giúp cho cơ hội đến pháp sanh phía sau.

DẪNG VÔ GIÁN DUYÊN: Là pháp trợ giúp bằng cách không gián đoạn thật tốt, nghĩa là: Pháp sanh ở chỗ trước đã diệt rồi là cái trợ giúp cho cơ hội tốt, không có pháp khác đến ngăn cản, đến pháp sanh phía sau.

CÁU SINH DUYÊN: Là pháp trợ giúp với tính cách là pháp đồng sanh với nhau, ví như ngọn lửa đèn và ánh sáng có ánh sáng cùng một lượt.

HỖ TƯƠNG DUYÊN: Là pháp trợ giúp bằng cách trợ cho lẫn nhau, nghĩa là: Pháp đồng sanh với nhau là cái trợ giúp lẫn nhau, ví như 3 cái cây được người ta dựng đứng lên, đang tựa lẫn nhau, nương chịu lẫn nhau.

Y CHỈ DUYÊN: Là pháp trợ giúp với tính cách là nơi nương tựa, ví như mặt đất là nơi nương tựa của chúng sanh và cây cối... và ví như tấm vải là nơi nương tựa của hình vẽ và các đường nét sai biệt.

CẬN Y DUYÊN: Là pháp trợ giúp với tính cách là cận y dính theo mình thành gốc thành nhân, nghĩa là: Pháp trợ giúp với tính cách là nương nhiều hay nương mạnh.

TIỀN SINH DUYÊN: Là pháp trợ giúp bằng cách sanh trước, nghĩa là: Pháp sanh trước là cái trợ giúp duyên cho Tâm và Tâm sở sanh phía sau.

HẬU SINH DUYÊN: Là pháp trợ giúp bằng cách sanh sau, nghĩa là: Pháp là Tâm và Tâm sở sanh phía sau là cách trợ giúp duyên cho Sắc sanh trước.

TẬP HÀNH DUYÊN: Là pháp trợ giúp với tính cách cho có sít thuận thực bằng cách không gián đoạn, với ý nghĩa là: Tập hành (lập đi lập lại, tập hoài), nghĩa là: Tâm Đồng tốc có chủng loại giống nhau đồng trợ lực với nhau cho thành tựu công việc Phước Tội, gọi là: Tập hành duyên. Ví như sự nỗ lực học nhiều lần một đoạn văn.

NGHIỆP DUYÊN: Là pháp trợ giúp với tính cách là hành động bằng cách kể là hành động của Tâm, nghĩa là: Thiện và Bất thiện là duyên cho sanh quả Lạc Khổ.

DI THỰC DUYÊN: Là Pháp Di thực trợ giúp với tính cách yên lặng không có nỗ lực cho pháp có tính cách yên lặng không có nỗ lực, nghĩa là: Tâm Di thực sanh lên là duyên cho chúng sanh được Lạc Khổ một cách tương xứng với Thiện và Bất thiện.

VẬT THỰC DUYÊN: Là Tử thực trợ giúp với tính chất ủng hộ cho Vô sắc pháp và Sắc pháp, nghĩa là: Tứ thực (4 loại Vật thực) là:

- Xúc thực, là Tâm sở Xúc, là duyên cho sanh Lạc thọ, Khổ thọ, Xả thọ.

- Ý Tư thực, là Tư Thiện và Bất thiện, là duyên cho sanh Thức Tái tục.

- Thức thực, là Tâm Tái tục, là duyên cho sanh Sắc pháp và Danh pháp trong thời Biến chuyển sau chỗ Tâm Tái tục cho suốt đến Tâm Tử.

- Đoàn thực, là dưỡng tố, nâng đỡ Sắc pháp và Danh pháp cho tồn tại như thường.

Như vậy gọi là Vật thực duyên.

QUYỀN DUYÊN: Là 22 Quyền, trừ Nữ quyền và Nam quyền, trợ giúp với tính cách là chủ tử (chủ quyền), nghĩa là:

- 5 Sắc Tinh cho 5 Thức diễn tiến trong quyền mình.

- Sắc Mạng quyền là chủ tử làm cho Sắc Nghiệp sinh diễn tiến trong quyền mình.

- Các Quyền Vô sắc tạo cho các pháp tương ứng và các Sắc mà pháp ấy là khởi xứ.

Như vậy gọi là: Quyền duyên.

THIỆN DUYÊN: Là trừ đôi Lạc thọ và Khổ thọ trong Ngũ song thức, tất cả 7 chi Thiên được phân loại thành Thiện... trợ giúp với tính cách là chăm chú vào (**chuyên chú**), gọi là: *Thiên duyên*, nghĩa là: 5 Chi Thiên (Tâm, Tứ, Pháp-Hỷ, Nhất thống và Thọ (trừ Lạc, Khổ) là duyên trợ lực cho Danh pháp và Sắc pháp đồng sanh với mình.

ĐẠO DUYÊN: Là pháp trợ giúp với tính cách là Đạo lộ, hay là: 12 chi Đạo được phân loại thành Thiện... trợ giúp với tính cách là dẫn ra khỏi cái ràng buộc, gọi là: *Đạo duyên*, nghĩa là: Chi Đạo thuộc về Hiệp thế và Siêu thế là duyên trợ lực cho Danh và Sắc đồng sanh vậy.

TƯƠNG ƯNG DUYÊN: Là pháp trợ giúp với tính cách là tương hợp, hay là: Các pháp Vô sắc trợ giúp với tính cách là tương hợp bằng cách kể là: Đồng vật, đồng cảnh, đồng sanh, đồng diệt, gọi là: *Tương ứng duyên*, nghĩa là: Tâm và Tâm sở là duyên trợ cho nhau, tức là đồng sanh với nhau, có một cảnh với nhau.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN: Là pháp trợ giúp với tính cách không tương hợp, nghĩa là: Danh và Sắc phân ra thành từng phần không có hòa lẫn nhau, gọi là: *Bất tương ứng duyên*.

HIỆN HỮU DUYÊN: Là pháp trợ giúp với tính cách hiện hữu theo đặc tướng hiện tại bằng tính chất ủng hộ cho pháp giống như nhau, nghĩa là: Danh và Sắc chưa diệt là duyên trợ lực cho nhau khi chưa diệt, gọi là: *Hiện hữu duyên*.

VÔ HỮU DUYÊN: Là pháp trợ giúp với tính cách không có đối với bản thể Siêu lý, nghĩa là: Danh và Sắc đã diệt rồi vẫn là duyên cho sanh Danh và Sắc tiếp tục về sau, gọi là: *Vô Hữu duyên*.

LY KHỨ DUYÊN: Là pháp trợ giúp với tính cách đi khỏi, bằng tính chất đi đến sự diệt mất.

BẤT LY DUYÊN: Là pháp trợ giúp với tính cách chưa đi khỏi, nghĩa là: Trợ giúp bằng tính chất ủng hộ cho pháp giống như nhau mà chưa đi đến sự diệt mất.

Ly khứ duyên giải như *Vô Hữu duyên*, *Bất ly duyên* giải như *Hiện hữu duyên* (cũng như *Vô gián duyên* và *Đẳng Vô gián duyên*). Đức Thế tôn thuyết giảng văn tự khác nhau, ý nghĩa đồng nhất. Chỗ thuyết khác nhau theo văn tự ấy là vì tùy thuận theo khuynh hướng của tất cả chúng sanh.

Tất cả 24 *Duyên* ấy, *Luận sư Anuruddha* gom lại thuyết theo nhóm, thành **6 nhóm** như sau:

1 - *Danh pháp là duyên cho Danh pháp*, có 6 *duyên*, chỉ cho sanh được duy nhất với Danh pháp.

2 - *Danh pháp là duyên cho cả Danh và Sắc*, có 5 *duyên*, cho sanh được cả Danh và Sắc.

3 - *Danh pháp là duyên cho Sắc pháp*, có 1 *duyên*, chỉ cho sanh được duy nhất có Sắc pháp.

4 - *Sắc pháp là duyên cho Danh pháp*, có 1 *duyên*, chỉ cho sanh được duy nhất có Danh pháp.

5 - *Cả 3 pháp: Chế định, Danh và Sắc*, là *duyên cho Danh pháp*, có 2 *duyên*, chỉ cho sanh được duy nhất có Danh pháp.

6 - *Cả 2 pháp: Danh và Sắc*, là *duyên cho Danh và Sắc*, có 9 *duyên*, cho sanh được cả Danh pháp và Sắc pháp.

Tổng cộng về *Duyên* có 6 nhóm với nhau như vậy.

Hỏi: Nhóm thứ nhất nói rằng: *Danh pháp là duyên cho Danh pháp*, có 6 *duyên*, chỉ cho sanh duy nhất có Danh pháp ấy như thế nào?

Đáp: 6 *duyên* chỉ cho sanh được duy nhất có Danh pháp ấy, đó là: *Vô gián duyên*, *Đẳng Vô gián duyên*, *Vô hữu duyên*, *Ly khứ duyên*, *Tập hành duyên* và *Tương ứng duyên*.

Tất cả pháp là Tâm và Tâm sở, vừa mới diệt rồi là duyên cho tất cả pháp, là Tập hành duyên và Tương ưng duyên.

Gọi là: *Vô gián duyên* ấy với ý nghĩa là: Làm Tâm cần phải sanh cho sanh, Tâm không cần phải sanh thì không cho sanh. Như Tâm Hưởng ngũ môn sanh ở chặng đầu của Nhân thức, là nhân là duyên duy nhất cho Nhân thức phát sanh theo thứ tự. Phần Nhân thức là duyên cho sanh Tâm Tiếp thâu. Tâm Tiếp thâu là duyên cho sanh Tâm Thẩm tẩn. Tâm Thẩm tẩn là duyên cho sanh Tâm Xác định. Tâm Xác định là duyên cho sanh Tâm Đồng tốc... theo thứ tự với nhau như vậy, mới gọi là: *Vô gián duyên*.

Đẳng Vô gián duyên ấy cũng giống như Vô gián duyên, chỉ khác văn tự, ý nghĩa thì như nhau, vì lẽ Đức Phật thuyết giảng tùy thuận theo khuynh hướng của chúng sanh.

Vô hữu duyên ấy, nghĩa là: Pháp không có rồi vẫn là duyên cho sanh pháp khác lên nữa. Như Nhân thức sẽ sanh ấy, Tâm Hưởng ngũ môn phải không có trong Lộ Nhân môn mới là duyên cho Nhân thức sanh lên được. Tâm Hưởng ngũ môn là Vô hữu duyên của Nhân thức. Nhân thức là Vô hữu duyên của Tâm Tiếp thâu. Tâm Tiếp thâu là Vô hữu duyên của Tâm Thẩm tẩn. Tâm Thẩm tẩn là Vô hữu duyên của Tâm Xác định. Tâm Xác định là Vô hữu duyên của Tâm Đồng tốc theo thứ tự như vậy.

Ly khứ duyên cũng giải như Vô hữu duyên. **Vô hữu** dịch là: Không có. **Ly khứ** dịch là: Đi khỏi. Ý nghĩa đồng nhất, chỉ khác văn tự.

Tất cả Tâm Đồng tốc đã có trước là duyên cho Tâm Đồng tốc ở phía sau với tính năng *Tập hành duyên*.

Nghĩa là: *Tập hành duyên* ấy chỉ có trong Tâm Đồng tốc, là duyên khác nhập thêm nữa, tức là: Tâm Đồng tốc thứ nhất là Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô hữu duyên, Ly khứ

duyên của Đồng tốc thứ hai rồi và cũng là Tập hành duyên, tiếp tục cho suốt đến cả 7 Đồng tốc.

Chỗ gọi là: "*Tập hành*" ấy vì có chủng loại đồng nhau. Đồng tốc thứ 1 là Thiện hay Bất thiện, là Hỷ thọ hoặc Ưu thọ, là Hữu tác hoặc Vô tác thứ nào, Đồng tốc thứ 2... cũng là thứ ấy giống như nhau. Tâm Đồng tốc có chủng loại đồng nhau, trợ lực cho lẫn nhau, cho thành tựu việc Phước và Tội được, ví như bầy con bò nương nhờ sức của lẫn nhau, kéo những cây lớn đi được, mới gọi là: *Tập hành duyên*, chỉ trừ ra những Đồng tốc Siêu thế không là Tập hành duyên.

Tất cả pháp là Tâm và Tâm sở, đồng sanh với nhau rồi là duyên cho lẫn nhau với tính năng *tương hợp* (hòa hợp chung với nhau), gọi là: *Tương ưng duyên*.

Tương ưng duyên ấy có đối với mỗi một Sát na Tâm, với ý nghĩa là: Tâm và Tâm sở đồng sanh với nhau, đồng diệt với nhau, hòa hợp chung với nhau như vậy, mới gọi là: Tương ưng duyên.

DỨT 6 DUYÊN TRONG NHÓM THỨ I

Hỏi: Trong nhóm thứ 2 nói: *Danh pháp là duyên cho cả Danh và Sắc, có 5 duyên*, cho sanh được cả Danh và Sắc có lý giải như thế nào?

Đáp: Có lý giải như sau:

Tất cả Nhân, chi Thiên và chi Đạo là duyên cho tất cả Danh và Sắc đã sanh với tính năng của duyên, như Nhân duyên...

Nghĩa là: 6 Nhân là: Tham, Sân, Si là 3 Nhân duyên phần Tội, cho sanh Danh và Sắc trong 4 cõi Bất lạc, Vô tham, Vô sân và Vô si là Nhân duyên phần Phước, cho sanh Danh và Sắc trong Thiện thú, Nhân loại, Lục dục thiên...

5 chi Thiện, như Tâm... là chi Thiện, như Sơ thiên... thuộc Thiện Sắc giới cũng là duyên cho Danh và Sắc. Trong tất cả Thiên địa (Jhānabhūmi), như Sơ thiên địa... Thiên duyên, như Thiên Sắc (Rūpādijjhānapaccaya)... có Sắc Nghiệp sinh sanh trong Sát na Tái tục. Sắc Tâm Khởi xứ ấy sanh trong Thời Biến chuyển.

12 chi Đạo là: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định, 8 chi Đạo này thuộc phần Thiện. Tà kiến, Tà tư duy, Tà tinh tấn, Tà định, 4 chi Đạo này thuộc phần Bất thiện, là duyên cho sanh Danh và Sắc trong Thiện thú và Ác thú.

Cho sanh Danh và Sắc ấy, tức là Sắc nghiệp sinh trong Thời Tái tục và Sắc Tâm sinh trong Thời Biến chuyển.

8 chi Đạo phần Thiện cho sanh Danh và Sắc thù thắng trong Thiện thú, 4 chi Đạo phần Bất thiện cho sanh Danh và Sắc hạ liệt trong Ác thú.

2 loại Tư (Cetanā) là: Câu sinh Tư và *Dị sát na Tư* (Nānakkaṅkacetanā).

Câu sinh Tư ấy đồng sanh với Tâm Thiện và Bất thiện, khi làm Thiện và Bất thiện trong đời sống hiện tại này.

Dị Sát na Tư ấy là Tư diễn tiến trong những Sát na khác nhau với Tâm Thiện và Bất thiện, cho thành tựu việc Phước và Tội đã có đến từ đời sống trước.

Nghĩa là: Thiện và Bất thiện mà chúng sanh đã tạo từ đời sống trước ấy bám đuổi theo kịp, tạo tác cho sanh Lạc và Khổ ấy, là *Dị Sát na Tư*.

Lại nữa, Thiện và Bất thiện mà chúng sanh tạo trong đời này cũng cho quả ngay đời này, gọi là: *Dị Sát na Tư* y như nhau.

Câu sinh Tư ấy là Nghiệp duyên của Danh và Sắc đồng sanh với mình và cùng chung Sát na Tâm với mình cho ở trong

quyền hạn. *Dị Sát na Tư* ấy có quyền hạn nhiều. Chí đến Danh và Sắc của tất cả chúng sanh được Năng sanh nghiệp cho sanh rồi, nếu *Dị sát na Tư* vào trợ giúp ủng hộ thì tăng trưởng thêm tuổi thọ, dung sắc, an lạc, sức lực viên mãn mọi điều. Nếu *Dị Sát na Tư* vào áp chế rồi thì sanh các bệnh tật, tai nạn, bất hạnh nhiều thứ, đoạn lìa mạng sống cũng có. Phân tích theo Nghiệp ấy, *Dị Sát na Tư* trở thành Nghiệp có đến 11 loại, có *Hiện pháp Thọ nghiệp* là đầu tiên, có *Phò sát nghiệp* là cuối cùng.

2 loại Tư được nói trên, gọi là: *Nghiệp duyên*.

Tâm *Dị thực* cho thành tựu phận sự là Tái tục, là Hữu phần cho đến Tâm Tử, gọi là: *Dị thực uẩn*. *Dị thực uẩn* này nương nhờ lẫn nhau, là *Dị thực duyên* cho lẫn nhau rồi mới sanh khởi.

Lại nữa, *Dị thực uẩn* là *Dị thực duyên* cho sanh Sắc Nghiệp sinh kể từ Sát na Tái tục, rồi cho sanh Sắc Tâm Khởi xứ kể từ Hữu phần sau khi Tái tục, rồi cho sanh Sắc Tâm Khởi xứ kể từ Hữu phần sau khi Tái tục.

Dị thực uẩn này kể là Danh pháp, làm duyên cho cả Danh pháp và Sắc pháp.

Thuyết phân 5 duyên: Nhân duyên, Thiên duyên, Đạo duyên, Nghiệp duyên, *Dị thực duyên* thuộc về Danh pháp duy nhất, là 5 duyên, cho sanh cả Danh pháp và Sắc pháp chỉ có bấy nhiêu.

DỨT 5 DUYÊN TRONG NHÓM THỨ II

Hỏi: Nhóm thứ 3 nói: *Danh pháp là duyên cho Sắc pháp, có 1 duyên*, chỉ cho sanh được duy nhất có Sắc pháp ấy như thế nào?

Đáp: Tất cả pháp, là Tâm và Tâm sở, sẽ cho sanh ở phía sau là duyên của Thân này đã được sanh trước, gọi là: *Hậu sinh duyên*.

Trong 89 Tâm, trừ Ngũ song thức và 4 *Dị thực Vô sắc*, còn

75 Tâm đều là duyên cho Sắc Tâm Khởi xứ được hết. Sắc pháp mà cần phải sanh trước ấy, không tự phát sanh lên một mình mình được, phải nương Tâm và Tâm sở sẽ sanh ở phía sau, là duyên ủng hộ trợ lực cho mới sanh lên được. Ví như dòng nước chảy tràn ngập đến luôn không dứt, mới tràn đi trong mọi chỗ được. Do đó, Tâm và Tâm sở sanh ở phía sau ấy, mới gọi là: *Hậu sinh duyên*.

DỨT 1 DUYÊN TRONG NHÓM THỨ III

Hỏi: Nhóm thứ 4 nói: *Sắc pháp là duyên cho Danh pháp, có 1 duyên*, chỉ cho sanh được duy nhất có Danh pháp ấy như thế nào?

Đáp: Sắc pháp duy nhất là duyên của Danh pháp ấy có lời giải rằng:

Sắc đang hiện rõ ở trước, Tâm và Tâm sở mới sanh lên được. Vì lẽ ấy, Sắc mới gọi là: *Tiền sinh duyên*.

Tiền sinh duyên có 2 loại là: *Vật Tiền sinh duyên* và *Cảnh Tiền sinh duyên*.

6 Vật, như Nhân vật... và 6 Cảnh, như Cảnh sắc... đến hiện rõ trong Lộ Ngũ môn, là duyên của 7 Thức giới với tính năng là *Tiền sinh duyên*, đã đang sanh trước trong thời Biến chuyển.

Nghĩa là: Có *Sắc vật (Vatthurūpa)* là: Nhân, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, cả 5 Vật này đang tồn tại, là điều thứ 1.

Cảnh Tiền sinh duyên là: Cảnh sắc, Cảnh thanh, Cảnh khí, Cảnh vị, Cảnh xúc, cả 5 Cảnh này mới được cơ hội đến phát sanh trong Lộ Nhân môn, Lộ Nhĩ môn, Lộ Tỷ môn, Lộ Thiệt môn, Lộ Thân môn. Đây kể là điều thứ 2. Sau đó, 7 Thức giới là: Hưởng Ngũ môn, Ngũ song thức, Tiếp đầu, Thẩm tấn, Xác định, Đồng tốc, Bĩ Sở duyên mới phát sanh được.

Về phần Ý môn ấy, Tâm vật đang hiện hữu, kể là điều thứ

1. Cảnh pháp mới được cơ hội đến hiện rõ trong Lộ Ý môn. Đây kể là điều thứ 2. Rồi Hưởng Ý môn, Đồng tốc, Bĩ Sở duyên mới được đến phát sanh trong thời gian sau đó. Tâm vật là Tiền sinh duyên thứ 1. Cảnh pháp là Tiền sinh duyên thứ 2. Một mình Sắc pháp là duyên cho Danh pháp như đã nói trên.

DỨT 1 DUYÊN TRONG NHÓM THỨ IV

Hỏi: Nhóm thứ 5 nói: *Cả 3 pháp: Chế định, Danh và Sắc, là duyên cho Danh pháp, có 2 duyên*, chỉ cho sanh được duy nhất có Danh pháp như thế nào?

Đáp: Cả 3 pháp, Chế định 1, Danh 1, Sắc 1, là duyên của Danh pháp, có 2 duyên là: *Cảnh duyên* và *Cận y duyên*.

Sẽ nêu 3 pháp: Chế định, Danh và Sắc này lên thuyết trước, đó là:

- Tên chúng sanh, tên loài thú, tên loài người, tên *đồ phục súc (Vatthābharāṇa)*, tên *vật dụng (Upabhoga)*, tên *đồ ăn uống (Paribhoga)*, tên tài sản hữu thức và tài sản vô thức, tên mà thế gian thường gọi với nhau nhiều cách, họ chế định lên rằng: Cái này hãy gọi là: Như vậy, như thế, tên ấy, tên này. Điều như đã nói trên đây, gọi là: *Pháp Chế định*, là pháp mà người đời định đặt lên.

- Tâm và Tâm sở, gọi là: *Danh pháp*.

- Sắc, Thanh, Khí, Vị, Xúc, gọi là: *Sắc pháp*.

Sắc, Thanh Khí, Vị, Xúc, là 5. Tâm, Tâm sở, Chế định, 3 pháp này gom lại thành 1. Hợp chúng lại thành 6 Cảnh.

6 Cảnh này đến hiện rõ với 6 Môn trong thời nào thì là Cảnh duyên của 7 Tâm Lộ sanh lên trong thời ấy.

3 Pháp: Chế định, Danh và Sắc, khi là Cận y duyên ấy, kể phân thành 3 loại là: Cảnh Cận y, Vô gián Cận y, Thường Cận y.

Cảnh Cận y ấy đó là: *Sắc Phật (Buddhādirūpa)*... và *Sắc Tăng (Saṅghādirūpa)*... được người cung kính tôn thờ, hoặc tiếng tụng kinh và tiếng Thuyết pháp, hay là 5 Giới, 8 Giới, 10 Giới và tu tiến Định, tu tiến Minh quán, cũng như Đạo Quả là nơi yêu mến, cung kính, tôn thờ, đều gọi là: *Cảnh Cận y*.

Vô gián Cận y đó là: Tâm và Tâm sở vừa mới diệt, kế cận nhau với Tâm và Tâm sở thuộc hiện tại, là duyên cho Tâm và Tâm sở thuộc hiện tại được, sanh kế tiếp Sát na với nhau, gọi là: *Vô gián Cận y*.

Vô gián duyên và Vô gián Cận y, cả 2 duyên này giống như nhau, chỉ khác chỗ có sức lực nhiều và ít. Khi là Vô gián duyên ấy thì có sức lực ít. Khi là Vô gián Cận y thì có sức lực nhiều.

Thường Cận y ấy đó là: Tham ái, Sân, Si, Mạn, Kiến và Cận y duyên thuộc phần Bất thiện.

Tin, Giới, Văn, Thí, Định, Tuệ là Cận y duyên thuộc phần Thiện.

Sự Lạc thân, Lạc tâm, Thiện bạn hữu, Người, Thầy, Giáo thọ sư và Vật thực thích hợp, Thời tiết thích hợp, *Sàng tọa (Senāsana)* thích hợp, là Cận y duyên về phần tốt.

Sự Khổ thân, Khổ tâm, Ác bạn hữu, người Ác giới và Vật thực chán ngấy không thích hợp, Thời tiết không thích hợp, *Sàng tọa* không thích hợp thì Cận y về phần xấu.

DỨT 2 DUYÊN TRONG NHÓM THỨ V

Hỏi: Nhóm thứ 6 nói: *Cả 2 pháp: Danh và Sắc là duyên cho Danh và Sắc, có 9 duyên*, cho sanh được cả Danh pháp và Sắc pháp ấy như thế nào?

Đáp: Ý nghĩa trong nhóm thứ 6 nói: Danh và Sắc là duyên cho sanh Danh và Sắc đang có tùy thích ứng với 9 cách là:

Trường duyên, Câu sinh duyên, Hồ tương duyên, Y chỉ duyên, Vật thực duyên, Quyền duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Bất ly duyên.

Trường duyên ấy có 2 loại là: Cảnh trường duyên và Câu sinh trường duyên.

Cảnh trường duyên ấy, đó là: Cảnh mà người nên hành sự tôn kính, như Sắc Phật... là duyên của Danh pháp, là 84 Tâm, lấy 89 Tâm trừ đi 5 Tâm: 2 Tâm Khuể, 2 Tâm Si, 1 Tâm Thân thức câu hành Khổ còn 84 Tâm có cảnh Trường là duyên.

28 Sắc cũng gọi là: Cảnh trường.

Níp Bàn cũng gọi là: Cảnh trường, vì lẽ Níp Bàn là Cảnh của Tâm Chuyển tánh và Tâm Đạo.

Câu sinh trường duyên ấy, tức là: **Tứ trường:** *Dục trường, Tâm trường, Tấn trường, Thảm trường*. Song không phải đồng là duyên cùng nhau, nếu một Trường nào làm duyên rồi thì ba Trường còn lại cũng hỗ trợ cho.

Dục, Tâm, Tấn, 3 Trường này có riêng trong Tâm Nhị nhân, trong Tâm khác không có. Thảm trường có riêng trong Tâm Tam nhân, trong Tâm khác không có.

Câu sinh duyên có 3 cách là:

1 - Tâm và Tâm sở đồng sanh với nhau, bảo trợ lẫn nhau, là Câu sinh duyên cho sanh Sắc Nghiệp sinh và Sắc Tâm Khởi xứ.

2 - 4 Sắc Đại hiển đồng sanh với nhau là Câu sinh duyên cho 24 Sắc Y sinh cùng với nhau.

3 - Sắc Nghiệp sinh và Dị thực uẩn đồng sanh với nhau là Câu sinh duyên cho nhau trong lúc Tái tục.

Hồ tương duyên có 3 cách là:

1 - Tâm và Tâm sở là duyên cho lẫn nhau.

2 - Sắc Đại hiển là duyên cho lẫn nhau.

3 - Sắc Nghiệp sinh và Dị thực uẩn là duyên cho lẫn nhau trong Sát na Tái tục.

Y chỉ duyên có 3 cách là:

1 - Tâm và Tâm ở nương lẫn nhau là Y chỉ duyên của Sắc Nghiệp sinh và Sắc Tâm Khởi xứ.

2 - Sắc Đại hiển nương lẫn nhau là Y chỉ duyên của 24 Sắc Y sinh.

3 - 6 Vật, có Nhân vật đầu tiên đến Tâm vật là cuối cùng, 6 Sắc vật này là Y chỉ duyên của 7 Thức giới.

Đó là 3 cách Y chỉ duyên với nhau.

2 Y chỉ duyên đầu ấy còn được gọi là: *Câu sinh Y duyên*, với ý nghĩa là: Tâm, Tâm sở và Sắc Đại hiển đồng sanh với nhau, nương lẫn nhau, đều là nơi nương của Sắc Nghiệp sinh, Sắc Tâm Khởi xứ và Sắc Y sinh.

Y chỉ duyên cách thứ 3 ấy còn được gọi là: *Tiền sinh Y duyên*, với ý nghĩa là: 6 Vật sanh trước rồi, Tâm và Tâm sở mới sanh ở phía sau.

Vật thực duyên ấy có 2 loại là:

1 - Vật thực có dưỡng tố mà người làm cho thành vất để thọ hưởng, Dưỡng tố thấm nhập khắp (*Thân*) cho sanh thành Sắc Vật thực sinh ủng hộ Sắc Nghiệp sinh, Sắc Tâm sinh và Sắc Quý tiết sinh tùy thích ứng với năng lực.

2 - Vật thực Vô sắc (*Danh vật thực*) có 3 loại là:

a - *Xúc thực*: Tức là 6 loại xúc.

b - *Ý tư thực*: Tức là Tư Thiện và Tư Bất thiện.

c - *Thức thực*: Tức là Tâm Tái tục.

3 loại Vật thực Vô sắc này là duyên cho sanh Tâm và Tâm

sở, cho sanh Sắc Nghiệp sinh, Sắc Tâm Khởi xứ đồng sanh đồng diệt với mình.

Quyền duyên có 3 loại là:

1 - 5 Sắc Tinh, gọi là: *Tiền sinh quyền*, nghĩa là: Tinh Nhân ấy, nếu thật *trong ngần* rồi thì là duyên cho sanh Nhãn thức, cho thấy Sắc vi tế, cho thấy sắc xa, cho thấy rõ ràng. 4 Sắc Tinh nữa, như Tinh Nhĩ... cũng là duyên cho 4 loại Thức, như Nhĩ thức... được giải giống như Tinh Nhân vậy.

2 - *Mạng quyền* được biết ở trong Sắc Thủ, tức là 18 Sắc Nghiệp sinh ấy cũng là duyên của Sắc Thủ.

3 - *Câu sinh quyền* ấy là 14 Quyền, có Ý quyền đầu tiên đến Cự tri quyền cuối cùng, thuộc Quyền Vô sắc, là duyên chủ thể cho Danh pháp và Sắc pháp đồng sanh với mình diễn tiến trong quyền hạn.

Bất tương ứng duyên có 3 loại là:

1 - Câu sinh Bất tương ứng duyên.

2 - Hậu sinh Bất tương ứng duyên.

3 - Tiền sinh Bất tương ứng duyên.

Câu sinh Bất tương ứng duyên ấy tức là Tâm và Tâm sở là duyên cho Sắc Nghiệp sinh, Sắc Tâm Khởi xứ và Dị thực uẩn với tính năng đồng sanh với nhau cũng có; hoặc Tâm và Tâm sở là duyên cho Sắc đồng sanh mỗi một Sát na Tâm với tính năng đồng sanh với nhau cũng có.

Khi sanh thì đồng sanh với nhau. Khi sẽ diệt thì Dị thực uẩn là kẻ cho thành tựu phận sự Tái tục, là Hữu phần ấy sẽ diệt đi trước. Sắc mà đồng sanh Tâm mỗi một Sát na Tâm ấy chưa diệt, tồn tại cho đến tròn đủ 17 Sát na Tâm mới diệt. Do nhân này, mới gọi là: *Câu sinh Bất tương ứng duyên*, là duyên đồng sanh với nhau, khi sẽ diệt thì sẽ tách lìa nhau.

Hậu sinh Bất tương ưng duyên ấy là Tâm và Tâm sở sanh phía sau là duyên cho Sắc sanh lên trước, sanh không đồng Sát na với nhau, nhưng Tâm và Tâm sở sanh lên phía sau ấy trợ lực cho Sắc được sanh trước... Do nhân này, mới gọi là: *Hậu sinh Bất tương ưng duyên*.

Tiền sinh Bất tương ưng duyên ấy đó là: 5 Sắc Tinh, 1 Tâm vật, là 6 Sắc sanh trước, sanh không đồng Sát na với nhau, nhưng là duyên trợ lực cho 7 Thức giới trong thời Biến chuyển sau khi Tái tục, với tính năng Vật (**Vatthu**) là kẻ sanh trước trợ lực cho Tâm và Tâm sở sanh phía sau. Do nhân này, mới gọi là: *Tiền sinh Bất tương ưng duyên*.

Hiện hữu duyên ấy có 5 loại là: Câu sinh Hiện hữu, Tiền sinh Hiện hữu, Hậu sinh Hiện hữu, Đoàn thực Hiện hữu (**Kabaññakāra-Atthi**), Sắc Mạng quyền Hiện hữu (**Rūpañvitindriya-Atthi**). Đó là 5 loại Hiện hữu duyên.

Câu sinh Hiện hữu ấy giải như Câu sinh duyên.

Tiền sinh Hiện hữu ấy giải như Tiền sinh duyên.

Hậu sinh Hiện hữu ấy giải như Hậu sinh duyên.

Chỉ khác nhau về *Đoàn thực Hiện hữu duyên* và *Sắc Mạng quyền Hiện hữu*.

Vật thực Hiện hữu ấy chỉ lấy riêng duy nhất có Đoàn thực. Còn Xúc thực, Ý tứ thực, Thức thực không kể vào *Vật thực Hiện hữu duyên*.

Sắc Mạng quyền Hiện hữu duyên ấy chỉ lấy riêng duy nhất có Sắc Mạng quyền. Những Quyền khác không kể vào trong *Sắc Mạng quyền Hiện hữu*.

Hỏi: Câu sinh duyên, Tiền sinh duyên, Hậu sinh duyên, Vật thực duyên và *Sắc Mạng quyền duyên* cũng kể thành mỗi loại duyên rồi, nguyên nhân nào mới lấy đến kể thành *Hiện hữu*

duyên, để hàm chỉ duyên cơ như thế nào?

Đáp: Đức Thế tôn có ý muốn cho chúng sanh thấy ý nghĩa có như vậy rằng: *Câu sinh duyên* ấy nương sanh đồng nhau trong Sát na Sinh và Sát na Trụ đương hiện hữu thật sự.

Tiền sinh duyên ấy đương sanh ở trước cũng hiện hữu thật sự.

Hậu sinh duyên ấy sanh phía sau cũng hiện hữu thật sự.

Đoàn thực ấy trước kể là *Vật thực duyên* rồi sau lại kể thành *Hiện hữu duyên* nữa ấy, Đức Phật có ý muốn cho thấy rằng: *Vật thực* mà người thọ dụng ấy cũng đương hiện hữu thật sự. Nếu chưa có thọ dụng thì chưa có trở thành duyên, vẫn chỉ gọi là *Vật thực*, Đến khi thọ dụng nuốt qua khỏi cổ rồi mới sẽ trở thành duyên. Do nhân ấy, mới kể lấy *Đoàn thực* thành *Hiện hữu duyên* nữa.

Sắc mạng quyền ấy trước cũng kể là duyên rồi sau lại kể thành *Hiện hữu duyên* nữa, Đức Phật có ý muốn cho thấy ý nghĩa rằng: *Sắc mạng quyền* hiện có trong *Khối sắc* ấy cũng đương hiện hữu thật sự, mới kể lấy lại thành *Hiện hữu duyên* ấy.

Bất ly duyên cũng có 5 loại giống như *Hiện hữu duyên*, chỉ khác văn tự, vì Đức Phật thuyết giảng thuận theo khuynh hướng của chúng sanh.

Tổng cộng duyên thành 9 loại là: Trưởng duyên, Câu sinh duyên, Hổ tương duyên, Y chỉ duyên, Vật thực duyên, Quyền duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Bất ly duyên.

Tất cả duyên đang quy tụ trong 4 loại duyên là: Cảnh duyên, Cận y duyên, Nghiệp duyên và *Hiện hữu duyên*.

Trong các Sắc ấy, *Sắc Câu sinh* có 2 loại là:

1 - *Sắc Tâm Khởi xứ* trong Thời Biến chuyển.

2 - *Sắc Nghiệp sinh* trong Thời Tái tục.

24 Duyên, Đức Thế tôn đã thuyết trong *Bộ Đại Biển xứ Luận (Mahāpaṭṭhāna)* với mọi trường hợp, tồn tại thế nào thì là thế ấy, kể theo pháp có 3 loại là: *Pháp Chế định*, *Danh pháp*, *Sắc pháp*. Những pháp ấy do duyên hội tạo cũng có (*Hữu vi*), không hội tạo cũng có (*Vô vi*); kết hợp trong 3 thời là: Thời quá khứ, Thời vị lai, Thời hiện tại cũng có, vượt ngoài 3 Thời (*Ngoại thời*) cũng có, đã cùng sanh ở bên trong (*Nội phần*) cũng có, ở bên ngoài (*Ngoại phần*) cũng có.

Pháp Chế định ấy, nếu vượt ngoài 3 Thời rồi, Duyên không hội tạo được vậy.

Sắc uẩn có 28, gọi là: *Sắc pháp*. 4 Uẩn Vô sắc được Đức Thế tôn gọi là: *Tâm và Tâm sở*; và *Níp Bàn*, là 5 loại, bậc Hiền trí gọi là: *Vô Sắc pháp* hoặc *Danh pháp*.

Cái ngoài ra Sắc pháp và Danh pháp, gọi là: *Pháp Chế định*.

Pháp Chế định có 2 loại là:

1 - **Paññāpiyattāpaññatti**: *Sở tri Tánh chế định*.

2 - **Paññāpanatopaññatti**: *Sở tri Danh chế định*.

Tất cả Vật (**Vatthu**), như đại địa, núi non... Thế gian chế định gọi với nhau là: Tên ấy, tên nầy, vì y cứ hành tướng biến hoại của các Sắc Hiện ấy (gọi là *Hình thức Chế định*).

Vật dùng lôi kéo, thường gọi với nhau là: Xe ngựa, xe bò, xe kéo... vì y cứ hành tướng hội hợp với các vật liệu được người chế tạo (gọi là *Hiệp thành Chế định*).

Tất cả chúng sanh họ thường gọi với nhau là: Đàn bà, đàn ông, người, thú... vì y cứ 5 Uẩn (gọi là *Chúng sinh Chế định*).

Tất cả không gian, thường gọi với nhau là: Hướng Đông, hướng Tây, hướng Nam, hướng Bắc... (4 phương, 8 hướng) (*Phương hướng Chế định*); Buổi sáng, buổi chiều, buổi trưa... vì

y cứ sự vận chuyển của mặt trăng mặt trời, có thời gian xoay vần của mặt trăng mặt trời... (gọi là *Thời gian Chế định*).

Hư không giới, thường gọi với nhau là: Giếng, ao, hồ, hố, vực, hang động... vì y cứ hành tướng mà người không xúc chạm được, tức là *không có sự dào*, không có sự tạo, là cái tự sanh lên (gọi là *Hư không Chế định*).

Lại nữa, những thể loại mà thường gọi với nhau là: *Biển xứ tướng (Kasiṇanimitta)* và *Thủ trì tướng (Uggahanimitta)*... ấy vì y cứ những *Hiện ấn tướng (Bhūtanimitta)* ấy; và *sự Tu tiến đặc biệt (Bhāvanāvisesa)* sanh thành cảnh của Tâm và Tâm sở, với những hành tướng là bóng của *Lý thể (Attha)* không có hiện hữu theo **Siêu Lý Đế** (gọi là *Ấn tướng Chế định*).

Luận sư nhận định, so sánh, gọi lấy như thế ấy làm duyên cơ so sánh, nắm lấy những **vật thể** ấy đặt tên chúng sanh và các *Hành (Saṅkhāra)* Hữu thức và Vô thức cho biết cùng với nhau, cho gọi với nhau, làm lẫn nhau cho biết khắp rằng: Cái nầy tên ấy, cái ấy tên nầy. Chính đây được gọi là: *Sở tri Tánh chế định (Paññāpiyattāpaññatti)*- Chế định là nhân làm lẫn nhau cho biết khắp (Thể chế định).

Về phần *Sở tri Danh chế định (Paññāpanatopaññatti)* ấy, người ta cho ra tên gọi, khi cần muốn xử dụng trong thời gian về sau theo tên được chế đặt từ trước ấy (Danh chế định).

Sở tri Danh chế định ấy có 6 loại là:

1 - *Hiện hữu Chế định (Vijjamānapaññatti)*.

2 - *Phi hiện hữu Chế định (Avijjamānapaññatti)*.

3 - *Phi hiện hữu Hiện hữu Chế định (Vijjamānena Avijjamānapaññatti)*

4 - *Hiện hữu Phi hiện hữu Chế định (Avijjamānena Vijjamānapaññatti)*.

5 - *Hiện hữu Hiện hữu Chế định (Vijjamānena Vijjamānapaññatti).*

6 - *Phi hiện hữu Phi hiện hữu Chế định (Avijjamānena Avijjamānapaññatti).*

Chư vị Luận sư gọi Ngũ uẩn là: Sắc, Thọ,... hiện có theo Siêu lý bằng Chế định này như thế nào, chính Chế định này, Ngài gọi là: *Hiện hữu Chế định*: Chế định cái hiện có theo Siêu lý (cũng gọi *Danh siêu Chế định*).

Mọi người chế định gọi các vật, như đại địa, núi non... không hiện có theo Siêu lý bằng chế định này như thế nào, Chế định này, bậc Hiền trí mới gọi là: *Phi hiện hữu Chế định*: Chế định cái không hiện có theo Siêu lý (cũng gọi *Phi danh siêu Chế định*).

Chế định còn lại ấy, bậc Hiền trí nên biết theo thứ tự với tính năng hòa lẫn nhau đối với 2 Chế định ấy.

Ngôn từ được gọi với nhau, lấy Siêu lý để phía sau, lấy Thế ngữ để phía trước, như câu nói: *Bậc có 6 Thắng trí (Chajabhiññā)*, *bậc có 5 Lực (Pañcabala)*, *bậc có 7 Giác chi (Sattabojjhaṅga)*.

Câu nói: Thắng trí, Lực, Giác chi, 3 câu này là *Siêu lý*. Câu nói: Bậc có 6, bậc có 5, bậc có 7, trong 3 câu này là *Thế ngữ*. Chế định gọi với nhau như vậy, gọi là: *Phi hiện hữu Hiện hữu Chế định*: Chế định cái không hiện có với cái hiện có (cũng gọi *Phi danh siêu Danh siêu Chế định*).

Ngôn từ mà lấy Thế ngữ để phía sau, lấy Siêu lý để phía trước như câu nói: Tiếng (*Thinh*) đàn bà, tiếng đàn ông, tiếng người.

Câu nói đàn bà, đàn ông, người ấy là *Thế ngữ*. Câu nói: Tiếng (*Thinh*) ấy là *Siêu lý*. Chế định gọi nhau như vậy, gọi là: *Hiện hữu Phi hiện hữu Chế định*: Chế định cái hiện có với cái không hiện có (cũng gọi *Danh siêu Phi danh siêu Chế định*).

Ngôn từ mà lấy Siêu lý để cả phía trước và phía sau, như câu nói: Nhân thức.

Câu nói: Nhân, là *Siêu lý*. Câu nói: Thức cũng là *Siêu lý*. Dù Nhĩ thức... cũng y như nhau. Chế định như vậy gọi là: *Hiện hữu Hiện hữu Chế định*: Chế định cái hiện có với cái hiện có (cũng gọi *Danh siêu Danh siêu Chế định*).

Ngôn từ mà có Thế ngữ cả phía trước và phía sau như câu nói: Hoàng tử, Công tử (**Amacca-putta**), Bà la môn tử, Gia chủ tử...

Câu nói: Hoàng... là *Thế ngữ*, Câu nói: Tử: cũng là *Thế ngữ*. Chế định như thế này... gọi là: *Phi hiện hữu Phi hiện hữu Chế định*: Chế định cái không hiện có với cái không hiện có (cũng gọi *Phi danh siêu Phi danh siêu Chế định*).

Thế ngữ được sử dụng gọi nhau theo như đã chế định, cho ra tên gọi khi cần muốn sử dụng, có 6 loại như đã nói trên. Lộ nhĩ thức đang hiện hữu thời cho được nghe những *Danh Chế định* ấy. Những *Danh Chế định* ấy chuyển theo tiếng nói chuyện. Cảnh Thinh đến chạm Tinh Nhĩ, làm cho Nhĩ thức sanh khởi. Thinh (*Tiếng*) ấy thành cảnh của Tâm Hương Ý môn. Tâm Hương Ý môn sanh ở chặng đầu của Lộ ý môn. Lộ Ý môn sanh theo thứ tự với nhau.

Khi Cảnh Thinh đến chạm Tinh Nhĩ, Tâm Hương Ngũ môn cắt đứt dòng Hữu phần sanh lên một Sát na rồi diệt đi. Nhĩ thức sanh lên một Sát na rồi cũng diệt đi. Kế đến, Tâm Tiếp thâu cũng sanh lên một Sát na rồi lại diệt đi. Tâm Thẩm tấn sanh lên một Sát na rồi diệt đi. Tâm Xác định sanh lên một Sát na rồi diệt đi. Tiếp đến, Tâm Đồng tốc mới sanh lên đến 7 Sát na rồi cũng diệt đi. Liền đó, Tâm Bĩ Sở duyên cũng sanh lên 2 Sát na rồi lại diệt đi. Tâm rơi vào lại dòng Hữu phần như cũ.

Nói như vậy là nói theo cảnh được nghe ấy, thuộc về *Cảnh Rất lớn*.

Lộ Nhĩ thức và Lộ Ý môn ấy chạy nối cặp với nhau không dứt, mọi người mới biết được Nhân, Quả, ý nghĩa, văn tự, trường âm (**Dīgha**), đoản âm (**rassa**) tốc âm (**Sithila**), trì âm (**Dhanīta**), trọng âm (**Garu**), Khinh âm (**Lahu**) tùy thích ứng với cảnh Thỉnh khi đến chạm Tinh Nhĩ ấy.

Mọi người biết được ý nghĩa văn tự... ấy, biết sau khi cảnh Thỉnh đến chạm Tinh Nhĩ, biết do ghi nhận theo tên ấy bằng ý nghĩa tùy theo ngôn từ của thế gian. Thế gian họ thường gọi nhau, nói chuyện nhau ấy, bậc trí thức nên biết rằng: là *Pháp Chế định*, được chế định lên theo *Thế ngữ* trong Duyên Nhiếp này.

Anuṭṭikā (*Hậu Sơ giải*) giải rằng: Người ta sẽ biết ý nghĩa bằng cách xác định phần ít *chừng hai chữ* (**Akkhara**) ấy, Lộ Nhĩ thức và Lộ Ý thức sanh khởi nối cặp với nhau mỗi lần hai Lộ, sanh 3 lần thành 6 lộ. Người ta mới biết ý nghĩa rõ ràng.

Chẳng hạn như từ: "**Ghaṭa**", dịch là: *Cái Nồi*, có hai chữ. Khi người ta nghe kẻ khác nói và sẽ biết là chữ "**Gha**" ấy Lộ Tâm chạy đi hai Lộ. Lộ thứ nhất ấy, gọi là: *Lộ Nhĩ thức*. Lộ thứ hai ấy, gọi là *Lộ Ý thức*. Rồi được nghe chữ nữa là "**Ta**". Tâm cũng chạy đi hai Lộ nữa giống như vậy. Là 4 Lộ. Rồi lấy chữ "**GHA**" và chữ "**TA**" ráp lại với nhau. Lộ Tâm cũng chạy đi hai Lộ nữa. Thành ra 3 lần 6 Lộ, mới biết ý nghĩa rõ ràng là từ **Ghaṭa** (*cái nồi*).

Đây là nói về phần ít *chỉ có hai chữ*, nếu chữ có nhiều hơn ấy nữa thì nên tính Lộ Tâm cho nhiều thêm như cách đã nói trên.

DỨT BIỆT PHÂN DUYÊN NHIẾP

Trong THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP CHƯƠNG VIII

CHƯƠNG IX

BIỆT PHÂN NGHIỆP XỨ NHIẾP (KAMMATṬHĀNASANĠAHAVIBHĀGA)

- Samathavipassanānaṃ,	- Đối với Chỉ, Minh quán,
Bhāvanānaṃ'ito paraṃ,	Tu tiến, đây về sau,
Kammatṭhānaṃ pavakkhāmi,	Sẽ nói đến Nghiệp xứ ,
Duvidhampi yathākkamaṃ.	Hai loại theo tuần tự.

Nghĩa là:

Tôi, *Luận sư Anuruddha*, sẽ nói đến hai loại *Nghiệp xứ*, theo thứ tự từ đây về sau, đối với *sự tu tiến Chỉ* và *tu tiến Minh quán*.

Sẽ phân giải trong *Chỉ nhiếp* (**Samathasaṅgaha**) trước.

Chỉ nhiếp ấy kể theo *Nghiệp xứ* có **40 loại**, phân thành 7 nhóm là:

- 1 - *Biến xứ* (**Kasiṇa**) có 10.
- 2 - *Bất mỹ* (**Asubha**) có 10.
- 3 - *Tùy niệm* (**Anussati**) có 10.
- 4 - *Vô lượng* (**Appamaññā**) có 4.
- 5 - *Vật thực uế trước tướng* (**Āhārapaṭikūlasaññā**) có 1.
- 6 - *Xác định giới* (**Dhātuvavatthāna**) có 1.
- 7 - *Vô sắc* (**Arūpa**) có 4.

Trong *Tánh nhiếp (Caritasāṅgha)* kể Nghiệp xứ theo Tánh, 6 nhóm là:

- 1 - *Tánh Tham ái (Rāgacarita)*.
- 2 - *Tánh Sân (Dosacarita)*.
- 3 - *Tánh Si (Mohacarita)*.
- 4 - *Tánh Tín (Saddhācarita)*.
- 5 - *Tánh Giác (Buddhicarita)*.
- 6 - *Tánh Tâm (Vitakkacarita)*.

Kể theo *Tu tiến (Bhāvanā)* có 3 là:

- 1 - *Khởi niệm Tu tiến (Parikammabhāvanā)*.
- 2 - *Cận hành Tu tiến (Upacārabhāvanā)*.
- 3 - *Kiên cố Tu tiến (Appanābhāvanā)*.

Kể theo *Ấn tướng (Nimitta)* có 3 là:

- 1 - *Khởi niệm tướng (Parikammanimitta)* (hoặc *Sơ tướng*).
- 2 - *Thủ trì tướng (Uggahanimitta)* (hoặc *Chấp trì tướng*).
- 3 - *Đối phần tướng (Paṭibhāganimitta)* (hoặc *Quang tướng*).

Hỏi: Trong 40 Nghiệp xứ *Chỉ* ấy là những gì?

Đáp: 40 Nghiệp xứ *Chỉ* ấy là:

1 - **10 BIẾN XỨ** là:

Biến xứ Đất, Biến xứ Nước, Biến xứ Lửa, Biến xứ Gió, Biến xứ Xanh, Biến xứ Vàng, Biến xứ Đỏ, Biến xứ Trắng, Biến xứ Hư không, Biến xứ Ánh sáng.

Biến xứ Đất (Paṭhavīkaṣiṇa) ấy, làm bằng đất có màu đỏ, như ánh sáng mặt trời hừng đông, thành vòng tròn rộng một gang tay với bốn lóng ngang (khoảng 30 phân Tây), gạt chà cho phẳng như mặt cái trống. Rồi khởi niệm (*Parikamma*) rằng: Đất, đất.v.v...

Biến xứ Nước (Āpokasiṇa) ấy, lấy nước trong múc đổ vào đồ đựng nước như bình bát, chậu.v.v... cho đầy đến miệng. Rồi khởi niệm rằng: Nước, nước.v.v...

Biến xứ Lửa (Tejokasiṇa) ấy làm bằng ánh lửa, lấy những vật như tấm phen, chiếu, đệm.v.v... về khoét lỗ thành vòng tròn rộng một gang bốn lóng ngang, che đống lửa, rồi nhìn xem ánh lửa theo lỗ trống ấy, xem xét lửa. Rồi khởi niệm rằng: Lửa, lửa.v.v...

Biến xứ Gió (Vāyokasiṇa) ấy, cho nhìn xem tóc người khi bị gió thổi chạm, bay phát phơ cũng được, hoặc ở lá cây ngọn cỏ cũng được. Rồi khởi niệm: Gió, gió.v.v...

Biến xứ Xanh (Nīlakasiṇa) ấy, làm bằng vải màu xanh căng trên miệng đồ đựng cũng được, hoặc bông hoa màu xanh cũng được, sắp xếp để xuống trong đồ đựng cũng được, dấu cuống và nhụy đi, chỉ cho thấy cánh hoa. Rồi khởi niệm rằng: Xanh, xanh.v.v...

Biến xứ Vàng (Pitakasiṇa) ấy, làm bằng vải màu vàng cũng được, bông hoa màu vàng cũng được, làm giống như trên. Rồi khởi niệm rằng: (màu) vàng, vàng.v.v...

Biến xứ Đỏ (Lohitakasiṇa) ấy, làm bằng vải màu đỏ cũng được, bông hoa màu đỏ cũng được. Rồi khởi niệm rằng: Đỏ, đỏ.v.v...

Biến xứ Trắng (Odātakasiṇa) ấy, làm bằng vải màu trắng cũng được. Rồi khởi niệm rằng: Trắng, trắng.v.v...

Biến xứ Hư không (Ākāśakasiṇa) ấy, cho nhìn xem lỗ trống tròn, rộng một gang bốn lóng ngang, lấy Hư không làm cảnh. Bằng không, khi đắc được 9 Biến xứ rồi, gạt bỏ cả 9 Biến xứ ấy ra, lấy Hư không làm cảnh. Rồi khởi niệm rằng: Hư không, hư không.v.v...

Biến xứ Ánh sáng (Ālokakasiṇa) ấy cho nhìn xem ánh sáng

lửa chiếu ra từ một lỗ kẻ trống nào cũng được, hoặc nhìn xem ánh sáng của mặt trời mặt trăng cũng được. Rồi khởi niệm rằng: *Ánh sáng, ánh sáng.v.v...*

DỨT 10 BIẾN XỨ

11 - 10 BẤT MỸ (Vật không đẹp tức là *Tử thi*) là:

- 1 - *Tử thi* trương phù lên (**Uddhumātaka**).
- 2 - *Tử thi* sinh thúì có màu xanh như vải xanh (**Vinīlaka**).
- 3 - *Tử thi* trương nút chảy nước vàng ở phía trên phía dưới (**Vipubbaka**).
- 4 - *Tử thi* bị người chặt đứt ở khúc giữa (**Vicchiddaka**).
- 5 - *Tử thi* bị thú cắn xé có dấu vết nhiều chỗ (**Vikkhāyitaka**).
- 6 - *Tử thi* có tay và chân đứt lìa nhiều đoạn (**Vikkhitaka**).
- 7 - *Tử thi* bị họ bằm chém thành nhiều vết đứt (**Hata-vikkhitaka**).
- 8 - *Tử thi* bị giết có máu chảy tuôn ra (**Lohitaka**).
- 9 - *Tử thi* có vôi đục bò ra từ cữu khiếu (**Puḷavaka**).
- 10 - *Tử thi* chỉ còn bộ xương trắng rải rác nhiều nơi (**Aṭṭhika**).

DỨT 10 BẤT MỸ THEO TÓM TẮT

III - 10 TÙY NIỆM là:

- 1 - *Tùy niệm Phật* (**Buddhānussati**): Là nhớ đến *Phật đức* (**Buddhagūṇa**) như: **Paṇidhānato paṭṭhāya...**: Kể từ khi phát nguyện thành *Phật.v.v...* hoặc niệm đến 10 *Phật đức*.
- 2 - *Tùy niệm Pháp* (**Dhammānussati**): Là nhớ đến *Pháp đức* (**Dhammagūṇa**), như câu: **Niyyāniko Svākkhāto Bhagavatā Dhammo**: *Pháp mà Đức Thế tôn đã thuyết giảng tốt đẹp, là Pháp xuất ly khỏi luân hồi.v.v...* Pháp đức có 6.

3 - *Tùy niệm Tăng* (**Saṅghānussati**): Là nhớ đến *Tăng đức* (**Saṅghagūṇa**), như câu: **Supaṭipanno Bhagavato Sāvaka-saṅgho**: *Tăng Thánh văn của Đức Thế tôn là bậc đã hành trì tốt đẹp.v.v...* Tăng đức có 9.

4 - *Tùy niệm Giới* (**Sīlānussati**): Là nhớ đến *Giới đức* (**Sīlagūṇa**) đối với 5 Giới, 8 Giới, 10 Giới.v.v... mà mình đã gìn giữ rằng: **Akhaṇḍāni Sīlāni surakkhitāni**: *Những Giới mà ta đã gìn giữ tốt đẹp là không bị rách.v.v...* Giới đức có 9.

5 - *Tùy niệm Thí* (**Cāgānussati**): Là nhớ đến *Thí sự* mà mình đã xả thí rằng: **Muttacāgo**: *Sự xả thí bằng cách buông bỏ.v.v...* Thí đức có 5.

6 - *Tùy niệm Thiên* (**Devānussati**): Là nhớ đến *Chư thiên* có các đức như *Giới đức.v.v...* làm bằng chứng rằng: **Santi Devatā Cātummahārājikā**: *Hiện có Chư thiên cõi Tứ Đại vương Thiên.v.v...* Thiên đức có 5 là: Tín đức, Giới đức, Văn đức, Thí đức, Tuệ đức.

7 - *Tùy niệm Nhập tịnh* (**Upasamānussati**): là nhớ đến *Nhập tịnh đức*, tức là *Níp Bàn*, là nơi diệt Khổ rằng: **Etam Santam Nibbānam**: *Níp Bàn ấy là nơi Tịch tịnh.v.v...*

8 - *Tùy niệm Tử* (**Maraṇānussati**): Là nhớ đến sự chết có khắp thế gian cho đến cả bản thân rằng: **Maraṇam me bhavissati**: *Sự chết sẽ có với ta.v.v...* hoặc niệm: **Maraṇam, Maraṇam**: *Sự chết, sự chết*, cũng được.

9 - *Thân hành niệm* (**Kāyagatāsati**): Là *niệm đi trong Thân* hoặc niệm xét đi khắp trong Thân, tức là *sự tu tiến 32 Thể* theo cách thức mà Đức Phật đã sắp đặt theo thứ tự: *Chất đất* có 20 Thể, *chất Nước* có 12 Thể.

10 - *Nhập tức Xuất tức niệm* (**Ānāpānassati**): Là nhớ đến hơi thở vô hơi thở ra, lấy niệm buộc tâm vào cột trụ tức hơi thở ấy.

DỨT 10 TÙY NIỆM THEO TÓM TẮT

IV - 4 VÔ LƯỢNG:

Có khi Đức Phật gọi là: 4 Phạm trú (**Brahmavihāra**).

Chỗ gọi là: “**Vô lượng**” vì rải đi trong vô lượng chúng sanh.

Chỗ gọi là: “**Phạm trú**” vì 4 pháp này là nơi lạc trú của chư vị Phạm thiên.

1 - Từ (**Mettā**).

2 - Bi (**Karunā**).

3 - Hỷ (**Muditā**).

4 - Xả (**Upekkhā**).

Rải Từ Phạm trú như sau:

Tất cả Hữu tình, có hơi thở vô ra, đã sanh, có tự thể, là bậc Thánh hoặc phi Thánh cũng vậy, là Chư thiên, Nhân loại, Kim sí điều, Long vương, loài Đọa xứ Atula chúng cũng vậy, loài Hữu tướng hay Vô tướng cũng vậy, loài có sinh mạng hiện ở hướng trên suốt đến tận cõi Phạm thiên Vô thiếu (**Sắc cứu cánh Thiên**), ở hướng dưới suốt đến tận Địa ngục Vô gián cũng vậy, ở hướng ngang cả 8 phương, cho suốt đến vô số triệu **Luân vi Thế giới (Cakkavāla)**:

- Đừng có oan trái lẫn nhau!

- Đừng có hãm hại lẫn nhau!

- Đừng có khổ sầu!

- Đừng có bệnh hoạn, tai nạn!

- Hãy có tuổi thọ lâu dài!

- Hãy thành tựu tất cả tài sản (**Sampatti**)!

- Hãy giữ mình cho an vui thoát khổ!

DỨT TỪ PHẠM TRÚ

Rải Bi Phạm trú như sau:

Tất cả Hữu tình như trên cho suốt đến vô số triệu Luân vi Thế giới:

- Hãy thoát khỏi điều bất lợi!

- Hãy thoát khỏi điều mất danh!

- Hãy thoát khỏi lời chê bai!

- Hãy thoát khỏi sự khổ nạn!

- Hãy thoát khỏi sự trặc trở phiền hà!

DỨT BI PHẠM TRÚ

Rải Hỷ Phạm trú như sau:

Tất cả Hữu tình như trên cho suốt đến vô số triệu Luân vi Thế giới.

- Đừng hoại lia lợi đắc đã được!

- Đừng hoại lia danh vọng đã được!

- Đừng hoại lia lời khen ngợi đã được!

- Đừng hoại lia sự an lạc đã được!

- Đừng hoại lia tài sản đã được!

- Xin hãy có lợi đắc, danh vọng, lời khen, an lạc và tài sản luôn luôn tăng trưởng nhiều thêm hằng ngày hằng giờ!

DỨT HỖ PHẠM TRÚ

Rải Xả Phạm trú như sau:

Tất cả Hữu tình như trên cho suốt đến vô số triệu Luân vi Thế giới:

- Có Nghiệp (**Phước và Tội**) là của mình.

- Có Nghiệp là nguồn sanh.

- Có Nghiệp là quyến thuộc.

- Có Nghiệp là nơi nương tựa.

- Sẽ tạo Nghiệp nào, là Phước hoặc Tội, thời sẽ là kẻ thừa tự của Nghiệp ấy.

DỨT XẢ PHẠM TRÚ

DỨT 4 LOẠI PHẠM TRÚ

V - VẬT THỰC UẾ TRƯỚC TƯỚNG ấy, Hành giả quán tưởng vật thực theo sự uế trước.

Kể là *Nghiệp xứ* có 1.

Gọi là: *Tướng* có 1.

Đó là 2 cách gọi.

DỨT UẾ TRƯỚC TƯỚNG

VI - XÁC ĐỊNH GIỚI ấy, Hành giả quán xét cả 4 *Giới* (*Dhātu*) là: Địa giới (*chất Đất*), Thủy giới (*chất Nước*), Hỏa giới (*chất Lửa*), Phong giới (*chất Gió*) hiện có ở trong sắc thân này theo thể trạng rằng: *Không phải chúng sanh, không phải sinh mạng, v.v...* làm Nghiệp xứ, gọi là: *Sự xác định về các Giới*.

DỨT XÁC ĐỊNH GIỚI

VII - 4 VÔ SẮC là:

1 - *Không vô biên xứ.*

2 - *Thức vô biên xứ.*

3 - *Vô sở hữu xứ.*

4 - *Phi tướng Phi phi tướng xứ.*

Sự tu tiến 4 Nghiệp xứ Vô sắc này đã nói trong **CHƯƠNG I**.

DỨT 40 NGHIỆP XỨ

Trong *Chỉ nhiếp* này có 3 phân loại là:

1 - *Phân loại Thích hợp* (**Sappāyapabheda**).

2 - *Phân loại Tu tiến* (**Bhāvanāpabheda**).

3 - *Phân loại Hành cảnh* (**Gocarapabheda**).

Trước hết sẽ thuyết về **Phân loại Thích hợp**.

10 Bất mỹ, 1 Thân hành niệm, là 11 pháp thích hợp của Tánh Tham ái.

4 Vô lượng, 1 Biến xứ Xanh, 1 Biến xứ Vàng, 1 Biến xứ Đỏ, 1 Biến xứ Trắng, là 8 pháp thích hợp của Tánh Sân.

Nhập tức Xuất tức niệm là pháp thích hợp của Tánh Si và Tánh Tầm.

1 Tùy niệm Phật, 1 Tùy niệm Pháp, 1 Tùy niệm Tăng, 1 Tùy niệm Giới, 1 Tùy niệm Thí, 1 Tùy niệm Thiên, là 6 pháp thích hợp của Tánh Tín.

1 Tùy niệm Tử, 1 Tùy niệm Nhập tịnh, 1 Uế trước tướng, 1 Xác định Giới, là 4 pháp thích hợp của Tánh Giác.

10 Nghiệp xứ còn lại là: 1 Biến xứ Đất, 1 Biến xứ Nước, 1 Biến xứ Lửa, 1 Biến xứ Gió, 1 Biến xứ Hư không, 1 Biến xứ Ánh sáng, 4 Nghiệp xứ Vô sắc, 10 Nghiệp xứ này là pháp thích hợp cho mọi tánh.

Nếu Hành giả thuộc Tánh Si thì làm vòng Biến xứ cho khá lớn, mới là pháp thích hợp. Nếu Hành giả thuộc Tánh Tầm thì làm vòng Biến xứ cho nhỏ.

DỨT SỰ THUYẾT PHÂN LOẠI THÍCH HỢP

Từ đây sẽ thuyết về **Phân loại Tu tiến**.

Trong 3 loại Tu tiến, *Khởi niệm Tu tiến* mà bậc Hiền trí đang có được dù trong tất cả Nghiệp xứ, tức 40 Nghiệp xứ. *Cận hành Tu tiến* và *Kiên cố Tu tiến* ấy chỉ có riêng trong từng loại Nghiệp xứ.

10 Nghiệp xứ là: Tùy niệm Phật, Tùy niệm Pháp, Tùy niệm Tăng, Tùy niệm Giới, Tùy niệm Thí, Tùy niệm Thiên, Tùy niệm Nhập tịnh, Tùy niệm Tử, Uế trước tướng, Xác định Giới, chỉ thành đạt Cận hành Tu tiến. Nguyên do 10 Nghiệp xứ này thâm tế lắm khó mà Hành giả quán xét cho thấu đáo, cho tận gốc, có biết chỉ là chút ít mà thôi.

30 Nghiệp xứ còn lại ấy, đó là 10 Biến xứ, 10 Bất mỹ, 1 Nhập tức Xuất tức niệm, 1 Thân hành niệm, 4 Phạm trú, 4 Vô sắc, 30 Nghiệp xứ này cho thành đạt cả Cận hành Tu tiến và Kiên cố Tu tiến.

Dù trong cả 30 Nghiệp xứ ấy, 10 Biến xứ và Nghiệp xứ và Nhập tức Xuất tức niệm, cả 2 pháp này có Thần lực nhiều, cho thành tựu Thiên Sắc, kể từ Sơ thiền cho đến Ngũ thiền.

3 Phạm trú là: Từ, Bi, Hỷ chỉ cho thành tựu đến Tứ thiền.

Phạm trú thứ tư là Xả ấy, cho thành tựu Ngũ thiền.

4 Pháp Vô sắc cho thành tựu duy nhất có Thiên Vô sắc, kể vào trong thành phần Ngũ thiền.

Đó là 30 Nghiệp xứ cho thành tựu *Kiên cố Thiền* (*Appanājhāna*).

DỨT SỰ THUYẾT PHÂN LOẠI TU TIẾN

Tiếp theo từ đây sẽ thuyết về **Phân loại Hành cảnh**.

Trong 3 loại Ấn tướng, *Khởi niệm tướng* và *Thủ trì tướng*, 2 Ấn tướng này, Hành giả đạt được trong tất cả Nghiệp xứ tùy thích ứng với pháp môn.

Đối phần tướng ấy không có phổ biến trong tất cả Nghiệp xứ. *Đối phần tướng* chỉ có riêng trong 22 Nghiệp xứ là: 10 Biến xứ, 10 Bất mỹ, 1 Thân hành niệm, 1 Nhập tức Xuất tức niệm.

Thật vậy, Hành giả sẽ đắc *Cận hành Định* và *Kiên cố Định*

(*Appanāsamādhī*), tất cả những Định tướng ấy đều nhờ giữ lấy *Đối phần tướng* làm cảnh.

Hỏi: Khởi niệm tướng, Thủ trì tướng, *Đối phần tướng* ấy như thế nào?

Đáp: Hành giả Sơ căn (*Ādikammika*) không có hành Nghiệp xứ từ đời sống trước, chỉ mới bắt đầu học tu thiền trong đời này, nên làm Biến xứ, như Biến xứ Đất.v.v... đặt để ngang trước mặt, cách xa 2 hắc 1 gang (khoảng 1,25m). Rồi chú tâm nhìn Biến xứ, khởi niệm rằng: "Đất, đất.v.v..." như vậy. Sự tu tiến ấy gọi là: *Khởi niệm Tu tiến*. Vòng Biến xứ ấy, gọi là: *Khởi niệm tướng*.

Khi nào, Tâm bám giữ lấy Ấn tướng ấy, Ấn tướng ấy cũng đến hiện rõ với Ý môn của Hành giả, giống như lúc mở mắt nhìn thấy.

Khi ấy, Cảnh mà Tâm bám giữ lấy Ấn tướng ấy, thấy Ấn tướng ấy, gọi là: *Thủ trì tướng*. Sự Tu tiến ấy, gọi là: *Định Tu tiến* (*Samādhībhāvanā*: Sự tu tiến Định).

Khi Hành giả trụ Tâm định lại như thế ấy, sau khi Thủ trì tướng đã sanh, thời cũng hành theo *Khởi sự Tu tiến* và *Định Tu tiến* trong Thủ trì tướng ấy.

Cảnh thành tựu nhờ sự Tu tiến, Đức Thế tôn nêu lên chế định gọi là: *Đối phần tướng*, hiện rõ giống như Biến xứ ấy, vượt thoát khỏi *Pháp Sở y* (*Vatthudhamma*), tức là màu sắc của Biến xứ, hiện rõ xinh đẹp tựa như màu sắc ngọc trong sáng thuần khiết, yên tịnh, sung mãn, luôn luôn hiện hữu trong Tâm. Hành giả muốn cho lớn cũng lớn được, muốn cho nhỏ cũng nhỏ được, muốn cho vi tế cũng vi tế được như ý muốn, đang có trong thời gian nào, trong thời gian ấy gọi là: *Đối phần tướng* đã phát sanh.

Bắt đầu từ đó, Cận hành Tu tiến, kể là Dục giới định, sẽ

đoạn trừ pháp Chương ngại là 5 Triền cái được, thuộc về *Bi phân Biện trừ (Tadaṅgapahāna)*, rồi cũng thành tựu viên mãn trong dòng tương tục.

Từ đó về sau, Hành giả càng chuyên hành Đối phần tướng bằng Cận hành định, mới chứng đắc Sơ thiền Sắc giới, có 5 chi, như Tâm.v.v...

Rồi sau từ đó, Hành giả hành Sơ thiền cho thuần thực bằng 5 pháp Thuần thực (Vasī) là:

- 1 - Thuần thực trong sự quán xét khi sắp nhập Thiền.
- 2 - Thuần thực nhập vào Thiền.
- 3 - Thuần thực ở chỗ sẽ trụ Thiền cho vững chắc không sai chạy thời gian được ấn định.
- 4 - Thuần thực ở chỗ sẽ xuất khởi Thiền.
- 5 - Thuần thực trong sự phản khán chi Thiền khi sắp xuất khởi.

Khi hành Sơ thiền cho thuần thực rồi, thì cố gắng dứt bỏ *chi thiền thô*, như Tâm.v.v... kiên trì tinh tấn cho sanh *chi thiền tế*, như Tứ.v.v... mới chứng đắc tất cả Thiền, như Nhị thiền.v.v... theo tuần tự tùy thích ứng.

Đối phần tướng ấy, Hành giả đắc được trong sự tu tiến 22 loại Nghiệp xứ là: 10 Biến xứ, 10 Bất mỹ, 1 Thân hành niệm, 1 Nhập tức Xuất tức niệm như đã thuyết trên với sự việc như vậy.

Những Nghiệp xứ còn lại ngoài Nghiệp xứ đã nói trên, 4 Vô lượng ấy nắm bắt lấy *Chúng sanh Chế định* làm Cảnh.

Dù cả 9 Biến xứ, trừ Biến xứ Hư không ra, một Biến xứ nào mà Hành giả đã đắc được, do nhân *gạn bỏ Biến xứ* ra. Khi làm Hư không trống không cho thành cảnh, khởi niệm rằng: “*Hư không vô biên* (Hư không không có chỗ tận cùng).v.v...” Hành giả mới có thể chứng đắc Thiền Vô sắc thuộc Sơ thiền được.

Khi Hành giả xác định Tâm Sơ thiền Vô sắc làm cảnh, khởi niệm rằng: “*Thức vô biên, Thức vô biên* (Thức không có chỗ tận cùng).v.v... mới có thể chứng đắc Nhị thiền Vô sắc được.

Khi Hành giả muốn chứng đắc Tam thiền Vô sắc, sau khi làm sự xác định Tâm rằng: Thức Sơ thiền Vô sắc không có, rồi nắm lấy sự không có ấy làm cảnh, tạo khởi niệm rằng: “*Không có cái chi cả*” mới có thể chứng đắc Tam thiền Vô sắc được.

Hành giả muốn chứng đắc Tứ thiền Vô sắc, tạo khởi niệm rằng: “*Tâm Tam thiền Vô sắc này thật tinh vi, thù thắng!*” mới có thể chứng đắc Tứ thiền Vô sắc được.

Trong 10 Nghiệp xứ còn lại ở đây, cho thành đạt Cận hành định. Trong khi Ấn tướng ấy, Hành giả bám lấy cảnh, như Phật đức.v.v... rồi tạo khởi niệm, nắm giữ lấy cho thật tốt. Và khởi niệm trong Ấn tướng, trở thành *Khởi niệm định (Parikammasamādhi)* sau chỗ ấy, mới thành đạt Cận hành định viên mãn.

DỨT PHÂN TÍCH 40 NGHIỆP XỨ

Tiếp theo đây sẽ thuyết về 5 loại Thắng trí (Abhiññā).

Đó là: Hành giả sau khi chứng đắc Ngũ thiền Sắc giới rồi, Ngũ thiền Sắc giới hàng diễn tiến cho thành tựu phạm sự do năng lực Thắng trí. Hành giả nguyện sẽ hiện Thần thông, thời nhập vào *Ngũ thiền là cơ sở của Thắng trí (Abhiññāpādaka-pañcamajjhāna)*, sau khi xuất khởi Ngũ thiền rồi, quán xét đến Sắc thích hợp mà mình cần chú nguyện, mới tạo khởi niệm tiếp, nhập trở lại Ngũ thiền một Sát na Tâm nữa. *Luận sư Anuruddha* nói rằng: Một Sát na Tâm Ngũ thiền làm cho thành tựu phạm sự là Thắng trí ấy vậy.

Có khi lấy Thinh (Tiếng), Khí (Mùi), Vị, Xúc (Cảnh), Chế định, Sắc Tinh, Sắc Tế... làm cảnh, tùy thích ứng với Thần thông sẽ biến hiện ấy.

Thắng trí (còn gọi là: *Thông, Minh.v.v...*) có 5 loại là:

- 1 - Thân biến trí (**Iddhividha**)
- 2 - Thiên nhĩ trí (**Dibbasota**)
- 3 - Tha tâm trí (**Paracittavijānanā**).
- 4 - Tác mạng tùy niệm trí (**Pubbenivāsānussati**).
- 5 - Thiên nhãn trí (**Dibbacakkhu**).

DỨT SỰ THUYẾT PHÂN LOẠI HÀNH CẢNH

DỨT NGHIỆP XỨ CHỈ

Tiếp theo đây, sẽ thuyết về *Nghiệp xứ Minh quán (Vipassanā-kammaṭṭhāna)*.

Trong **Nghiệp xứ Minh quán** ấy kết hợp với 4 *phân loại* là:

- 1 - Biệt tịnh (**Visuddhi**) (sự trong sạch đặc biệt).
- 2 - Giải thoát (**Vimokkha**) (sự giải thoát đặc biệt).
- 3 - Cá nhân (**Puggala**) (các bậc Thánh).
- 4 - Định nhập (**Samāpatti**) (Quả định và Diệt định).

Trong **Phân loại Biệt tịnh** ấy, thuyết về 7 *loại Biệt tịnh* là:

- 1 - Giới Biệt tịnh (**Sīlavisuddhi**).
 - 2 - Tâm Biệt tịnh (**Cittavisuddhi**).
 - 3 - Kiến Biệt tịnh (**Diṭṭhivisuddhi**).
 - 4 - Đoạn nghi Biệt tịnh (**Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi**).
 - 5 - Đạo Phi đạo Trí kiến Biệt tịnh (**Maggāmaggañāṇa-dassanavisuddhi**).
 - 6 - Hành Trí kiến Biệt tịnh (**Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi**).
 - 7 - Trí kiến Biệt tịnh (**Ñāṇadassanavisuddhi**).
- Đó là 7 loại Biệt tịnh.

Có 3 *Đặc tướng (Lakkhaṇa)* là:

- 1 - Vô thường tướng (**Aniccalakkhaṇa**).
- 2 - Khổ tướng (**Dukkhalakkhaṇa**).
- 3 - Vô ngã tướng (**Anattalakkhaṇa**).

Có 3 *Tùy quán (Anupassanā)* là:

- 1 - Vô thường tùy quán (**Aniccānupassanā**).
- 2 - Khổ tùy quán (**Dukkhānupassanā**).
- 3 - Vô ngã tùy quán (**Anattānupassanā**).

Có 10 *Minh quán Trí (Vipassanāñāṇa)* là:

- 1 - Khảo sát Trí (**Sammasanañāṇa**).
- 2 - Sanh diệt Trí (**Udayabbayañāṇa**).
- 3 - Hoại diệt Trí (**Bhaṅgañāṇa**).
- 4 - Bố úy Trí (**Bhayañāṇa**).
- 5 - Tác hại Trí (**Ādivanañāṇa**) hoặc *Quá hoạn Trí*.
- 6 - Yếm ly Trí (**Nibbidāñāṇa**).
- 7 - Dục thoát Trí (**Muñcitukamyatāñāṇa**).
- 8 - Tư trạch Trí (**Paṭisankhāñāṇa**).
- 9 - Hành xả Trí (**Sankhārupekkhāñāṇa**).
- 10 - Thuận thứ Trí (**Anulomañāṇa**).

Khảo sát Trí là Trí quán xét thấy **Pháp Hành (Saṅkhāra)** theo 3 đặc tướng, như *Vô thường tướng.v.v...*

Sanh diệt Trí là Trí quán thấy chỗ sanh, chỗ diệt của **Pháp Hành**.

Hoại diệt Trí là Trí quán thấy sự tan hoại của **Pháp Hành**.

Bố úy Trí là Trí quán thấy **Pháp Hành** là cái đáng sợ, giống như người sợ thú dữ: Sư tử, cọp, beo.v.v...

Tác hại Trí là Trí thấy tác hại của Pháp Hành, giống như người thấy nhà mình bị cháy, muốn lánh bỏ nhà.

Yếm ly Trí là Trí nhàm chán vì thấy tác hại trong Ngũ uẩn.

Dục thoát Trí là Trí muốn thoát khỏi Ngũ uẩn, ví như cá muốn thoát khỏi chỗ gò nông khô cạn, hoặc như người muốn thoát khỏi ngục tù.

Tư trạch Trí là Trí suy xét tìm phương cách để tháo gỡ cho mình thoát khỏi Ngũ uẩn.

Hành xả Trí là Trí trú Xả trong Pháp Hành (**Saṅkhāra**), không vui không buồn, ví như người đàn ông thản nhiên với người vợ khi đã thôi nhau.

Thuận thủ Trí là Trí tùy thuận theo 8 Trí Minh quán bên trên và tùy thuận theo 37 pháp Giác phần mà bậc Thánh sẽ chứng đắc trong Sát na Thánh Đạo phát sanh. Hoặc gọi là: *Đế thuận thủ Trí* (**Saccānulomikañāṇa**) cũng được.

Giải thoát có 3 loại là:

1 - Không tánh giải thoát (**Suññatavimokkha**).

2 - Vô tướng giải thoát (**Animittavimokkha**).

3 - Vô nguyện giải thoát (**Appaṇihitavimokkha**).

Cả 3 pháp này là tên gọi của Níp Bàn.

Giải thoát Môn (**Vimokkhamukha**) có 3 loại:

1 - Không tánh tùy quán (**Suññatānupassanā**).

2 - Vô tướng tùy quán (**Animittānupassanā**).

3 - Vô nguyện tùy quán (**Appaṇihitānupassanā**).

Cả 3 pháp này là phương tiện đưa đến Níp Bàn.

Hỏi: 7 loại Biệt tịnh ấy có những pháp nào?

Đáp: 7 loại Biệt tịnh ấy là:

I - **GIỚI BIỆT TỊNH:** Là 4 loại Giới Biệt tịnh như sau:

- *Biệt giải thoát phòng hộ giới:* Giới phòng hộ trong Biệt giải thoát.

- *Quyền phòng hộ giới:* Giới phòng hộ 6 Quyền.

- *Chánh mạng viên tịnh giới:* Giới nuôi mạng hoàn toàn trong sạch.

- *Duyên y chỉ giới (Paccayasannisitasīla):* Giới nương vào các Duyên, là có trí nhớ quán tưởng trước rồi mới thọ dụng Tứ duyên (Tứ sự).

II - **TÂM BIỆT TỊNH:** Là 2 loại Định:

- *Cận hành định:* Là Định thuộc Dục giới gần đắc Thiền.

- *Kiên cố định:* Là Định thuộc Sắc giới và Vô Sắc giới.

III - **KIỆN BIỆT TỊNH:** Là Trí xác định thấy đặc tướng, phạm sự, hiện khởi (tức Quả), túc xứ (**Paḍaṭṭhāna**: tức Nhân cận) của Danh pháp và Sắc pháp có trạng thái sanh và diệt.

IV - **ĐOAN NGHI BIỆT TỊNH:** Tuệ xác định Duyên của Danh pháp và Sắc pháp rằng: Vô minh tức là Si. Ái tức là sự khát ái. Nghiệp tức là Thiện và Bất thiện thuộc Hiệp thế. 3 pháp này là duyên sanh Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

Đoàn thực là duyên cho sanh Sắc Vật thực sinh và ủng hộ Sắc Nghiệp sinh, Sắc Tâm sinh, Sắc Quý tiết sinh.

Xúc thực là duyên cho sanh Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn.

Ý tư thực, tức là Hành hoặc Tư Thiện và Bất thiện, là duyên cho sanh Thức uẩn.

Thức thực, tức là Dị thực thức, là duyên cho sanh Danh và Sắc.

Tuệ xác định Duyên của Danh và Sắc cho thoát khỏi sự hoại nghi, gọi là: *Đoạn nghi Biệt tịnh*.

V - **ĐẠO PHI ĐẠO TRÍ KIẾN BIỆT TỊNH:** Khi pháp

Hành diễn tiến trong 3 cõi là: Cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, sai biệt với sự phân loại là quá khứ, vị lai, hiện tại, diễn tiến với duyên là: Vô minh, Ái, Nghiệp, Vật thực, đã được Hành giả xác định luôn cả thời gian sau từ chỗ Đoạn nghi Biệt tịnh ấy.

Hành giả nghĩ đến *Phật lý* thuyết giảng về Uẩn.v.v... mà Đức Thế tôn đã thuyết làm chủ yếu, nhiếp chung Pháp Hành ở trong 3 cõi với tính năng thành từng nhóm một với nhau, xếp lựa ra 3 nhóm của đặc tướng bằng *Tuệ Tư trạch* rằng:

- Danh Sắc là Vô thường, với ý nghĩa là: Hoại tàn, tận diệt đi, không bền bỉ vững chắc.

- Danh Sắc là cái đem lại sự Khổ, với ý nghĩa là: Bất thiện cho quả đáng sợ và hội hợp với 4 sự Khổ, như Khổ sanh.v.v... là vật áp bức.

- Danh Sắc là cái Vô ngã, không phải Ta, không phải của Ta, với ý nghĩa là: Không có cốt lõi, không chịu theo quyền lực kẻ nào cả, không có ai ra lệnh bắt buộc được, không có ai có quyền uy hiếp được.

Khởi sự quán xét về Vô thường tướng, Khổ tướng, Vô ngã tướng ấy, quán xét với tính năng *Thời gian Hiện tại (Addhāna-paccuppanna)*, tức là: Xác định lấy thời gian Sinh và Hữu, là chỗ sanh là chỗ diệt của Pháp Hành.

Khi Tuệ đã mạnh lên rồi thì quán xét với tính năng *Tương tục Hiện tại (Santatipaccuppanna)*, tức là: Xác định chỗ *tiếp nối*, là tuổi thọ của Pháp Hành ấy cho hẹp lại, cho ngắn lại thành từng giai đoạn.

Khi Tuệ đã mạnh lên thì quán xét với tính năng *Sát na Hiện tại (Khaṇapaccuppanna)* của Sát na Tâm. Tâm diệt tại Sát na Diệt ấy, cho thấy rằng: “là một lần chết”. Xác định cho thấy sự chết ở mỗi một Sát na Tâm như đã nói trên.

Xong rồi, quán xét đến pháp sanh diệt, là chỗ sanh và diệt trong các Hành ấy bằng *Sanh diệt Trí*, là Trí thấy chỗ sanh và chỗ diệt, với tính năng của Duyên và với tính năng của Sát na Tâm rằng: Pháp Hành đang sanh và diệt trong Thời gian Hiện tại hoặc trong Tương tục Hiện tại, hay trong Sát na Diệt Hiện tại cũng được, không ngoài các Duyên: Vô minh, Ái, Nghiệp và Vật thực. Các duyên có hiện hữu chừng nào, Pháp Hành cũng chuyển sanh chuyển diệt chừng ấy. Nếu các Duyên đã diệt rồi, Pháp Hành cũng sẽ diệt, sẽ chấm dứt, không sanh nữa thật sự.

Khi Sanh diệt Trí sanh thật già dặn trong Sát na nào, thì một *Tùy phiền não Minh quán* nào trong 10 *Tùy phiền não Minh quán* hằng sanh trong Sát na ấy.

10 Tùy Phiền não Minh quán (Vipassanūpakkilesa) là:

- 1 - *Hào quang (Obhāsa)*: Là ánh sáng sanh từ Tâm Minh quán, sáng hơn lúc trước.
- 2 - *Pháp - Hỷ (Pīti)*: Là sự no Thân no Tâm, san mạnh hơn chỗ đã từng gặp từng thấy đến.
- 3 - *Khinh - An (Passadhi)*: Là sự an tâm an tâm, san mạnh hơn lúc trước.
- 4 - *Thắng giải (Adhimokkha)*: Là Tín quyền, có sức mạnh quyết tín.
- 5 - *Dũng tiến (Paggaha)*: Là sự tinh tấn mạnh có tính năng cho thành tựu Chánh cần.
- 6 - *Lạc (Sukha)*: Là sự lạc trú thật vi tế sanh lên.
- 7 - *Trí (Ñāṇa)*: Là Trí trong lúc ấy phát sanh mạnh ví như *Bảo kiếm Kim cang* của *Đế thích*.
- 8 - *Nhập trụ (Upaṭṭhāna)*: Là niệm trụ vào vững chắc, phát sanh mạnh thành Niệm xứ.

9 - **Xả (Upekkhā)**: Là sự trú Xả, phát sanh mạnh thành Xả Giác chi.

10 - **Ái vọng (Nikanti)**: Là sự vọng muốn, tức **Ái tế**, khiến Hành giả có sự ưa thích trong **Sắc Ấn tướng**.

Khi một Tùy Phiền não Minh quán nào đã phát sanh lên, nếu Hành giả không biết rõ chúng, tưởng rằng là Thánh đạo, rồi bỏ sự tinh tấn đi, không tu tiến Minh quán tiếp tục, thì không đắc được Thánh đạo y như ý nguyện.

Khi Niệm sanh mạnh thành Niệm xứ, Xả sanh mạnh thành Xả Giác chi, Hành giả tưởng lầm là Thánh đạo, không tu tiến Minh quán tiếp tục, thì xa biệt Thánh đạo Trí.

Nếu Tuệ sanh mạnh, Hành giả phân định rằng: Hào quang.v.v... này là tùy Phiền não Minh quán, không phải Thánh đạo. Tâm Minh quán diễn tiến trong **Lộ Minh quán (Vipassanāvīthi)** mới có thể sanh lên thành Thánh đạo. Sau khi biết rõ như vậy, Hành giả mới không vui thích với những Tùy Phiền não Minh quán, như Hào quang.v.v... và nỗ lực tu tiến Minh quán tiếp tục. Tuệ phân định biết rằng: “**Đạo và không phải Đạo**” như vậy, gọi là: **Đạo Phi đạo Trí kiến Biệt tịnh**.

VI - **HÀNH TRÍ KIẾN BIỆT TỊNH**: Là 9 Trí Minh quán, có Sanh diệt Trí đầu tiên, có Thuận thứ Trí là cuối cùng.

Khi Hành giả đã thoát khỏi những chướng ngại là 10 Tùy Phiền não Minh quán ấy, nỗ lực hành trì theo tuần tự của Minh quán với 3 đặc tướng, như Vô thường tướng.v.v... Khởi sự từ Sanh Diệt Trí cho đến Thuận thứ Trí là cuối cùng, gọi là: **Hành Trí kiến Biệt tịnh**.

VII - **TRÍ KIẾN BIỆT TỊNH**: Là khi Hành giả dù đang hành trì dựa vào sự thành thực, tức là sự già dặn của Minh quán, là điều có thể nói rằng: **Kiên cố định** tức là Thánh đạo sẽ phát

sanh lên trong lúc ấy như vậy. Tâm Hưởng Ý môn cắt đứt dòng Hữu phần rồi mới sanh lên ở chặng đầu của **Lộ Đạo (Maggavīthi)**. Đồng tốc Dục giới tương ưng Trí là tất cả Tâm Minh quán, có khi bắt lấy tướng Vô thường cũng có, tướng Khổ cũng có, tướng Vô ngã cũng có, làm cảnh cho thành tựu phạm sự loại trừ phiền não loại thô, loại trung, loại tế rồi, sanh lên 2 Sát na cũng có, 3 Sát na cũng có, với tên gọi là: **Chuẩn bị (Parikamma)**, **Cận hành**, **Thuận thứ**, tùy thích ứng với bậc Thánh thuộc **Độn thắng trí** và **Lợi thắng trí**.

Nếu là Độn thắng trí thì phát sanh 3 Sát na là: Sát na Chuẩn bị, Sát na Cận hành, Sát na Thuận thứ. Nếu là Lợi thắng trí thì phát sanh 2 Sát na là: Sát na Cận hành, Sát na Thuận thứ.

Tâm Minh quán nào đã đạt đến tột đỉnh, có sức mạnh tột cùng của Minh quán, Tâm Minh quán ấy, **Luận sư** gọi là: Thuận thứ Trí cũng có, Hành xả Trí cũng có, **Xuất khởi đạo Minh quán (Vuttānagāminīvipassanā)** cũng có.

Sau chỗ Thuận thứ Trí đã sanh khởi ấy. **Tâm Chuyển tánh (Gotrabhū)** mới nín lấy Níp Bàn là cảnh, thắng phục Phàm tánh, làm Tâm cho chuyển tánh thành Thánh tánh và thành đạt sự chứng ngộ.

Tâm Đạo Siêu thế có Níp Bàn là cảnh, mới phát sanh tuần tự theo Tâm Chuyển tánh ấy, viên tri Khổ đế, biến trừ Tập đế, tác chứng Diệt đế, thể nhập vào Lộ Kiên cố với tính năng tu tiến Đạo đế.

Sau chỗ Tâm Đạo đã sanh ấy, Tâm Quả có Níp Bàn là cảnh, phát sanh lên 2 Sát na cũng có, 3 Sát na cũng có, rồi diệt đi, xong mới rơi vào Hữu phần.

Nếu là hạng Độn thắng trí, Tâm Quả chỉ sanh 2 Sát na, rồi rơi vào Hữu phần. Nếu là hạng Lợi Thắng trí, Tâm Quả sanh 3

Sát na, rồi rơi vào Hữu phần.

Sau đó, Tâm Hướng Ý môn mới cắt đứt dòng Hữu phần để phát sanh lên ở chặng đầu của *Trí Phán khán* (**Paccavekkhaṇa-ñāṇa**). Và Trí Phán khán ấy, tức là Đồng tốc Dục giới tương ứng Trí, phát sanh lên tuần tự theo Tâm Hướng Ý môn, quán xét về Đạo, Níp Bàn mà mình đã đắc được.

- **Maggam phalañca Nibbānam,** – *Đạo, Quả và Níp Bàn,*
- Paccavekkhati Paṇḍito,** *Bậc Hiền thánh phán khán,*
- Hīne kilese sese ca,** *Phiền não trừ và chừa,*
- Paccavekkhati vā na vā.** *Hoặc phán khán hoặc không.*
- **Chabbisuddhikkamenevaṃ,** – *Vậy, tuần tự Lục Tịnh,*
- Bhāvetabbo catubbidho,** *Bốn loại cần tu tiến.*
- Nāṇadassanavisuddhī,** *Nói đến Đạo tên là:*
- Nāma maggo pavuccati.** *Sự Biệt tịnh Trí kiến.*

Nghĩa là:

Bậc Hiền Thánh phán khán Đạo, Quả và Níp Bàn có phổ cập trong dòng tương tục mỗi vị.

Việc phán khán phiền não mà mình đã đoạn trừ và còn sót lại ấy, có vị phán khán, có vị không phán khán.

4 loại Thánh đạo, bậc Thánh tu tiến theo tuần tự 6 pháp Biệt tịnh, từ Giới Biệt tịnh đến Hành Trí kiến Biệt tịnh. Đức Phật gọi rằng: *Đạo*, tên là: *Trí Kiến Biệt Tịnh*.

DỨT SỰ PHÂN LOẠI 7 PHÁP BIỆT TỊNH

Khởi thuyết 3 Giải thoát Môn.

Hành giả tu tiến Vô ngã tướng, dùng Tuệ thấy rằng: “*Pháp Hành không phải Ta, không phải tự ngã, không phải của Ta!*” thời đoạn trừ được *Ngã thiên chấp*, tức là *Kiến chấp* rằng: “Là

Ta, là Tự ngã, là của ta!” trở thành phương tiện pháp giải thoát đặc biệt, tức là Đạo, Quả. Những Giải thoát Môn ấy, gọi là: *Không tánh Tùy quán*.

Vô tướng Tùy quán, đó là Hành giả tu tiến về Vô thường tướng dùng Tuệ thấy rằng: “*Pháp Hành Vô thường*” thời đoạn trừ được *Điên đảo tướng*, tức là *lẽ mê lầm* rằng: “Là thường, là tịnh, là mỹ!” trở thành phương tiện của pháp giải thoát đặc biệt, tức là Đạo, Quả, gọi là: *Vô tướng Tùy quán*.

Vô nguyện Tùy quán, đó là Hành giả dùng Tuệ thấy rằng: “*Pháp Hành hòa lẫn (Ākula) với khổ nạn*”, thời đoạn trừ được sở vọng của Ái, tức là sự tham cầu Nhân lạc, Thiên lạc, trở thành phương tiện của pháp giải thoát đặc biệt, tức là Đạo, Quả, gọi là: *Vô nguyện Tùy quán*.

Do nhân ấy, Xuất khởi đạo Minh quán, là Thuận thứ Trí, nếu nắm lấy tướng Vô ngã làm cảnh đắc Đạo, gọi là: Không tánh Giải thoát, nếu nắm lấy tướng Vô thường làm cảnh đắc Đạo, gọi là: Vô tướng Giải thoát. Nếu nắm lấy tướng Khổ làm cảnh đắc đạo, gọi là: Vô nguyện Giải thoát.

Đạo có 3 tên gọi tùy tính năng nơi cảnh của Minh quán như vậy

DỨT VỀ ĐẠO

Thánh quả phát sanh trong Lộ Đạo đến 2 Sát na cũng có, 3 Sát na cũng có, như chỗ đã nói trước rồi. Đức Thế tôn thuyết gọi tên của Thánh quả tùy tính năng xuất xứ của Đạo.

Nếu Đạo tên là: Không tánh Giải thoát, Quả mà sanh kế Sát na của Đạo ấy cũng tên là: Không tánh Giải thoát y như nhau.

Nếu Đạo tên là: Vô tướng Giải thoát, Vô nguyện Giải thoát thì Quả cũng tên là: Vô tướng Giải thoát, Vô nguyện Giải thoát y như nhau.

Trong thời điểm bậc Thánh nhập vào *Quả định (Phala-samāpatti - Thiên quả)*. Thánh quả dù khi phát sanh lên được mang danh theo tên của Minh quán, theo Lý đã nói rằng: Tâm Minh quán phát sanh tên thành Đồng tốc Chuẩn bị, Đồng tốc Cận hành, Đồng tốc Thuận thứ ở chặng đầu của Quả Định ấy.

Tâm trong chặng đầu của Quả định ấy quán xét Vô ngã tướng làm cảnh, Quả định ấy cũng được gọi là: Không tánh Giải thoát. Nếu Tâm Minh quán trong chặng đầu của Quả định quán xét Vô thường tướng, Khổ tướng làm cảnh, Quả định ấy cũng được gọi là: Vô tướng Giải thoát, Vô nguyện Giải thoát, tùy tính năng nơi cảnh của Minh quán vậy.

3 nhóm tên gọi, tức là 3 loại Giải thoát, hằng có phổ biến đối với tất cả Tâm Đạo và Tâm Quả, đối với tất cả Tâm Quả trong các Lộ Đạo và *Lộ Định nhập (Samāpattivīthi)*, tùy tính năng nơi cảnh hoặc tùy tính năng phân sự của mình.

DỨT SỰ THUYẾT PHÂN LOẠI GIẢI THOÁT

Khởi thuyết **Phân loại Cá nhân**.

Chư vị Thánh nhân ấy tinh tấn hành trì Nghiệp xứ Chỉ và Nghiệp xứ Minh quán, chứng Dự lưu đạo trí, đoạn tuyệt 5 Tâm Bất thiện là: 4 Tham căn tương ứng Kiến và 1 Tâm Si tương ứng Hoài nghi.

4 Tham căn Bất tương ứng Kiến chưa được đoạn trừ và 2 Sân căn loại thô, loại trung, loại tế chưa loại bỏ được, nhưng không có thể dẫn đi Tái tục được. Do nhân ấy, bậc Dự lưu mới không đi đến 4 cõi Bất lạc được, chỉ Tái tục trong Nhân loại và Chư thiên, tối đa là 7 lần sanh nữa.

Bậc Dự lưu tinh tấn hành trì Minh quán đạt đến Nhất lai đạo rồi, gọi là Bậc Nhất lai, vì có Tham ái, Sân, Si được giảm nhẹ, sẽ trở lại Tái tục trong Dục giới một lần sanh nữa.

Khi tu tiến Minh quán đắc được Bất lai đạo rồi, gọi là: Bậc Bất lai, vì trừ tuyệt Dục ái và Sân hận không còn dư sót, và đoạn trừ hẳn 2 Tâm Sân. Sau khi hoại Uẩn mạng chung, thời đi sanh trong cõi Phạm thiên Ngũ tịnh cư, không trở lại Dục giới nầy nữa.

Khi Hành giả tu tiến Minh quán đạt đến Ứng cúng đạo rồi, đoạn trừ hết phiền não không còn dư sót, trở thành bậc tối thắng với Ứng cúng quả giải thoát, là bậc Lưu tận xứng đáng thọ tín thí tối thượng ở Thế gian.

DỨT PHÂN LOẠI CÁ NHÂN

Khởi thuyết **Phân loại Định nhập**.

Quả định trong Nghiệp xứ nầy dù là điều phổ biến chung cho tất cả bậc Thánh, tùy với tính năng nơi Quả của mình ra sao, nghĩa là không lẫn lộn với nhau, nếu là bậc Dự lưu thì chỉ phổ biến trong bậc Dự lưu, nếu là bậc Nhất lai, bậc Bất lai, bậc Ứng cúng thì cũng chỉ phổ biến trong bậc Nhất lai, bậc Bất lai, bậc Ứng cúng.

Bậc sẽ nhập *Diệt tận định (Nirodhasamāpatti - Thiên diệt)* ấy, có 2 hạng là: Bậc Bất lai và bậc Ứng cúng, hạng ngoài ra không nhập Diệt tận định được.

Bậc Bất lai và bậc *Ứng cúng Khô quán (Sukkhavipassanā)* nếu chỉ đắc duy nhất có Sơ thiền, hoặc không có đủ cả 8 *Định nhập (Samāpatti)*, cũng không nhập Diệt tận định được. Vì Diệt tận định ấy thuộc về *Cửu thứ đệ trú định (Navānupubbavīhārasamāpatti)*, phải nhập 4 Thiên Sắc và 4 Thiên Vô sắc rồi thì mới sẽ nhập vào Diệt tận định được.

Bậc mà sẽ nhập vào Diệt tận định ấy, phải nhập vào *Thiền Đáo đại (Mahaggatajāhāna)*, khởi đầu từ Sơ thiền cho đến Vô sở hữu xứ. Khi ra khỏi Sơ thiền rồi, mới quán xét về 5 chi Thiền ấy rồi quán xét *Pháp Hành (Saṅkhāra)* đã diễn tiến trong Thiền ấy theo Vô thường, Khổ, Vô ngã, để thấy rõ trong những Pháp Hành ấy.

Sau khi ra khỏi Sơ thiền rồi lại nhập vào Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền xong, cũng quán xét chi Thiên ở mỗi tầng Thiên ấy y như nhau. Rồi lại quán xét Pháp Hành đã diễn tiến trong Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền theo Vô thường, Khổ, Vô ngã giống như nhau ở mỗi tầng Thiên.

Khi ra khỏi *Sắc định (Rūpasamāpatti)* rồi, mới nhập vào *Vô sắc định (Arūpasamāpatti)*, là: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ. Tu tiến Minh quán kèm theo với mỗi tầng Thiên. Rồi ra khỏi Thiên Vô sở hữu xứ.

Sau khi từ chỗ đã ra khỏi Thiên Vô sắc thứ 3 là Vô sở hữu xứ các ấy, mới làm các *Tiền sự (Pubbakicca)*, như chú nguyện cốc liêu, chùa thất và tư cụ nương thân, cho thoát khỏi nạn tai.v.v... Sau khi làm xong *Tiền sự*, mới nhập vào Vô sắc định thứ 4, là Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, sanh khởi 2 Sát na Tâm. Rồi sau từ chỗ 2 Đồng tốc Kiên cố ấy, sự tương tục nơi Tâm của vị ấy cũng bị gián đoạn, chấm dứt hẳn, không phát sanh tiếp nữa, và sau chỗ Tâm đã tịnh chỉ, mất hẳn ấy, được gọi là: *Diệt tận định*, trong thời gian ấy.

Nếu bậc Bất lai nhập Diệt tận định, khi xuất khỏi Diệt tận định ấy, Tâm Quả Bất lai sanh lên một Sát na Tâm, rồi Tâm lại rơi vào Hữu phần.

Nếu là bậc Ứng cúng nhập Diệt tận định, khi xuất khỏi Diệt tận định ấy, Tâm quả Ứng cúng sanh lên một Sát na Tâm, rồi Tâm mới rơi vào Hữu phần.

Và sau từ đó, Đồng lực Phản khán Trí, là Trí quán xét Diệt tận định ấy, mới hiện hành trong dòng tương tục của bậc Bất lai và bậc Ứng cúng, là vị đã xuất khỏi Diệt tận định.

DỨT PHÂN LOẠI ĐỊNH NHẬP

DỨT MINH QUÁN NGHIỆP XỨ

KÊ SÁCH TẤN (UYYOJANAGĀTHA)

- **Bhāvetabbam pan'iccevam,** – Chính như vậy, nên hành,
- Bhāvanādvayam'uttamam,** 2 Vô thượng Tu tiến,
- Paṭipattiras'assādam,** Vị ngọt sự hành trì,
- Patthayantena sāsane.** Trong Đạo mà người mong.

Nghĩa là:

2 Pháp của Minh quán có nghĩa lý như đã nói trên, là pháp tối thượng sẽ đưa mình cho thoát khỏi luân hồi. Hành giả mong mỗi vị ngọt (là sự thỏa thích trong Vị) của sự hành trì trong Phật giáo, nên nỗ lực Tu tiến, chớ có lười biếng.

Nếu *Pháp Độ (Pāramī - Ba la Mật)* già dặn thì sẽ đạt được *Pháp Chứng ngộ*. Nếu *Pháp Độ* còn non yếu cũng sẽ trở thành *Cận y duyên* cho thành tựu Đạo quả trong đời vị lai.

DỨT BIỆT PHÂN NGHIỆP XỨ NHIẾP

Trong THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP CHƯƠNG IX

KÊ NGÔN DUYÊN KHỞI LUẬN THƯ

– Cārittasobhitavisālakulodayena,
Saddhābhivuddhāparisuddhagūḍodayena,
Nambavhayena paṇidhāya parānukampam,
Yam patthitam Pakaraṇam pariniṭṭhitam.

– Với dòng sanh Đại gia, Tốt đẹp về hạnh tánh,
Với đức hạnh viên tịnh, Tặng thưởng Tín phát sanh,
NAMBA, với tên gọi, Có sở nguyện thương người,
Đã cầu Luận tác nào, Viên thành Luận tác ấy.

Nghĩa là:

Bộ Luận tác nào mà Cận sự nam tên là NAMBA, là người sanh trong dòng quý tộc danh gia, có giới hạnh tốt đẹp, có đức hạnh hoàn toàn thanh tịnh, chẳng hạn như sự tặng thưởng về đức tin.v.v... phát sinh trong dòng tương tục, đã đến thính cầu Tôi, Luận sư ANURUDDHA, hãy sáng tác lên, với sự an trú lòng thương tưởng đến kẻ hậu sinh. Bộ Luận tác ấy cũng viên thành y như ý nguyện.

KÊ NGÔN KẾT THÚC LUẬN THƯ

(PAKARAṆĀVASĀNAGĀTHĀ)

– Puññaena tena vipulena tu Mūlasomam,
Dhaññādhivāsamuditoditamāyugantam,
Paññāvadātaguṇasobhitalajjibhikkhū,
Maññantu Puññavibhavodayamaṅgalāya.

– Với Phước quang đại ấy, Chùa MŪLASOMA,
Hữu phước, Thắng xứ sanh, Cho đến thời thọ tận,
Chư Phúc khú có Tuệ, Tinh bạch đức, có Tàm,
Hãy tưởng nhớ, để Điềm, Nhân sanh mọi Phúc Lộc.

Nghĩa là:

Chư vị Tỳ khưu có Tuệ, tốt đẹp với đức độ trong trắng (là Giới), và có lòng hổ thẹn với điều Ác. Khi học Bộ THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP này, biết rõ Pāli và nghĩa lý như ý muốn, thành tựu như ý nguyện của mình rồi, và có nguyện vọng tôn kính, cúng dường lễ vật đến Luận sư, là tác giả Bộ Luận này, hãy tưởng nhớ đến Chùa MŪLASOMA (NGUYỆT CĂN TỰ), làm nơi tôn kính thay thế Luận sư, vì Luận sư, người sáng tác Bộ THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP đã sống trong Chùa này.

Chùa này là trú xứ của bậc Sa môn hữu phước, có đức độ mà phước quang đại ấy cho phát sanh lên, hãy tôn kính Chùa MŪLASOMA cho đến hết đời sống của mình, để điềm lành, là nhân sanh lên của tất cả Phúc lộc.

Bộ THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP được Luận sư ANURUDDHA sáng tác đặc biệt đã hoàn mãn như vậy.

- Ganthato paññāsādhikāni aṭṭhasatāni samattāni:

Tất cả 850 Tập Kinh được Luận sư đem về tập trung lại trong Bộ này cho hoàn mãn mọi điều.

HOÀN MÃN 9 CHƯƠNG**BỘ THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP**

Chú thích:

BỘ ABHIDHAMMATTHASAṄGAHA (THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP) này, Luận sư ANURUDDHA sáng tác vào khoảng Phật lịch 900, sau khi Giáo thọ sư BUDDHAGHOSA (Phật Âm) dịch toàn bộ Phật ngôn từ ngôn ngữ SIMHALA (Tiếng Tích Lan) thành ngôn ngữ MĀGADHA (Tức tiếng Pāli).

Luận sư là dân thành KĀVILA trong xứ KANDĪ (nay là Tỉnh MADRĀSA thuộc miền Nam Ấn Độ) và đã sáng tác 3 Bộ Luận tác là:

- **BỘ PARAMATTHAVINICCHAYA**
(SIÊU LÝ PHÂN GIẢI LUẬN).
- **BỘ NĀMARŪPAPARICCHEDA**
(DANH SẮC PHÂN ĐỊNH LUẬN).
- **BỘ ABHIDHAMMATTHASAṄGAHA**
(THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP LUẬN).

Trong thời gian mà Luận sư sáng tác 3 Bộ Luận này, Luận sư là vị Giáo thọ sư sống tại Chùa MŪLASOMA, trong đảo Lan̄kā (Xứ TÍCH LAN).

- (– **Seṭṭhe Kañjivāre raṭṭhe,**
Kāvilanagare vare,
Kure sañjātabhūtena,
Bahusuttana yāninā).

Đây là sự nói về tính năng đức độ của Luận sư, cho đến sinh quán của Luận sư nữa. Khi Phật giáo suy đồi, Chùa MŪLASOMA của Luận sư đã trở thành đền thờ của nhóm ngoại giáo tên là: MUNH-NE-SRAM (MUÑNESRĀM), hiện đang còn ở tại Làng LA-WAT trong đảo LANKA cho đến ngày nay.

KÊ CHÚ NGUYÊN (PATTHANĀGĀTHĀ)

- **Puññenetena Nibbānam,** – Do phước này, Níp Bàn,
- Laddhā sandiṭṭhikaṃ idha,** Hiện pháp, đặc hiện tại,
- Paramattham ārādhentu,** Siêu lợi, hãy phở cập,
- Janā sabbepi subbatā.** Cho mọi người Thiện hạnh.

Hoàn mãn tại Nguyên Thủy Tự
ngày 12/02 Canh Ngọ (08/03/1990) _ PL.2534

Dịch giả Ā. DHAMMASĀRO

Luận Sư PHÁP CHẤT

(Chỉnh bản thảo để in ngày 15/04/2011 tại Hayward, CA, USA)

THIỀN VIỆN NGUYÊN THỦY

Số 33A Đường 10_(Nguyễn Thị Định)_ khu phố 1,
Phường Cát Lái, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 3742 0214 _ 0919 105 833

KÊ CHÚ NGUYÊN

- Abhivaḍḍhantu me paññā,	<i>Xin cho Tuệ, Tín, Niệm,</i>
Saddhā sati samādhayo,	<i>Định, Tấn tôi tăng thịnh,</i>
Parakkamo lokassāda,	<i>Trợ Tuệ giác sau này,</i>
Bodhyatthāya param param.	<i>Mà đời đã hy cầu.</i>
- Apattam yāva Buddhattam,	<i>Chừng nào chưa đắc thành,</i>
Paññādhikam bhavāmiham,	<i>Phật tánh, bậc thượng Tuệ,</i>
Jātisarañānikova,	<i>Có trí nhớ tiền kiếp,</i>
Jeṭṭhaseṭṭho nirantaram.	<i>Luôn tối thượng, tối tôn.</i>
- Na jānāmīti vacanam,	<i>Không nói lời không biết,</i>
Na kathemi kudācanam,	<i>Bất kể là kiếp nào.</i>
Yaṃ loke atthi taṃ sippam,	<i>Sở học nào ở đời,</i>
Sabbam jānāmi sādhuḥkam.	<i>Xin khéo biết tất cả.</i>
- Suttamattena yā bhāsā,	<i>Chỉ nghe ngôn ngữ nào,</i>
Samvijjanti anappakā,	<i>Dù có nhiều đến đâu,</i>
Tāsu cheko bhaveyyāmi,	<i>Hãy có Trí rành hết,</i>
Aggappatto susīlavā.	<i>Có Giới tốt tốt đỉnh.</i>
- Natthi natthīti vacanam,	<i>Xin cho Tôi đừng nghe,</i>
Dehi dehīti kalunam,	<i>Tiếng“Không có, không có!”</i>
Kudācanam na suṇomi,	<i>Và Tôi không phải nói,</i>
Na vadeyyāmi so aham.	<i>Câu : “Hãy cho, hãy cho!”</i>
- Kareyyam gāravam garum	<i>Xin kính bậc đáng kính,</i>
Māneyyam mānanāraham	<i>Tôn thờ bậc đáng tôn,</i>
Vandeyyam vandanāraham	<i>Đảnh lễ bậc đáng lễ,</i>
Pūjeyyam pūjanāraham.	<i>Cúng dường bậc đáng cúng.</i>
- Abhijjhā issā macchera,	<i>Tham lam, Tật đố, Lận,</i>
Micchādītthīhi pāpato,	<i>Các Tà kiến, Ác pháp,</i>
Mānakodhā kāmālolā,	<i>Mạn, Nộ, động lòng Dục,</i>
Yāpyarogā gato sadā.	<i>Cả Bệnh đừng đến luôn.</i>

SADDHAMMAJOTIKA DHAMMĀCĀRIYA

MỤC LỤC

	Trang
1. Lời nói đầu	04
2. Chương I: Biệt Phân Tâm Nhiếp	07
<i>Tâm Dục Giới (54 Tâm)</i>	08
<i>Tâm Sắc Giới (15 Tâm)</i>	16
<i>Tâm Vô Sắc Giới (12 Tâm)</i>	17
<i>Tâm Siêu Thế (8 hoặc 40 Tâm)</i>	19
3. Chương II: Biệt Phân Tâm Sở Nhiếp	23
<i>Lược thuyết 52 Tâm Sở</i>	24
<i>Tâm Sở phối hợp</i>	27
<i>Tâm Sở phối hợp Bất định-Nhất định</i>	31
<i>Tâm nhiếp</i>	33
4. Chương III: Biệt Phân Linh Tinh Nhiếp	40
<i>Thọ nhiếp (5 Thọ) - Nhân nhiếp (6 Nhân)</i>	41
<i>Sự nhiếp (14 Sự)</i>	42
<i>Phân loại 10 Sở</i>	45
<i>Tâm có mấy Sự</i>	49
<i>Sự có mấy Tâm</i>	50
<i>Môn nhiếp (6 Môn)</i>	52
<i>Cảnh nhiếp (6 Cảnh)</i>	54
<i>Vật nhiếp (6 Vật)</i>	56
5. Chương IV: Biệt Phân Lộ Nhiếp	59
<i>Lộ Ngũ môn</i>	61
<i>Lộ Ý môn</i>	64
<i>Lộ Kiên cố (đắc Đạo – đắc Thiên...)</i>	65
<i>Sự xác định Đồng tức</i>	72

Chú thích:

BỘ ABHIDHAMMATTHASAṄGAHA (THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP) này, Luận sư ANURUDDHA sáng tác vào khoảng Phật lịch 900, sau khi Giáo thọ sư BUDDHAGHOSA (Phật Âm) dịch toàn bộ Phật ngôn từ ngôn ngữ SĪMHALA (Tiếng Tích Lan) thành ngôn ngữ MĀGADHA (Tức tiếng Pāli).

Luận sư là dân thành KĀVILA trong xứ KANDĪ (nay là Tỉnh MADRĀSA thuộc miền Nam Ấn Độ) và đã sáng tác 3 Bộ Luận tác là:

- **BỘ PARAMATTHAVINICCHAYA**
(SIÊU LÝ PHÂN GIẢI LUẬN).
- **BỘ NĀMARŪPAPARICCHEDA**
(DANH SẮC PHÂN ĐỊNH LUẬN).
- **BỘ ABHIDHAMMATTHASAṄGAHA**
(THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP LUẬN).

Trong thời gian mà Luận sư sáng tác 3 Bộ Luận này, Luận sư là vị Giáo thọ sư sống tại Chùa MŪLASOMA, trong đảo Lan̄kā (Xứ TÍCH LAN).

- (– **Seṭṭhe Kañjivāre raṭṭhe,**
Kāvilanagare vare,
Kure sañjātabhūtena,
Bahusuttana yāninā).

Đây là sự nói về tính năng đức độ của Luận sư, cho đến sinh quán của Luận sư nữa. Khi Phật giáo suy đồi, Chùa MŪLASOMA của Luận sư đã trở thành đền thờ của nhóm ngoại giáo tên là: MUNH-NE-SRAM (MUÑNESRĀM), hiện đang còn ở tại Làng LA-WAT trong đảo LANKA cho đến ngày nay.

KÊ CHÚ NGUYÊN (PATTHANĀGĀTHĀ)

- **Puññenetena Nibbānam,** – Do phước này, Níp Bàn,
- Laddhā sandiṭṭhikaṃ idha,** Hiện pháp, đặc hiện tại,
- Paramattham ārādhentu,** Siêu lợi, hãy phở cập,
- Janā sabbepi subbatā.** Cho mọi người Thiện hạnh.

Hoàn mãn tại Nguyên Thủy Tự
ngày 12/02 Canh Ngọ (08/03/1990) _ PL.2534

Dịch giả Ā. DHAMMASĀRO

Luận Sư PHÁP CHẤT

(Chỉnh bản thảo để in ngày 15/04/2011 tại Hayward, CA, USA)

THIỀN VIỆN NGUYÊN THỦY

Số 33A Đường 10_(Nguyễn Thị Định)_ khu phố 1,
Phường Cát Lái, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 3742 0214 _ 0919 105 833

<i>Tâm nào sanh cho Cá nhân (Người) nào</i>	74
<i>Tâm nào sanh cho Địa giới (Cõi) nào</i>	75
6. Chương V: Biệt Phân Siêu Lộ Nhiếp	78
<i>Tứ pháp Địa (4 Cõi nương sanh)</i>	78
<i>Tứ pháp Tái tục (sanh vào 4 Cõi)</i>	80
<i>Tứ pháp Nghiệp (4 phân loại Nghiệp)</i>	83
<i>Tái tục Tam nhân – Nhị nhân</i>	87
<i>Tứ pháp Tử (4 cách chết)</i>	89
7. Chương VI: Biệt Phân Sắc Nhiếp	97
<i>Lý lược kê Sắc (28 Sắc pháp)</i>	98
<i>Lý phân loại Sắc</i>	103
<i>Lý khởi xứ Sắc (Nhân sanh Sắc)</i>	105
<i>Lý Khối tụ Sắc (Các Khối Sắc)</i>	107
<i>Lý Biến chuyển Sắc (Tái tục, Tử...)</i>	111
<i>Níp Bàn (2 hoặc 3 loại)</i>	115
8. Chương VII: Biệt Phân Tương Tập Nhiếp	118
<i>Bất thiện nhiếp</i>	119
<i>Hỗn tạp nhiếp</i>	123
<i>Giác phần nhiếp</i>	127
<i>Nhất thiết nhiếp</i>	131
9. Chương VIII: Biệt Phân Duyên Nhiếp	135
<i>Lý Y Tương sinh (12 Duyên sinh)</i>	136
<i>Lý Biến xứ (24 Duyên hệ)</i>	140
<i>6 nhóm Duyên</i>	145
<i>Danh pháp duyên Danh pháp (có 6 Duyên)</i>	145
<i>Danh pháp duyên Danh+Sắc (có 5 Duyên)</i>	147
<i>Danh pháp duyên Sắc pháp (có 1 Duyên)</i>	149

<i>Sắc pháp duyên Danh pháp (có 1 Duyên)</i>	150
<i>Chế định+Danh+Sắc duyên Danh pháp (có 2 Duyên)</i>	151
<i>Danh Sắc duyên Danh Sắc (có 6 Duyên)</i>	152
<i>2 loại Chế định (Thế và Danh chế định)</i>	158
10. Chương IX: Biệt Phân Nghiệp Xứ Nhiếp	163
<i>Chỉ nhiếp (40 Đề mục Thiên Chi)</i>	163
<i>10 Biến xứ</i>	164
<i>10 Bất mỹ (Tử thi)+10 Tùy niệm</i>	166
<i>4 Vô lượng (Phạm trú)</i>	168
<i>Vật thực Uế trước tướng+</i>	
<i>Xác định giới+4 Vô sắc</i>	170
<i>5 loại Thắng trí (Thần thông)</i>	175
<i>Minh quán nhiếp (Thiên Quán)</i>	176
<i>10 Minh quán trí</i>	177
<i>7 Biệt tịnh</i>	179
<i>10 Tùy phiền não Minh quán</i>	181
<i>3 Giải thoát môn (Đạo)</i>	184
<i>Phân loại Giải thoát (Quả)</i>	185
<i>Phân loại Cá nhân (Thánh nhân)</i>	186
<i>Phân loại Định nhập (Thánh định)</i>	187
Kệ ngôn Duyên khởi và Kết thúc	190

<i>Tâm nào sanh cho Cá nhân (Người) nào</i>	74
<i>Tâm nào sanh cho Địa giới (Cõi) nào</i>	75
6. Chương V: Biệt Phân Siêu Lộ Nhiếp	78
<i>Tứ pháp Địa (4 Cõi nương sanh)</i>	78
<i>Tứ pháp Tái tục (sanh vào 4 Cõi)</i>	80
<i>Tứ pháp Nghiệp (4 phân loại Nghiệp)</i>	83
<i>Tái tục Tam nhân – Nhị nhân</i>	87
<i>Tứ pháp Tử (4 cách chết)</i>	89
7. Chương VI: Biệt Phân Sắc Nhiếp	97
<i>Lý lược kê Sắc (28 Sắc pháp)</i>	98
<i>Lý phân loại Sắc</i>	103
<i>Lý khởi xứ Sắc (Nhân sanh Sắc)</i>	105
<i>Lý Khối tụ Sắc (Các Khối Sắc)</i>	107
<i>Lý Biến chuyển Sắc (Tái tục, Tử...)</i>	111
<i>Níp Bàn (2 hoặc 3 loại)</i>	115
8. Chương VII: Biệt Phân Tương Tập Nhiếp	118
<i>Bất thiện nhiếp</i>	119
<i>Hỗn tạp nhiếp</i>	123
<i>Giác phần nhiếp</i>	127
<i>Nhất thiết nhiếp</i>	131
9. Chương VIII: Biệt Phân Duyên Nhiếp	135
<i>Lý Y Tương sinh (12 Duyên sinh)</i>	136
<i>Lý Biến xứ (24 Duyên hệ)</i>	140
<i>6 nhóm Duyên</i>	145
<i>Danh pháp duyên Danh pháp (có 6 Duyên)</i>	145
<i>Danh pháp duyên Danh+Sắc (có 5 Duyên)</i>	147
<i>Danh pháp duyên Sắc pháp (có 1 Duyên)</i>	149

<i>Sắc pháp duyên Danh pháp (có 1 Duyên)</i>	150
<i>Chế định+Danh+Sắc duyên Danh pháp (có 2 Duyên)</i>	151
<i>Danh Sắc duyên Danh Sắc (có 6 Duyên)</i>	152
<i>2 loại Chế định (Thể và Danh chế định)</i>	158
10. Chương IX: Biệt Phân Nghiệp Xứ Nhiếp	163
<i>Chỉ nhiếp (40 Đề mục Thiên Chỉ)</i>	163
<i>10 Biến xứ</i>	164
<i>10 Bất mỹ (Tử thi)+10 Tùy niệm</i>	166
<i>4 Vô lượng (Phạm trú)</i>	168
<i>Vật thực Uế trước tướng+</i>	170
<i>Xác định giới+4 Vô sắc</i>	175
<i>5 loại Thắng trí (Thần thông)</i>	176
<i>Minh quán nhiếp (Thiền Quán)</i>	177
<i>10 Minh quán trí</i>	179
<i>7 Biệt tịnh</i>	181
<i>10 Tùy phiền não Minh quán</i>	184
<i>3 Giải thoát môn (Đạo)</i>	185
<i>Phân loại Giải thoát (Quả)</i>	186
<i>Phân loại Cá nhân (Thánh nhân)</i>	187
<i>Phân loại Định nhập (Thánh định)</i>	187
Kệ ngôn Duyên khởi và Kết thúc	190

THĂNG PHÁP LÝ NHIỆP LUẬN
Thượng Tọa Pháp Chất - Luận Sư A Tỳ Đàm
dịch

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Phường Yên Hòa- Quận Cầu Giấy-Hà Nội
ĐT: 04-37822845 - Fax (04).37822841
Email: Nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập : Nguyễn Tường Long
Sửa bản in : Luận Sư A TỲ ĐÀM
Trình bày : Thượng Tọa PHÁP CHẤT
Bìa : Tú Anh

Liên kết: **THIÊN VIỆN NGUYỄN THỦY**

*Số 33A Đường 10_(Nguyễn Thị Định)_ khu phố 1, Phường Cát Lái,
Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh*

Tel: (84-8) 3742 0214 _ 0919 105 833

In lần thứ 1. Số lượng: 1.000 cuốn. Khổ 14cm × 20cm.
Tại Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng, số 100 Lê Đại Hành,
TP. Hồ Chí Minh. Giấy phép xuất bản số: 490-2011/CXB/19-81/TG.
In xong nộp lưu chiểu Quý II-2011